

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm 201...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

Hà Nội, năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	4
1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo	4
1.2. Mục tiêu đào tạo	4
1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:	5
1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.....	5
1.5. Điều kiện tốt nghiệp	5
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	6
2.1. Kiến thức	6
2.2. Kỹ năng.....	6
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm.....	7
PHẦN 3. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA	8
PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo	1
4.2. Khung chương trình đào tạo	1
4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra	1
4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)	8
4.5. Đề cương các học phần.....	11
4.5.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1.....	11
4.5.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2.....	11
4.5.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh.....	16
4.5.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam.....	26
4.5.5. Kỹ năng mềm	36
4.5.6. Pháp luật đại cương	44
4.5.7. Tiếng Anh 1	49
4.5.8. Tiếng Anh 2	57
4.5.9. Tiếng Anh 3	66
4.5.10. Tin học đại cương.....	73
4.5.11. Toán cao cấp.....	78
4.5.12. Kinh tế vi mô	85
4.5.13. Kinh tế vĩ mô	90
4.5.14. Nguyên lý thống kê kinh tế	99
4.5.15. Nguyên lý kế toán.....	104
4.5.16. Quản trị học	111

4.5.17. Marketing căn bản	120
4.5.18. Tài chính tiền tệ	128
4.5.19. Định giá bất động sản	137
4.5.20. Quản trị kinh doanh	148
4.5.21. Quản trị chiến lược	155
4.5.22. Quản trị marketing.....	162
4.5.23. Quản trị tác nghiệp	171
4.5.24. Quản trị nguồn nhân lực	178
4.5.25. Quản trị tài chính	185
4.5.26. Quản trị dự án đầu tư	194
4.5.27. Kinh doanh quốc tế.....	202
4.5.28. Hệ thống thông tin quản lý	209
4.5.29. Hệ thống kiểm soát nội bộ.....	214
4.5.30. Kỹ năng quản trị	224
4.5.31. Kế toán tài chính.....	228
4.5.32. Kiến tập.....	236
4.5.33. Thực hành nghề nghiệp	239
4.5.34. Thực tập tốt nghiệp.....	242
4.5.35. Khóa luận tốt nghiệp	247
Chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp	251
4.5.36. Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản.....	251
4.5.37 Quy hoạch sử dụng đất.....	258
4.5.38. Quản lý khu đô thị	262
4.5.39. Kiến trúc đô thị và cảnh quan.....	268
4.5.40. Đăng kí, thống kê đất đai và bất động sản.....	273
4.5.41. Quản lý điều hành sàn giao dịch & môi giới bất động sản.....	279
4.5.42. Kinh doanh bất động sản	285
4.5.43. Thị trường bất động sản.....	290
4.5.44. Tổ chức thi công xây dựng công trình.....	298
Chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp	303
4.5.45. Khởi sự và tái lập doanh nghiệp	303
4.5.46. Quản trị chất lượng.....	309
4.5.47. Phân tích kinh doanh	315
4.5.48. Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh.....	320
4.5.49. Quản trị sự thay đổi	329
4.5.50. Quản trị công nghệ	335
4.5.51. Quản trị văn phòng	340

4.5.52. Quản trị chuỗi cung ứng	348
4.5.53. Quản trị rủi ro	353
4.5.54. Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh.....	357
4.5.55. Tiếng anh ngành Quản trị kinh doanh	364
4.5.56. Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh.....	369
4.5.57. Kinh tế tài nguyên biển.....	374
4.5.58. Kinh tế tài nguyên và môi trường.....	380
4.5.59. Kinh tế đầu tư	385
4.5.60. Kinh tế phát triển	392
4.5.61. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp.....	397
4.5.62. Thương mại điện tử	405
4.5.63. Tin học ứng dụng.....	413
4.5.64. Phân tích định lượng.....	421
4.5.65. Đầu tư và tài chính bất động sản	427
4.5.66. Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	433
4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình	439
a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy	439

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình:
 - Tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh**
 - Tiếng Anh: **Business Administration**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**
- Mã số: **7340101**
- Thời gian đào tạo: **4 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
 - Tiếng Việt: **Cử nhân Quản trị kinh doanh**
 - Tiếng Anh: **Bachelor of Business Administration**

1.2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh đạt được các mục tiêu sau:

1.2.1 Mục tiêu chung

MT1: Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có chuyên môn sâu về quản trị kinh doanh tổng hợp và quản trị bất động sản. Có kiến thức và năng lực vững vàng về lý thuyết lẫn thực hành đáp ứng yêu cầu của việc phát triển doanh nghiệp một cách bền vững. Đồng thời có kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, có phẩm chất tốt, có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

MT1: Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có chuyên môn sâu về quản trị kinh doanh tổng hợp và quản trị bất động sản. Có kiến thức và năng lực vững vàng về lý thuyết lẫn thực hành đáp ứng yêu cầu của việc phát triển doanh nghiệp một cách bền vững. Đồng thời có kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, có phẩm chất tốt, có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

1.2.1. Mục tiêu cụ thể

MT2: Kiến thức

Đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh có kiến thức chuyên sâu về Quản trị kinh doanh, Quản trị kinh doanh bất động sản như: Quản trị chiến lược, Quản trị nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị marketing, Quản trị rủi ro, Quản trị dự án đầu tư, Quản trị chất lượng, Chiến lược kinh doanh bất động sản, Thị trường bất động sản, Môi giới bất động sản, Quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản, Quy hoạch sử dụng đất, Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản, Kiến trúc đô thị và cảnh quan,... Có kiến thức thực tế và biết vận dụng vào để giải quyết các công việc phức tạp trong doanh nghiệp; tích lũy được khối lượng kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản các quy luật tự

hiện và xã hội trong lĩnh vực quản trị kinh doanh để phát triển kiến thức mới từ đó có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

MT3: Kỹ năng

Có kỹ năng vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công việc như: Xây dựng, tổ chức và thực hiện hiệu quả các kế hoạch kinh doanh; Đưa ra quyết định đúng đắn, kịp thời; Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Quản trị kinh doanh bất động sản.

MT4: Thể hiện được khả năng tổ chức, quản lý, làm việc theo nhóm

MT5: Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình;

MT6: Phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe

Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khỏe phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.

MT7: Đủ khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội theo từng năm.

1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1.5. Điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Kiến thức

KT1: Kiến thức Đại cương

Hiểu được những nguyên lý, kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam để vận dụng trong ngành quản trị kinh doanh. Phân tích được những kiến thức cơ bản của các khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội vận dụng trong quản trị doanh nghiệp.

KT2: Kiến thức Cơ sở ngành

Vận dụng được những kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lí, khoa học công nghệ, luật pháp,... trong lĩnh vực kinh doanh và góp phần tích cực vào nghiên cứu, phát triển doanh nghiệp một cách bền vững.

Áp dụng được các kiến thức về lĩnh vực kinh tế, quản trị, marketing, tài chính, kế toán, thống kê, tài nguyên và môi trường làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu.

KT3: Kiến thức chuyên sâu

Vận dụng các kiến thức vào thực tế công việc chuyên môn ngành Quản trị kinh doanh, theo hai hướng chuyên sâu Quản trị kinh doanh bất động sản và Quản trị kinh doanh tổng hợp; có kỹ năng nghề nghiệp về lĩnh vực Quản trị kinh doanh, theo hai hướng chuyên sâu Quản trị kinh doanh bất động sản và Quản trị kinh doanh để tổng hợp đề giải quyết các vấn đề thực tế.

KT4: Kiến thức Ngoại ngữ và Tin học

+ Đạt trình độ tiếng Anh bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc đạt chứng chỉ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu và tương đương.

+ Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tương đương do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch.

+ Sử dụng được Internet và một số phần mềm chuyên ngành để phục vụ tốt yêu cầu công việc.

2.2. Kỹ năng

KN1: Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: Tìm hiểu, xác định nguyên nhân vấn đề, đề xuất các giải pháp, ra quyết định, lựa chọn giải pháp tối ưu nhất thông qua phân tích, tính toán;

KN2: Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức: Nghiên cứu tài liệu, thu thập, xử lý thông tin về lĩnh vực quản trị kinh doanh tổng hợp và quản trị kinh doanh bất động sản;

KN4: Khả năng điều hành, quản lý công việc: Xây dựng và điều phối công việc có tính khoa học, hợp lý; tham gia tư vấn cho các cá nhân, tổ chức trong lĩnh vực quản trị kinh doanh tổng hợp và quản trị kinh doanh bất động sản;

KN5: Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn: Xây dựng, quản lý các dự án đầu tư bất động sản; quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; quy hoạch các khu đô thị. Thu thập thông tin, phân tích, dự báo, tham gia thực hiện và kiểm tra kế hoạch kinh doanh; tư vấn thiết kế bộ máy quản lý doanh nghiệp phù hợp với từng lĩnh vực kinh doanh; Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đề xuất, tham mưu cho lãnh đạo các biện pháp quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

NL1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

NL2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

NL3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

NL4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

PHẦN 3. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
Kiến thức	KT1	x				x		
	KT2	x		x				x
	KT3		x	x	x		x	x
	KT4			x	x			
Kỹ năng	KN1	x	x	x	x		x	
	KN2	x				x		x
	KN3	x	x	x	x			x
	KN4		x	x	x	x		x
	KN5	x	x	x	x	x	x	x
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	NL1	x				x	x	x
	NL2	x	x		x	x	x	x
	NL3	x		x		x		x
	NL4	x			x	x	x	x

PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	132
Trong đó:	
- Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)	27
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	105
• Kiến thức cơ sở ngành	20
• Kiến thức ngành	73
+ <i>Bắt buộc:</i>	65
+ <i>Tự chọn:</i>	08
• Kiến thức thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	12

4.2. Khung chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết

- TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
I. Kiến thức giáo dục đại cương								
I.1. Lý luận chính trị								
1	LTML2101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Leenin về triết học. Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.	02	22	08	60	
2	LTML2102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lenin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.	03	32	13	90	
3	LTTT2101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương	02	21	09	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.					
4	LTĐL2101	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam và đánh giá được kết quả thực hiện đường lối đó. Vận dụng được kiến thức đã học và giải quyết một số vấn đề lý luận chính trị - xã hội.	03	32	13	90	
I.2	Khoa học xã hội							
5	KTQU2151	Kỹ năng mềm	Trình bày các kiến thức, kỹ năng như kỹ năng giao tiếp bằng cách sử dụng các phương tiện giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để đạt hiệu quả cao. Vận dụng kỹ năng trong quá trình làm việc nhóm như kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy, kỹ năng giải quyết các xung đột... Người học tự phân tích, tổng hợp, đánh giá các kiến thức đã học trong quá trình tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường.	02	19	11	60	
6	LTPL2101	Pháp luật đại cương	Trình bày được các nội dung: Những kiến thức cơ bản nhất về Nhà nước, pháp luật nói chung; và nội dung cơ bản nhất của một	02	20	10	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau.					
I.3	Ngoại ngữ							
7	NNTA2101	Tiếng Anh 1	+ Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng với người tham gia hội thoại có thể hiểu. + Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức. + Từ vựng: có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với tình huống và chủ đề quen thuộc.	03	08	37	90	
8	NNTA2102	Tiếng Anh 2	Trình bày và vận dụng kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.	03	06	39	90	
9	NNTA2103	Tiếng Anh 3	* Ngữ âm: sinh viên có thể phát âm rõ ràng theo hướng dẫn và tự tin hơn trong các hội thoại có hướng dẫn trong và ngoài lớp. *Ngữ pháp: có vốn kiến thức cơ bản và nâng cao về cách diễn đạt	02	06	24	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả người quen và trao đổi những trải nghiệm. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo cấu trúc câu. * Từ vựng: có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp cơ bản và nâng cao hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.					
I.4	Khoa học tự nhiên – Tin học							
10	CTKH2151	Tin học đại cương	Trình bày các kiến thức cơ bản về thông tin, công cụ xử lý thông tin, áp dụng được các phần mềm thông dụng ứng dụng hỗ trợ trong công tác văn phòng, và khai thác Internet. Vận dụng được các kỹ năng có thể sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể: soạn thảo tài liệu, quản lý dữ liệu qua các bảng tính, trình chiếu, khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử, tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng.	02	20	10	60	
11	KDTO2108	Toán cao cấp	Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và	03	25	20	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến, hàm số nhiều biến số,phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành kế toán, bất động sản, quản trị kinh doanh, kinh tế tài nguyên ở trình độ đại học và trình độ cao hơn.					
I.5	Giáo dục thể chất				5			
1.3	Giáo dục quốc phòng - an ninh				8			
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
II.1 Kiến thức cơ sở ngành								
Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc								
12	KTKH2301	Kinh tế vi mô	Hiểu được những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.	03	33	12	90	
13	KTKH2302	Kinh tế vĩ mô	Trình bày được các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.	03	35	10	90	
14	KTPT2301	Nguyên lý thống kê kinh tế	Hiểu được kiến thức cơ bản như: thu thập thông tin thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê,	02	19	11	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.					
15	KTKE2501	Nguyên lý kế toán	Sau khi kết thúc học phần sinh viên cần hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình.	03	30	15	90	
16	MNT101	Quản trị học	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, vận dụng vào bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Từ đó phân tích, tổng hợp, đánh giá vào hoạt động quản trị của các doanh nghiệp.	03	36	09	90	
17	BMA202	Marketing căn bản	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được các vấn đề căn bản về Marketing như: Một số khái niệm cơ bản về marketing, vai trò, chức năng và phân loại marketing; Xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường; Phân tích được hành vi của khách hàng. Từ đó tổng hợp, đánh giá chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược	02	24	06	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			phân phối và chiến lược xúc tiến của doanh nghiệp.					
18	KTTC2304	Tài chính - Tiền tệ	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài chính; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; hiểu được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính. Bên cạnh đó, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.	02	24	06	60	
19	KTTC2305	Định giá bất động sản	Sau khi kết thúc học phần người học cần hiểu được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, mục đích, vai trò và nguyên tắc định giá bất động sản; Vận dụng được các phương pháp định giá phù hợp để xác định giá trị các loại bất động sản; Nắm được quy trình định giá, các nội dung của hồ sơ định giá, các tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản và hiểu về pháp luật trong hoạt động định	02	19	11	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			giá bất động sản. Phân tích được ưu điểm và nhược điểm của từng phương pháp định giá để từ đó lựa chọn được phương pháp định giá phù hợp giúp xác định và ước tính giá trị bất động sản cần thẩm định giá.					
II.2 Kiến thức ngành								
Kiến thức ngành bắt buộc								
20	KTQU2508	Quản trị kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần người học biết, hiểu kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh bao gồm: đối tượng nghiên cứu quản trị kinh doanh, kinh doanh từ đó phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh, hiệu quả kinh doanh. Vận dụng vào hoạt động quản trị kinh doanh trong các doanh nghiệp hiện đại.	03	35	10	90	
21	KTQU2591	Quản trị chiến lược	Sau khi học xong học phần người học hiểu được: nắm vững kiến thức về quản trị chiến lược, môi trường kinh doanh, lợi thế cạnh tranh và chiến lược của doanh nghiệp. Phân tích, đánh giá về việc lựa chọn và thực hiện các chiến lược mà còn đánh giá và điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.	03	36	09	90	
22	KTQU2510	Quản trị Marketing	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được những kiến thức kỹ năng trong việc hoạch định, xây dựng các chính sách chương trình marketing cho doanh nghiệp trên cơ sở phân tích dự báo thị trường; các kỹ năng	02	23	07	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			marketing để phân tích, đánh giá thực thi chiến lược marketing trong doanh nghiệp.					
23	KTQU2511	Quản trị tác nghiệp	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu kiến thức cơ bản về công tác hoạch định và tổ chức quá trình sản xuất trong doanh nghiệp; trình bày các nguyên tắc và phân tích quá trình ra quyết định cho một hệ thống sản xuất tối ưu. Từ đó phân tích, đánh giá, tổng hợp các nội dung về dự báo cầu sản phẩm, thiết kế hệ thống sản xuất và cung cấp dịch vụ, hoạch định năng lực sản xuất, lựa chọn địa điểm, bố trí mặt bằng sản xuất, lập kế hoạch nguyên vật liệu, lên kế hoạch dự trữ.	03	36	09	90	
24	HRM 203	Quản trị nguồn nhân lực	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu các kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực, mối quan hệ của quản trị nguồn nhân lực với các hoạt động khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các hướng tiếp cận về quản trị nguồn nhân lực, phân tích công việc. Từ đó vận dụng vào hoạt động hoạch định nguồn nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực.	03	36	09	90	
25	KTTC2506	Quản trị tài chính	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính nhằm mục đích gia tăng giá trị của công ty. Sau khi học xong	03	30	15	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			học phần này, người học có thể phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp; quản lý tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp; huy động và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; phân bổ vốn và các quyết định về đầu tư; xây dựng chính sách phân phối lợi nhuận phù hợp với doanh nghiệp ở từng giai đoạn; đọc được các báo cáo tài chính và sử dụng thông tin tài chính trong quá trình ra quyết định					
26	KTQU2513	Quản trị dự án đầu tư	Sau khi nghiên cứu học phần Quản trị dự án đầu tư người học trình bày được những kiến thức cơ bản về dự án đầu tư như: Tổng quan về dự án đầu tư; quá trình lập một dự án đầu tư; thẩm định một dự án đầu tư; quản lý dự án đầu tư. Phân tích và xây dựng các mô hình; các yêu cầu và giới hạn mục tiêu của quản lý dự án; khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong quá trình quản trị dự án. Vận dụng các lý thuyết về thiết kế, kế toán, dự toán, quản lý dự án... để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị dự án.	03	32	13	90	
27	KTQU2514	Kinh doanh quốc tế	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được những kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế; phân tích ảnh hưởng các yếu tố	02	22	08	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			môi trường vĩ mô đến kinh doanh quốc gia; môi trường thương mại và đầu tư toàn cầu. Sau khi kết thúc môn học, người học tự phân tích, tổng hợp, đánh giá và đưa ra được chiến lược kinh doanh quốc tế; các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế.					
28	KTQU2515	Hệ thống thông tin quản lý	Sau khi nghiên cứu học phần người học cần hiểu được những kiến thức cơ bản về thông tin và hệ thống thông tin quản lý, cơ sở tổ chức hệ thống thông tin quản lý. Từ đó phân tích các phương pháp quản lý hệ thống thông tin quản lý. Sau khi học người học tự tổng hợp, đánh giá về việc xây dựng kế hoạch thiết kế hệ thống thông tin, hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp, quản lý và phát triển hệ thống thông tin.	03	36	09	90	
29	KTKN2507	Hệ thống kiểm soát nội bộ	Sau khi kết thúc học phần nắm được bản chất, vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. Hiểu được nội dung các quy trình kiểm soát nội bộ chủ yếu trong doanh nghiệp. Vận dụng được các kiến thức đã học để xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp.	03	32	13	90	
30	KTQU2589	Kỹ năng quản trị	Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu được kiến thức cơ bản về nhóm kỹ năng quản trị, các nhóm kỹ năng cá nhân như kỹ	02	21	9	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			năng tư duy, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, những kỹ năng quan hệ với con người. Từ đó vận dụng, phân tích, đánh giá các kỹ năng chuyên biệt cho nghề quản trị như phân tích báo cáo tài chính, xây dựng thương hiệu, lập kế hoạch, ra quyết định.					
31	KTKE2523	Kế toán tài chính	Sau khi kết thúc học phần hiểu được những kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp sản xuất. Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.	03	30	15	90	
32	KTQU2592	Kiến tập	Sau khi kết thúc học phần người học cần hiểu được các kiến thức về các môn cơ sở chuyên ngành quản trị kinh doanh. Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học về hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp được kiến tập. Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.	04		30 ngày	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
33	KTQU2593	Thực hành nghề nghiệp	Sau khi kết thúc học phần người học cần hiểu được các kiến thức về các môn cơ sở chuyên ngành quản trị kinh doanh. Sau quá trình quan sát, học hỏi tại doanh nghiệp thực hành nghề nghiệp, người học tự phân tích, tổng hợp, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp thực tập.	04		30 ng ày	90	
II.3 Thực tập và khóa luận tốt nghiệp								
34	KTQU2719	Thực tập tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần người học cần hiểu được các kiến thức về các môn cơ sở chuyên ngành quản trị kinh doanh. Sau quá trình quan sát, học hỏi tại doanh nghiệp thực tập tốt nghiệp, người học tự phân tích, tổng hợp, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp thực tập.	06		90	180	
35	KTQU2820	Khóa luận tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần người học cần hiểu được toàn bộ kiến thức cơ bản về chuyên ngành quản trị kinh doanh và quản trị kinh doanh bất động sản. Sau đó người học thể hiện những phân tích, tổng hợp đánh giá và đưa những nhận định của mình vào khóa luận tốt nghiệp.	06		90	180	
II.4 Khối kiến thức chuyên sâu								
II.4.1 Quản trị kinh doanh bất động sản								
36	QĐQN2551	Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản	Sau khi kết thúc học phần người học cần hiểu được những kiến thức cơ bản về Quản lý Nhà nước đất đai và bất động sản, Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, Quản lý hành chính nhà nước, Nội dung Quản lý Nhà	03	30	15	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			nước về đất đai và bất động sản giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện từ đó người học tự phân tích, tổng hợp, đánh giá để nghiên cứu Quản lý Nhà nước về đất đai và bất động sản.					
37	QĐKD2552	Quy hoạch sử dụng đất	Sau khi kết thúc học phần Người học hiểu được kiến thức cơ bản về quy hoạch sử dụng đất cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quy hoạch sử dụng đất như: cơ sở khoa học của quy hoạch sử dụng đất, các phương pháp và công nghệ được sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất. Từ đó vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá các kiến thức cơ bản đó vào việc quy hoạch sử dụng đất bền vững tại Việt Nam trong thời điểm hiện nay trong các văn bản pháp luật, các quan điểm, chỉ thị trong quy hoạch.	02	18	12	60	
38	KTQĐ2503	Quản lý khu đô thị	Sau khi kết thúc học phần Người học cần hiểu được kiến thức cơ bản về quản lý đô thị bao quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị, phân tích những nguyên tắc và phương pháp cơ bản trong quản lý đô thị, cơ sở pháp lý về quản lý xây dựng theo quy hoạch. Vận dụng, phân tích và đánh giá Luật giải quyết được một số tình huống trong quản lý nhà nước về đất đai và soạn thảo được 1 số loại văn bản QPPL,	03	33	12	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			VB quản lý hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Vận dụng những công cụ quản lý nhà nước để quản lý bất động sản phù hợp với điều kiện ở Việt Nam.					
39	KTQĐ2504	Kiến trúc đô thị và cảnh quan	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được những nguyên tắc cơ bản thiết kế, quy hoạch, các dạng bố cục, quy tắc sắp xếp và quy luật, quy trình trong thiết kế đô thị và cảnh quan. Từ đó vận dụng, phân tích, tổng hợp đánh giá vào thực tế kiến trúc đô thị.	02	23	07	60	
40	QĐQN2555	Đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được kiến thức và kỹ năng trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến đăng ký , thống kê đất đai và bất động sản. Sau khi học xong học phần này sinh viên vận dụng các quy trình, thủ tục, quy định trong việc thống kê đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, xây dựng quy trình lập hồ sơ địa chính. Đồng thời người học phân tích, tổng hợp, đánh giá được cách thức giải quyết trong các trường hợp có sự biến động sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc chỉnh lý hồ sơ địa chính.	02	20	10	60	
41	KTQU2521	Quản lý điều hành sàn giao dịch và môi giới bất động sản	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết, hiểu được những kiến thức nền tảng về quản lý sàn giao dịch bất động sản và hoạt động môi giới bất động sản.	03	36	09	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			Từ đó vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá các quy trình và kỹ năng môi giới bất động sản, các văn bản pháp luật trong kinh doanh bất động sản vào thực tế hoạt động của các doanh nghiệp bất động sản.					
42	KTQU2522	Kinh doanh bất động sản	Sau khi kết thúc học phần người học cần hiểu những kiến thức cơ bản về bất động sản và thị trường bất động sản. Người học tự phân tích các vấn đề liên quan đến cầu bất động sản, các vấn đề liên quan đến cung bất động sản. Từ đó phân tích, tổng hợp, đánh giá vào thực tế hoạt động kinh doanh tại các doanh nghiệp bất động sản.	03	36	09	90	
43	KTQU2523	Thị trường bất động sản	Sau khi kết thúc học phần người học cần hiểu được những kiến thức về hệ thống pháp luật về thị trường bất động sản, hệ thống thông tin trong thị trường bất động sản. Từ đó vận dụng, phân tích, đánh giá cách xác định giá thành, giá trị bất động sản và thống kê, hồ sơ đăng ký bất động sản.	03	35	10	90	
44	KTQU2594	Tổ chức thi công xây dựng	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu những kiến thức và kỹ năng trong việc tổ chức thi công xây dựng các công trình như công tác thiết kế tổ chức thi công, lập kế hoạch tiến độ thi công các công trình, vận dụng vào việc tổ chức các nghiệp vụ hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất trên công trường xây	03	36	09	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			dựng như kho bãi, giao thông, tổ chức quản lý lao động trên công trường với mục tiêu an toàn, văn minh, chất lượng. Từ đó phân tích, tổng hợp, đánh giá vào thực tế tổ chức thi công xây dựng các doanh nghiệp bất động sản.					
<i>II.4.2 Quản trị kinh doanh tổng hợp</i>								
45	KTQU2525	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về khởi tạo doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp và các thủ tục pháp lý có liên quan, tổ chức doanh nghiệp. Từ đó vận dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá vào thực tế xây dựng kế hoạch kinh doanh, đồng thời người học triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.	03	36	09	90	
46	KTQU2526	Quản trị chất lượng	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu những kiến thức tổng quát về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm. Vận dụng những kiến thức đó vào việc phân tích các phương pháp quản lý chất lượng; Các kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng; Các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn; Phương pháp quản lý chất lượng toàn diện – TQM; Quản lý chất lượng trong một số loại hình doanh nghiệp. Từ đó người học tự tổng hợp, đánh giá các kiến thức về quản lý chất lượng vào công việc thực tế, nâng cao chất lượng, uy	03	36	09	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			tín cho doanh nghiệp.					
47	KTQU2527	Phân tích kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu các kiến thức về phương pháp phân tích tình hình hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Các phương pháp phân tích này được áp dụng trực tiếp vào các loại doanh nghiệp để phân tích, đánh giá tìm ra nguyên nhân tác động đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm giúp cho nhà quản trị, chủ sở hữu công ty và chủ nợ lường trước những khó khăn và thuận lợi của công ty, để từ đó đưa ra quyết định đúng đối với công ty.	03	34	11	90	
48	KTQU2303	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu những kiến thức chung nhất về hợp đồng kinh tế được sử dụng trong kinh doanh: cung cấp quy trình về kí kết, thực hiện hợp đồng cũng như các trách nhiệm liên quan trong hợp đồng. Từ những kiến thức được học người học sẽ vận dụng, phân tích, đánh giá và tự thực hành một số loại hợp đồng được sử dụng trong kinh doanh như: hợp đồng mua bán, hợp đồng vận chuyển, hợp đồng kinh tế dịch vụ và hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh doanh.	02	20	10	60	
49	KTQU2595	Quản trị sự thay đổi	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu những kiến thức cần thiết về sự thay đổi như: khái niệm thay đổi, những áp lực khiến cho tổ chức phải	03	31	14	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			thay đổi... Vận dụng các mô hình quản trị sự thay đổi, quy trình quản trị sự thay đổi, những phản ứng của các cá nhân trong tổ chức trước những thay đổi. Từ đó, người học tự phân tích, tổng hợp, đánh giá các kiến thức về quản trị sự thay đổi để lập được kế hoạch cho sự thay đổi, theo dõi, kiểm soát quá trình thay đổi, đưa ra những chiến lược ứng phó với thay đổi trong tổ chức để đảm bảo hiệu quả cho tổ chức trong quá trình thay đổi.					
50	KTQU2529	Quản trị công nghệ	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu kiến thức và kỹ năng trong việc đánh giá, công nghệ cũng như phân tích năng lực công nghệ dưới góc độ của nhà quản trị. Vận dụng, phân tích, đánh giá để đưa ra các phương án, hướng dẫn cách thức chuyển giao hoặc đổi mới công nghệ một cách khoa học phù hợp với điều kiện của tổ chức và sự phát triển của xu thế trên thế giới.	02	22	08	60	
51	KTQU2530	Quản trị văn phòng	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị văn phòng. Từ đó vận dụng vào hoạt động quản trị văn phòng, soạn thảo và lưu trữ văn bản. Người học tự phân tích, tổng hợp và đánh giá một số nghiệp vụ cơ bản của văn bản, công tác lưu trữ hồ sơ vào	03	36	09	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			công việc trong tương lai.					
52	KTQU2531	Quản trị chuỗi cung ứng	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết, hiểu các kiến thức, kỹ năng về quản trị chuỗi cung ứng. Thông qua học phần người học cần vận dụng vào thiết kế, tổ chức chuỗi cung ứng hàng hóa, tổ chức hoạt động dự trữ hàng hóa, kho bãi, vận chuyển, đóng gói xếp dỡ hàng hóa. Từ đó người học tự phân tích, đánh giá, lường hiệu quả mang lại từ chuỗi cung ứng.	03	36	09	90	
53	KTQU2532	Quản trị rủi ro	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu những kiến thức khái quát về các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp có thể gặp phải và cách thức quản trị các loại rủi ro. Vận dụng những kiến thức cơ bản vào hoạt động phân tích, tổng hợp, đánh giá cách thức đo lường, chuyển đổi các rủi ro nhằm mục tiêu giúp doanh nghiệp có khả năng thích ứng, không chế hoặc biến rủi ro thành cơ hội trong hoạt động kinh doanh của mình.	02	22	08	60	
III. Khối kiến thức tự chọn, thay thế đồ án tốt nghiệp								
III.1 Khối kiến thức tự chọn								
1	KTQU2616	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu các vấn đề đạo đức trong kinh doanh và văn hóa trong môi trường doanh nghiệp. Người học cần vận dụng kiến thức đã học vào việc phân tích, tổng hợp, đánh giá các nguyên nhân và cách thức con	02	22	08	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			người ứng xử, xác lập các quan điểm, quy tắc ứng xử, các hành vi, nghĩa vụ, giải quyết các mâu thuẫn. Từ đó người học tự đề ra những qui định, những chính sách nhằm tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp, xây dựng phong cách quản lý, định hướng đạo đức để quản lý doanh nghiệp có hiệu quả hơn.					
2	KTQU2633	Tiếng anh ngành Quản trị kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết, hiểu những nội dung liên quan đến các lĩnh vực quản trị kinh doanh hiện đại như: cấu trúc của tổ chức, lãnh đạo, sự cạnh tranh, sự nhận biết các nền văn hóa phục vụ cho hoạt động quản trị kinh doanh, đạo đức kinh doanh. Vận dụng những kiến thức đã học, người học tự phân tích, tổng hợp và đánh giá hoạt động quản trị kinh doanh với những sự đổi mới cần thiết.	02	08	22	60	
3	KTQU2634	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần người học biết, hiểu kiến thức, kỹ năng khái quát nhất về giao dịch và đàm phán trong kinh doanh. Người học vận dụng các nguyên tắc trong giao dịch đàm phán, các kiểu đàm phán trong kinh doanh tự phân tích các ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý, văn hóa, xã hội trong quá trình giao dịch đàm phán với đối tác. Phân tích, tổng hợp, đánh giá vào giao dịch đàm phán đồng thời xây dựng tiến trình đàm phán và kỹ	02	22	08	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			thuật đột phá thể gắng trong quá trình đàm phán hay gặp phải.					
4	KTKB2402	Kinh tế tài nguyên biển	Sau khi kết thúc học phần người học Kinh tế Tài nguyên Biển nghiên cứu tài nguyên biển theo cách tiếp cận kinh tế tài nguyên. Theo đó, học phần tập trung làm rõ những vấn đề như: Khái niệm, phân loại tài nguyên biển; Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, đặc điểm của kinh tế tài nguyên biển và tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay.	02	27	03	60	
5	KTTM2301	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Sau khi kết thúc học phần người học cung cấp các khái niệm cơ bản về kinh tế tài nguyên môi trường như ngoại ứng, thuế ô nhiễm tối ưu, thị trường Quota ô nhiễm, đường cong tăng trưởng của tài nguyên, khả năng khai thác tài nguyên bền vững... và vấn đề ứng dụng hệ thống thông tin trong quản lý tài nguyên và môi trường.	02	23	07	60	
6	KTKH2403	Kinh tế đầu tư	Sau khi kết thúc học phần người học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển như bản chất đầu tư phát triển, các nguồn hình thành vốn đầu tư, quản lý đầu tư. Bên cạnh đó, học phần còn làm rõ cơ sở khoa học và nội dung cơ bản của lập, thẩm định dự án đầu tư cũng như đấu thầu trong các dự án đầu tư và quản lý đầu tư. Đặc	02	22	8	60	22

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			biệt, học phần cung cấp hệ thống các chỉ tiêu để phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển.					
7	KTKH2404	Kinh tế phát triển	Sau khi học nghiên cứu học phần học phần giúp sinh viên hiểu được những lý thuyết cơ bản cũng như những kiến thức thực tế về quá trình tăng trưởng và phát triển ở các nước này. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể phân tích và đánh giá được thực trạng nền kinh tế và quá trình phát triển của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế Việt Nam một cách bền vững.	02	24	6	60	
8	KTPT2302	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh.	02	24, 5	3, 5	60	
9	KTQU2506	Thương mại điện tử	Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, cơ sở công	02	24	06	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			nghe của thương mại điện tử và hệ thống thanh toán trong thương mại internet; vấn đề an ninh, bảo mật trong thương mại điện tử và các mô hình giao dịch trong thương mại điện tử hiện nay.					
10	KTPT2404	Tin học ứng dụng	Sau khi nghiên cứu học phần tin học ứng dụng, người học phải trình bày được những kiến thức ứng dụng phần mềm Excel cơ bản trong tổng hợp, xử lý và phân tích các số liệu điều tra. Vận dụng các tiện ích của phần mềm Excel để phân tích các số liệu thống kê và làm các công việc trong công tác quản lý.	02	13	17	60	
11	KTPT2405	Phân tích định lượng	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được cách xây dựng được các mô hình, phân tích mô hình và nâng cao tư duy để đánh giá và dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội qua mô hình kinh tế. Vận dụng toán kinh tế, mô hình kinh tế và dự báo để áp dụng vào trong thực tiễn kinh tế và cụ thể là hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm đưa ra các chiến lược, chính sách và dự báo được các hiện tượng kinh tế xã hội.	02	17	13	60	
III.2 Khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp								
1	KTQU2835	Đầu tư và tài chính bất	Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu những kiến thức về	03	34	11	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
		động sản	tổng quan về đầu tư và tài chính bất động sản và quy trình nghiệp vụ về đầu tư bất động sản. Vận dụng các phương pháp và nguyên tắc đầu tư, tài chính bất động sản vào việc phân tích, tổng hợp, đánh giá để đưa ra các quyết định đầu tư bất động sản.					
2	KTQU2836	Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản vận dụng vào việc tạo lập doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, hoạch định chiến lược kinh doanh bất động sản, quản trị nhân lực, quản trị tài chính, quản trị marketing trong doanh nghiệp kinh doanh bất động sản. Từ đó người học tự phân tích, tổng hợp, đánh giá phục vụ hoạt động nghề nghiệp tương lai.	03	36	09	90	

4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra

CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	NL1	NL2	NL3	NL4
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương														
I.1. Lý luận chính trị														
LTML2101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	X				X	X	X			X		X	
LTML2102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	X				X	X	X			X		X	
LTTT2101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X				X	X	X			X			
LTĐL2101	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	X				X	X	X			X		X	
I.2. Khoa học xã hội														
KTQU2151	Kỹ năng mềm	X							X	X	X	X		
LTPL2101	Pháp luật đại cương	X									X		X	
I.3. Ngoại ngữ														
NNTA2101	Tiếng Anh 1	X		X		X					X			
NNTA2102	Tiếng Anh 2	X				X		X				X		
NNTA2103	Tiếng Anh 3	X		X		X					X			
I.4. Khoa học tự nhiên, tin học														
CTKH2151	Tin học đại cương	X						X		X				
KDTO2108	Toán cao cấp	X												
I.5. Giáo dục thể chất													X	
I.6. Giáo dục quốc phòng-an ninh											X	X		
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp														

CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	NL1	NL2	NL3	NL4		
II.1. Kiến thức cơ sở ngành														
Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc														
KTKH2301	Kinh tế vi mô		X							X		X		
KTKH2302	Kinh tế vĩ mô									X				
KTPT2301	Nguyên lý thống kê kinh tế									X		X		
KTKE2501	Nguyên lý kế toán									X		X		
MNT101	Quản trị học									X	X	X		
BMA202	Marketing căn bản									X		X		
KTTC2304	Tài chính - Tiền tệ		X							X		X		
KTTC2305	Định giá bất động sản		X							X		X		
II.2. Kiến thức ngành														
Kiến thức ngành bắt buộc														
KTQU2508	Quản trị kinh doanh		X			X	X	X	X		X			
KTQU2591	Quản trị chiến lược *		X			X	X	X	X					
KTQU2510	Quản trị Marketing		X			X	X	X	X			X		
KTQU2511	Quản trị tác nghiệp		X			X	X	X	X					
HRM 203	Quản trị nguồn nhân lực *		X			X	X	X	X	X				
KTTC2506	Quản trị tài chính *		X			X	X	X	X	X				
KTQU2513	Quản trị dự án đầu tư		X			X	X	X	X	X				
KTQU2514	Kinh doanh quốc tế		X			X	X	X	X	X				
KTQU2515	Hệ thống thông tin quản lý		X			X	X	X	X	X				
KTKN2507	Hệ thống kiểm soát nội bộ			X		X	X	X	X			X	X	
KTQU2589	Kỹ năng quản trị			X		X	X	X	X	X				

CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	NL1	NL2	NL3	NL4		
KTKE2523	Kế toán tài chính			X		X	X	X	X		X			
KTQU2592	Kiến tập			X		X	X	X	X			X		
KTQU2593	Thực hành nghề nghiệp			X		X	X	X	X				X	
II.3. Thực tập và Đồ án/khóa luận tốt nghiệp														
KTQU2719	Thực tập tốt nghiệp				X						X	X	X	
KTQU2820	Khóa luận tốt nghiệp				X						X	X	X	
II.4.Khối kiến thức chuyên sâu														
II.4.1.Quản trị kinh doanh bất động sản														
QĐQN2551	Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản			X		X	X	X	X		X			
QĐKĐ2552	Quy hoạch sử dụng đất			X		X	X	X	X				X	
KTQĐ2503	Quản lý khu đô thị			X		X	X	X	X		X			
KTQĐ2504	Kiến trúc đô thị và cảnh quan			X		X	X	X	X		X			
QĐQN2555	Đăng ký thông kê đất đai và bất động sản			X		X	X	X	X		X		X	
KTQU2521	Quản lý điều hành sàn giao dịch và môi giới bất động sản			X		X	X	X	X		X	X	X	
KTQU2522	Kinh doanh bất động sản			X		X	X	X	X		X			
KTQU2523	Thị trường bất động sản			X		X	X	X	X				X	
KTQU2594	Tổ chức thi công xây dựng			X		X	X	X	X	X	X	X		
II.4.2. Quản trị kinh doanh tổng hợp														
KTQU2525	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp			X		X	X	X	X					
KTQU2526	Quản trị chất lượng			X		X	X	X	X				X	

CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	NL1	NL2	NL3	NL4
KTQU2527	Phân tích kinh doanh			X		X	X	X	X					
KTQU2303	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh			X		X	X	X	X		X			
KTQU2595	Quản trị sự thay đổi			X		X	X	X	X					
KTQU2529	Quản trị công nghệ			X		X	X	X	X					
KTQU2530	Quản trị văn phòng			X		X	X	X	X					
KTQU2531	Quản trị chuỗi cung ứng			X		X	X	X	X					
KTQU2532	Quản trị rủi ro			X		X	X	X	X					
III	Khối kiến thức bổ trợ, tự chọn													
III.1	Kiến thức tự chọn													
KTQU2616	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp				X		X	X	X	X	X		X	
KTQU2633	Tiếng anh ngành Quản trị kinh doanh				X		X	X	X	X			X	
KTQU2634	Giao dịch và đàm phán kinh doanh		X										X	
KTKB2402	Kinh tế tài nguyên biển		X				X		X				X	
KTTM2301	Kinh tế tài nguyên và môi trường		X											
KTKH2403	Kinh tế đầu tư			X		X					X			X
KTKH2404	Kinh tế phát triển								X				X	
KTPT2302	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh				X		X	X	X	X	X			

CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	NL1	NL2	NL3	NL4		
KTQU2506	Thương mại điện tử				X		X	X	X	X	X			
KTPT2404	Tin học ứng dụng				X		X	X	X	X	X			
KTPT2405	Phân tích định lượng				X		X	X	X	X				
III.2	Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp													
KTQU2835	Đầu tư và tài chính bất động sản			X		X	X	X	X		X		X	
KTQU2836	Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản			X		X	X	X	X		X		X	

4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
I	Khôi kiến thức giáo dục đại cương									
I.1	Lý luận chính trị									
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	LTML2101	2							
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	LTML2102		3						
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LTMT2101			2					
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	LTĐL2101				3				
I.2	Khoa học xã hội									
5	Kỹ năng mềm	KTQU2151	2							
6	Pháp luật đại cương	LTPL2101		2						
I.3	Ngoại ngữ									
7	Tiếng Anh 1	NNTA2101	3							
8	Tiếng Anh 2	NNTA2102		3						
9	Tiếng Anh 3	NNTA2103			2					
I.4	Khoa học tự nhiên – tin học									
10	Tin học đại cương	CTKH2151	2							
11	Toán cao cấp	KDTO2108	3							
I.5	Giáo dục thể chất		1	1	1	1	1			
I.6	Giáo dục quốc phòng-An ninh		8							
II.	Khôi kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
II.1	Kiến thức cơ sở ngành									
	<i>Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</i>									
12	Kinh tế vi mô	KTKH2301	3							
13	Kinh tế vĩ mô	KTKH2302		3						
14	Nguyên lý thống kê kinh tế	KTPT2301		2						
15	Nguyên lý kế toán	KTKE2501			3					

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
16	Quản trị học	MNT101	3							
17	Marketing căn bản	BMA202		2						
18	Tài chính - Tiền tệ	KTTC2304		2						
19	Định giá bất động sản	KTTC2305				2				
	<i>Kiến thức cơ sở ngành tự chọn</i>									
20	Kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2301			2					
21	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	KTPT2302			2					
II.2	<i>Kiến thức ngành</i>									
	<i>Kiến thức ngành bắt buộc</i>									
22	Quản trị kinh doanh	KTQU2508					3			
23	Quản trị chiến lược	KTQU2591					3			
24	Quản trị Marketing	KTQU2510					2			
25	Quản trị tác nghiệp	KTQU2511					3			
26	Quản trị nguồn nhân lực	HRM 203					3			
27	Quản trị tài chính	KTTC2506				3				
28	Quản trị dự án đầu tư	KTQU2513				3				
29	Kinh doanh quốc tế	KTQU2514			2					
30	Hệ thống thông tin quản lý	KTQU2515			3					
31	Hệ thống kiểm soát nội bộ	KTKN2507				3				
32	Kỹ năng quản trị	KTQU2589						2		
33	Kế toán tài chính	KTKE2523				3				
34	Kiến tập	KTQU2592					4			
35	Thực hành nghề nghiệp	KTQU2593							4	
	<i>Kiến thức ngành tự chọn</i>									
36	Thương mại điện tử	KTQU2506			2					
37	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	KTQU2616						2		
II.3	<i>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</i>									
38	Thực tập tốt nghiệp	KTQU2719								6
39	Khóa luận tốt nghiệp	KTQU2820								6
II.4	<i>Khối kiến thức chuyên sâu</i>									
II.4.1	<i>Quản trị kinh doanh bất động sản</i>									

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
40	Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản	QĐQN2551						3		
41	Quy hoạch sử dụng đất	QĐKD2552						2		
42	Quản lý khu đô thị	KTQĐ2503							3	
43	Kiến trúc đô thị và cảnh quan	KTQĐ2504							2	
44	Đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản	QĐQN2555							2	
45	Quản lý điều hành sàn giao dịch và môi giới bất động sản	KTQU2521						3		
46	Kinh doanh bất động sản	KTQU2522							3	
47	Thị trường bất động sản	KTQU2523							3	
48	Tổ chức thi công xây dựng	KTQU2594						3		
II.4.2	<i>Quản trị kinh doanh tổng hợp</i>									
49	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp	KTQU2525						3		
50	Quản trị chất lượng	KTQU2526							3	
51	Phân tích kinh doanh	KTQU2527						3		
52	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	KTQU2303						2		
53	Quản trị sự thay đổi	KTQU2595						3		
54	Quản trị công nghệ	KTQU2529							2	
55	Quản trị văn phòng	KTQU2530							3	
56	Quản trị chuỗi cung ứng	KTQU2531							3	
57	Quản trị rủi ro	KTQU2532							2	
III.	Khối kiến thức bổ trợ, tự chọn									
III.1	<i>Khối kiến thức tự chọn (08/22)</i>									
1	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	KTPT2302	04/12							
2	Tiếng anh ngành Quản trị kinh doanh	KTQU2633								
3	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	KTQU2634								
4	Kinh tế tài nguyên biển	KTKB2402								
5	Kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2301								
6	Kinh tế đầu tư	KTKH2403								
7	Kinh tế phát triển	KTKH2404	04/10							
8	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	KTQU2616								
9	Thương mại điện tử	KTQU2506								
10	Tin học ứng dụng	KTPT2404								

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
11	Phân tích định lượng	KTPT2405								
III.2	<i>Khối kiến thức bổ trợ, thay thế khóa luận</i>									
1	Đầu tư và tài chính bất động sản	KTQU2835								3
2	Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	KTQU2836								3
	Tổng (*) (132/146)		18	17	18	17	18	15	17	12

Ghi chú: (*) Không kể GDTC và GDQP-AN

4.5. Đề cương các học phần

4.5.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1**
 - * Tiếng Anh: **Basic Principles of Marxist Leninism 1**
- Mã học phần: LTML2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 07 tiết
 - * Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về triết học

- *Về kỹ năng*: Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

NL1: Có năng lực nhận thức vấn đề theo thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng và nhân sinh quan cách mạng, góp phần hình thành nhân cách người học theo chuyên ngành được đào tạo.

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Chương 2: Phép biện chứng duy vật
- Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ năm 2007 đến nay), *Giáo trình môn Triết học Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia (2010), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương mở đầu. NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC -LÊNIN	3			3	6	Đọc TLC, từ trang 09 – 23
I. Khái lược về chủ nghĩa Mác – Lênin <i>1. Chủ nghĩa Mác – Lênin và ba bộ phận cấu thành</i> <i>2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác Lênin</i>	2			2	4	
II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin <i>1. Đối tượng, mục đích học tập, nghiên cứu</i> <i>2. Một số yêu cầu cơ bản về phương pháp học tập, nghiên cứu</i>	1			1	2	
Chương 1. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	3		2	5	10	Đọc TLC từ trang 33 – 60, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng <i>1.1.1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học</i> <i>1.1.2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng – hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 1.2.1. Vật chất 1.2.2. Ý thức 1.2.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 1.2.4. Ý nghĩa phương pháp luận	2		1	3	6	
Chương 2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT	9		3	12	24	
2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.1.1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng 2.1.2. Phép biện chứng duy vật	1			1	2	Đọc TLC từ trang 61 - 124, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.2.1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến 2.2.2. Nguyên lý về sự phát triển	2		1	3	6	
2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.3.1. Cái chung và cái riêng 2.3.2. Nguyên nhân và kết quả 2.3.3. Tất nhiên và ngẫu nhiên 2.3.4. Nội dung và hình thức 2.3.5. Bản chất và hiện tượng 2.3.6. Khả năng và hiện thực	2			2	4	
2.4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.4.1. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại 2.4.2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập 2.4.3. Quy luật phủ định của phủ định	2		1	3	6	
2.5. Lý luận nhận thức duy vật	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
biện chứng 2.5.1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức 2.5.2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý						
Chương 3. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	7		2	9	18	
3.1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất 3.1.1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó 3.1.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất	2		1	3	6	Đọc TLC từ trang 125 - 182, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 3.2.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 3.2.2. Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng	1			1	2	
3.3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội 3.3.1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội 3.3.2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội	1			1	2	
3.4. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội 3.4.1. Phạm trù hình thái kinh tế xã hội 3.4.2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế xã hội 3.4.3. Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế xã hội	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp 3.5.1. <i>Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</i> 3.5.2. <i>Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</i>	1			1	2	
3.6. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân 3.6.1. <i>Con người và bản chất của con người</i> 3.6.2. <i>Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân .</i>	1		1	2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22		08	30	60	

4.5.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2**
 - * Tiếng Anh: **Basic Principles of Marxist Leninism 2**
- Mã học phần: LTML2102
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 11 tiết
 - * Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học
- *Về kỹ năng:* vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ kinh tế, chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

- Chương 4,5,6 trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- Chương 7,8 khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội.
- Chương 9 khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ năm 2007 đến nay), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ năm 2007 đến nay), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 4. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ	5		2	7	14	Đọc TLC từ trang 185-217, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá <i>4.1.1. Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hoá</i> <i>4.1.2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá</i>	1		0.5	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Hàng hoá 4.2.1. Hàng hoá và hai thuộc tính hàng hoá 4.2.2. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá 4.2.3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá	2		0.5	2.5	5	
4.3. Tiền tệ 4.3.1. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ 4.3.2. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ	1		0.5	1.5	3	
4.4. Quy luật giá trị 4.4.1. Nội dung và yêu cầu của quy luật giá trị 4.4.2. Tác động của quy luật giá trị	1		0.5	1.5	3	
Chương 5. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ	12		3	15	30	
5.1. Sự chuyển hoá của tiền thành tư bản 5.1.1. Công thức chung của tư bản 5.1.2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản 5.1.3. Hàng hoá sức lao động	2		0.5	2.5	5	Đọc TLC từ trang 218-312, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.2. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư 5.2.1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng	2		1.0	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư 5.2.2. Bản chất của tư bản. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến 5.2.3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư 5.2.4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư 5.2.5. Sản xuất giá trị thặng dư – quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản						
5.3. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản 5.3.1. Bản chất kinh tế của tiền công 5.3.2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong CNTB 5.3.3. Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế	2			2.0	4.0	
5.4. Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản-tích lũy tư bản 5.4.1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản 5.4.2. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản 5.4.3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản	2		0.5	2.5	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.5. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư 5.5.1. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản 5.5.2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội 5.5.3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản	2			2.0	4.0	
5.6. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư 5.6.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận 5.6.2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất 5.6.3. Sự chuyển hoá của giá trị hàng hoá thành giá cả sản xuất 5.6.4. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các giai cấp bóc lột trong chủ nghĩa tư bản	2		1.0	3.0	6	
Chương 6. HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC	5		2	7	14	Đọc TLC từ trang 313-355 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền 6.1.1. Những nguyên nhân chuyển biến của chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh thành chủ nghĩa tư bản độc quyền	2		1.0	3.0	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.1.2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền 6.1.3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền						
6.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 6.2.1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 6.2.2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	1			1.0	2	
6.3. Chủ nghĩa tư bản ngày nay và những biểu hiện mới của nó. 6.3.1. Những biểu hiện mới trong năm đặc điểm của CNTB độc quyền. 6.3.2. Những biểu hiện mới trong cơ chế điều tiết kinh tế của CNTB độc quyền Nhà nước 6.3.3. Những nét mới trong sự phát triển của CNTB hiện đại	1			1.0	2	
6.4. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản 6.4.1. Vai trò của CNTB đối với sự phát triển của nền sản xuất xã	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>hội</i> 6.4.2. Hạn chế của chủ nghĩa tư bản 6.4.3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 7. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	5		2	7	14	Đọc TLC từ trang 358-416, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
7.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 7.1.1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 7.1.2. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 7.1.3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	2		1.0	3	6	
7.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa 7.2.1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó 7.2.2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa 7.2.3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác	2		0.5	2.5	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trong cách mạng XHCN						
7.3. Hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa 7.3.1. Xu hướng tất yếu của sự xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa 7.3.2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội CSCN	1		0.5	1.5	3	
Chương 8. NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	3		2	5	10	
8.1. Xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN 8.1.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa 8.1.2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa	1		0.5	1.5	3	
8.2. Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa 8.2.1. Khái niệm văn hóa, nền văn hóa và nền văn hoá xã hội chủ nghĩa 8.2.2 Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hoá xã hội chủ	1		0.5	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nghĩa</i> 8.2.3. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa						
8.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo 8.3.1. Vấn đề dân tộc và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc 8.3.2. Tôn giáo và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo	1		1.0	2	4	
Chương 9. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG	2			2	4	
9.1. Chủ nghĩa xã hội hiện thực 9.1.1. Cách mạng tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới 9.1.2. Sự ra đời của hệ thống XHCN và những thành tựu của nó	1			1	2	Đọc TLC từ trang 463-488, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
9.2. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết và nguyên nhân của nó 9.2.1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9.2.2. Nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết						
9.3. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội 9.3.1. Chủ nghĩa tư bản – không phải là tương lai của xã hội loài người 9.3.2. Chủ nghĩa xã hội – tương lai của xã hội loài người.	0.5			0.5	1	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	32		13	45	90	

4.5.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Tiếng Việt: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**
- Tiếng Anh: **Ho Chi Minh's Ideology**

Mã học phần: LTTT2101

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

Các học phần tiên quyết/học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 50 phút/ tiết

Nghe giảng lý thuyết:	21tiết
Thảo luận, hoạt động nhóm:	08 tiết
Kiểm tra:	01 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng sáng tạo tri thức môn học, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm :*

NL1: Có lập trường chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Mô tả vắn tắt nội dung ngoài Chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: Chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2013), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. GS.Song Thành (2009), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, NXB Lý luận chính trị.

2. GS. Song Thành (2010), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia , Hà

Nội

3. Ban Tuyên giáo trung ương - Thông tấn xã Việt Nam (2007), *Những mẩu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, NXB Thông tin, Hà Nội

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương mở đầu. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I. Đối tượng nghiên cứu 1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac- Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam II. Phương pháp nghiên cứu 1. Cơ sở phương pháp luận: 2. Các phương pháp cụ thể: III. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên 1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác 2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị	1				2	Đọc TLC trang 9-24 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 1. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.	3		1	4	8	
1.1. Cơ sở hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1.1 Cơ sở khách quan 1.1.2. Nhân tố chủ quan	1				2	Đọc TLC trang 25-56 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.2. Quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chỉ hướng cứu nước. 1.2.2. Thời kỳ từ 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc 1.2.3. Thời kỳ từ 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 1.2.4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng 1.2.5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện 1.3. Giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc 1.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới	2		1		6	viên
Chương 2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC	3		1	4	8	
2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề Dân tộc 2.1.1. Vấn đề dân tộc thuộc địa	1				2	Đọc TLC trang 57-95

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp						Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Cách mạng giải phóng dân tộc 2.2.1.Tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc 2.2.2.Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản 2.2.3.Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo 2.2.4.Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc 2.2.5.Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc 2.2.6.Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực	2		1		6	
Chương 3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.1.1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.1.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC trang 96-127
3.2. Con đường, biện pháp quá độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam 3.2.2. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc bước đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.	1		1	2	4	Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 4. TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	3		1	4	8	
4.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam 4.1.1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.3. Bản chất của Đảng Cộng	2		1	3	6	Đọc TLC trang 128-162 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
sản Việt Nam 4.1.4.Quan niệm về Đảng Cộng sản cầm quyền						
4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh 4.2.1. Xây dựng Đảng - quy luật tồn tại và phát triển của Đảng 4.2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	3		1	4	8	
5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 5.1.1. Vị trí vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng 5.1.2. Lực lượng đại đoàn kết dân tộc 5.1.3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc	2			2	4	Đọc TLC trang 163-203 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.2.1 Vai trò của đoàn kết quốc tế 5.2.2. Lực lượng đoàn kết và hình	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>thức tổ chức</i> 5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế						
Chương 6. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN	3		1	4	8	
6.1. Xây dựng nhà nước thể hiện quyền là chủ và làm chủ của nhân dân <i>6.1.1.Nhà nước của dân</i> <i>6.1.2. Nhà nước do dân</i> <i>6.1.3. Nhà nước vì dân</i> 6.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước <i>6.2.1. Về bản chất giai cấp công nhân của nhà nước</i> <i>6.2.2 Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhâ dân, tính dân tộc của nhà nước</i>	2			2	4	Đọc TLC trang 204-228; Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
6.3. Xây dựng nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ <i>6.3.1 Xây dựng nhà nước hợp hiến, hợp pháp</i> <i>6.3.2. Hoạt động quản lý của nhà nước bằng hiến pháp, pháp luật và trú trọng đưa pháp luật vào</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>cuộc sống</i> 6.4. Xây dựng nhà nước trong sạch hoạt động có hiệu quả 6.4.1. <i>Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài</i> 6.4.2. <i>Đề phòng khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước</i>						
CHƯƠNG 7. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HOÁ, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI	3		2	5	10	
7.1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hoá 7.1.1. <i>Định nghĩa về văn hoá và quan điểm xây dựng nền văn hóa mới</i> 7.1.2. <i>Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hoá.</i> 7.1.3. <i>Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hoá</i>	1			1	2	Đọc TLC trang 229-284. Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
7.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 7.2.1. <i>Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức</i> 7.2.2. <i>Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chí Minh						
7.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới 7.3.1 Quan niệm của Hồ Chí Minh về Con người 7.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược "trồng người"	1		1	2	4	
Cộng	21		9	30	60	

4.5.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam**
Tiếng Anh: **Revolutionary Policies of Vietnamese Communist Party**
- Mã học phần: LTĐL2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

Các học phần tiên quyết/học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
Thảo luận, hoạt động nhóm: 12 tiết
Kiểm tra: 01 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Khoa Lý luận chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam và đánh giá được kết quả thực hiện đường lối đó.
- Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề lý luận chính trị - xã hội.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
 - + Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;
 - + Có năng lực đánh giá và giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo chủ trương, đường lối của Đảng.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hóa; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, HN.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG, HN.
2. Website: www.tapchicongsan.org.vn; www.dangcongsan@cpv.org.vn.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp:

Thuyết trình,

Phát vấn,

Làm việc nhóm,

Bản đồ tư duy

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương mở đầu. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	1			1	2	Đọc TLC, chương mở đầu

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu 1.1.1. Đối tượng nghiên cứu 1.1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu						
1.2. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học 1.2.1. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học 1.2.2. Ý nghĩa của việc học tập môn học						
Chương 1. SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG	4		1	5	10	- Đọc TLC, chương1; -Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam 1.1.1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX 1.1.2. Hoàn cảnh trong nước	2			2	4	
1.2. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1.2.1. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2.2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2.3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	2		1	3	6	
Chương 2. ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH	4		1	5	10	- Đọc TLC, chương2; - Chuẩn bị bài theo

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
QUYỀN (1930-1945)						hướng dẫn của giảng viên.
2.1. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939 2.1.1.Trong những năm 1903-1935 2.1.2.Trong những năm 1936-1939	2			2	4	
2.2. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945 2.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng 2.2.2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền	2		1	3	6	
Chương 3. ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)	4		2	6	12	- Đọc TLC, chương3; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
3.1. Đường lối kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược (1945-1954) 3.1.1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946) 3.1.2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954) 3.1.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm	2		1	3	6	
3.2. Đường lối kháng chiến	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954-1975) 3.2.1. Đường lối trong giai đoạn 1954-1964 3.2.2. Đường lối trong giai đoạn 1965-1975 3.2.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm						
Chương 4. ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA	4		1	5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường 5.1.1. Cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới 5.1.2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới	1		1	2	4	
5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta 5.2.1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản 5.2.2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 5.2.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	2			2	4	
Kiểm tra			1	1	2	SV ôn kiến thức đã học
Chương 6. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ	3		1	4	8	 - Đọc TLC, chương 6; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
6.1. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1985) 6.1.1. Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (1945-1954) 6.1.2. Hệ thống dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (1954-1975) 6.1.3. Hệ thống chuyên chính vô sản theo tư tưởng làm chủ tập thể (1975-1985)	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 6.2.1. Đổi mới tư duy về hệ thống chính trị 6.2.2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 6.2.3. Đánh giá sự thực hiện đường lối	2			2	4	
Chương 7. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI	6		3	9	18	- Đọc TLC, chương7; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa 7.1.1. Thời kỳ trước đổi mới 7.1.2. Trong thời kỳ đổi mới	3		2	5	10	
7.2. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội 7.2.1. Thời kỳ trước đổi mới 7.2.2. Trong thời kỳ đổi mới	3		1	4	8	
Chương 8. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI	3		2	5	10	- Đọc TLC, chương8; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
8.1. Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986 8.1.1. Hoàn cảnh lịch sử 8.1.2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng 8.1.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	1		1	2	4	
8.2. Đường lối đối ngoại, hội	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nhập quốc tế thời kỳ đổi mới 8.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối 8.2.2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế 8.2.3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân						
Cộng	32		13	45	90	

4.5.5. Kỹ năng mềm

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kỹ năng mềm**
Tiếng Anh: **Soft Skills**
- Mã học phần: KTQU2151
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy các ngành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐				
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐			

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:* Hiểu được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và

thực tiễn. Vận dụng được các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực.

▪ **Về kỹ năng:** Biết vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công việc và trong cuộc sống như: quá trình giao tiếp, quá trình giải quyết vấn đề, giải quyết xung đột tại nơi làm việc, kỹ năng lãnh đạo, thực tiễn đi xin việc và hòa nhập với công việc mới.

▪ **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng mềm bao gồm các vấn đề thiết thực và gần gũi, cung cấp cho người học những Kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014), *Giáo trình kỹ năng mềm - Tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác*, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
2. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng tìm việc làm*, NXB Thời đại.
3. Dương Thị Liễu (2013), *Kỹ năng thuyết trình*, NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Oanh (2007), *Làm việc theo nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
2. Dale Carnegie (2008), *Đắc nhân tâm*, Nhà xuất bản Trẻ.
3. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu (2011), *Giáo trình Kỹ năng làm việc nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
4. Huỳnh Phú Thịnh (2009), *Giáo trình Kỹ năng tìm việc làm*, Trường Đại học An Giang.
5. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề giáo dục Kỹ năng sống*, Trường Đại học Sư Phạm.
6. M.S. Rao (2012), *Soft Skills for Students – Classroom to Corporate*, Bhawani Gali..

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒ Phát vấn ☐ Đàm thoại ☐

Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG MỀM	3			3	6	
1.1. Khái niệm Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Phân biệt Kỹ năng mềm với Kỹ năng sống, Kỹ năng cứng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Tầm quan trọng của các Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Giới thiệu một số Kỹ năng mềm cơ bản	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG	6	3		10	20	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
GIAO TIẾP						
2.1. Giao tiếp 2.1.1. Khái niệm và vai trò của giao tiếp 2.1.2. Cấu trúc của giao tiếp 2.1.3. Chức năng của giao tiếp 2.1.4. Phân loại giao tiếp	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.2. Các phương tiện giao tiếp 2.2.1. Ngôn ngữ 2.2.2. Phi ngôn ngữ	2	1		4	8	Đọc TLC 3, chương 1
2.3. Các phong cách giao tiếp 2.3.1. Khái niệm phong cách giao tiếp 2.3.2. Các loại phong cách giao tiếp	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.4. Các Kỹ năng giao tiếp cơ bản 2.4.1. Kỹ năng lắng nghe 2.4.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 2.4.3. Kỹ năng thuyết phục 2.4.4. Kỹ năng thuyết trình 2.4.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản 2.4.6. Kỹ năng viết	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2
2.5. Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp cơ bản vào một số hình thức giao tiếp phổ biến		1		1	2	Đọc TLC 3, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM	4	2		6	12	
3.1. Khái quát về làm việc	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nhóm						
3.2. Xây dựng nhóm làm việc	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.3. Kỹ năng làm việc nhóm 3.3.1. <i>Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề theo nhóm</i> 3.3.2. <i>Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm</i> 3.3.3. <i>Kỹ năng giao tiếp nhóm</i> 3.3.4. <i>Kỹ năng lãnh đạo nhóm</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
3.4. Vận dụng các Kỹ năng làm việc nhóm vào các hoạt động của tổ ch3edức (Tình huống)		1		1	2	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG TÌM KIẾM VIỆC LÀM	7	3		10	20	Đọc TLC 1, chương 2
4.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân và mục tiêu nghề nghiệp 4.1.1. <i>Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân</i> 4.1.2. <i>Kỹ năng xác định mục tiêu nghề nghiệp</i>	1			1	2	
4.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm 4.2.1. <i>Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm mới</i> 4.2.2. <i>Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm trong quá trình làm việc</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc 4.3.1. Tiêu chuẩn bộ hồ sơ xin việc 4.3.2. Các bước chuẩn bị và gửi bộ hồ sơ xin việc 4.3.3. Nghệ thuật viết đơn xin việc 4.3.4. Nghệ thuật viết lý lịch cá nhân	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 2, chương 3
4.4. Kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng 4.4.1. Chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn 4.4.2. Các vòng phỏng vấn 4.4.3. Các hình thức phỏng vấn 4.4.4. Nghệ thuật trả lời phỏng vấn	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 3
4.5. Kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ 4.5.1. Thương lượng về tiền lương 4.5.2. Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.6. Kỹ năng chuẩn bị cho công việc mới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.7. Vận dụng các Kỹ năng tìm kiếm việc làm trong thực tế	0,5	0,5		2		Đọc TLC 2, chương 3
Kiểm tra (thảo luận nhóm)			1	1	2	Đọc TLC 2, chương 3
Cộng	20	8	2	30	60	

4.5.6. Pháp luật đại cương

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Pháp luật đại cương**
Tiếng Anh: **Basic Law**
- Mã học phần: LTPL2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐	
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Pháp luật, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

- + Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung;
- + Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Về kỹ năng:

- + So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;
- + So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau;
- + Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống.

NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 03 chương trình bày về các vấn đề sau:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật;
- Chương 2: Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý;
- Chương 3: Một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2010), *Pháp luật đại cương*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật*; NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội
3. Vũ Quang (2014), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB. Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Lê Thu (2012), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;
2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDDT* ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
3. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*;
4. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012*;
5. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*;
6. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*;
7. Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động năm 2012*;
8. Quốc hội (2014), *Luật hôn nhân và gia đình năm 2014*;
9. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp năm 2014*;
10. Quốc hội (2005), *Luật phòng chống tham nhũng năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2012*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Làm việc nhóm, Tình huống

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	04		02	06	12	
1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước 1.1.1. Nguồn gốc 1.1.2. Bản chất 1.1.3. Hình thức 1.1.4. Chức năng	02		01	03	06	- Đọc TLC 1, Chương I - Đọc TLC 2, Chương II, VI - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật 1.2.1. Nguồn gốc và bản chất 1.2.2. Thuộc tính 1.2.3. Hình thức	02		01	03	06	
Chương 2. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ	05	03		08	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Quy phạm pháp luật 2.1.1. Khái niệm, đặc điểm 2.1.2. Các thành phần cấu thành	01	01		1.5	03	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương VII - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Quan hệ pháp luật 2.2.1. Khái niệm, đặc điểm 2.1.2. Các thành phần cấu thành	01			1.5	03	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương VIII - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.3. Vi phạm pháp luật 2.3.1. Khái niệm, dấu hiệu 2.3.2. Các yếu tố cấu thành	02	02		04	08	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.4. Trách nhiệm pháp lý 2.4.1. Khái niệm 2.4.2. Phân loại	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 3. MỘT SỐ NGÀNH LUẬT CHỦ YẾU TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM	11	02	03	16	32	
3.1. Luật Hiến pháp 3.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh 3.1.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp năm 2013	01		01	02	04	- Đọc TLC 1, Chương IV - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 3 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Luật Hành chính 3.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.2.2. Vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương V - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3. Luật Dân sự 3.3.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.3.2. Quyền sở hữu 3.3.3. Quyền thừa kế	01	02		03	06	- Đọc TLC 1, Chương VII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 5 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.4. Luật Hình sự 3.4.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.4.2. Tội phạm 3.4.3. Hình phạt	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương VI - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 6 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.5. Luật lao động 3.5.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.5.2. Hợp đồng lao động 3.5.3. Bảo hiểm xã hội	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương VIII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 7 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.6. Luật hôn nhân và gia đình 3.6.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.6.2. Chế định kết hôn	01			01	02	- Đọc TLĐT 1, Chương 6 - Đọc TLĐT 8 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.7. Luật kinh tế 3.7.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.7.2. Các loại hình doanh nghiệp	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương IX - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 9 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.8. Pháp luật phòng chống tham nhũng 3.8.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.8.2. Nguyên nhân, điều kiện, tác hại của tham nhũng 3.8.3. Giải pháp phòng chống tham nhũng	04		01	05	10	- Đọc TLĐT 2 - Đọc TLĐT 10 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Kiểm tra			01	01	02	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tổng	20	05	05	30	60	

4.5.7. Tiếng Anh 1

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Tiếng anh 1**
- Tiếng Anh: **English 1**

Mã học phần: NNTA2101

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 8 tiết
- Bài tập: 14 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 21 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

- + Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.
- + Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.

+ Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

- Về kỹ năng:

* Kỹ năng đọc:

- Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.
- Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.
- Miêu tả người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.
- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....
- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối.
- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.
- Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.

- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp.
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: People and places

Module 2: Everyday Life

Module 3: Loves and Hates

Module 4: Eating and Drinking

Module 5: Extraordinary Lives

Module 6: Buying and Selling

Module 7: The world around us

Module 8: Going Places

1. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính: Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). *New Cutting Edge, Elementary*. Harlow: Pearson Longman.
- Tài liệu tham khảo:
 1. Hughes, J., Stephenson, H., & Dummett, P. (2015). *Life (Vietnam Edition)*. National Geographic Learning. Cengage Learning. A1/A1-A2
 2. Thomson, A.J., & Martinet, A.V. (1992). *A practical English Grammar*. Oxford University Press.
 3. Memarzadeh, A. (2007). *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
 4. Esol examinations. (2013). *Preliminary English Test*. Cambridge University Press.
 5. Department of Foreign Language. (2014). *Practice Exercise 1*. Internal circulation. Hanoi University of Natural Resources and Environment.

2. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần:

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

3. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.

- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

4. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

5.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Vấn đáp ☒ Thực hành ☐

6. Nội dung chi tiết và phân phối thời gian:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 1: People and places	1	1	2	4	8	
- Nghe 1: Thông tin cá nhân (p.11) - Nói 1: Hỏi và trả lời về thông tin cá nhân của 4 nhân vật trong bài nghe (p.11) - Viết: Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân (p. 12, 13) - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 1 - Life A1-A2- 1e. Viết về						- Cách sử dụng của động từ To Be - Từ vựng về các thông tin cá nhân (nghề nghiệp, quốc tịch...) - Số đếm trong TA <u>Tự học:</u>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
thông tin cá nhân (p.17) - Nói 2: Giới thiệu ngắn gọn về bản thân mình theo nhóm hoặc cá nhân trước lớp (p. 12,13) - Đọc: Đọc các loại giấy tờ tùy thân để tìm thông tin cá nhân điền vào bảng. (p.14, 15) - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 1 - Life A1-A2- 1c. Đọc thông tin về con người trên thế giới (p.14,15) - Nghe 2: Nghe và điền thông tin còn thiếu vào bảng tóm tắt thông tin (p.16)						Module 2: You and Yours (p20-25)
Module 2: Everyday Life	1	1	2	4	8	
- Đọc: Đọc và làm bài tập theo hướng dẫn (p.28) - Nghe: Nghe và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.29) Tham khảo: Unit 8 - Life A1-8a. Đọc và nghe thông tin về cuộc sống hàng ngày của 1 nhà văn ở Trung Quốc						- Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Hiện tại đơn - Cách nói thời gian trong TA (p.30) - Nói về các

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
(p.94,95) - Nói 1: Thảo luận về cuộc sống hàng ngày của người Úc và so sánh với người Việt Nam (p.29) - Nói 2: Hỏi và trả lời theo cặp về hoạt động hàng ngày (p.31) - Viết: Viết về một ngày điển hình của bản thân (p.31)						hoạt động thường làm vào ngày nghỉ cuối tuần của bản thân
Module 3: Loves and Hates	1	1	2	4	8	
- Nghe: nghe về sở thích của các nhân vật nổi tiếng và làm các hoạt động nghe theo hướng dẫn (p.34) - Đọc: Đọc về cuộc sống của hai ngôi sao và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.36) Tham khảo: Unit 6 - Life A1-6b. Từ vựng và bài đọc về sở thích (p.72,73) - Viết: Viết về sở thích của bản thân: thức ăn/đồ uống; môn thể thao/hoạt động, con vật, đồ vật, hoạt động ưa thích... (p. 35)						- Từ vựng về các hoạt động/môn thể thao ưa thích - Vị trí, ý nghĩa và cách dùng của trạng từ chỉ tần suất trong thì hiện tại đơn - Nói về sở thích cá nhân

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
- Nói 1: Hỏi và trả lời theo cặp về sở thích cá nhân sử dụng trạng từ chỉ tần suất (p.38) - Nói 2: Cách đưa ra lời yêu cầu và đề nghị lịch sự cũng như các cách đáp lại (p.40)						
Module 4: Eating and Drinking	1	1	2	4	8	
- Nghe 1: Nghe một số nhân vật đến từ các quốc gia khác nhau nói về bữa sáng của họ (thói quen, thời điểm, thức ăn...) và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.53) - Đọc: Đọc 6 đoạn văn ngắn về các quan niệm và các lời khuyên về ăn uống; làm các nhiệm vụ theo yêu cầu (p.54) - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 5 - Life A1-A2- 5b. Đọc về top 5 chợ ẩm thực trên thế giới (p.60) - Nói: Làm việc theo cặp, sử dụng các câu hỏi trang 56 để						- Từ vựng về chủ đề ăn uống; tên các loại thực phẩm, đồ ăn - Cách sử dụng các từ chỉ định lượng; phân biệt some và any - Cấu trúc How much / How many - Nói về thói quen ăn uống của bản thân.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
hỏi và trả lời về các chủ đề được nêu (p. 56) Nghe 2: Nghe 3 bài hội thoại về cách gọi món ăn trong nhà hàng và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.58)						Tự học: Module 5: Getting from A to B (p.42-49)
Module 5: Extraordinary Lives	1	1	2	4	8	
- Nói 1: Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời về bản thân hoặc người thân trong gia đình, sử dụng các câu hỏi cho trước (p.61) - Đọc: Đọc về Tim Berners Lee – nhà sáng lập ra trang web và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.62) - Nghe : Nghe Mariene kể về cuộc đời của mình và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.66) Tham khảo: Unit 11 - Life A1-11b. Đọc và nghe một đoạn phỏng vấn người phiêu lưu mạo hiểm (p.132,133) - Nói 2: Làm việc theo						- Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Quá khứ đơn - Động từ có quy tắc và bất quy tắc sử dụng trong thì Quá khứ đơn - Từ vựng về các mốc thời gian (năm, thập niên, thế kỷ) - Chia động từ trong ngoặc để hoàn thành đoạn văn và nghe lại để kiểm tra đáp

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
nhóm. Nói về lần cuối làm một việc gì đó là khi nào (p.65) Viết: Kể vắn tắt về cuộc đời của bản thân tính tới thời điểm hiện tại (p.66)						án (p.63) Nói về một sự kiện đáng nhớ nào đó đã xảy ra với bản thân
Consolidation Modules 1-6 Revision 1			2	2	8	
Progress Test 1		1	1	2		
Module 6: Buying and Selling	1	1	2	4	8	
- Nói 1: So sánh các cặp đồ vật trong tranh sử dụng tính từ cho trước (p.79) - Đọc: Đọc về các khu chợ nổi tiếng nhất thế giới và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.80-81) - Nghe : Nghe 4 tình huống về mua sắm và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.83) - Nói 2: Trình bày ý kiến cá nhân hoặc thảo luận theo cặp/nhóm về các món quà lưu niệm du khách nên mua						- Từ vựng về chủ đề mua sắm - Cấu trúc câu so sánh; các tính từ và trạng từ so sánh bất quy tắc - Cách hỏi và nói giá tiền trong mua sắm - Nghe 6 đoạn hội thoại và hoàn thành

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
khi đến Việt Nam. Chú ý các mẫu câu được sử dụng khi đưa ra ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó và các cách đáp lại khi người nghe đồng tình hoặc phản đối. (p. 84) Tham khảo: Unit 5- Life A1- 5b. Từ vựng và nghe nói về giá cả (p.64)						nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.84) Nói về thói quen mua sắm của bản thân hoặc một khu chợ nổi tiếng ở Việt Nam Tự học: Module 10: Street life (p.86-93)
Module 7: The world around us	1	1	2	4	8	
- Đọc: Đọc các thông tin về thế giới tự nhiên và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.96-97) - Tham khảo: Unit 8- Life A1- 8c. Đọc bài về loài hổ (p.98,99) - Nói: Hoạt động theo cặp, hỏi và trả lời các thông tin về thế giới tự nhiên, sử dụng dạng câu hỏi WH (p.98-99 +102)						- Từ vựng về động vật và thế giới tự nhiên - Động từ khuyết thiếu CAN để nói về khả năng - Các dạng câu hỏi thu thập thông tin (Wh-questions) - Cách sử dụng các mạo từ

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
• Nghe: Nghe về 2 loài vật thân thiết với con người và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p. 100) • Viết : Tìm hiểu các thông tin khoa học về một loài vật yêu thích và viết một đoạn văn ngắn (100–120 từ) để miêu tả loài vật đó						A/AN/THE • Nói về một loài vật yêu thích <u>Tự học:</u> Module 13: <i>Learning for the future</i> (p.86-93)
Unit 8: Going Places	1	1	2	4	8	
Nghe : Nghe bài giới thiệu về thành phố Edinburgh và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.129) • Nói : Làm việc theo cặp / nhóm, lập các bài hội thoại về hỏi và chỉ đường (p.132-133) • Đọc: Đọc các biển báo giao thông và hoàn thành các nhiệm vụ theo yêu cầu (p. 132) • Viết: miêu tả một địa danh nổi tiếng • Tham khảo: Unit 3- Life A1-A2- 3e. Viết về 1 địa danh (p.41)						• Từ vựng về các địa danh và các địa điểm trong thành phố • Cấu trúc và cách dùng của các động từ khuyết thiếu <i>Have to/don't have to và Can/can't</i> • Các giới từ chỉ phương hướng, sự chuyển động (p.130-131) • Các cách hỏi và chỉ đường • Nói về một thành phố/quốc gia yêu thích <u>Tự học:</u>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
						Module 12: A weekend away (p.104-110)
Consolidation Modules 7 -15 Revision 2			2	2	8	
Progress Test 2		1	1	2		
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercise 1		4	1	5	10	
Tổng	8	14	23	45	90	

4.5.8. Tiếng Anh 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần

Tiếng Việt: **Tiếng Anh 2**

Tiếng Anh: **English 2**

- Mã học phần: NNTA2102

- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/ học trước: Tiếng Anh 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết : 5tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 20 tiết
 - Thảo luận : 20 tiết
 - Tự học : 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của môn học

Về kiến thức: Sau khi học xong môn học sinh viên có kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.

Về kỹ năng:

* Kỹ năng đọc:

- Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.
- Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.

- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với những cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.

- Miêu tả người sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.

- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....

- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối

- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng. Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Leisure and Lifestyle

Module 2: Important Firsts

Module 3: At rest, at work

Module 4: Special Occasions

Module 5: Appearances

Module 6: Ambitions and Dreams

Module 7: Countries and cultures

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu bắt buộc: New cutting Edge (Pre- Intermediate)

4.2. Tài liệu bổ trợ:

6. A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English grammar*. Oxford University Press.

7. Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.

8. Esol examinations. 2013. *Preliminary English test*. Cambridge University Press.

9. Department of Foreign Language. 2015. *Practice exercise 1*. Internal circulation. University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Yêu cầu sinh viên thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ được ghi trong đề cương môn học:

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Vấn đáp ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Module 1: Leisure and Lifestyle	1	1	2		4	8	
- Nói: Nói về cách luyện tập để giữ gìn sức khỏe (p.7,8,9) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.10) - Từ vựng: Liên quan đến các hoạt động giải trí. - Nghe: Nghe thông tin và trả lời câu hỏi (p.11)							- Củng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại đơn giản, các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông

- Viết: Viết về thông tin cá nhân dựa theo mẫu (p.13)							tin cá nhân
Module 2: Important Firsts	1	1	2		4	8	
- Nói 1: Trao đổi ngắn về một số hoạt động đã làm trong quá khứ (p.18) - Nghe 1: Nghe thông tin chi tiết về một sự kiện ấn tượng đã xảy ra trong quá khứ, trả lời câu hỏi liên quan (p.10,21) - Nói 2: Kể về những dấu ấn trong quá khứ. - Viết: Viết một đoạn văn kể về những kỷ niệm thời thơ ấu (Có thể chuẩn bị bài viết ở nhà) - Nghe 2 (+ Nói 3): Diễn tả cảm xúc - Từ vựng: Các tính từ miêu tả.							- Thì quá khứ đơn - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ đơn - Từ vựng diễn tả cảm xúc - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ đơn - Các liên từ sử dụng trong văn trần thuật
Module 3: At rest, at work	1	2	1		4	8	
- Đọc: Đọc đoạn văn để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.24,25) - Nói 1: Thảo luận để đưa ra lời khuyên (p.26) - Nói 2: Nói về nhiệm vụ phải làm và khả năng (p.27)							- Cấu trúc và cách sử dụng của các động từ khuyết thiếu: SHOULD; CAN; HAVE TO - Từ vựng về chủ đề công việc hàng ngày và nghề nghiệp

- Nghe: Nghe lấy thông tin để điền vào bảng (p.29) - Nói 3: Thảo luận để đưa ra lời khuyên về lựa chọn công việc phù hợp (p.28,29) - Từ vựng: Hoạt động thường nhật							
Module 4: Special Occasions		2	2		4	8	
- Đọc: Đọc lướt để lấy thông tin về cách thức, truyền thống tổ chức sinh nhật ở một số nước trên thế giới (p.32,33) - Nghe: Nghe về cách đón năm mới và điền thông tin vào bảng (p.36, 37) - Nói (+ nghe 2): Về sắp xếp lịch cá nhân (p.38,39) - Viết: Viết một bức thư mời (Có thể chuẩn bị ở nhà) - Từ vựng: Mốc các sự kiện và các lễ hội đặc biệt.							- Phân biệt cấu trúc và cách sử dụng thì Hiện tại đơn với thì Hiện tại tiếp diễn - Cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn cho một dự định đã được sắp xếp trong tương lai - Từ vựng về Ngày, tháng, năm - Từ vựng về các ngày lễ tết và các hoạt động thường trong các lễ hội đặc biệt.
Consolidation Modules 1-4		3			4		
Progress Test 1: Written test			1				
Module 5: Appearances	1	1	2		4	8	
- Đọc: Đọc để tìm thông tin chính về sự thay đổi về quan điểm về cái đẹp xưa							- Cấu trúc và cách sử dụng của các loại câu so sánh - Từ vựng về mô tả

và nay (p.42,43) - Nghe 1: Nghe mô tả và so sánh về ngoại hình (p.44,45) - Nghe 2: Nghe thông tin chi tiết về mô tả người (p.46,47) - Nói: Mô tả một người nào đó (ngoại hình + tính cách)							ngoại hình và tính cách
Module 6: Ambitions and Dreams	1	2	1		4	8	
- Nghe : Nghe thông tin về 8 nhân vật nổi tiếng - Vocabulary: Cung cấp một số từ vựng về tham vọng, ước mơ và thành quả - Nói: nói về những ước mơ những dự định của mình trong cuộc sống. - Viết : viết về ước mơ nghề nghiệp trong tương lai							Ôn lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn. Phân biệt các trạng từ chỉ thời gian khi sử dụng với hai thì này. - Đặc biệt chú ý về động từ bất quy tắc và quá khứ phân từ.
Module 7: Countries and cultures		2	2		4	8	
- Đọc hiểu về các thông tin địa lý. Đọc đoạn văn để trả lời câu hỏi. - Nghe: Sắp xếp lại câu theo đúng thứ tự. Nghe đoạn hội thoại về cuộc sống của Stuart ở thành thị. - Từ vựng: Liên							- Ôn lại cách sử dụng mạo từ. Từ chỉ số lượng với danh từ đếm được và không đếm được. - Tự học: Module 10+ 11: (p.90-98)

quan đến đặc điểm địa lý. - Nói: Nói về cách chỉ đường. - Viết: Thiệp mời							
Consolidation Modules 5-8		3	1		4	8	
Progress test 2 – Oral Test			4		4	8	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		3	2				Preparation for the final exam
Cộng	5	20	20		45	90	

4.5.9. Tiếng Anh 3

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Tiếng Anh 3**
Tiếng Anh: English 3
- Mã học phần: NNTA2103
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 05 tiết
 - Làm bài tập trên lớp: 11 tiết
 - Thực hành, thực tập, thảo luận: 14 tiết
 - Tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Về kiến thức ngôn ngữ

* *Ngữ âm*: Sinh viên có thể phát âm rõ ràng theo hướng dẫn và tự tin hơn trong các hội thoại có hướng dẫn trong và ngoài lớp.

* *Ngữ pháp*: Có vốn kiến thức cơ bản và nâng cao về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả người quen và trao đổi những trải nghiệm. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo cấu trúc câu.

* *Từ vựng*: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp cơ bản và nâng cao hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

Về các kỹ năng ngôn ngữ

* *Kỹ năng đọc*:

- Đọc hiểu các đoạn văn có độ dài trung bình.
- Rèn luyện kỹ năng đọc lướt nhanh để lấy thông tin chính cho các bài tập đọc hiểu.
- Đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể trong bài đọc.
- Xác định được các kết luận chính được chỉ rõ ra trong các bài báo hay đoạn văn.

* *Kỹ năng nói*:

- Giao tiếp được trong những tình huống cơ bản và hiểu được những hội thoại với những chủ đề trong giao tiếp cơ bản và nâng cao.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề trong tình huống giao tiếp cơ bản và nâng cao.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để trao đổi, chia sẻ và thảo luận về những trải nghiệm trong cuộc sống.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ cơ bản như thảo luận về một chủ đề quen thuộc, hay trao đổi và chia sẻ thông tin với những cách diễn đạt và ngôn ngữ cơ bản.
- Miêu tả tính cách sự vật sự việc, những thay đổi giữa cuộc sống hiện đại và truyền thống, chia sẻ những trải nghiệm của bản thân.
- Trình bày một chủ đề cơ bản về những vấn đề liên quan đến cuộc sống và các tình huống gặp phải, đưa ra lý do và có thể cố thuyết phục người nghe đồng tình theo quan điểm cá nhân.

* *Kỹ năng viết*

- Viết về một chủ đề với những gợi ý
- Viết các cụm từ, các câu cơ bản sử dụng câu điều kiện, câu trực tiếp gián tiếp, động danh từ

- Cách viết lại câu giữa các thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản.

** Kỹ năng nghe*

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến những hoạt động đã xảy ra khi chúng được nói một cách trôi chảy.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách trôi chảy.
- Hiểu được nội dung chính trong các hội thoại hoặc các cuộc thảo luận.

** Các nhóm kỹ năng khác*

- Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (sử dụng từ ngữ đơn giản và ngôn từ rõ ràng).
- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho môn học chuyên ngành của mình.
- Khích lệ sinh viên hỏi đáp và nhận xét đánh giá.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Xác định được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học.
- Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet ...
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- Sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp.
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Old and New

Module 2: Take care

Module 3: Got to have it

Module 4: Choosing the right person

Module 5: Money, money, money

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1, Sarah Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr (2010), *New cutting Edge* (Pre- Intermediate), Pearson Longman

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. A.J.Thomson & A.V. Martinet (1992), *A practical English grammar*, Oxford University Press.
2. Alireza Memarzadeh(2007),*IELTS maximiser speaking*, Oxford University Press.
3. Esol examinations (2013),*Preliminary English test*, Cambridge University Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học;
- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)			Tự học (Giờ)		
	LT	BT	TL, KT			Tổng cộng
Module 1: Old and New	1	2	2	5	10	
- Đọc: <i>The 1900 house</i> (p.80-81) - Nói: Facelift (p.84-85) - Viết: <i>Imagine your life without Internet and mobile phone</i>						-Ngữ pháp: May, might, will, definitely, etc...; - Thời hiện tại sử dụng với if, when, before, etc...

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
						-Từ vựng: Hiện đại và truyền thống -Chủ điểm từ vựng: IF
Module 2: Take care	1	2	2	5	10	
- Nghe: Health helpline (p.89) - Nói 1: Các cuộc hội thoại tư vấn về bệnh tật (p.89) + Đọc: Hazardous History (p.90-91) + Nói 2: Choose the Hero of the Year (p.94) + Viết: Sử dụng các liên từ trong lối văn tường thuật. Kể về một kỷ niệm đáng nhớ.						-Ngữ pháp: used to; thời quá khứ tiếp diễn -Từ vựng: Sức khỏe và tai nạn
Module 3: Got to have it	1	2	2	5	10	
-Đọc: The World’s Most Popular (p.106-107) -Nói 1: Một thương hiệu mà bạn ưa thích hoặc một sản phẩm mà bạn muốn sở hữu -Nói 2: Lập các bài hội thoại về đưa ra các gợi ý (trong những tình huốngnhất định) (p.112)						-Từ vựng: - danh từ chỉ các đồ vật hàng ngày, các cấu trúc câu dung để đưa ra lời gợi ý -Ngữ pháp: Câu bị động (thì Hiện tại đơn; Quá khứ đơn) -Ngữ âm: Các phát âm ED sau động từ
PROGRESS TEST 1		2	1	3	6	
Module 4: Choosing the right person	1	1	3	5	10	
- Nói: Mô tả về các hoạt động thể thao (p.114) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.117) - Từ vựng: Mô tả tính cách cá nhân. - Nghe: Nghe thông tin và điền từ vào chỗ trống						- Cùng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản. Các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(p.115) - Viết: Viết đơn xin việc theo mẫu (p.121)						âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 5: Money, money, money	1	1	2	4	8	
- Nói 1: Chia sẻ về những trải nghiệm đã qua thông qua hội thoại và kể chuyện (p.124, 129) - Nghe 1: Nghe ý chính và điền thông tin vào chỗ trống và trả lời câu hỏi (p.126, 130) - Đọc: các số liệu và ghép thông tin chính với từng đoạn văn (P. 125,127). - Viết: Viết câu sử dụng từ gợi ý.						- Thì quá khứ hoàn thành - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ hoàn thành - Từ vựng về kinh tế và tiền tệ - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ hoàn thành (PII)
Consolidation Modules 1-5			1	1	2	– Đọc và dịch lại bài. Hoàn thành các bài tập đi kèm
PROGRESS TEST 2			1	1	2	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		1		1	2	– Ôn tập theo nội dung cho trước.
Cộng	5	11	14	30	60	

4.5.10. Tin học đại cương

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tin học đại cương**
 - Tiếng Anh: **General Informatics**
- Mã học phần: CTKH2151
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy; các ngành

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết: Toán cao cấp
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Thực hành trên lớp: 9 tiết
 - Kiểm tra : 2 tiết
 - Tự học: 60 giờ

– Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học máy tính và ứng dụng, Khoa Công nghệ Thông tin

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày các kiến thức cơ bản về thông tin, công cụ xử lý thông tin, áp dụng được các phần mềm thông dụng ứng dụng hỗ trợ trong công tác văn phòng, và khai thác Internet.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng được các kỹ năng có thể sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể: Soạn thảo tài liệu; Quản lý dữ liệu qua các bảng tính; Trình chiếu; Khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử; Tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần xây dựng cho sinh viên các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, cấu trúc máy tính, mạng máy tính, phân loại, sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng. Nội dung chính gồm:

- Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet.
- Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành.
- Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

4. Tài liệu học tập

4.1. Sách, giáo trình chính

1. Đỗ Thị Mơ – Dương Xuân Thành, *Giáo trình nhập môn tin học*, NXB Nông nghiệp.
2. *Tự học Microsoft Excel 2010, Tự học PowerPoint 2010* (2012), NXB Văn hóa Thông tin.
3. *Tự học Word 2010* (2011), NXB Hồng Bàng.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Lê Lan Anh, *Giáo trình Tin học đại cương*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Công Tuấn - Công Bình, *20 Bài thực hành MicroSoft Word 2010*, NXB Văn hóa Thông tin.
3. Công Tuấn - Công Bình, *20 Bài thực hành MicroSoft Excel 2010*, NXB Văn hóa Thông tin.
4. Bùi Thế Tâm, 2010, *Giáo trình Tin học đại cương*, NXB Giao thông Vận tải.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, phân tích, xử lý số liệu, đàm thoại, thu thập số liệu, tự học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên phải tham gia giờ trên lớp, tham gia thực hành theo số tiết qui định. Đảm bảo đầy đủ, đạt yêu cầu các bài kiểm tra giữa học kỳ.
- Bài tập: Hoàn thành tất cả các bài tập thực hành trên lớp, bài tập về nhà.
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết, hoàn thiện các bài tập thực hành trên máy tính.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:
Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:
Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối

	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	với sinh viên
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ TIN HỌC	2			1	3	6	
1.1. Thông tin và xử lý thông tin	1				1	2	▪ Đọc TLC [1], TLĐT [1] ▪ SV chuẩn bị các kiến thức cơ bản để nhận biết các thiết bị của máy tính.
1.2. Kiến trúc chung của Máy tính điện tử							
1.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính	0.5				0.5	1	
1.4. Virus tin học và cách phòng chống	0.5						
1.5. Mạng máy tính và Internet				1	1.5	3	
1.6. Ứng dụng của công nghệ thông tin							
CHƯƠNG 2. HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS	2			1	3	6	
2.1. Giới thiệu chung 2.1.1. Khái niệm Hệ điều hành 2.1.2. Chức năng của Hệ điều hành	1				1	2	▪ Đọc TLC [1], TLĐT [1] ▪ SV phải thao tác được với hệ điều hành Windows
2.1.3. Sự phát triển của Hệ điều hành							
2.1.4. Giới thiệu một số Hệ điều hành phổ biến							
2.2. Hệ điều hành Windows 2.2.1. Giao diện của hệ điều hành Windows	1			1	2	4	
2.2.2. Quản lý tệp tin, thư mục							
2.2.3. Quản lý đĩa từ 2.5.4. Thay đổi cấu hình (Control Panel)							
CHƯƠNG 3. PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN.	6		1	3	10	20	
3.1. Giới thiệu màn hình	0.5				0.5	1	- Đọc TLC [2],

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
làm việc							TLĐT [2]
3.2. Các thao tác cơ bản							- SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.3. Thực hiện định dạng văn bản 3.3.1. Định dạng ký tự (Font) 3.3.2. Định dạng đoạn văn bản (Paragraph) 3.3.3. Bao khung và tô nền cho đoạn văn 3.3.4. Đánh chỉ mục tự động đầu đoạn văn bản (Bullets and Numbering) 3.3.5. Chia cột văn bản (Columns) 3.3.6. Định dạng chữ lớn đầu đoạn văn (Drop Cap) 3.3.7. Định dạng Tab	2			1	3	6	
3.4. Chèn các đối tượng vào văn bản 3.4.1. Chèn các kí tự đặc biệt (Symbol) 3.4.2. Chèn chữ nghệ thuật (Word Art) 3.4.3. Chèn ClipArt và hình ảnh 3.4.4. Chèn hộp văn bản (Text box) 3.4.5. Chèn và hiệu chỉnh hình vẽ (Shapes) 3.4.6. Chèn và hiệu chỉnh biểu đồ (Chart) 3.4.7. Chèn và hiệu chỉnh biểu thức toán học(Equantion)	1.5			1	2.5	5	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.5. Bảng biểu 3.5.1. Tạo bảng 3.5.2. Các thao tác trên bảng	1			0.5	1.5	3	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.5.3. Định dạng trên bảng							hướng dẫn của GV
3.5.3. Tính toán trên bảng							
3.6. Một số chức năng khác 3.6.1. Tìm kiếm và thay thế 3.6.2. Đặt chế độ tự động 3.6.3. Kiểm tra chính tả và văn phạm 3.6.4. Tạo bookmark 3.6.5. Tạo mục lục tự động 3.6.6.Trộn thư	0.5			0.5	1	2	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.7. In ấn 3.7.1. Định dạng trang in 3.7.2. Tạo Header and Footer 3.7.3. Ngắt trang 3.7.4. Chèn số trang 3.7.5. Xem trước khi in 3.7.6. Thực hiện lệnh in	0.5				0.5	1	
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 4. XỬ LÝ BẢNG TÍNH VỚI MS EXCEL	6		1	3	10	20	
4.1. Giới thiệu chung về MS Excel 4.1.1. Giới thiệu 4.1.2. Màn hình làm việc 4.1.3. Cấu trúc một Workbook 4.1.4. Cấu trúc một WorkSheet	0.5				0.5	1	
4.1.5. Các kiểu dữ liệu và các toán tử							- Đọc TLC [3], TLĐT [3]
4.2. Các thao tác cơ bản	0.5			0.5	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)		
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
4.2.1. Xử lý trên vùng 4.2.2. Thao tác trên cột và dòng 4.2.3. Các lệnh xử lý tập tin 4.2.4. Các loại địa chỉ sử dụng trong excel							- SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV	
4.3. Các hàm cơ bản trong Excel	3			1.5	4.5	9		
4.3.1.Cách sao chép công thức								
4.3.2. Cú pháp chung của hàm 4.3.3. Cách sử dụng các hàm 4.3.4. Các hàm thông dụng								
4.4. Cơ sở dữ liệu 4.4.1.Khái niệm 4.4.2. Các thao tác trên cơ sở dữ liệu 4.4.3. Các hàm thao tác trên cơ sở dữ liệu	1			0.5	1.5	3		
4.5. Biểu đồ trong Excel	0.5			0.5	1	2		
4.5.1. Các thành phần của biểu đồ 4.5.2. Các bước dựng biểu đồ 4.5.3. Điều chỉnh và định dạng biểu đồ								
4.6. In ấn 4.6.1. Định dạng trang in 4.6.2. Xem văn bản trước khi in 4.6.3. In tài liệu	0.5				0.5	1		
Kiểm tra			1		1	2		
CHƯƠNG 5. TRÌNH DIỄN VỚI MS POWERPOINT	3			1	4	8		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
5.1. Giới thiệu về phần mềm trình diễn	0.5				0.5	1	- Đọc TLC [4] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
5.2. Các thành phần cơ bản của MS PowerPoint							
5.3. Tạo một bản trình bày cơ bản trong MS PowerPoint	0.5			0.5	1	2	
5.4. Cập nhật và định dạng	1.5			0.5	2	4	
5.4.1. Cửa sổ trong các Slide							
5.4.2. Thao tác trên Slide							
5.4.3. Tạo hiệu ứng động và hoạt hình	0.5				0.5	1	
5.5. Thực hiện một buổi trình diễn							
Cộng	19		2	9	30	60	

4.5.11. Toán cao cấp

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Toán cao cấp**

Tiếng Anh: **Advanced Mathematics for Economics.**

- Mã học phần: KDTO2108
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 25tiết
 - Bài tập: 18 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 90giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học đại cương.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành kế toán, bất động sản, quản trị kinh doanh, kinh tế tài nguyên ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn.
- Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành;
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Các kiến thức về ma trận và định thức.
- Các kiến thức về hệ phương trình tuyến tính.
- Các kiến thức về hàm số một biến số.
- Các kiến thức về hàm số nhiều biến số.
- Các kiến thức về cực trị của hàm số nhiều biến số.
- Các kiến thức về phương trình vi phân.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, (2012) *Toán học cao cấp (Tập 1,2,3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.
2. Lê Xuân Hùng- Lê Thị Hương- Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn, (2019), *Bài tập Toán cao cấp*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004, *Bài tập Toán cao cấp (Tập 1,2,3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chú ý nghe giảng, hăng hái phát biểu ý kiến; tự nghiên cứu tài liệu ở nhà, chuẩn bị bài trước khi lên lớp; trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; hoàn thành các qui định đúng thời hạn, chuẩn bị chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet),...
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi¹:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. MA TRẬN VÀ ĐỊNH THỨC	5	3		8	16	
1.1. Ma trận 1.1.1. Các định nghĩa 1.1.2. Các phép toán đối với ma trận 1.1.3. Các phép biến đổi sơ cấp đối với ma trận. Hạng của ma trận	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận.
1.2. Định thức của ma trận vuông. 1.2.1. Khái niệm định thức của ma trận	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về định thức.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.2. Các tính chất của định thức						
1.3. Ma trận nghịch đảo 1.3.1.Khái niệm và cách tính ma trận nghịch đảo 1.3.2. Tính chất của ma trận nghịch đảo	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận nghịch đảo.
CHƯƠNG 2. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH	5	2		7	14	
2.1. Định nghĩa	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ phương trình tuyến tính.
2.2. Hệ phương trình Cramer	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ Cramer.
2.3. Giải hệ phương trình tuyến tính trường hợp tổng quát	2	1		3	6	Giải thành thạo hệ phương trình tổng quát
2.4. Hệ phương trình thuần nhất	1	1		2	4	Khắc sâu hệ thuần nhất
CHƯƠNG 3. HÀM SỐ MỘT BIẾN SỐ	5	5	1	12	23	
3.1. Các hàm số lượng giác ngược 3.1.1. Hàm số $y = \arcsin x$ 3.1.2. Hàm số $y = \arccos x$ 3.1.3. Hàm số $y = \arctan x$	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các hàm số lượng giác ngược

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.4. Hàm số $y = \operatorname{arccot} x$						
3.2. Quy tắc Lôpitan	1	1		2	4	Nắm được Quy tắc Lôpitan và vận dụng được vào việc giải bài tập
3.3. Tích phân suy rộng	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng tích phân suy rộng
3.4. Chuỗi số	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về chuỗi số
3.5. Chuỗi hàm	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về chuỗi hàm
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. HÀM SỐ NHIỀU BIẾN SỐ	3	2		5	10	
4.1. Các khái niệm cơ bản	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các khái niệm của hàm số nhiều biến số
4.2. Giới hạn và tính liên tục	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về giới hạn và tính liên tục của hàm số nhiều biến số
4.3. Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về đạo hàm riêng và vi phân toàn phần
CHƯƠNG 5. CỰC TRỊ CỦA HÀM NHIỀU BIẾN SỐ	3	2		5	10	
5.1. Cực trị không có điều kiện ràng buộc	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về cực trị không có điều kiện ràng buộc
5.2. Cực trị có điều kiện ràng buộc	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về cực trị có

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						điều kiện ràng buộc
CHƯƠNG 6. PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN	4	4	1	8	17	
6.1. Phương trình vi phân cấp 1	2	2		4	8	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng phương trình vi phân cấp 1
6.2. Phương trình vi phân cấp 2	2	2		4	8	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng
Kiểm tra			1	1	2	phương trình vi phân cấp 2
Cộng	25	18	2	45	90	

4.5.12. Kinh tế vi mô

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế vi mô**
 - Tiếng Anh: **Microeconomic**
- Mã học phần: KTKH2301
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Business Management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.
- *Về kỹ năng:*
 - + Kỹ năng nhận thức: Trình bày và hiểu được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau.
 - + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp.
 - + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.
 - + Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Rèn luyện phương pháp làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định.
 - + Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic
 - + Rèn luyện tính chủ động, linh hoạt trong xử lý tình huống phát sinh
 - + Yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh.
 - + Hiểu được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên cần hiểu được những lý thuyết về cầu – cung hàng hóa và giá cả hàng hóa trên thị trường; Lý thuyết về sản xuất (tối đa hóa sản lượng), về chi phí sản xuất (tối thiểu hóa chi phí) và về lợi nhuận (tối đa hóa lợi nhuận); Các lý thuyết về cấu trúc của thị trường hàng hóa (thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo) và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường; Nghiên cứu hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; Phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất; Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; Phân tích những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), *GT Kinh tế vi mô*, Nhà xuất bản xây dựng.
2. PGS.TS Vũ Kim Dũng (2012), *GT Nguyên lý kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.
3. PGS.TS Phí Mạnh Hồng (2013), *Giáo trình Kinh tế vi mô*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
4. PGS.TS Cao Thúy Xiêm (2010), *Kinh tế học vi mô*, NXB Đại học KTQD.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Kim Dũng (2008), *Hướng dẫn thực hành kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.
2. Vũ Kim Dũng và Đinh Thiện Đức (2010), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB văn hóa thông tin.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB Giáo dục.
4. Viện Đại học Mở HN (2009), *GT Kinh tế học vi mô*, NXB Thống kê.
5. Nguyễn Văn Dân (2012), *Kinh tế vi mô*, NXB Tài chính.
6. Robert C. Guell, dịch giả: Nguyễn Văn Dung (2009), *Kinh tế vi mô*, NXB Đồng Nai.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết để làm bài tập ở nhà;
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để hiểu rõ lý thuyết sau đó làm bài tập tại nhà và sửa chữa trên lớp
- Làm các bài kiểm tra bộ phận và thi hết học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

□ □

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT, Tổng cộng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ HỌC	3,5			3,5	7	
1.1. Khái niệm về kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1.
1.2. Phân loại kinh tế học 1.2.1. Phân loại kinh tế học theo cách thức nghiên cứu 1.2.2. Phân loại kinh tế học theo phạm vi nghiên cứu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
1.3. Các vấn đề cơ bản của kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Mười nguyên lý của kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.5. Chi phí cơ hội và đường giới hạn khả năng sản xuất 1.5.1. Chi phí cơ hội 1.5.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.6. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học vi mô	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2. CẦU - CUNG HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG	8	2,5		10,5	21	
2.1. Thị trường 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Phân loại thị trường	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2. Cầu 2.2.1. Một số khái niệm 2.2.2. Luật cầu 2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu 2.2.4. Hàm số cầu và đường cầu 2.2.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cầu	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2
2.3. Cung 2.3.1. Một số khái niệm 2.3.2. Luật cung 2.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cung 2.3.4. Hàm số cung và đường cung 2.3.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cung	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2
2.4. Trạng thái thị trường 2.4.1. Trạng thái cân bằng và sự thay đổi của trạng thái cân bằng 2.4.2. Trạng thái dư thừa và thiếu hụt	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 2
2.5. Hệ số co giãn 2.5.1. Hệ số co giãn của cầu 2.5.2. Hệ số co giãn của cung theo giá	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2; Làm bài tập chương 2
2.6. Một số ứng dụng lý thuyết cung cầu trong việc hoạch định chính sách của chính phủ 2.6.1. Chính sách thuế và trợ cấp 2.6.2. Chính sách kiểm soát giá	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 3. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG	4	2	1,5	7,5	15	
3.1. Lợi ích 3.1.1. Một số khái niệm 3.1.2. Thặng dư tiêu dùng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4
3.2. Đường bàng quan 3.2.1. Khái niệm về đường bàng quan 3.2.2. Tỷ lệ thay thế biên 3.2.3. Mối quan hệ giữa lợi ích biên và tỷ lệ thay thế biên 3.2.4. Đường bàng quan với các sở thích khác nhau	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4
3.3. Đường ngân sách 3.3.1. Khái niệm về đường ngân sách 3.3.2. Tác động của sự thay đổi về thu nhập và giá cả đối với đường ngân sách	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
3.4. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng 3.4.1. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp hình học 3.4.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp số nhân Lagrange 3.4.3. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp trực quan	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
3.5. Ảnh hưởng của thu nhập và giá cả đến sự lựa chọn của người tiêu dùng 3.5.1. Ảnh hưởng của thu nhập đến sự lựa chọn của người tiêu dùng 3.5.2. Ảnh hưởng của giá cả đến sự	0,5	0,5	0,5	1,5	3	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>lựa chọn của người tiêu dùng</i>						chương 3
3.6. Đường cầu thị trường	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI CỦA NHÀ SẢN XUẤT	6,5	2,5		9	18	
4.1. Lý thuyết sản xuất <i>4.1.1. Sản xuất và hàm sản xuất</i> <i>4.1.2. Sản xuất với một yếu tố đầu vào biến đổi</i> <i>4.1.3. Sản xuất với hai yếu tố đầu vào biến đổi</i>	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 4; Làm bài tập chương 4
4.2. Lý thuyết chi phí sản xuất <i>4.2.1. Chi phí kinh tế và chi phí kế toán</i> <i>4.2.2. Chi phí ngắn hạn</i> <i>4.2.3. Chi phí dài hạn</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 4; Làm bài tập chương 4
4.3. Lý thuyết lợi nhuận <i>4.3.1. Khái niệm và phương pháp xác định lợi nhuận</i> <i>4.3.2. Doanh thu biên, chi phí biên và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận tổng quát</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4
4.4. Tối đa hóa doanh thu	1	0,5		1,5	3	Đọc TLĐT 5, chương 5; Làm bài tập chương 4
4.5. Thặng dư sản xuất <i>4.5.1. Khái niệm và phương pháp</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>xác định thặng dư sản xuất</i> 4.5.2. <i>Mối quan hệ giữa thặng dư sản xuất, thặng dư tiêu dùng và hiệu quả xã hội</i>						Làm bài tập chương 4
Chương 5. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN HẢO	4	1		5	10	
5.1. Khái niệm thị trường cạnh tranh hoàn hảo	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
5.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 5
5.3. Quyết định cung của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo 5.3.1. <i>Đường cung ngắn hạn</i> 5.3.2. <i>Đường cung dài hạn</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 5
5.4. Đường cung của ngành 5.4.1. <i>Đường cung ngắn hạn của ngành</i> 5.4.2. <i>Đường cung dài hạn của ngành</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
5.5. Cân bằng dài hạn của ngành cạnh tranh hoàn hảo	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
Chương 6. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH KHÔNG HOÀN HẢO	5	1	0,5	6,5	13	
6.1. Thị trường độc quyền 6.1.1. <i>Khái niệm thị trường độc quyền</i> 6.1.2. <i>Nguyên tắc tối đa hóa lợi</i>	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nhuận của nhà độc quyền</i> 6.1.3. Các cách định giá của nhà độc quyền 6.1.4. Sức mạnh độc quyền và vấn đề phân bổ tài nguyên 6.1.5. Chính sách hạn chế độc quyền						Làm bài tập chương 6
6.2. Thị trường cạnh tranh độc quyền 6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Cân bằng trong ngắn hạn và dài hạn 6.2.3. Cạnh tranh độc quyền và hiệu quả kinh tế	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 6
6.3. Độc quyền tập đoàn 6.3.1. Cân bằng trong thị trường độc quyền tập đoàn 6.3.2. Lý thuyết trò chơi	1		0,5	1,5	3	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 6
Chương 7. VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	2		1	3	6	
7.1. Những thất bại của kinh tế thị trường 7.1.1. Cạnh tranh không hoàn hảo 7.1.2. Ngoại ứng 7.1.3. Hàng hóa công cộng 7.1.4. Bất bình đẳng về kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 10.
7.2. Vai trò của chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 10.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	33	09	3	45	90	

4.5.13. Kinh tế vĩ mô

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế vĩ mô**
 - Tiếng Anh: **Macroeconomic**
- Mã học phần: KTKH2302
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, management business
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 31,5 tiết
 - Bài tập: 11,5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu và phân tích được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế... phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Kỹ năng tư duy*: Có khả năng tư duy để góp phần dự đoán và có định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô.

+ Nhận thức được tầm quan trọng của việc nhận xét, đánh giá nền kinh tế vĩ mô. Nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomic) là một phân ngành của kinh tế học chuyên nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô là hai lĩnh vực chung nhất của kinh tế học. Trong khi kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu về hành vi của các cá thể đơn lẻ như công ty và cá nhân người tiêu dùng, kinh tế học vĩ mô lại nghiên cứu các chỉ tiêu cộng hưởng như GDP, tỉ lệ thất nghiệp, và các chỉ số giá cả để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Học phần bao gồm 7 chương, sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng của một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đỗ Thị Dinh, Nguyễn Gia Thọ, Ngô Thị Duyên, Tống Thị Thu Hòa (2018), *GT Kinh tế vĩ mô*, NXB Tài chính.

2. Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình Nguyên lý Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục

3. Nguyễn Văn Ngọc (2013), *Bài giảng Kinh tế vĩ mô*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục;

2. Nguyễn Văn Dân (2008), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Tài chính;

3. Tổng cục thống kê (2017), Công văn số 325/TCTK-TKQG V/v biên soạn số liệu GDP.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒

Phân tích, xử lý số liệu ☒ Trình bày báo cáo khoa học ☐ Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập;
- Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để làm bài tập ở nhà;
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để hiểu rõ lý thuyết sau đó làm bài tại nhà và sửa chữa trên lớp;
- Làm các bài kiểm tra bộ phận và thi hết học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%;

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU MÔN HỌC VÀ HẠCH TOÁN THU NHẬP QUỐC DÂN	6,5	2,5		9	18	
1.1. Kinh tế vĩ mô là gì ?	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1;
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Các nội dung cơ bản trong kinh tế vĩ mô	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1;
1.4. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	2,5	1,5		4	8	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5. Mối quan hệ giữa GDP, GNP, NNP, NI, Yd	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 1
1.6. GDP và phúc lợi kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2
1.7. Chỉ số giá hàng tiêu dùng	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, phần 2; Làm bài tập chương 1
Chương 2. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	4	0,5		4,5	9	
2.1. Khái niệm và đo lường tăng trưởng kinh tế	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Làm bài tập chương 2
2.2. Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế dài hạn	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, phần 3
2.3. Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng	1			1	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, phần 3
2.4. Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và trên thế giới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3
Chương 3. TỔNG CẦU VÀ TỔNG CUNG	3			3	6	
3.1. Tổng cầu của nền kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
3.2. Tổng cung của nền kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
3.3. Sự cân bằng của sản lượng và mức giá	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6;
3.4. Biến động kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA	4	4		8	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu theo cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 7; Làm bài tập chương 4
4.1.1. Cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu	1,5			1,5	3	
4.1.2. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế giản đơn	0,5	1		1,5	3	
4.1.3. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế đóng	0,5	1		1,5	3	
4.1.4. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế mở	0,5	1		1,5	3	
4.2. Chính sách tài khoá	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7;
Chương 5. TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	4	3		7	14	
5.1. Khái niệm, chức năng và phân loại tiền	0,5			1	2	Đọc TLC 1, chương 8;
5.2. Hệ thống ngân hàng	0,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8
5.3. Cung tiền	1	1,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8; Làm bài tập chương 5
5.4. Cầu tiền	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8;
5.5. Cân bằng thị trường tiền tệ	0,5	1		1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Làm bài tập chương 5
5.6. Chính sách tiền tệ	0,5	0,5		0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, phần 3
5.7. Sự tương tác giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ	0,5			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
Chương 6. LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP	6	1,5		7,5	15	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.1. Lạm phát	2,5	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 9;
6.1.1. Khái niệm và đo lường lạm phát	0,5	1		1	2	Làm bài tập chương 6
6.1.2. Phân loại lạm phát	0,5			0,5	1	
6.1.3. Nguyên nhân gây ra lạm phát	1			1	2	
6.1.4. Tác động của lạm phát	0,5			0,5	1	
6.2. Thất nghiệp	2,5	0,5		3	6	Đọc TLC 1, chương 5;
6.2.1. Khái niệm và đo lường thất nghiệp	0,5	0,5		1	2	Làm bài tập chương 6
6.2.2. Phân loại thất nghiệp	1,5			1,5	3	
6.2.3. Tác động của thất nghiệp	0,5			0,5	1	
6.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp	1			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9
Chương 7. KINH TẾ VĨ MÔ CỦA NỀN KINH TẾ MỞ	4			4	8	
7.1. Cán cân thanh toán	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.2. Tỷ giá hối đoái	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.3. Các hệ thống tỷ giá hối đoái	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10;
7.4. Tỷ giá hối đoái và cán cân thương mại	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.5. Các chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10; Đọc TLC 2, phần 3
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	31,5	11,5	02	45	90	

4.5.14. Nguyên lý thống kê kinh tế

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nguyên lý thống kê kinh tế**
 - Tiếng Anh: **Principles of Economic Statistics**
- Mã học phần: KTPT2301
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị kinh doanh
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 70 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Hiểu được kiến thức cơ bản như: thu thập thông tin thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.
- *Về kỹ năng*: Rèn luyện kỹ năng thống kê khoa học, vận dụng các chỉ tiêu thống kê thông dụng, phân tích, đánh giá tình hình và có kỹ năng dự báo các biến động của hiện tượng kinh tế. Rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:
 - + Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
 - + Giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
 - + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần Nguyên lý thống kê kinh tế được phân bổ thành 5 chương giới thiệu những vấn đề cơ bản trong quá trình thống kê như thu thập thông tin, tổng hợp và xử lý các số liệu thống kê, phân tích, đánh giá và dự báo trên cơ sở những thông tin đã được xử lý. Cụ thể:

Chương 1. Tổng quan về nguyên lý thống kê: giới thiệu những kiến thức chung thống kê, học phần nguyên lý thống kê, khái niệm thường dùng trong thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê và một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê.

Chương 2. Thu thập thông tin thống kê: giới thiệu những kiến thức về thông tin thống kê, thu thập thông tin thống kê, bao gồm: khái niệm, các hình thức tổ chức, phương pháp thu thập thông tin thống kê, phương pháp chọn mẫu.

Chương 3. Tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê: giới thiệu các kiến thức về phân tổ thống kê, bảng thống kê, đồ thị thống kê.

Chương 4. Các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng: giới thiệu những kiến thức về các chỉ số so sánh, các chỉ tiêu thể hiện điển hình, các chỉ tiêu đánh giá mức độ điển hình của số bình quân và cách sử dụng phần mềm SPSS trong tính toán các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng.

Chương 5. Dự báo thống kê: giới thiệu các phương pháp dự báo dựa trên dãy số biến động thời gian và phương pháp chỉ số trong phân tích sự biến động của các hiện tượng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

(1) Phan Công Nghĩa, Bùi Đức Triệu (2014), *Giáo Trình thống kê Kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

(2) Khoa Thống kê, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, *Giáo trình Lý thuyết thống kê* (2014), NXB ĐH Kinh tế Quốc dân

(3) Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

(1) Nguyễn Thị Kim Thúy (2008), *Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ*, NXB thống kê,

(2) Chu Văn Tuấn, Phạm Thị Kim Vân (2008), *Lý thuyết thống kê và phân tích dự báo*, NXB Tài chính.

(3) Hoàng Trọng - Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2009), *Bài tập & Bài giải Thống kê ứng dụng trong Kinh tế - xã hội*, NXB Thống kê..

(4) Tổng cục thống kê (2008), *Từ điển thống kê*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☐	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác ☐
☐	☐	☐	☐	☐	

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Vấn đáp ☐	Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	B T	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ	3			3	8	
1.1 Khái niệm về thống kê 1.1.1 Định nghĩa về thống kê 1.1.2 Nhiệm vụ của thống kê	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1

1.2 Giới thiệu về học phần nguyên lý thống kê 1.2.1 Khái niệm về nguyên lý thống kê 1.2.2 Đối tượng nghiên cứu của nguyên lý thống kê 1.2.3 Phương pháp nghiên cứu của nguyên lý thống kê						Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.3 Một số khái niệm thường dùng trong thống kê 1.3.1 Tổng thể thống kê, đơn vị tổng thể, mẫu, đơn vị mẫu, quan sát 1.3.2 Tiêu thức thống kê, lượng biến, tần số, tần suất 1.3.3 Chỉ tiêu thống kê 1.3.4 Các loại thang đo	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.4 Quá trình nghiên cứu thống kê 1.4.1 Điều tra thống kê 1.4.2 Xử lý và tổng hợp thống kê 1.4.3 Phân tích và dự đoán thống kê 1.5 Một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê 1.5.1 Phần mềm SAS 1.5.2 Phần mềm STATA 1.5.3 Phần mềm Microsoft Excel 1.5.4 Phần mềm SPSS	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
CHƯƠNG 2. THU THẬP DỮ LIỆU THỐNG KÊ	3	1		4	10	
2.1 Khái niệm về dữ liệu thống kê 2.1.1 Định nghĩa về dữ liệu thống kê 2.1.2 Phân loại dữ liệu thống kê	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 2
2.2 Thu thập dữ liệu thống kê	1	0,		1,5	5	Đọc TLC 2,

2.2.1 Khái niệm về thu thập dữ liệu thống kê 2.2.2 Hình thức tổ chức thu thập dữ liệu thống kê 2.2.3 Phương pháp thu thập dữ liệu thống kê 2.2.4 Sai số trong thu thập dữ liệu thống kê		5				chương 2
2.3 Phương pháp chọn mẫu 2.3.1 Khái niệm về chọn mẫu 2.3.2 Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên 2.3.3 Phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên 2.3.4 Phương pháp tổ chức điều tra chọn mẫu 2.3.5 Sai số trong điều tra chọn mẫu	1, 5	0, 5		2	4	Đọc TLC 2, chương 2, 5
CHƯƠNG 3. TỔNG HỢP VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU THỐNG KÊ	4	2		6	10	
3.1 Phân tổ thống kê 3.1.1 Khái niệm về phân tổ thống kê 3.1.2 Tiêu thức phân tổ thống kê 3.1.3 Các phương pháp phân tổ thống kê	2	1		3	2	Đọc TLC 2, chương 3
3.2 Bảng thống kê 3.2.1 Khái niệm về bảng thống kê 3.2.2 Phân loại bảng thống kê 3.2.3 Yêu cầu và qui ước xây dựng bảng thống kê 3.2.4 Thao tác trình bày bảng thống kê trên SPSS	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 3, chương 2
3.3 Đồ thị thống kê	1			1	4	Đọc TLC 2,

3.3.1 Khái niệm về đồ thị thống kê						chương 3 Đọc
3.3.2 Phân loại đồ thị thống kê						TLC 3, chương
3.3.3 Yêu cầu khi xây dựng đồ thị thống kê						2
3.3.4 Thao tác vẽ đồ thị thống kê trên SPSS						
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4. CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH MỨC ĐỘ CỦA HIỆN TƯỢNG	4	3		7	20	
4.1 Các chỉ tiêu so sánh						
4.1.1 Số tuyệt đối	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 4
4.1.2 Số tương đối						
4.2 Các chỉ tiêu thể hiện diễn hình						
4.2.1 Số bình quân cộng						
4.2.2 Số bình quân nhân	1,	1,		3	6	Đọc TLC 2, chương 4
4.2.3 Trung vị	5	5				
4.2.4 Mốt						
4.3 Các chỉ tiêu đánh giá mức độ diễn hình của số bình quân						
4.3.1 Khoảng biến thiên						
4.3.2 Độ lệch tuyệt đối bình quân	1			1	7	Đọc TLC 2, chương 4
4.3.3 Phương sai						
4.3.4 Độ lệch chuẩn						
4.3.5 Hệ số biến thiên						
4.4 Thao tác tính toán một số chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng trên SPSS						
4.4.1 Mô tả dữ liệu Frequencies	0,	0,		1	3	Đọc TLC 3, chương 3
4.4.2 Mô tả dữ liệu Descriptives	5	5				
CHƯƠNG 5. DỰ BÁO THỐNG KÊ	5	3		8	22	
5.1 Phân tích dãy số thời gian và dự báo	2	1,		3,5	11	Đọc TLC 2,

5.1.1 Khái niệm và phân loại dãy số thời gian		5				chương 13
5.1.2 Các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian						
5.1.3 Một số mô hình dự báo theo dãy số thời gian						
5.2 Phương pháp chỉ số						
5.2.1 Khái niệm và phân loại chỉ số						
5.2.2 Chỉ số cá thể		1, 5		4,5	11	Độc TLC 2, chương 14
5.2.3 Chỉ số tổng hợp	3					
5.2.4 Một số chỉ số thường gặp trong thực tế						
Kiểm tra			1	1		
Tổng cộng	19	9	2	30	70	

4.5.15. Nguyên lý kế toán

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nguyên lý kế toán**
 - Tiếng Anh: **Principles of Accounting**
- Mã học phần: KTKE2501
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị kinh doanh
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình.

- *Về kỹ năng:*

- + *Kỹ năng về nhận thức:* Hiểu được bản chất của kế toán, các phương pháp kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu và toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể.

- + *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.

- + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành.

- + *Kỹ năng tư duy:* Tổng hợp và đánh giá khái quát được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Từ các báo cáo tài chính có thể cung cấp được các thông tin khái quát về tình hình tài chính giúp cho doanh nghiệp có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- + Hiểu được công việc về kế toán, từ đó có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

- + Hiểu được tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm; các nguyên tắc cơ bản.
- Đối tượng nghiên cứu của kế toán.
- Hệ thống phương pháp kế toán gồm: Phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối.
- Các quá trình kinh doanh chủ yếu.
- Các hình thức kế toán; Tổ chức bộ máy kế toán.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính(TLC)

1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên, (2018), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội
2. Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính
3. Phan Đức Dũng (2014), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bộ tài chính, *Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 thay thế Quyết định 15/2006/QĐ-BTC*
2. Phan Đức Dũng (2012), *Bài tập và Bài giải Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội
3. Đoàn Xuân Tiên, Lê Văn Liên, Nguyễn Thi Hồng Vân (2014), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Tài chính

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Làm việc nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐	Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Vấn đáp	☐	Thực hành	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với

	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	sinh viên
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. BẢN CHẤT CỦA KẾ TOÁN	2			2	4	Đọc TLC (1) Chương 1
1.1. Khái niệm kế toán	1			1	2	
1.2. Phân loại kế toán 1.2.1. Theo mục đích cung cấp thông tin 1.2.2. Theo nguyên tắc ghi nhận thông tin						
1.3. Ý nghĩa, yêu cầu và đặc điểm của thông tin kế toán, nhiệm vụ của hệ thống kế toán trong đơn vị 1.3.1. Ý nghĩa của thông tin kế toán 1.3.2. Nhiệm vụ của hệ thống kế toán trong đơn vị	1			1	2	
1.4. Các nguyên tắc kế toán và khái niệm chung được thừa nhận 1.4.1. Các khái niệm và giả định 1.4.2. Các nguyên tắc kế toán						
CHƯƠNG 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN	2			2	4	Đọc TLC (1) Chương 2
2.1. Đối tượng nghiên cứu của kế toán 2.1.1. Khái quát chung về đối tượng của kế toán 2.1.2. Tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp 2.1.3. Tuần hoàn vốn kinh doanh 2.1.4. Kết luận chung về đối tượng kế toán	1			1	2	
2.2. Hệ thống phương pháp của kế toán						
2.3. Chu trình kế toán						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP CHỨNG TỪ	3			3	6	Đọc TLC (1) Chương 3
3.1. Khái niệm và ý nghĩa chứng từ kế toán <i>3.1.1. Khái niệm chứng từ kế toán</i> <i>3.1.2. Ý nghĩa của chứng từ kế toán</i>	1			1	2	
3.2. Phân loại chứng từ kế toán <i>3.2.1. Phân loại theo nghiệp vụ kinh tế phản ánh trên chứng từ</i> <i>3.2.2. Phân loại theo thời công dụng của chứng từ</i> <i>3.2.3. Phân loại theo thời điểm lập chứng từ</i> <i>3.2.4. Phân loại theo địa điểm lập chứng từ</i> <i>3.2.5. Phân loại theo tính cấp bách của thông tin phản ánh trong chứng từ</i>						
3.3. Hệ thống bản chứng từ <i>3.3.1. Bản chứng từ</i> <i>3.3.2. Nguyên tắc và căn cứ xây dựng hệ thống bản chứng từ</i> <i>3.3.3. Luân chuyển chứng từ</i>	2			2	4	
CHƯƠNG 4. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ	5	3	1	9	18	Đọc TLC (1) Chương 4
4.1. Khái niệm và sự cần thiết của phương pháp tính giá <i>4.1.1. Khái niệm về phương pháp tính giá</i> <i>4.1.2. Sự cần thiết của phương pháp tính giá</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Yêu cầu và nguyên tắc của phương pháp tính giá <i>4.2.1. Yêu cầu của phương pháp tính giá</i> <i>4.2.2. Nguyên tắc của phương pháp tính giá</i>						
4.3. Nội dung và trình tự tính giá tài sản mua vào <i>4.3.1. Nội dung tính giá tài sản mua vào</i> <i>4.3.2. Trình tự tính giá tài sản mua vào</i>	1	1		2	4	
4.4. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất <i>4.4.1. Nội dung tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất</i> <i>4.4.2. Trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất</i>	1	1		2	4	
4.5. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất dùng cho sản xuất – kinh doanh <i>4.5.1. Nội dung tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất dùng</i> <i>4.5.2. Trình tự tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất dùng</i>	2	1		3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. PHƯƠNG PHÁP ĐỐI ỨNG TÀI KHOẢN	4	3		7	14	Đọc TLC (1) Chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1. Khái niệm phương pháp đối ứng tài khoản <i>5.1.1. Khái niệm và các yếu tố cấu thành</i> <i>5.1.2. Vị trí và tác dụng của phương pháp đối ứng tài khoản</i>	1			1	2	
5.2. Tài khoản kế toán <i>5.2.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản về nội dung, kết cấu tài khoản</i> <i>5.2.2. Kết cấu các tài khoản cơ bản</i> <i>5.2.3. Chức năng của tài khoản kế toán</i>						
5.3. Quan hệ đối ứng và phương pháp ghi sổ kép <i>5.3.1. Các quan hệ đối ứng tài khoản</i> <i>5.3.2. Phương pháp ghi sổ kép</i>						
5.4. Tài khoản tổng hợp và tài khoản phân tích <i>5.4.1. Tài khoản tổng hợp</i> <i>5.4.2. Tài khoản phân tích</i>						
CHƯƠNG 6. HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 6
6.1. Sự cần thiết phải hình thành và những đặc trưng của hệ thống tài khoản kế toán <i>6.1.1. Sự cần thiết phải hình thành hệ thống tài khoản kế toán</i> <i>6.1.2. Đặc trưng cơ bản của hệ thống tài khoản kế toán</i>	2			2	4	Đọc TLC (1) Chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2. Phân loại tài khoản kế toán						
6.3. Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp thống nhất hiện hành 6.3.1. Hệ thống tài khoản kế toán thống nhất áp dụng cho các doanh nghiệp (Ban hành theo TT 200/2014/TT – BTC ban hành ngày 22/12/2014 của BTC) 6.3.2. Đánh số hiệu và tên gọi các tài khoản 6.3.3. Mô hình sắp xếp tài khoản kế toán	1	1		2	4	Đọc TLC (1) Chương 6 Đọc TLĐT (1)
CHƯƠNG 7. PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP CÂN ĐỐI	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 7
7.1. Khái quát chung về phương pháp tổng hợp cân đối kế toán 7.1.1. Khái niệm và cơ sở hình thành phương pháp 7.1.2. Ý nghĩa, tác dụng của phương pháp	2	1		3	6	
7.2. Hệ thống bảng tổng hợp – cân đối kế toán 7.2.1. Bảng cân đối kế toán 7.2.2. Bảng cân đối thu, chi và kết quả						
7.3. Quan hệ giữa phương pháp tổng hợp cân đối với các phương pháp khác	1			1	2	
CHƯƠNG 8. KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH KINH DOANH CHỦ YẾU	4	5		9	18	Đọc TLC (1) Chương 8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8.1. Khái quát về quá trình kinh doanh và nhiệm vụ của kế toán 8.1.1. Khái quát về quá trình kinh doanh 8.1.2. Nhiệm vụ kế toán quá trình kinh doanh	1	2		3	6	
8.2. Kế toán quá trình cung cấp 8.2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 8.2.2. Phương pháp kế toán quá trình cung cấp						
8.3. Kế toán quá trình sản xuất 8.3.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 8.3.2. Phương pháp kế toán quá trình sản xuất	1	2		3	6	
8.4. Kế toán quá trình tiêu thụ 8.4.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 8.4.2. Phương pháp kế toán tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ 8.4.3. Kế toán kết quả tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ trong các doanh nghiệp	2	1		3	6	
CHƯƠNG 9. SỔ KẾ TOÁN VÀ CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC SỔ KẾ TOÁN	2			2	6	Đọc TLC (1) Chương 9 Đọc TLĐT (1)
9.1. Sổ kế toán 9.1.1. Khái niệm 9.1.2. Các loại sổ kế toán 9.1.3. Các quy tắc về sổ kế toán	1			1	3	
9.2. Hình thức kế toán 9.2.1. Khái niệm 9.2.2. Các hình thức kế toán	1			1	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 10. TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN	2		1	3	6	Đọc TLC (1) Chương 10
10.1. Khái niệm, ý nghĩa và nội dung của tổ chức công tác kế toán 10.1.1. Khái niệm 10.1.2. Ý nghĩa 10.1.3. Nội dung của tổ chức công tác kế toán	1			1	2	
10.2. Phương pháp tổ chức công tác kế toán 10.2.1. Các phương pháp tổ chức công tác kế toán 10.2.2. Tổ chức bộ máy kế toán trong các đơn vị	1			1	2	
Kiểm tra			1	1		
Cộng	30	13	2	45	90	

4.5.16. Quản trị học

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Quản trị học**

Tiếng Anh: **Management**

- Mã học phần: MNT101

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Đại học chính quy

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quá trình thực hiện các công việc hoạch định, tổ chức, lãnh đạo kiểm tra hoạt động quản trị tổ chức.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những vấn đề căn bản của quản trị, các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin quản trị, ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2019), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
2. Nguyễn Thị Liên Diệp (2012), *Quản trị học*, NXB Văn hóa - Nghệ thuật.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Ngô Kim Thanh, Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), *Giáo trình kỹ năng quản trị*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. Trần Anh Tài (2009), *Giáo trình quản trị học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Võ Phước Tâm, Nguyễn Thị Nhung (2008), *Giáo trình quản trị học*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN BẢN CỦA QUẢN TRỊ	4			4	8	Đọc TLC (1) Trang: 07 – 30. TLC (2). Trang: 05 – 25. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Bản chất của quản trị 1.1.1. Khái niệm quản trị 1.1.2. Vai trò của quản trị	0,5			0,5	1	
1.2.Chức năng của quản trị	0,5			0,5	1	
1.3. Quản trị là khoa học, là một nghệ thuật và là một nghề	1			1	2	
1.4.Quản trị theo mục tiêu 1.4.1. Khái niệm quản trị theo mục tiêu 1.4.2.Vai trò của quản trị theo mục tiêu 1.4.3.Quá trình quản trị theo mục tiêu	0,5			0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tiêu						
1.5. Nhà quản trị 1.5.1. Khái niệm nhà quản trị 1.5.2. Vai trò của nhà quản trị 1.5.3. Cấp bậc của quản trị 1.5.4. Các kỹ năng và năng lực cần thiết của nhà quan trị	1,5			1,5	3	
Chương 2. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CÁC LÝ THUYẾT QUẢN TRỊ	4			4	8	Đọc TLC (3). Trang: 31 – 50. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Trường phái quản trị cổ điển 2.1.1. Trường phái quản trị kiểu thư lại 2.1.2. Trường phái quản trị khoa học 2.1.3. Trường phái quản trị hành chính	1			1	2	
2.2.Trường phái quản trị hành vi 2.2.1. Tư tưởng quản trị của Mary Parker 2.2.2. Lý thuyết về bản chất con người của Douglas Mc Gregor 2.2.3. Học thuyết của Elton Mayo 2.2.4. Lý thuyết về hệ thống nhu cầu con người của Maslow	1			1	2	
2.3. Trường phái định lượng trong quản trị	1			1	2	
2.4. Học thuyết quản trị hiện đại 2.4.1. Trường phái “Quá trình Quản trị” 2.4.2. Thuyết Z	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4.3. Những khuynh hướng hiện đại về quản trị						
Chương 3. MÔI TRƯỜNG QUẢN TRỊ	4	1		5	10	Đọc TLC (3). Trang: 51 - 63. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Khái niệm môi trường quản trị	0,5			0,5	1	
3.2. Phân loại môi trường quản trị	0,5			0,5	1	
3.3. Ảnh hưởng của môi trường quản trị đối với hoạt động của tổ chức 3.3.1. Ảnh hưởng của môi trường vĩ mô đến hoạt động của tổ chức 3.3.2. Ảnh hưởng của môi trường vi mô đến hoạt động của tổ chức	3	1		4	8	
Chương 4. THÔNG TIN QUẢN TRỊ	4			4	8	Đọc TLC (1). Trang: 43 - 57. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Khái niệm và vai trò của thông tin quản trị 4.1.1.Khái niệm thông tin quản trị 4.1.2.Vai trò của thông tin quản trị	0,5			0,5	1	
4.2. Phân loại thông tin quản trị	0,5			0,5	1	
4.3. Nội dung và chất lượng của thông tin quản trị 4.3.1. Nội dung thông tin quản trị 4.3.2. Chất lượng của thông tin quản trị	2			2	4	
4.4. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin và phổ biến thông tin 4.4.1. Phương pháp thu thập 4.4.2. Phương pháp xử lý thông tin 4.4.3. Phương pháp phổ biến thông tin	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 5. QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ	5			5	10	Đọc TLC (2). Trang 62 – 75 TLC (3) Trang 51 - 68. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Khái niệm, vai trò của quyết định quản trị <i>5.1.1. Khái niệm quyết định và ra quyết định</i> <i>5.1.2. Vai trò của ra quyết định</i>	0,5			0,5	1	
5.2. Cơ sở khoa học và nguyên tắc của việc ra quyết định <i>5.2.1. Cơ sở khoa học của việc ra quyết định</i> <i>5.2.2. Nguyên tắc của việc ra quyết định</i>	1,5			1,5	3	
5.3. Nội dung và hình thức ra quyết định <i>5.3.1. Nội dung của việc ra quyết định</i> <i>5.3.2. Hình thức của việc ra quyết định</i>	1,5			1,5	3	
5.4. Quá trình ra quyết định <i>5.4.1. Quá trình ra quyết định</i> <i>5.4.2. Quá trình thực hiện quyết định</i>	1,5			1,5	3	
Chương 6. HOẠCH ĐỊNH	4	1		5	10	Đọc TLC (1). Trang: 60 – 72. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định <i>6.1.1. Khái niệm hoạch định</i> <i>6.1.2. Vai trò của hoạch định</i>	1			1	2	
6.2. Phân loại hoạch định <i>6.2.1. Hoạch định chiến lược</i> <i>6.2.2. Hoạch định chiến thuật</i>	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2.3. Hoạch định tác nghiệp						Độc TLC (1). Trang 74 – 83. TLC (2) Trang 78 – 90. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.3. Quy trình hoạch định	1	1		2	4	
Chương 7. TỔ CHỨC	5	1		6	12	
7.1. Khái niệm, vai trò của tổ chức 7.1.1. Khái niệm tổ chức 7.1.2. Vai trò tổ chức	1			1	2	
7.2. Cơ cấu tổ chức 7.2.1. Khái niệm, đặc điểm của cơ cấu tổ chức 7.2.2. Các nguyên tắc của cơ cấu tổ chức 7.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức 7.2.4. Các mô hình cơ cấu tổ chức	2	1		3	6	
7.3. Phân quyền trong quản trị 7.3.1. Quyền hạn và một số khái niệm liên quan 7.3.2. Quá trình ủy quyền	1			1	2	
7.4. Tầm hạn quản trị 7.4.1. Khái niệm tầm hạn quản trị 7.4.2. Phân loại 7.4.3. Các yếu tố quyết định tầm hạn quản trị	0,5			0,5	1	
7.5. Hệ thống tổ chức không chính thức 7.5.1. Khái niệm hệ thống tổ chức không chính thức 7.5.2. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu hệ thống tổ chức không chính thức 7.5.3. Những vấn đề cần lưu ý của	0,5			0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>hệ thống tổ chức không chính thức</i>						
Chương 8. LÃNH ĐẠO	4	2		6	12	
8.1. Khái niệm và vai trò của lãnh đạo <i>8.1.1. Khái niệm lãnh đạo</i> <i>8.1.2. Vai trò của lãnh đạo</i>	0,5			0,5	1	Độc TLC (3). Trang: 82 - 98. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
8.2. Các phong cách lãnh đạo <i>8.2.1. Phong cách lãnh đạo dựa trên quan điểm sử dụng quyền lực</i> <i>8.2.2. Phong cách lãnh đạo dựa trên tiêu chí mức độ tham gia của người dưới quyền</i>	0,5	1		1,5	3	
8.3. Động cơ thúc đẩy <i>8.3.1. Khái niệm của động cơ thúc đẩy</i> <i>8.3.2. Các học thuyết và động cơ thúc đẩy</i> <i>8.3.3. Hành vi cá nhân và hành vi nhóm</i>	1,5	0,5		2	4	
8.4. Các phương pháp lãnh đạo <i>8.4.1. Phương pháp giáo dục</i> <i>8.4.2. Các phương pháp hành chính</i> <i>8.4.3. Các phương pháp kinh tế</i> <i>8.4.4. Các phương pháp lãnh đạo khác</i>	1,5	0,5		2	4	
Chương 9. KIỂM TRA	2	2		4	8	Độc TLC (1).
9.1. Khái niệm và vai trò của kiểm tra trong quản trị <i>9.1.1. Khái niệm kiểm tra trong quản trị</i> <i>9.1.2. Vai trò của kiểm tra trong</i>	0,5			0,5	1	Trang: 85 – 97. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
quản trị						
9.2. Phân loại kiểm tra 9.2.1. Căn cứ theo quá trình hoạt động 9.2.2. Căn cứ theo tần suất 9.2.3. Căn cứ theo mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng	0,5			0,5	1	
9.3. Tiến trình kiểm tra 9.3.1. Xây dựng tiêu chuẩn 9.3.2. Đo lường và thực hiện 9.3.3. Điều chỉnh các hoạt động	0,5	1		1,5	3	
9.4. Các nguyên tắc và phương pháp kiểm tra 9.4.1 Các nguyên tắc kiểm tra 9.4.2 Các phương pháp kiểm tra	0,5	1		1,5	3	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

4.5.17. Marketing căn bản

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Marketing căn bản**
 - Tiếng anh: **Basic marketing**
- Mã học phần: BMA202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức Giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐	
		Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn		

☐	☐	☐	☐	☒	☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết

▪ Bài tập: 0 tiết

▪ Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết

▪ Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Người học hiểu được các vấn đề căn bản về Marketing như: Một số khái niệm cơ bản về marketing, vai trò, chức năng và phân loại marketing; Xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường; Phân tích được hành vi của khách hàng; Các công cụ để hoạch định chiến lược Marketing như: chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến

- *Về kỹ năng*: phân tích các yếu tố cấu thành hoạt động Marketing của doanh nghiệp; Phân tích được quá trình phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và có các quyết định định vị phù hợp; Phân tích được hành vi của khách hàng qua đó có thể áp dụng chiến lược marketing mix phù hợp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực áp dụng các công cụ của Marketing – mix nhằm thúc đẩy hình ảnh sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp đến với người tiêu dùng, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt được lợi nhuận cao hơn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về Marketing, các môi trường Marketing, hành vi của khách hàng, phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị và các chiến lược Marketing hỗn hợp.

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi mua của người tiêu dùng và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua đó, đồng thời hiểu rõ

quá trình ra quyết định mua của người tiêu dùng và hiểu về chính sách sản phẩm, chính sách giá của sản phẩm và chính sách phân phối sản phẩm của doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Minh Đạo (2012), *Marketing căn bản*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Marketing căn bản*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Thế Giới (2011), *Quản trị Marketing (Định hướng giá trị)*, NXB Tài Chính
2. Lưu Đan Thọ (2016), *Marketing khách hàng tổ chức*, NXB Tài Chính
3. Nguyễn Xuân Lâm, Võ Quang Trí (2014), *Quản trị marketing*, NXB Tài Chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh

	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	viên
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ MARKETING	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1,2,3. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Sự ra đời và phát triển của Marketing <i>1.1.1. Marketing cổ điển</i> <i>1.1.2. Marketing hiện đại</i>	0.5			0.5	1	
1.2. Một số khái niệm cơ bản của Marketing <i>1.2.1. Nhu cầu</i> <i>1.2.2. Mong muốn</i> <i>1.2.3. Yêu cầu tiêu dùng</i> <i>1.2.4. Hàng hóa</i> <i>1.2,5. Trao đổi</i> <i>1.2.6. Thị trường</i> <i>1.2.7. Marketing</i>	0.5			0.5	1	
1.3. Những định hướng phát triển của Marketing <i>1.3.1. Quan điểm tập trung vào sản xuất</i> <i>1.3.2. Quan điểm tập trung vào hoàn thiện sản phẩm</i> <i>1.3.3. Quan điểm tập trung vào bán hàng</i> <i>1.3.4. Quan điểm Marketing</i> <i>1.3,5 Quan điểm marketing đạo đức xã hội</i>	0.5			0.5	1	
1.4 Phân loại Marketing <i>1.4.1 Căn cứ vào hình thái vật chất của quá trình trao đổi</i> <i>1.4.2 Căn cứ vào phạm vi ứng dụng</i> 1.5 Chức năng và vai trò của	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Marketing 1.5.1 Chức năng của Marketing 1.5.2 Vai trò của Marketing						Đọc TLC 1, 2, chương 2. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 2.MÔI TRƯỜNG MARKETING	2			2	4	
2.1. Khái quát về môi trường Marketing 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Vai trò của việc nghiên cứu môi trường kinh doanh 2.1.3. Phân loại	0.5			0.5	1	
2.2. Môi trường Marketing vĩ mô 2.2.1. Môi trường kinh tế 2.2.2. Môi trường văn hóa xã hội 2.2.3. Môi trường nhân khẩu học 2.2.4. Môi trường tự nhiên 2.2.5. Môi trường khoa học, công nghệ 2.2.6. Môi trường chính trị pháp luật	05			0.5	1	
2.3. Môi trường Marketing vi mô 2.3.1. Nhà cung ứng 2.3.2. Đối thủ cạnh tranh 2.3.3. Các trung gian marketing 2.3.4. Khách hàng 2.3.5. Giới công chúng	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.6. Doanh nghiệp						
Chương 3.PHÂN ĐOẠN VÀ LỰA CHỌN THỊ TRƯỜNG MỤC TIÊU – ĐỊNH VỊ THỊ TRƯỜNG	3			3	6	Đọc TLC 1, 2, chương 3. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Phân đoạn thị trường 3.1.1. Khái niệm, vai trò của phân đoạn thị trường 3.1.2. Các tiêu thức phân đoạn thị trường 3.1.3. Yêu cầu đối với việc phân đoạn thị trường 3.1.4. Tiến trình phân đoạn thị trường	1			1	2	
3.2. Thị trường mục tiêu 3.2.1. Khái niệm thị trường mục tiêu 3.2.2. Các yêu cầu đối với thị trường mục tiêu 3.2.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu	1			1	2	
3.3. Định vị 3.3.1. Khái niệm định vị 3.3.2. Phân loại định vị 3.3.3. Định vị thị trường	1			1	2	
Chương 4. HÀNH VI KHÁCH HÀNG	3			3	6	
4.1. Khái niệm, phân loại hành vi khách hàng 4.1.1. Khái niệm hành vi khách hàng 4.1.2. Phân loại hành vi khách	0.5			0.5	1	5. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>hàng</i>						
4.2. Hành vi mua của người tiêu dùng 4.2.1. Khái niệm hành vi mua của người tiêu dùng 4.2.2. Mô hình hành vi mua của người tiêu dùng 4.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua của người tiêu dùng 4.2.4. Quá trình ra quyết định mua của người tiêu dùng	1.5			1.5	3	
4.3. Hành vi của tổ chức 4.3.1. Khái niệm hành vi mua của tổ chức 4.3.2. Hành vi mua của doanh nghiệp sản xuất 4.3.3. Hành vi mua của doanh nghiệp thương mại 4.3.4. Hành vi mua của các tổ chức phi lợi nhuận (cơ quan Nhà nước, tổ chức chính quyền,...)	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. CHÍNH SÁCH SẢN PHẨM	4	1		5	10	Đọc TLC 1, chương 5. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Sản phẩm theo quan điểm Marketing 5.1.1. Khái niệm và vai trò của sản phẩm 5.1.2. Phân loại sản phẩm 5.1.3. Chu kỳ sống của sản phẩm	1,5			1,5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2 Chính sách sản phẩm 5.2.1 Quyết định về nhãn hiệu 5.2.2. Quyết định về bao bì sản phẩm 5.2.3. Quyết định về dịch vụ hỗ trợ sản phẩm 5.2.4. Quyết định về phát triển sản phẩm mới 5.2.5. Quyết định về chủng loại sản phẩm	2,5	1		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 6. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 6. CHÍNH SÁCH GIÁ CỦA SẢN PHẨM	3	1		4	8	
6.1. Giá và chính sách giá 6.1.1. Giá 6.1.2. Chính sách giá	1			1	2	
6.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến định giá 6.2.1. Các nhân tố bên trong doanh nghiệp 6.2.2. Các nhân tố bên ngoài doanh nghiệp	1			1	2	
6.3. Quy trình định giá 6.3.1. Xác định mục tiêu định giá 6.3.2. Xác định cầu của thị trường mục tiêu 6.3.3. Xác định chi phí cho một đơn vị sản phẩm 6.3.4. Phân tích chi phí, giá cả và sản phẩm cạnh tranh 6.3.5. Chọn phương pháp định giá	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.3.6. Lựa chọn mức giá cuối cùng						
Chương 7: CHÍNH SÁCH PHÂN PHỐI SẢN PHẨM	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 7. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
7.1. Khái niệm và vai trò của phân phối 7.1.1. Khái niệm phân phối 7.1.2. Vai trò của phân phối	0.5			0.5	1	
7.2. Kênh phân phối 7.2.1. Khái niệm, vai trò và chức năng của kênh phân phối 7.2.2. Cấu trúc kênh phân phối 7.2.3. Các trung gian phân phối	1.5	1		2.5	5	
7.3 Lựa chọn kênh phân phối 7.3.1. Căn cứ lựa chọn 7.3.2. Một số phương thức phân phối	1			1	2	
Chương 8. CHÍNH SÁCH XÚC TIẾN	4	1		5	10	
8.1. Khái niệm và vai trò của xúc tiến 8.1.1. Khái niệm xúc tiến 8.1.2. Vai trò của xúc tiến	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
8.2. Các công cụ xúc tiến 8.2.1. Quảng cáo 8.2.2. Quan hệ công chúng 8.2.3. Khuyến mại 8.2.4. Bán hàng cá nhân 8.2,5. Marketing trực tiếp	3	1		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng cộng	24	4	2	30	60	

4.5.18. Tài chính tiền tệ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Tài chính – Tiền tệ**

Tiếng Anh: **Theory Of Money And Finance**

- Mã học phần: KTTC2304

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Bachelor học, ngành quản trị kinh doanh

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết

Bài tập: 03 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Người học hiểu những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài chính; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; hiểu được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản về tài chính; hiểu được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ

bản về tài chính doanh nghiệp như vốn kinh doanh, nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và phân phối lợi nhuận cũng như những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, sự tác động của thị trường tài chính đến nền kinh tế và tài chính doanh nghiệp. Từ đó tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với học phần, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, Ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Ngọc Dũng (2014), *Tài chính – Tiền tệ*, NXB Tài chính.
2. Lê Thị Mận (2014), *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Lao động Xã hội.
3. Nguyễn Hữu Tài (2012), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phan Thị Cúc (2012), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Phương Đông.
2. Hoàng Văn Quỳnh, Nguyễn Thị Hoài Lê (2015), *Giáo trình thị trường tài chính*, Tài chính.
3. Nguyễn Hòa Nhân, (2012), *Giáo trình Tài chính tiền tệ*, NXB Tài chính.

4. Lê Văn Tề (2011), *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Phương Đông.

5. *Luật NSNN 2015*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước giờ lên lớp.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH TIỀN TỆ	2			2	4	
1.1. Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ 1.1.1. Sự ra đời và phát triển của tiền tệ 1.1.2. Bản chất của tiền tệ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.2. Các chức năng của tiền tệ 1.2.1. Chức năng đơn vị định giá 1.2.2. Chức năng phương tiện						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>trao đổi</i> 1.2.3. Chức năng phương tiện dự trữ giá trị						
1.3. Các khối tiền tệ 1.3.1. Khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông 1.3.2. Khối lượng tiền trong lưu thông						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.4. Cung và cầu tiền tệ 1.4.1. Cầu tiền tệ 1.4.2. Cung tiền cho lưu thông	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 9;
1.5. Khái niệm và chức năng tài chính 1.5.1. Khái niệm tài chính 1.5.2. Các chức năng của tài chính						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.6. Hệ thống tài chính 1.6.1. Khái niệm về hệ thống tài chính 1.6.2. Cấu trúc của hệ thống tài chính						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
Chương 2. TÍN DỤNG VÀ LÃI SUẤT TÍN DỤNG	2	1		3	6	
2.1. Sự ra đời và phát triển của tín dụng 2.1.1. Cơ sở ra đời của tín dụng 2.1.2. Khái niệm tín dụng 2.1.3. Sự phát triển của quan hệ tín dụng trong nền kinh tế thị trường 2.1.4. Phân loại tín dụng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 10;
2.2. Các hình thức tín dụng						Đọc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.1. Tín dụng thương mại 2.2.2. Tín dụng Nhà nước 2.2.3. Tín dụng ngân hàng						Đọc TLC 2, chương 10;
2.3. Vai trò của tín dụng 2.3.1. Tín dụng góp phần thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển 2.3.2. Tín dụng là công cụ thực hiện chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước 2.3.3. Tín dụng góp phần quan trọng vào việc làm giảm thấp chi phí sản xuất và lưu thông 2.3.4. Tín dụng là công cụ thực hiện chính sách xã hội và nâng cao đời sống dân cư						Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 10;
2.4. Các chức năng của tín dụng 2.4.1. Tập trung và phân phối lại tiền nhàn rỗi trên nguyên tắc hoàn trả 2.4.2. Kiểm soát các hoạt động kinh tế bằng tiền	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 10;
2.5. Lãi suất tín dụng 2.5.1. Khái niệm lợi tức tín dụng và lãi suất tín dụng 2.5.2. Phân loại lãi suất tín dụng 2.5.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất tín dụng						Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 10;
Chương 3. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	2			2	4	
3.1. Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.1. Khái niệm, đặc điểm của Ngân sách Nhà nước 3.1.2. Vai trò của Ngân sách Nhà nước						Độc TLC 2, chương 2; Độc TLC 3, chương 3;
3.2. Thu Ngân sách Nhà nước 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm thu Ngân sách Nhà nước 3.2.2. Nội dung thu Ngân sách Nhà nước						
3.3. Chi Ngân sách Nhà nước 3.3.1 Khái niệm, đặc điểm chi Ngân sách Nhà nước 3.3.2 Nội dung chi Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Độc TLC 2, chương 2; Độc TLC 3, chương 3;
3.4. Cân đối ngân sách						Độc TLC 2, chương 2; Độc TLC 3, chương 3;
3.5. Phân cấp quản lý ngân sách 3.5.1. Khái niệm phân cấp quản lý ngân sách 3.5.2. Nội dung phân cấp quản lý ngân sách 3.5.3. Nguyên tắc phân cấp quản lý ngân sách						Độc TLC 2, chương 2; Độc TLC 3, chương 3;
Chương 4. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3	2	1	6	12	
4.1. Khái niệm và vai trò của tài chính doanh nghiệp 4.1.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp 4.1.2. Vai trò của tài chính doanh nghiệp	2	2		4	8	Độc TLC 1, chương 7; Độc TLC 3, chương 4;
4.2. Cấu trúc tài chính của doanh						Độc TLC 1, chương 7;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ngành 4.2.1. Cấu trúc về vốn kinh doanh 4.2.2. Cấu trúc về nguồn vốn kinh doanh						Đọc TLC 3, chương 4;
4.3. Chi phí, doanh thu của doanh nghiệp 4.3.1. Chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm 4.3.2. Doanh thu của doanh nghiệp						Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
4.4. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp 4.4.1. Lợi nhuận của doanh nghiệp 4.4.2. Phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH	3			3	6	
5.1. Sự hình thành thị trường tài chính	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 15;
5.2. Cấu trúc thị trường tài chính 5.2.1. Thị trường nợ và thị trường cổ phiếu 5.2.2. Thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp 5.2.3. Thị trường tiền tệ và thị trường vốn 5.2.4. Thị trường tập trung và phi tập trung						Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
5.3. Công cụ của thị trường tài	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
chính 5.3.1. Công cụ của thị trường tiền tệ 5.3.2. Công cụ của thị trường vốn						Đọc TLC 3, chương 5;
5.4. Các chủ thể tham gia thị trường tài chính 5.4.1. Nhà phát hành 5.4.2. Nhà đầu tư 5.4.3. Nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ 5.4.4. Nhà quản lý thị trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
5.5. Chức năng, vai trò của thị trường tài chính 5.5.1. Chức năng của thị trường tài chính 5.5.2. Vai trò của thị trường tài chính						Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
Chương 6. CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH TRUNG GIAN	2			2	4	
6.1. Khái niệm, chức năng và vai trò của các tổ chức tài chính trung gian 6.1.1. Khái niệm tổ chức tài chính trung gian 6.1.2. Chức năng của các tổ chức tài chính trung gian 6.1.3. Vai trò của các tổ chức tài chính trung gian	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 6;
6.2. Các loại hình tổ chức tài chính trung gian 6.2.1. Các tổ chức nhận tiền gửi	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 6;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2.2. Các công ty tài chính 6.2.3. Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng 6.2.4. Các trung gian đầu tư						
Chương 7. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	2			2	4	
7.1. Quá trình ra đời và phát triển của ngân hàng thương mại	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8;
7.2. Khái niệm và phân loại ngân hàng thương mại 7.2.1. Khái niệm ngân hàng thương mại 7.2.2. Phân loại ngân hàng thương mại						Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8;
7.3. Chức năng của ngân hàng thương mại 7.3.1. Chức năng trung gian tín dụng 7.3.2. Chức năng trung gian thanh toán 7.3.3. Chức năng tạo tiền						Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8;
7.4. Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại 7.4.1. Hoạt động huy động vốn 7.4.2. Hoạt động sử dụng vốn 7.4.3. Các hoạt động khác	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8, chương 9;
Chương 8. NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	3			3	6	
8.1. Ngân hàng Trung ương 8.1.1. Khái niệm Ngân hàng Trung ương	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 3, chương 10;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8.1.2. Chức năng của Ngân hàng Trung ương 8.1.3. Vai trò của Ngân hàng Trung ương						
8.2. Chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương 8.2.1. Định nghĩa 8.2.2. Mục tiêu của chính sách tiền tệ 8.2.3. Nội dung cơ bản chính sách tiền tệ 8.2.4. Công cụ của chính sách tiền tệ	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 3, chương 10;
Chương 9. LẠM PHÁT	3		2	5	10	
9.1. Khái niệm và phân loại lạm phát 9.1.1. Khái niệm 9.1.2. Phân loại lạm phát	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 12;
9.2. Nguyên nhân của lạm phát 9.2.1. Lạm phát do nhu cầu tiền tăng 9.2.2. Lạm phát do chi phí tăng 9.2.3. Hệ thống chính trị không ổn định						Đọc TLC 3, chương 12;
9.3. Tác động của lạm phát đến phát triển kinh tế xã hội 9.3.1. Tác động của lạm phát vừa phải 9.3.2. Tác động của lạm phát phi mã và siêu lạm phát	2			2	4	Đọc TLC 3, chương 12;
9.4. Các biện pháp khắc phục lạm phát						Đọc TLC 3, chương 12;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9.4.1. Giải pháp tác động vào tổng cầu 9.4.2. Giải pháp tác động vào tổng cung 9.4.3. Cải cách tiền tệ						
Thảo luận			1	1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 10. QUAN HỆ THANH TOÁN VÀ TÍN DỤNG QUỐC TẾ	2			2	4	
10.1. Cán cân thanh toán quốc tế 10.1.1. Khái niệm cán cân thanh toán quốc tế 10.1.2. Nội dung cán cân thanh toán quốc tế 10.1.3. Các biện pháp điều chỉnh cán cân thanh toán quốc tế	1			1	2	Độc TLC 2, chương 18; Độc TLC 3, chương 11;
10.2. Tỷ giá hối đoái 10.2.1. Khái niệm và phương pháp yết tỷ giá hối đoái 10.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái						Độc TLC 2, chương 16; Độc TLC 3, chương 11;
10.3. Các phương tiện và phương thức thanh toán quốc tế thông dụng 10.3.1. Các phương tiện thanh toán quốc tế 10.3.2. Các phương thức thanh toán quốc tế	1			1	2	Độc TLC 2, chương 19; Độc TLC 3, chương 11;
10.4. Tín dụng quốc tế 10.4.1. Khái niệm tín dụng quốc tế						Độc TLC 2, chương 19; Độc TLC 3, chương 11;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tế 10.4.2. Các hình thức tín dụng quốc tế						
Cộng	24	3	3	30	60	

4.5.19. Định giá bất động sản

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Định giá bất động sản**

Tiếng Anh: **Real Estate Valuation**

Mã học phần: KTTC2305

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước: Tài chính – Tiền tệ

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết

Bài tập: 08 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tài chính doanh nghiệp, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Người học cần hiểu được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, mục đích, vai trò và nguyên tắc định giá bất động sản; Vận dụng được các phương pháp định giá phù hợp để xác định giá trị các loại bất động sản; Nắm được quy trình định giá, các nội dung của hồ sơ định giá, các tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản và hiểu về pháp luật trong hoạt động định giá bất động sản.
- *Về kỹ năng*: Phân tích được ưu điểm và nhược điểm của từng phương pháp định giá để từ đó lựa chọn được phương pháp định giá phù hợp giúp xác định và ước tính giá trị bất động sản cần thẩm định giá.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung đề cập trong học phần bao gồm: Các kiến thức cơ bản về bất động sản và thị trường bất động sản; Các khái niệm cơ bản về định giá tài sản, định giá bất động sản, mục đích và vai trò định giá bất động sản, các nguyên tắc định giá bất động sản, cơ sở định giá tài sản, các phương pháp định giá bất động sản và tổ chức công tác định giá bất động sản, hồ sơ của quá trình định giá bất động sản. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học về pháp luật trong hoạt động định giá bất động sản.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Ngọc Vinh (2014), *Thẩm định giá trị bất động sản*, NXB Lao Động – Xã Hội
2. Trịnh Hữu Liên (2013), *Định giá bất động sản*, NXB Nông Nghiệp.
3. Hay Sinh (2012), *Nguyên lý thẩm định giá*, NXB tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Văn Bình (2013), *Hệ thống câu hỏi và bài tập Định giá tài sản*, NXB Tài chính.
2. Vũ Minh Đức (2011), *Nguyên lý và tiêu chuẩn thẩm định giá*, NXB Kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Thế Phương (2011), *Thẩm định giá bất động sản*, NXB Phương Đông.

4. Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

5. Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế.

6. Bộ luật dân sự 2015

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp;
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp;
- Thảo luận, rèn kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	B T	TL,KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ	5			5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	B T	TL,KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ĐỊNH GIÁ BẤT ĐỘNG SẢN						
1.1. Bất động sản và thị trường bất động sản <i>1.1.1. Bất động sản</i> <i>1.1.2. Thị trường bất động sản</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1;
1.2. Tổng quan về định giá bất động sản <i>1.2.1. Khái niệm về định giá bất động sản</i> <i>1.2.2. Mục đích định giá bất động sản</i> <i>1.2.3. Vai trò định giá bất động sản</i>	2			1	2	Đọc TLC 1, chương 2;
1.3. Các nguyên tắc định giá bất động sản <i>1.3.1. Nguyên tắc sử dụng tốt nhất và có hiệu quả nhất</i> <i>1.3.2. Nguyên tắc cung cầu</i> <i>1.3.3. Nguyên tắc thay đổi</i> <i>1.3.4. Nguyên tắc thay thế</i> <i>1.3.5. Nguyên tắc đóng góp</i> <i>1.3.6. Nguyên tắc phù hợp</i> <i>1.3.7. Nguyên tắc cạnh tranh</i> <i>1.3.8. Nguyên tắc dự kiến các khoản lợi ích tương lai</i> <i>1.3.9 Các nguyên tắc khác</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	B T	TL,KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4. Cơ sở giá trị trong định giá bất động sản	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2;
Chương 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ BẤT ĐỘNG SẢN	8	8	1	17	34	
2.1. Phương pháp so sánh 2.1.1. Mục đích và một số thuật ngữ được sử dụng trong phương pháp so sánh 2.1.2. Nguyên tắc và điều kiện áp dụng 2.1.3. Nội dung của phương pháp	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 4;
2.2. Phương pháp chi phí 2.2.1. Mục đích và một số thuật ngữ được sử dụng trong phương pháp chi phí 2.2.2. Nguyên tắc và điều kiện áp dụng 2.2.3. Nội dung của phương pháp	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 5;
2.3. Phương pháp thu nhập 2.3.1. Mục đích và một số thuật ngữ được sử dụng trong phương pháp thu nhập 2.3.2. Nguyên tắc và điều kiện áp dụng	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 6;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	B T	TL,KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.3. Nội dung của phương pháp						
2.4. Phương pháp thặng dư 2.4.1. Mục đích và một số thuật ngữ được sử dụng trong phương pháp thặng dư 2.4.2. Nguyên tắc và điều kiện áp dụng 2.4.3. Nội dung phương pháp	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 7;
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. TỔ CHỨC CÔNG TÁC ĐỊNH GIÁ BẤT ĐỘNG SẢN	3		1	4	8	
3.1. Quy trình định giá tài sản 3.1.1. Xác định tổng quát về bất động sản cần định giá 3.1.2. Khảo sát thị trường thu thập thông tin bất động sản 3.1.3. Phân tích thông tin về bất động sản. 3.1.4. Lựa chọn phương pháp định giá bất động sản. 3.1.5. Ước tính giá trị bất động sản cần thẩm định	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	B T	TL,KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.6. Lập hồ sơ và chứng thư định giá						
3.2. Hồ sơ và chứng thư định giá bất động sản 3.2.1. Tổng quan về hồ sơ định giá bất động sản 3.2.2. Báo cáo định giá bất động sản 3.2.3. Chứng thư định giá bất động sản 3.2.4. Hợp đồng định giá bất động sản	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 5; Đọc TLC 3, chương 9;
Thảo luận			1	1	2	
Chương 4. PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG ĐỊNH GIÁ BẤT ĐỘNG SẢN	3		1	4	8	
4.1. Hệ thống tiêu chuẩn định giá tài sản 4.1.1. Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam 4.1.2. Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Quốc tế	1			1	2	Đọc TLĐT 4; Đọc TLĐT 5;
4.2. Pháp luật áp dụng trong hoạt động định giá bất động sản 4.2.1. Pháp luật về thẩm định giá bất động sản	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	B T	TL,KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.2. Những quy định pháp lý về thẩm định viên và doanh nghiệp định giá 4.2.3. Pháp luật hợp đồng định giá tài sản và giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động định giá tài sản						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	19	8	3	30	60	

4.5.20. Quản trị kinh doanh

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh**

Tiếng Anh: **Business Administration**

Mã học phần: KTQU2508

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và đồ án tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □		

Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết

Bài tập: 07 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị kinh doanh, giúp sinh viên hiểu được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và có một tầm nhìn rộng về quản trị.
- *Về kỹ năng*: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể phân tích, đánh giá linh hoạt trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản trị kinh doanh gồm 5 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh, các hoạt động marketing, quản trị nhân lực, quản trị tài chính, quản trị chất lượng, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, giúp người học triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Marketing căn bản*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Huyền (2016), *Giáo trình quản trị kinh doanh, Tập 1*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Thành Độ (2012), *Quản trị kinh doanh: Nguyên lý chung cho các loại hình doanh nghiệp*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
2. Phạm Quang Trung (2011), *Quản trị tài chính doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2012), *Giáo trình quản trị nhân lực*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH	6			6	12	
1.1. Đối tượng nghiên cứu môn học quản trị kinh doanh 1.1.1 Đối tượng nghiên cứu của môn học 1.1.2. Kinh tế và nguyên tắc của kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Quản trị kinh doanh với tư cách là môn khoa học 1.3.1 Nhiệm vụ của quản trị kinh doanh 1.3.2 Vị trí của quản trị kinh doanh	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Quản trị kinh doanh là môn khoa học lý thuyết và ứng dụng 1.4.1 Đối tượng nghiên cứu 1.4.2 Phương pháp nghiên cứu 1.4.3 Ứng dụng của quản trị	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
kinh doanh						
1.4. Các trường phái lý thuyết về quản trị kinh doanh	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5
CHƯƠNG 2. KINH DOANH VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH	8	2		10	20	Đọc TLC 1, chương 2,5
2.1. Kinh Doanh 2.1.1. Hoạt động kinh doanh 2.1.2. Phân loại hoạt động kinh doanh 2.1.3 Chu kỳ kinh doanh 2.1.4. Mô hình kinh doanh 2.1.5. Xu hướng phát triển kinh doanh	4	1		5	10	Đọc TLC 1, chương 2,5
2.2 . Quản trị kinh doanh 2.2.1. Khái niệm, vai trò và chức năng QTKD 2.2.2. Xu hướng phát triển mô hình kinh doanh 2.2.3. Các nguyên tắc cơ bản trong quản trị kinh doanh 2.2.4. Các phương pháp quản trị	4	1		5	10	Đọc TLC 1, chương 2,5
CHƯƠNG 3. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH	9	2		11	22	Đọc TLC 1, chương 3
3.1. Khái quát về môi trường kinh doanh 3.1.1. Khái niệm về môi trường kinh doanh 3.1.2.Phân loại môi trường kinh doanh	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2. Đặc trưng cơ bản của môi trường KD nước ta. 3.2.1. <i>Nền kinh tế thị trường</i> 3.2.2. <i>Các yếu tố thị trường ở nước ta</i> 3.2.3. <i>Tư duy kinh doanh tuyến thống</i> 3.2.4. <i>Môi trường kinh doanh hội nhập quốc tế</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 3
3.3. Quản trị môi trường kinh doanh 3.3.1. <i>Khái niệm quản trị môi trường kinh doanh</i> 3.3.2. <i>Chiến lược thương mại quản trị môi trường kinh doanh</i> 3.3.3. <i>Chiến lược chính trị quản trị môi trường kinh doanh</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. HIỆU QUẢ KINH DOANH	6	2		8	16	
4.1. Khái lược hiệu quả kinh doanh 4.1.1. <i>Khái niệm hiệu quả kinh doanh</i> 4.1.2. <i>Phân biệt hiệu quả kinh doanh</i> 4.1.3. <i>Nghiên cứu hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp</i> 4.1.4. <i>Sự cần thiết nâng cao hiệu quả kinh doanh</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Các yếu tố tác động tới hiệu quả kinh doanh 4.2.1. Lực lượng lao động. 4.2.2. Công nghệ kỹ thuật và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. 4.2.3. Hệ thống trao đổi và xử lý thông tin 4.2.4. Nhân tố tính toán kinh tế	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4
4.3. Hệ thống chỉ tiêu và tiêu chuẩn hiệu quả kinh doanh 4.3.1. Hệ thống chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh 4.3.2. Tiêu chuẩn hiệu quả kinh doanh 4.3.3. Hiệu quả đầu tư	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ KINH DOANH HIỆN ĐẠI	6	2		8	16	Đọc TLC 2, chương 19,22
5.1. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và phát triển nền kinh tế tri thức 5.1.1. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế 5.1.2. Bản chất và đặc trưng của nền kinh tế tri thức 5.1.3. Kinh doanh và quản trị kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 19,22
5.2. Những thách thức kinh doanh ở thế kỷ 21 5.2.1. Đặc trưng của môi trường kinh doanh	3	1		4	8	Đọc TLC 2, chương 19,22

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.2. Những thách thức của quản trị trong tương lai 5.2.3. Các nguyên tắc phù hợp với môi trường biến động 5.2.4. Nhìn lại chiến lược kinh doanh 5.2.5. Tổ chức trong tương lai 5.2.6. Vai trò của lãnh đạo trong tương lai 5.2.7. Thay đổi ở lĩnh vực tiêu thụ						
5.3. Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp 5.3.1. Đạo đức kinh doanh 5.3.2. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 24
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	35	8	2	45	90	

4.5.21. Quản trị chiến lược

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị chiến lược**
 - Tiếng Anh: **Strategic management**
- Mã học phần: KTQU2591
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		
	Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức ngành	Thực tập và khóa luận tốt
☐	☐	☐	

Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	nghịệp ☒

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 34tiết
 - Bài tập : 09 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên hiểu được một số khái niệm cơ bản về quản trị chiến lược, vai trò của quản trị chiến lược; Biết nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Thiết lập mục tiêu chiến lược; Xác định các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp; Hoạch định chiến lược cấp doanh nghiệp và cấp chức năng; Thực hiện và đánh giá, điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp.

- *Về kỹ năng:* Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; Phân tích được các mục tiêu chiến lược và có các quyết định hoạch định chiến lược phù hợp; Lựa chọn mục tiêu chiến lược phù hợp với doanh nghiệp qua đó có thể lựa chọn, đánh giá và điều chỉnh chiến lược phù hợp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác nghiên cứu chiến lược kinh doanh trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về Quản trị chiến lược, nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, viễn cảnh, sứ mạng và mục tiêu của doanh nghiệp, lợi thế cạnh tranh, định vị và ra các quyết định về chiến lược của doanh nghiệp. Học phần không chỉ tập trung vào việc lựa chọn, và tổ chức thực hiện chiến lược mà còn đề cập tới việc đánh giá và điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp. Từ đó có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao và góp phần trong sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Ngô Kim Thanh (2015), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Fredr. David (2012), *Khái luận về Quản trị chiến lược*, NXB thống kê.

3. Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi (2011), *Quản trị chiến lược bài tập và nghiên cứu tình huống*, NXB Phương Đông.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Porter, M.E (1996), *What is strategy in Havard Business Review*.

2. Porter, M., Michael Porter on Strategy (2005), *Leadership Excellence*.

3. Henri, J.-F (2006), *Management control systems and strategy: A resource-based perspective. Accounting, Organizations and Society*.

4. Dixit, A.K. and B.J. Nalebuff (2006), *Tư duy chiến lược: Thinking strategically, ed.* NXB.Tri Thức.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)	Tự	

	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng	học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC	3	1		4	8	
1.1. Khái quát về chiến lược 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Đặc trưng của chiến lược kinh doanh 1.1.3. Các cấp chiến lược	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
1.2. Khái niệm, vai trò của quản trị chiến lược 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Vai trò của quản trị chiến lược 1.2.3. Các mô hình quản trị chiến lược 1.2.4. Các giai đoạn quản trị chiến lược 1.2,5. Ra quyết định chiến lược	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
Chương 2. NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP	4	1		5	10	
2.1. Môi trường kinh doanh 2.1.1. Môi trường bên ngoài 2.1.2. Môi trường nội bộ doanh nghiệp	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3, 4
2.2. Tạo lập hệ thống thông tin phục vụ cho phân tích và dự báo môi trường kinh doanh 2.2.1. Xác định nhu cầu thông tin 2.2.2. Xác định các nguồn cung cấp thông tin 2.2.3. Xây dựng hệ thống thu thập và xử lý thông tin 2.2.4. Dự báo diễn biến của	3	0,5		3,5	7	Đọc TLC 2, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>các yếu tố môi trường</i> 2.2.5. Tổng hợp kết quả phân tích và dự báo môi trường kinh doanh 2.2.6. Phân tích cơ hội, nguy cơ, điểm mạnh và điểm yếu của Doanh nghiệp 2.2.7. Đề xuất các phản ứng chiến lược						
Chương 3. VIỄN CẢNH, SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA DOANH NGHIỆP	4	1		5	10	
3.1. Viễn cảnh của doanh nghiệp 3.1.1. Khái quát về viễn cảnh của doanh nghiệp 3.1.2. Các yếu tố cấu thành của Viễn cảnh (Cấu trúc của viễn cảnh)	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2
3.2. Sứ mạng (nhiệm vụ) của doanh nghiệp 3.2.1. Khái quát về sứ mạng và bản tuyên bố sứ mạng 3.2.2. Vai trò của mục tiêu 3.2.3. Các yêu cầu đối với hệ thống mục tiêu chiến lược 3.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc hình thành hệ thống mục tiêu chiến lược 3.3.5. Lựa chọn các mục tiêu chiến lược	3	0,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 2
Chương 4. LỢI THẾ CẠNH TRANH	4	1		5	10	
4.1. Khái niệm và bản chất của	1			1	2	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lợi thế cạnh tranh 4.1.1. Cạnh tranh, lợi thế cạnh tranh và quan điểm tạo lợi thế cạnh tranh 4.1.2. Bản chất của lợi thế cạnh tranh						chương 5
4.2. Tạo dựng lợi thế cạnh tranh 4.2.1. Nguồn gốc của lợi thế cạnh tranh 4.2.2. Các khối tạo lợi thế cạnh tranh 4.2.3. Các tiêu chuẩn để xác định lợi thế cạnh tranh bền vững 4.2.4. Lựa chọn lợi thế cạnh tranh	2			2	4	Độc TLC 1, chương 5
4.3. Duy trì lợi thế cạnh tranh 4.3.1. Phân tích tính lâu bền chiến của lợi thế cạnh tranh 4.3.2. Duy trì lợi thế cạnh tranh 4.3.3. Các yếu tố tác động đến việc xây dựng lợi thế cạnh tranh	1	1		2	4	Độc TLC 1, chương 5
Chương 5. CHIẾN LƯỢC CẤP DOANH NGHIỆP	4	1		5	10	
5.1. Chiến lược tăng trưởng 5.1.1. Chiến lược tăng trưởng tập trung 5.1.2. Chiến lược tăng trưởng bằng con đường hội nhập (liên kết) 5.1.3. Chiến lược tăng trưởng bằng cách đa dạng hoá	1	0,5		1,5	3	Độc TLC 1, chương 7
5.2. Chiến lược suy giảm	2	0,5		2,5	5	Độc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.1. Cắt giảm chi phí 5.2.2. Thu lại vốn đầu tư 5.2.3. Thu hoạch 5.2.4. Chiến lược rút lui						chương 7
5.3. Chiến lược đổi mới	1			1	2	Độc TLC 1, chương 7
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 6. CHIẾN LƯỢC CẤP ĐƠN VỊ KINH DOANH VÀ CẤP CHỨC NĂNG	4	1		5	10	
6.1. Chiến lược cấp đơn vị kinh doanh 6.1.1. Khái quát về chiến lược cấp đơn vị kinh doanh 6.1.2. Các chiến lược cấp đơn vị kinh doanh	1	0,5		1,5	3	Độc TLC 1, chương 8
6.2. Các chiến lược chức năng 6.2.1. Chiến lược sản xuất/tác nghiệp 6.2.2. Chiến lược tài chính 6.2.3. Chiến lược nghiên cứu và phát triển 6.2.4. Chiến lược quản trị nguồn nhân lực 6.2.5. Chiến lược Quản trị hệ thống thông tin 6.2.6. Chiến lược marketing	3	0,5		3,5	7	Độc TLC 1, chương 9
Chương 7.LỰA CHỌN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC	3	1		4	8	
7.1. Lựa chọn chiến lược 7.1.1. Yêu cầu của lựa chọn chiến lược	1	0,5		1,5	3	Độc TLC 1, chương 11; Độc TLC 3, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.1.2. Các nhân tố chính ảnh hưởng đến việc lựa chọn chiến lược 7.1.3. Quy trình lựa chọn chiến lược 7.1.4. Mô hình phân tích và lựa chọn chiến lược						
7.2. Thực hiện chiến lược 7.2.1. Bản chất và nguyên tắc của quá trình thực hiện chiến lược 7.2.2. Nội dung chủ yếu của quá trình thực hiện chiến lược 7.2.3. Quản trị thay đổi trong thực hiện chiến lược 7.2.4. Tạo môi trường văn hoá hỗ trợ cho chiến lược	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 11; Đọc TLC 3, chương 7
Chương 8. ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC	4	1		5	10	
8.1. Bản chất của việc đánh giá chiến lược 8.1.1. Mục tiêu của việc kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh 8.1.2. Yêu cầu đối với kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 15
8.2. Quy trình kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược kinh doanh 8.2.1. Xác định nội dung kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh 8.2.2. Xây dựng các tiêu chuẩn	3	0,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 15; Đọc TLC 3, chương 8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
kiểm tra 8.2.3. Phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh 8.2.4. Thực hiện kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh theo tiêu chuẩn 8.2.5. Tổ chức điều chỉnh chiến lược kinh doanh 8.2.6. Điều kiện kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh có hiệu quả						
Chương 9. CHIẾN LƯỢC TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU	4	1		5	10	
9.1. Toàn cầu hóa và những vấn đề cần quan tâm trong quản trị chiến lược 9.1.1. Những vấn đề đặt ra trong xu thế toàn cầu hóa 9.1.2. Những áp lực mà các doanh nghiệp phải đối mặt trước xu thế toàn cầu	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10
9.2. Lựa chọn chiến lược kinh doanh toàn cầu 9.2.1. Chiến lược đa quốc gia 9.2.2. Chiến lược xuyên quốc gia 9.2.3 Chiến lược toàn cầu 9.2.4. Chiến lược quốc tế	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10
9.3. Các phương thức thâm nhập thị trường nước ngoài 9.3.1. Xuất khẩu	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9.3.2. Bán bản quyền 9.3.3. Nhượng quyền kinh doanh 9.3.4. Liên doanh 9.3.5. Lập các công ty con sở hữu hoàn toàn						
9.4. Các liên minh chiến lược toàn cầu 9.4.1. Các lợi thế của liên minh chiến lược 9.4.2. Bất lợi của các liên minh chiến lược	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	34	9	2	45	90	

4.5.22. Quản trị marketing

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Quản trị marketing**
- Tiếng Anh: **Marketing management**

Mã học phần: KTQU2510

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết

▪ Bài tập:	0	tiết
▪ Thảo luận, hoạt động nhóm:	5	tiết
▪ Kiểm tra:	02	tiết
Thời gian tự học:	60	giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trình bày được bản chất của marketing và quản trị marketing, cơ hội marketing với doanh nghiệp, chiến lược marketing mục tiêu, marketing cạnh tranh, hoạch định chương trình marketing đồng thời tổ chức kiểm tra đánh giá hoạt động marketing.

- *Về kỹ năng*: Biết vận dụng các kiến thức cơ bản của quản trị marketing để có thể lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá một kế hoạch marketing. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức kỹ năng trong việc hoạch định, xây dựng các chính sách chương trình marketing cho doanh nghiệp trên cơ sở phân tích dự báo thị trường; các kỹ năng marketing để thực thi chiến lược marketing trong doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Minh Đạo (2012), *Marketing căn bản*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Hoàn (2013), *Marketing căn bản*, NXB Lao động.
3. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Lao động.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Thế Giới (2011), *Quản trị Marketing (Định hướng giá trị)*, NXB Tài Chính.
2. Lưu Đan Thọ (2016), *Marketing khách hàng tổ chức*, NXB Tài Chính.
3. Nguyễn Xuân Lân, Võ Quang Trí (2014), *Quản trị marketing*, NXB Tài Chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. BẢN CHẤT CỦA MARKETING VÀ QUẢN TRỊ MARKETING	4			4	8	Đọc TLC1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo
1.1. Bản chất của Marketing	1			1	2	
1.1.1. Khái niệm Marketing						
1.1.2. Các khái niệm thuộc về bản chất của Marketing						
1.1.3. Vai trò của Marketing						
1.2. Các quan điểm định hướng	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
kinh doanh của doanh nghiệp 1.2.1. Quan điểm quản trị doanh nghiệp theo định hướng sản xuất 1.2.2. Quan điểm quản trị doanh nghiệp theo định hướng vào công nghệ hay hoàn thiện sản phẩm 1.2.3. Quan điểm quản trị doanh nghiệp theo định hướng bán hàng 1.2.4. Quan điểm quản trị doanh nghiệp theo marketing hiện đại						
1.3. Quản trị Marketing 1.3.1. Khái niệm quản trị marketing 1.3.2. Đặc điểm của quản trị marketing 1.3.3. Những nhiệm vụ chủ yếu của quản trị marketing 1.3.4. Quản trị marketing dựa trên nguồn lực 1.3.5. Quan hệ giữa chức năng quản trị marketing với các chức năng quản trị khác trong doanh nghiệp	1			1	2	
1.4 Quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng và marketing quan hệ 1.4.1 Giá trị, chi phí và sự thỏa mãn của khách hàng 1.4.2. Quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng và chuỗi giá trị theo quan điểm marketing hiện đại 1.4.3. Marketing quan hệ hay quản trị quan hệ khách hàng	1			1	2	
Chương 2. PHÂN TÍCH CƠ HỘI MARKETING	5		2	7	14	Đọc TLC 1, chương 3,4,5,6
2.1. Hệ thống thông tin Marketing 2.1.1. Khái niệm hệ thống thông tin Marketing hay hệ thống trợ giúp ra	1			1	2	Đọc TLC2, chương 2,3 Chuẩn bị bài, tự

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
quyết định marketing 2.1.2. Trung tâm thông tin marketing hay cơ sở dữ liệu marketing 2.1.3. Hệ thống phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định marketing						học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Phân tích môi trường Marketing 2.2.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của việc phân tích môi trường marketing 2.2.2. Phân tích môi trường marketing vĩ mô 2.2.3. Phân tích môi trường marketing vi mô	1		1	2	4	
2.3. Phân tích các khách hàng của doanh nghiệp 2.3.1. Thị trường tiêu dùng cá nhân và hành vi của người tiêu dùng cá nhân 2.3.2. Thị trường và hành vi mua của các tổ chức 2.3.3. Sử dụng kết quả nghiên cứu hành vi mua trong quản trị marketing	2		1	3	6	
2.4. Phân tích đối thủ cạnh tranh và xác định lợi thế cạnh tranh khác biệt 2.4.1. Quan điểm marketing về cạnh tranh 2.4.2. Nghiên cứu đối thủ cạnh tranh 2.4.3. Quản trị thông tin về đối thủ cạnh tranh và xác định lợi thế cạnh tranh khác biệt của doanh nghiệp 2.4.4. Xác định lợi thế cạnh tranh khác biệt dài hạn và ứng xử của	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
doanh nghiệp trước các đối thủ cạnh tranh						
Chương 3. CHIẾN LƯỢC MARKETING MỤC TIÊU	4			4	8	Đọc TLC 1, chương 7,8
3.1. Phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu 3.1.1. Xác định vị thế hiện tại của doanh nghiệp trên thị trường sản phẩm 3.1.2. Xác định đối tượng khách hàng 3.1.3. Phân chia thị trường theo các tiêu thức phù hợp 3.1.4. Đánh giá tiềm năng của các đoạn thị trường 3.1.5. Phân tích lựa chọn thị trường mục tiêu 3.1.6. Hoạch định chiến lược marketing và marketing hỗn hợp	3			3	6	Đọc TLC 3, chương 6 , tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Chiến lược khác biệt hóa và định vị 3.2.1. Các chiến lược khác biệt hóa 3.2.2. Định vị và chiến lược định vị	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. CHIẾN LƯỢC MARKETING CẠNH TRANH	6		2	8	16	Đọc TLC 1, chương 9
4.1 Hoạch định chiến lược Marketing 4.1.1. Khái niệm hoạch định chiến lược Marketing 4.1.2. Quy trình hoạch định chiến lược Marketing 4.1.3. Phương pháp hoạch định chiến lược của Philip Kotler 4.1.4. Hoạch định Marketing	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 5 . Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.2 Chiến lược thị trường	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.1. Chiến lược Marketing tổng thể 4.2.2. Chiến lược Marketing đa dạng hóa sản phẩm 4.2.3. Chiến lược Marketing mục tiêu						
4.3. Chiến lược Marketing – Chu kỳ sống của sản phẩm. 4.3.1. Giai đoạn phát triển sản phẩm mới 4.3.2. Giai đoạn giới thiệu 4.3.3. Giai đoạn phát triển 4.3.4. Giai đoạn bão hòa 4.3.5. Giai đoạn suy thoái	2			2	4	
4.4 Chiến lược Marketing theo vị thế doanh nghiệp trên thị trường 4.4.1. Chiến lược dẫn đầu thị trường 4.4.2. Chiến lược người thách thức thị trường 4.4.3. Chiến lược của người theo sau thị trường 4.4.4. Chiến lược nép góc thị trường	2		1	3	6	
Chương 5. HOẠCH ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH MARKETING	4		1	5	10	
5.1 Quản trị sản phẩm và thương hiệu 5.1.1. Các vấn đề cơ bản trong quản trị sản phẩm 5.1.2. Quản trị thương hiệu 5.1.3. Kiểm tra sản phẩm 5.1.4. Tổ chức quản trị sản phẩm và thương hiệu	1			1	2	Đọc TLC1, chương 11, 12,13,14 Đọc TLC3, chương 5,6,7,8 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.2 Quản trị giá	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.1. Xác định giá bán sản phẩm 5.2.2. Chiến lược giá và phân biệt giá 5.2.3. Các quyết định về thay đổi hoặc điều chỉnh giá						
5.3 Quản trị kênh phân phối 5.3.1. Bản chất và chức năng của hệ thống kênh phân phối 5.3.2. Cấu trúc, hoạt động và hình thức tổ chức của kênh phân phối 5.3.3. Tổ chức kênh phân phối 5.3.4.Quản lý kênh phân phối 5.3.5. Quyết định phân phối hàng hóa vật chất	1			1	2	
5.4 Quản trị truyền thông marketing tích hợp 5.4.1. Bản chất của truyền thông marketing tích hợp 5.4.2. Các công cụ của truyền thông marketing tích hợp 5.4.3. Lập kế hoạch truyền thông marketing tích hợp	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	23		7	30	60	

4.5.23. Quản trị tác nghiệp

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Quản trị tác nghiệp**
- Tiếng Anh: **Operational management 1**

Mã học phần: KTQU2511

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: Đại học chính quy ngành quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒

giáo dục đại cương ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: : 36 tiết
- Bài tập: : 07 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm : 0 tiết
- Kiểm tra: : 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh/ Khoa kinh tế tài nguyên và môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được những kiến thức cơ bản về quản trị tác nghiệp để họ có thể trợ giúp cho các nhà quản trị và chủ doanh nghiệp điều hành sản xuất kinh doanh tốt và hiệu quả hơn. Cụ thể:

- + Trình bày được những nội dung cơ bản của quản trị tác nghiệp như dự báo cung cầu, thiết kế sản phẩm, tổ chức sản xuất và cung ứng dịch vụ;
- + Phân tích được khái niệm, mục tiêu và vai trò của quản tác nghiệp hiện đại;
- + Nêu và vận dụng được các phương pháp thực hiện từng hoạt động quản trị sản tác nghiệp vào thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

- *Về kỹ năng:* Sinh viên có thể vận dụng một số kỹ năng trong tác nghiệp như

- + Quản trị và thiết lập, điều hành hệ thống sản xuất kinh doanh;
- + Lập kế hoạch sản xuất (có đảm bảo chất lượng);
- + Phân tích, dự báo và ra quyết định trong quản trị sản xuất...

Từ đó, sinh viên có thể tham gia quản trị hệ thống sản xuất một cách chủ động, sáng tạo.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có

năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về công tác hoạch định và tổ chức quá trình sản xuất trong doanh nghiệp; trình bày các nguyên tắc và phân tích quá trình ra quyết định cho một hệ thống sản xuất tối ưu. Môn học tập trung nghiên cứu khái niệm, vai trò, phương pháp thực hiện các nội dung: dự báo cầu sản phẩm, thiết kế hệ thống sản xuất và cung cấp dịch vụ, hoạch định năng lực sản xuất, lựa chọn địa điểm, bố trí mặt bằng sản xuất, lập kế hoạch nguyên vật liệu, lên kế hoạch dự trữ.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Ngô Kim Thanh (2013), *Giáo trình quản trị doanh nghiệp*, NXB Kinh tế Quốc dân.
2. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Lao động.
3. Trương Đức Lực (2011), *Giáo trình quản trị tác nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS. TS Trương Đoàn Thê (2007), *Giáo trình quản trị sản xuất và tác nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ TÁC NGHIỆP	3			3	6	Đọc TLC 1, từ trang 9-35
1.1 Một số khái niệm cơ bản về quản trị tác nghiệp <i>1.1.1 Khái niệm quản trị tác nghiệp</i> <i>1.1.2 Đối tượng, mục đích, nhiệm vụ của quản trị tác nghiệp</i> <i>1.1.3 Lịch sử phát triển của khoa học quản trị tác nghiệp</i>	1			1	2	
1.2 Định hướng phát triển của tổ chức sản xuất hiện đại	1			1	2	
1.3 Nội dung của quản trị tác nghiệp	1			1	2	
CHƯƠNG 2. DỰ BÁO NHU CẦU SẢN PHẨM	5	2		7	14	Đọc TLC 1 từ trang 35-69, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1 Một số khái niệm cơ bản về dự báo nhu cầu sản phẩm <i>2.1.1 Khái niệm dự báo</i> <i>2.1.2 Khái niệm cầu</i> <i>2.1.3 Khái niệm dự báo cầu sản</i>	0,5			0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>phẩm</i> <i>2.1.4 Các phương pháp dự báo cơ bản</i>						
2.2 Các phương pháp dự báo định tính <i>2.2.1 Lấy ý kiến của ban quản trị doanh nghiệp</i> <i>2.2.2 Lấy ý kiến của bộ phận bán hàng</i> <i>2.2.3 Điều tra khách hàng</i> <i>2.2.4 Phương pháp Delphi</i>	0,5			0,5	1	
2.3 Các phương pháp dự báo định lượng <i>2.3.1 Dự báo trên chuỗi dữ liệu theo thời gian</i> <i>2.3.2 Phương pháp dự báo nhân quả</i>	2	1		3	6	
2.4 Đo lường và kiểm soát sai số của dự báo <i>2.4.1 Đo lường sai số của dự báo</i> <i>2.4.2 Kiểm soát sai số của dự báo</i> <i>2.4.3 Lựa chọn và sử dụng kết quả của dự báo</i>	2	1		3	6	
CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ SẢN PHẨM VÀ HOẠCH ĐỊNH CÔNG SUẤT	8	2		10	20	
3.1 Thiết kế sản phẩm và lựa chọn quy	4	1		5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trình công nghệ 3.1.1 Thiết kế sản phẩm 3.1.2. Quy trình thiết kế sản phẩm 3.1.3. Lựa chọn quá trình sản xuất 3.1.4. Thiết kế và lựa chọn phương thức cung ứng dịch vụ						Đọc TLC 1 từ trang 69-139, TLC 2 từ trang 289-316 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2 Hoạch định công suất 3.2.1 Lựa chọn phương thức sản xuất 3.2.2 Phương pháp hoạch định công suất	4	1		5	10	
CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC SẢN XUẤT	6	1		7	14	Đọc TLC 1 từ trang 139-175, TLC 3 trang 112-134; Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1 Khái niệm, mục đích, nhiệm vụ của tổ chức sản xuất	1			1	2	
4.2 Lựa chọn vị trí sản xuất của doanh nghiệp 4.2.1 Bản chất và nhiệm vụ của lựa chọn vị trí sản xuất 4.2.2 Quy trình lựa chọn vị trí sản xuất 4.2.3 Các phương pháp đánh giá lựa chọn vị trí sản xuất	2			2	4	
4.3 Bố trí sản xuất trong doanh nghiệp 4.3.1 Khái niệm, ý nghĩa của bố trí sản xuất						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3.2 Các loại hình bố trí sản xuất trong doanh nghiệp						
4.4 Các phương pháp tổ chức sản xuất	2	1		3	6	
4.4.1 Phương pháp biểu đồ						
4.4.2 Phương pháp đường tới hạn CPM						
4.4.3 Phương pháp Pert						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ DỰ TRỮ SẢN XUẤT	8	2		10	20	Đọc TLC 1 từ trang 333-367, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1 Khái niệm, mục đích, chức năng của quản trị dự trữ	2			2	4	
5.2 Các mô hình quản trị dự trữ cơ bản	3	1		4	8	
5.2.1 Mô hình lượng đặt hàng kinh tế cơ bản (EOQ)						
5.2.2 Mô hình lượng đặt hàng theo nhịp độ sản xuất						
5.2.3 Mô hình dự trữ thiếu (BOQ)						
5.2.4 Mô hình lô sản xuất kinh tế (EPL)						
5.2.5 Dự trữ bảo hiểm						
CHƯƠNG 6. HOẠCH ĐỊNH NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU	3			3	6	Đọc TLC 1 từ trang 148 - 155,
6.1 Khái niệm hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2 Xây dựng hệ thống hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu	1			1		Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.3 Phương pháp xác định kích cỡ lô hàng 6.3.1 Mua theo lô 6.3.2 Phương pháp đặt hàng cố định theo thời gian	1			1	2	
CHƯƠNG 7. QUẢN TRỊ DỊCH VỤ	3			3	6	Đọc TLC 1 từ trang159 - 189, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
7.1 Những vấn đề chung về quản trị dịch vụ 7.1.1 Cấu trúc của hệ thống dịch vụ 7.1.2 Đặc điểm của hệ thống dịch vụ 7.1.3 Phân loại hệ thống dịch vụ	2			2	4	
7.2 Ứng dụng lý thuyết xếp hàng trong quản trị dịch vụ	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

4.5.24. Quản trị nguồn nhân lực

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị nguồn nhân lực**
 - Tiếng Anh: **Human resources management**
- Mã học phần: HRM 203
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, business management

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học hiểu được các vấn đề căn bản về các hoạt động quản trị nguồn nhân lực, cụ thể như sau: Các nhân tố cần thiết để quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; phân tích công việc; lập kế hoạch về nguồn nhân lực; phương pháp để tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên; phương pháp trả lương hiệu quả.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng sáng tạo những vấn đề cơ bản của quản trị nhân lực; nhận thức được sự cần thiết phải xây dựng nguồn nhân lực linh hoạt hiệu quả.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương và hợp đồng với người lao động.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Minh Nhân (2016), *Giáo trình quản trị nhân lực căn bản*, NXB Thống kê.

2. Nguyễn Ngọc Quân (2012), *Quản trị nhân lực*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

3. Trần Kim Dung (2016), *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB kinh tế TPHCM.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. John. M. Ivancevich (2010), *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh.

2. Lưu Trọng Tuấn (2014), *Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn*, NXB Lao động.

3. Nhiều tác giả (2012), *Quản lý nhân sự*, NXB Tài chính.

4. Viện nghiên cứu và đào tạo về quản lý (2008), *Quản lý nguồn lực trong doanh nghiệp*, NXB Lao động.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)	Tự	

	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng	học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC	3			3	6	
1.1. Khái niệm, chức năng và nhiệm vụ của quản trị nguồn nhân lực <i>1.1.1. Khái niệm nguồn nhân lực, quản trị nguồn nhân lực</i> <i>1.1.2. Các chức năng cơ bản của quản trị nguồn nhân lực</i> <i>1.1.3. Nhiệm vụ của quản trị nguồn nhân lực</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,2 chương 1
1.2. Các nội dung cơ bản của quản trị nguồn nhân lực <i>1.2.1. Nội dung của quản trị nhân lực tiếp cận theo quá trình</i> <i>1.2.2. Nội dung của quản trị nhân lực tiếp cận theo tác nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,2 chương 1
1.3. Các học thuyết và tư tưởng quản trị nhân lực <i>1.3.1. Học thuyết quản trị nguồn nhân lực phương đông</i> <i>1.3.2. Học thuyết quản trị nguồn nhân lực phương tây</i> <i>1.3.3. Tư tưởng quản trị nhân lực Việt Nam.</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,2 chương 1
CHƯƠNG 2. HOẠCH ĐỊNH NHÂN LỰC	6	1		7	14	
2.1. Khái niệm và vai trò của hoạch định nhân lực. <i>2.1.1. Khái niệm hoạch định nhân lực</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.2. Vai trò của hoạch định nhân lực						
2.2. Nguyên tắc, yêu cầu và căn cứ hoạch định nguồn nhân lực 2.2.1. Nguyên tắc hoạch định nguồn nhân lực 2.2.2. Yêu cầu hoạch định nguồn nhân lực 2.2.3. Căn cứ hoạch định nguồn nhân lực. 2.2.4. Các phương pháp phân tích công việc.	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2
2.3. Nội dung hoạch định nguồn nhân lực 2.3.1. Hoạch định chiến lược nhân lực 2.3.2. Hoạch định chiến thuật nhân lực 2.3.3. Hoạch định tác nghiệp nhân lực	3	1		4	8	
CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC	7	2		9	18	
3.1. Công việc và chức danh công việc 3.1.1. Công việc 3.1.2. Chức danh công việc.	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 3 Đọc TLC 1, chương 3
3.2. Khái niệm vai trò của phân tích công việc 3.2.1. Khái niệm phân tích công việc 3.2.2. Mối quan hệ giữa phân	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 3 Đọc TLC 1, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tích và thiết kế công việc 3.2.3. Các trường hợp cần tiến hành phân tích công việc 3.2.4. Vai trò của phân tích công việc 3.2.5. Một số vấn đề thường gặp trong quá trình phân tích công việc						
3.3. Sản phẩm của phân tích công việc 3.3.1. Bản mô tả công việc 3.3.2. Bản tiêu chuẩn công việc	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 3 Đọc TLC 1, chương 3
3.4. Quy trình phân tích công việc 3.4.1. Xác định sự phù hợp của cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của bộ phận với chiến lược kinh doanh 3.4.2. Lập danh sách các chức danh cần phân tích 3.4.3. Xác định đối tượng tham gia phân tích công việc 3.4.4. Thu thập thông tin phân tích 3.4.5. Xây dựng sản phẩm phân tích công việc 3.4.6. Ban hành và sử dụng kết quả phân tích công việc 3.4.7. Điều chỉnh phân tích công việc.	3		1	4	8	
CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC BỘ	5	1		6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
MÁY QUẢN TRỊ NHÂN LỰC						
4.1. Khái niệm, vai trò tổ chức bộ máy quản trị nhân lực 4.1.1. Khái niệm tổ chức bộ máy quản trị nhân lực 4.1.2. Vai trò tổ chức bộ máy quản trị nhân lực	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4
4.2 Chức năng nhiệm vụ của bộ máy quản trị nhân lực 4.2.1. Chức năng của bộ máy quản trị nhân lực 4.2.2. Nhiệm vụ của bộ máy quản trị nhân lực	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4
4.3 Hình thức tổ chức của bộ máy quản trị nhân lực 4.3.1. Theo cấu trúc giản đơn 4.3.2. Theo cấu trúc chức năng 4.3.3. Theo cấu trúc hỗn hợp 4.3.4. Theo cấu trúc HRBP	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4
4.4. Lựa chọn bộ máy quản trị nhân lực 4.4.1. Căn cứ lựa chọn bộ máy quản trị nhân lực 4.4.2. Nguyên tắc lựa chọn bộ máy quản trị nhân lực	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4
4.5. Bộ máy chuyên trách hoạt động quản trị nhân lực 4.5.1. Quy mô và cơ cấu bộ phận chuyên trách hoạt động quản trị nhân lực 4.5.2. Tiêu chuẩn đối với chức	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
danh chuyên trách công tác nhân lực						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	8	2		10	20	
5.1. Khái niệm và vai trò của tổ chức hoạt động quản trị nhân lực 5.1.1. Khái niệm tổ chức hoạt động quản trị nhân lực 5.1.2. Vai trò của tổ chức hoạt động quản trị nhân lực	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5
5.2. Nội dung của tổ chức hoạt động quản trị nhân lực 5.2.1. Tổ chức hoạt động tuyển dụng 5.2.2. Tổ chức hoạt động bố trí và sử dụng nhân lực 5.2.3. Tổ chức hoạt động đào tạo phát triển 5.2.4. Tổ chức hoạt động đánh giá thực hiện công việc nhân lực 5.2.5. Tổ chức hoạt động đãi ngộ nhân lực 5.2.6. Tổ chức hoạt động khác	6	2		8	16	Đọc TLC 1, chương 5
CHƯƠNG 6. TẠO ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC	3	1		4	8	
6.1. Khái niệm và vai trò tạo động lực 6.1.1. Khái niệm tạo động lực 6.1.2. Vai trò của tạo động lực	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2. Các học thuyết tạo động lực 6.2.1. Nhóm các học thuyết nhu cầu của người lao động 6.2.2. Nhóm các học thuyết theo cách thức theo cách thức của tạo động lực làm việc	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
6.3. Quy trình tạo động lực 6.3.1. Xác định nhu cầu của người lao động 6.3.2. Phân loại nhu cầu của người lao động 6.3.3. Thiết kế chương trình tạo động lực của người lao động 6.3.4. Triển khai chương trình tạo động lực làm việc cho người lao động 6.3.5. Đánh giá tạo động lực làm việc cho người lao động	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6
CHƯƠNG 7. KIỂM SOÁT QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	4			4	8	
7.1. Khái niệm vai trò kiểm soát quản trị nhân lực 7.1.1. Khái niệm kiểm soát quản trị nhân lực 7.1.2. Vai trò kiểm soát quản trị nhân lực 7.1.3. Nguyên tắc kiểm soát quản trị nhân lực	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6
7.2. Phân loại kiểm soát quản trị nhân lực 7.2.1. Kiểm soát trước khi thực	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
hiện hoạt động quản trị nhân lực 7.2.2. Kiểm soát trong khi thực hiện hoạt động quản trị nhân lực 7.2.3. Kiểm soát sau khi thực hiện hoạt động quản trị nhân lực						chương 6
7.3. Nội dung kiểm soát quản trị nhân lực 7.3.1. Theo cách tiếp cận quá trình 7.3.2. Theo cách tiếp cận tác nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6
7.4. Quy trình kiểm soát quản trị nhân lực 7.4.1. Xác định tiêu chuẩn kiểm soát 7.4.2. Đo lường kết quả hoạt động quản trị nhân lực 7.4.3. Phân tích chênh lệch giữa tiêu chuẩn và kết quả thực hiện quản trị nhân lực 7.4.4. Tiến hành điều chỉnh hoạt động quản trị nhân lực	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

4.5.25. Quản trị tài chính

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Quản trị tài chính**

Tiếng Anh: **Financial Management**

Mã học phần: KTTC2506

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước: Tài chính - Tiền tệ

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết

Bài tập: 12 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tài chính doanh nghiệp, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính nhằm mục đích gia tăng giá trị của công ty. Sau khi học xong học phần này, người học có thể phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp; quản lý tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp; huy động và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; phân bổ vốn và các quyết định về đầu tư; xây dựng chính sách phân phối lợi nhuận phù hợp với doanh nghiệp ở từng giai đoạn; đọc được các báo cáo tài chính và sử dụng thông tin tài chính trong quá trình ra quyết định

- *Về kỹ năng:* Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp, tính được khấu hao tài sản cố định, xác định nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng từng loại vốn của doanh nghiệp; Phân tích, đánh giá rủi ro và tỷ suất sinh lời; Xác định dòng tiền của các dự án để lựa chọn dự án đầu tư dài hạn; Đọc, hiểu và phân tích được báo cáo tài chính của doanh nghiệp; Phân tích, so sánh các điểm lợi và bất lợi của các nguồn tài trợ để lựa chọn phương thức huy động vốn có lợi nhất;

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến

trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học đề cập đến các vấn đề cốt yếu về quản trị tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như chi phí huy động và sử dụng vốn; đánh giá mức độ rủi ro trong hoạt động đầu tư, cơ cấu tài chính và sử dụng các công cụ tài chính của doanh nghiệp, các hoạt động quản trị tài sản dài hạn, quản trị nguồn vốn, chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Lao động.
2. Vũ Văn Ninh, Bùi Văn Vân (2015), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính.
3. Nguyễn Trung Trực (2015), *Quản trị tài chính*, NXB Kinh Tế TP HCM .

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Hà, Phạm Thị Thanh Hoà (2015), *Corporate Finance*, NXB Tài chính.
2. Nguyễn Minh Kiều (2012), *Tài chính doanh nghiệp căn bản*, NXB Lao động xã hội.
3. Nguyễn Thu Thuỷ (2011), *Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp*, NXB Lao động.
4. Nguyễn Trung Trực (2013), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp Phần 1*, NXB Kinh tế TP HCM.
5. Luật doanh nghiệp, *Luật số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp;
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp;

- Thảo luận, rèn kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	4			4	8	
1.1. Tài chính doanh nghiệp và các quyết định tài chính doanh nghiệp 1.1.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp 1.1.2. Các quyết định tài chính của doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2. Quản trị tài chính doanh nghiệp <i>1.2.1. Khái niệm quản trị tài chính doanh nghiệp</i> <i>1.2.2. Vai trò của quản trị tài chính doanh nghiệp.</i> <i>1.2.3 Nội dung của quản trị tài chính doanh nghiệp</i> <i>1.2.4. Giá trị doanh nghiệp và mục tiêu của quản trị tài chính doanh nghiệp</i> <i>1.2.5 Những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng tới quản trị tài chính doanh nghiệp</i> <i>1.2.5. Bộ máy quản trị tài chính doanh nghiệp</i>	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1;
CHƯƠNG 2. CÁC CÔNG CỤ CHỦ YẾU TRONG QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	5	4		9	18	
2.1 Giá trị thời gian của tiền <i>2.1.1 Lãi suất, lãi đơn và lãi kép</i> <i>2.1.2 Giá trị thời gian của một khoản tiền</i> <i>2.1.3. Giá trị thời gian của một chuỗi tiền tệ</i> <i>2.1.4. Xác định lãi suất</i> <i>2.1.5 Mô hình dòng tiền chiết khấu</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2 Rủi ro và tỷ suất sinh lời 2.2.1 Khái niệm rủi ro và tỷ suất sinh lời 2.2.2 Đánh giá mức độ rủi ro 2.2.3 Mối quan hệ giữa rủi ro và tỷ suất sinh lời đòi hỏi	1	2		3	6	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 3;
2.3 Báo cáo tài chính doanh nghiệp và cá hệ số tài chính cơ bản 2.3.1 Báo cáo tài chính doanh nghiệp 2.3.2 Các hệ số tài chính cơ bản của doanh nghiệp	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 4;
CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ TÀI SẢN NGẮN HẠN CỦA DOANH NGHIỆP	3	2				
3.1 Tài sản lưu động và vốn lưu động	1					Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 16
3.2 Quản trị vốn lưu động. 3.2.1 Xác định nhu cầu vốn lưu động 3.2.2 Quản trị vốn bằng tiền 3.2.3 Quản trị hàng tồn kho 3.2.4 Quản trị các khoản phải thu 3.2.3. Các chỉ tiêu đánh giá tình hình quản lý, sử dụng vốn lưu động	2	2				Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 16
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ TÀI SẢN DÀI HẠN CỦA DOANH NGHIỆP	6	5		11	22	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1 Quản trị tài sản cố định <i>4.1.1 Tài sản cố định và vốn cố định</i> <i>4.1.2 Khấu hao tài sản cố định</i> <i>4.1.3 Các chỉ tiêu đánh giá tình hình quản lý, sử dụng tài sản cố định và vốn cố định</i>	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 16
4.2 Đầu tư dài hạn của doanh nghiệp <i>4.2.1. Đầu tư dài hạn của doanh nghiệp và các loại dự án đầu tư dài hạn</i> <i>4.2.2. Xác định dòng tiền của dự án đầu tư dài hạn</i> <i>4.2.3. Các tiêu chuẩn quyết định lựa chọn dự án đầu tư dài hạn</i>	3	2		5	10	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 16,18
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ NGUỒN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP	7	1		8	16	
5.1. Khái quát chung về nguồn vốn của doanh nghiệp <i>5.1.1. Khái niệm nguồn vốn của doanh nghiệp</i> <i>5.1.2. Phân loại nguồn vốn của doanh nghiệp</i> <i>5.1.3 Mô hình về nguồn tài trợ</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 10;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2. Nguồn vốn ngắn hạn của doanh nghiệp <i>5.2.1. Nợ phải trả có tính chất chu kỳ.</i> <i>5.2.2 Nợ phải trả nhà cung cấp</i> <i>5.2.3 Tín dụng ngân hàng</i> <i>5.2.4 Điểm lợi và bất lợi khi sử dụng nguồn vốn ngắn hạn.</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 10;
5.3 Nguồn vốn dài hạn của doanh nghiệp <i>5.3.1 Nguồn vốn bên trong của doanh nghiệp</i> <i>5.3.2 Nguồn vốn bên ngoài của doanh nghiệp</i>	2			3	6	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 11;
5.4 Chi phí sử dụng vốn <i>5.4.1 Khái niệm chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp</i> <i>5.4.2 Chi phí sử dụng vốn của các nguồn tài trợ.</i> <i>5.4.3 Chi phí sử dụng vốn bình quân và chi phí cận biên sử dụng vốn</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 12;
Thảo luận			1	1	2	
CHƯƠNG 6. CHÍNH SÁCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA DOANH NGHIỆP	5			5	10	
6.1. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp <i>6.1.1. Lợi nhuận của doanh nghiệp</i> <i>6.1.2. Phân phối lợi nhuận và các quỹ của doanh nghiệp</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 14;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2. Chính sách cổ tức của công ty cổ phần <i>6.2.1. Cổ tức và chính sách cổ tức</i> <i>6.2.2. Các hình thức cổ tức của công ty cổ phần</i> <i>6.2.3. Các chính sách cổ tức của công ty cổ phần</i>	3			6	12	Đọc TLC 2, chương 15;
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	12	3	45	90	

4.5.26. Quản trị dự án đầu tư

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Quản trị dự án đầu tư**

Tiếng Anh: **Project Management**

Mã học phần: KTQU2513

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và đồ án tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Sau khi nghiên cứu học phần Quản trị dự án đầu tư người học trình bày được những kiến thức cơ bản về dự án đầu tư như: Tổng quan về dự án đầu tư; quá trình lập một dự án đầu tư; thẩm định một dự án đầu tư; quản lý dự án đầu tư (nội dung, phương pháp, quản lý thời gian, tiến độ, phân phối nguồn lực, quản lý chất lượng và rủi ro của dự án..).

- *Về kỹ năng*: Phân tích và xây dựng các mô hình; các yêu cầu và giới hạn mục tiêu của quản lý dự án; khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong quá trình quản trị dự án. Vận dụng các lý thuyết về thiết kế, kế toán, dự toán, quản lý dự án... để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị dự án.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Học phần Quản trị dự án đầu tư nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc lập và quản trị một dự án đầu tư. Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề như: lập kế hoạch và lựa chọn phương án dự án đầu tư; quản trị thời gian và tiến độ công việc theo mạng thời gian theo phương pháp sơ đồ PERT và theo phương pháp sơ đồ GANTT; bố trí và điều phối nguồn lực thực hiện dự án theo như bản lập dự án; dự toán ngân sách và quản trị chi phí của một dự án; quản trị chất lượng và rủi ro trong quá trình dự án được thực hiện.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Từ Quang Phương (2014), *Quản lý dự án*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Bạch Nguyệt (2013), *Lập dự án đầu tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lưu Thị Hương (2010), *Thẩm định tài chính dự án*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Bùi Xuân Phong (2008.), *Quản trị dự án*, Nhà xuất bản học viện công nghệ bưu chính viễn thông

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp;
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp;
- Thảo luận, rèn kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	-7
Chương 1. Tổng quan về quản trị dự án	5			5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	-7
1.1 Dự án đầu tư <i>1.1.1 Khái niệm</i> <i>1.1.2 Đặc trưng của dự án</i>	2			2	4	
1.2 Quản trị dự án <i>1.2.1 Khái niệm, mục tiêu, vai trò của Quản trị dự án</i> <i>1.2.2 Nội dung Quản trị dự án</i>	3			3	6	
Chương 2. Lập kế hoạch và lựa chọn phương án dự án	4	5		9	18	
2.1 Lập kế hoạch dự án <i>2.1.1 Nghiên cứu phát hiện cơ hội đầu tư</i> <i>2.1.2 Nghiên cứu tiền khả thi</i> <i>2.1.3 Nghiên cứu khả thi</i> <i>2.1.4 Lập kế hoạch dự án</i>	2	2		4	8	
2.2 So sánh và lựa chọn phương án đầu tư <i>2.2.1 Xét trên phương diện tài chính</i> <i>2.2.2 Xét trên phương diện kinh tế xã hội</i> <i>2.2.3 Xét trên phương diện khác</i> <i>2.2.3 Xét trên phương diện khác</i>	2	3		5	10	
Chương 3. Quản trị thời gian và tiến độ dự án	4	3		7	14	
3.1 Mạng công việc	1	1		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	-7
3.1.1 Khái niệm và tác dụng 3.1.2 Phương pháp biểu diễn mạng công việc						
3.2 Phương pháp sơ đồ mạng PERT 3.2.1 Khái niệm và cấu trúc của sơ đồ PERT 3.2.2 Các ký hiệu, quy tắc lập sơ đồ PERT 3.2.3 Các bước vẽ sơ đồ PERT 3.2.4 Ưu điểm và hạn chế của sơ đồ PERT	1	1		2	4	
3.3 Phương pháp sơ đồ GANTT 3.3.1 Khái niệm và cấu trúc của sơ đồ GANTT 3.3.2 Các bước vẽ sơ đồ GANTT 3.3.3 Ưu điểm và hạn chế của sơ đồ GANTT	1	1		2	4	
3.4 Mối quan hệ giữa PERT và GANTT	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. Tổ chức và phân phối các nguồn lực của dự án	4	3		7	14	
4.1 Tổ chức nhân lực dự án 4.1.1 Bộ phận lao động gián tiếp	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	-7
4.1.2 Bộ phận lao động trực tiếp						
4.2 Phân phối các nguồn lực 4.2.1 Biểu đồ phụ tải nguồn lực và điều chỉnh nguồn lực 4.2.2 Phân phối nguồn lực bằng phương pháp ưu tiên	2	2		4	8	
Chương 5. Dự toán ngân sách và quản trị chi phí dự án	4			4	8	
5.1 Dự toán ngân sách 5.1.1 Khái niệm, vai trò, đặc điểm 5.1.2 Phân loại dự toán ngân sách 5.1.3 Phương pháp dự toán ngân sách	2			2	4	
5.2 Quản trị chi phí dự án 5.2.1 Chi phí dự án 5.2.2 Dự toán chi phí công việc dự án 5.2.3 Phân tích dòng chi phí dự án 5.2.4 Kiểm soát chi phí dự án	2			2	4	
Chương 6. Quản trị chất lượng dự án	4	2		6	12	
6.1 Khái niệm chất lượng, quản trị chất lượng và ý nghĩa của quản trị chất lượng	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	-7
6.1.1 Khái niệm chất lượng 6.1.2 Khái niệm quản trị chất lượng 6.1.3 Ý nghĩa của quản trị chất lượng						
6.2 Nội dung chủ yếu của quản trị chất lượng dự án 6.2.1 Lập kế hoạch chất lượng dự án 6.2.2 Đảm bảo chất lượng dự án 6.2.3 Kiểm soát chất lượng dự án	2			2	4	
6.3 Các công cụ quản trị chất lượng dự án	1			3	6	
Chương 7. Quản trị rủi ro dự án	4			4	8	
7.1 Rủi ro 7.1.1 Khái niệm 7.1.2 Phân loại 7.1.3 Các phương pháp đo lường rủi ro	2			2	4	
7.2 Quản trị rủi ro 7.2.1 Khái niệm quản trị rủi ro 7.2.2 Nội dung quản trị rủi ro 7.2.3 Các phương pháp quản trị rủi ro	2			2	4	
Chương 8. Giám sát và đánh	3			3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	-7
giá dự án						
8.1 Giám sát dự án <i>8.1.1 Khái niệm, vai trò của giám sát dự án</i> <i>8.1.2 Phân loại giám sát dự án</i> <i>8.1.3 Các phương pháp giám sát dự án</i> <i>8.1.4 Nội dung của giám sát dự án</i>	1			1	2	
8.2 Đánh giá dự án <i>8.2.1 Khái niệm, mục tiêu của đánh giá dự án</i> <i>8.2.2 Phân loại đánh giá dự án</i> <i>8.2.3 Các bước đánh giá dự án</i> <i>8.2.4 Các phương pháp đánh giá dự án</i> <i>8.2.5 Nội dung cơ bản của báo cáo đánh giá dự án</i>	2			2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	32	11	2	45	90	

4.5.27. Kinh doanh quốc tế

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Kinh doanh quốc tế**
- Tiếng Anh: **International Business**

Mã học phần: KTQU2514

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
- Bài tập: 0 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được bản chất, xu thế phát triển và các nguyên nhân tăng trưởng của kinh doanh quốc tế, các nhân tố cấu thành nên môi trường kinh doanh quốc gia và quốc tế; tác động của các nhân tố này tới hoạt động kinh doanh của các công ty; quá trình hoạch định và thực hiện các chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty.

- *Về kỹ năng:* Biết vận dụng các kiến thức cơ bản của kinh doanh quốc tế để hiểu và có những đánh giá về những thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trình bày các vấn đề cơ bản của kinh doanh quốc tế như: Tổng quan về kinh doanh quốc tế; ảnh hưởng các yếu tố môi trường vĩ mô đến kinh doanh quốc gia;

môi trường thương mại và đầu tư toàn cầu; chiến lược kinh doanh quốc tế; các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Thị Hồng Yến (2012), *Giáo trình kinh doanh quốc tế*, NXB Thống kê.
2. Ngô Kim Thanh (2015), *Quản trị chiến lược*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Phạm Duy Liên (2012), *Giáo trình giáo dịch thương mại quốc tế*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Hà Nam Khánh Giao (2014), *Giáo trình cao học Quản trị kinh doanh quốc tế*, NXB Tổng hợp TP HCM.
3. Phạm Như Hiền, Đỗ Huy Bình, Nguyễn Hoàng Dũng, 2008, *Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng (sách dịch)*, NXB Lao Động Xã Hội.
3. Trần Văn Bảo (2016), *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp thương mại*, NXB Đại học KTQD.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒Trắc nghiệm ☐Vấn đáp ☐Thực hành ☐**9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH QUỐC TẾ	4			4	8	Đọc TLC 1 chương 1; TLC 2 chương 1,2. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Khái quát về kinh doanh quốc tế 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Phạm vi, đặc điểm của hoạt động kinh doanh quốc tế	1			1	2	
1.2. Môi trường kinh doanh quốc tế 1.2.1. Môi trường kinh tế quốc tế 1.2.2. Môi trường chung nhất của kinh doanh quốc tế	2			2	4	
1.3. Xu hướng toàn cầu hóa trong kinh doanh quốc tế 1.3.1. Khái niệm toàn cầu hóa 1.3.2. Nội dung, tác động của toàn cầu hóa 1.3.3. Động lực thúc đẩy và triển vọng phát triển toàn cầu hóa	1			1	2	
Chương 2. ẢNH HƯỞNG CÁC YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG VĨ MÔ ĐẾN KINH DOANH QUỐC GIA	5		2	7	14	Đọc TLC 1 chương 3,5. TLC 2 2,3,4. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Môi trường văn hóa giữa các quốc gia 2.1.1. Vai trò của yếu tố văn hóa trong kinh doanh quốc tế 2.1.2. Một số nghiên cứu tiêu biểu về văn hóa 2.1.3. Những thành phần quan trọng của văn hóa 2.1.4. Văn hóa và những vấn đề đương đại 2.1.5. Một số chỉ dẫn để vượt qua những khác biệt về văn hóa trong kinh doanh quốc tế	2		1	3	6	
2.2. Môi trường chính trị, pháp luật	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.1. Hệ thống chính trị 2.2.2. Sự ảnh hưởng của hệ thống chính trị đến hệ thống kinh tế 2.2.3. Hệ thống pháp luật 2.2.4. Rủi ro quốc gia						
2.3. Môi trường kinh tế 2.3.1. Tầm quan trọng của nghiên cứu môi trường kinh tế 2.3.2. Phân tích môi trường kinh tế 2.3.3. Các chỉ số đánh giá môi trường kinh tế	2		1	3	6	
Chương 3. MÔI TRƯỜNG THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TOÀN CẦU	5		2	7	14	
3.1. Môi trường thương mại toàn cầu 3.1.1. Lợi ích và các lý thuyết về thương mại quốc tế 3.1.2. Sự can thiệp của chính phủ đến thương mại quốc tế 3.1.3. Sự phát triển của hệ thống thương mại thế giới	2.5		1	3.5	7	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Môi trường đầu tư toàn cầu 3.2.1. Lợi ích và các lý thuyết về đầu tư quốc tế 3.2.2. Can thiệp của chính phủ vào đầu tư quốc tế	2.5		1	3.5	7	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH QUỐC TẾ	4		1	5	10	Đọc TLC 1 chương 9, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Khái quát về chiến lược kinh doanh quốc tế 4.1.1. Khái niệm, các loại hình chiến lược kinh doanh 4.1.2. Chiến lược kinh doanh quốc tế	1			1	2	
4.2. Các loại hình chiến lược kinh doanh quốc tế	1.5		0.5	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng chiến lược kinh doanh 4.2.2. Các loại hình chiến lược kinh doanh quốc tế 4.2.3. Xu hướng phát triển của chiến lược kinh doanh quốc tế						
4.3. Cơ cấu tổ chức thiết kế theo chiến lược kinh doanh quốc tế 4.3.1. Mô hình quản lý theo chiều dọc 4.3.2. Mô hình quản lý theo chiều ngang	1.5		0.5	2	4	
Chương 5. CÁC PHƯƠNG THỨC THÂM NHẬP THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ	4		1	5	10	
5.1. Khái quát về thâm nhập thị trường quốc tế 5.1.1. Các nhân tố và định hướng thúc đẩy thâm nhập thị trường quốc tế 5.1.2. Các giai đoạn thâm nhập thị trường quốc tế	1			1	2	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.2. Các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế 5.2.1. Xuất Khẩu 5.2.2. Nhập Khẩu 5.2.3. Mua bán đối lưu 5.2.4. Đầu tư nước ngoài 5.2.5. Thâm nhập qua thị trường hợp đồng	1.5		0.5	2	4	
5.3. Lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường quốc tế	1.5		0.5	2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22		8	30	60	

4.5.28. Hệ thống thông tin quản lý

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Hệ thống thông tin quản lý**

Tiếng Anh: **Management Information Systems**

Mã học phần: KTQU2515

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết

Bài tập: 07 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Người học hiểu được những kiến thức cơ bản nhất về thông tin và hệ thống thông tin; cơ sở tổ chức hệ thống thông tin quản lý, phương pháp phân tích hệ thống thông tin quản lý, xây dựng kế hoạch thiết kế hệ thống thông tin, hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp, quản lý và phát triển hệ thống thông tin.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng quản lý thông tin vào trong hoạt động quản lý tại các tổ chức, doanh nghiệp. Người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để

nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần hệ thống thông tin quản lý trình bày các vấn đề như: tổng quan về thông tin và hệ thống thông tin quản lý, cơ sở tổ chức hệ thống thông tin quản lý, phương pháp phân tích hệ thống thông tin quản lý, xây dựng kế hoạch thiết kế hệ thống thông tin, hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp, quản lý và phát triển hệ thống thông tin.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Trần Thị Song Minh (2012), *Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Văn Ba (2002), *Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Vấn đáp ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THÔNG TIN VÀ HỆ THỐNG THÔNG TIN	4			4	8	Độc TLC (2). Trang: 17 – 37. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1 Khái niệm, vai trò về thông tin, hệ thống thông tin <i>1.1.1 Khái niệm thông tin, hệ thống thông tin</i> <i>1.1.2 Vai trò của hệ thống thông tin trong doanh nghiệp</i>	1			1	2	
1.2. Yêu cầu đối với thông tin	0,5			0,5	1	
1.3. Phân loại thông tin <i>1.3.1. Theo mức độ tự động hóa</i> <i>1.3.2. Theo mức độ ra quyết định</i> <i>1.3.3. Theo hình thức thể hiện</i> <i>1.3.4. Theo mục đích phục vụ của thông tin đầu ra</i>	1			1	2	
1.4. Những trở ngại trong việc thông tin	0,5			0,5	1	
1.5. Hướng đến một hệ thống thông tin có hiệu quả	0,5			0,5	1	
1.6. Lịch sử hình thành và phát triển hệ thống thông tin	0,5			0,5	1	
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	6	1		7	14	Độc TLC (1). Trang: 15 – 33. Chuẩn bị bài, tự học và
2.1 Quy trình thông tin quản lý <i>2.1.1. Khái niệm quản lý</i>	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.2. Các chức năng của quản lý 2.1.3. Phân cấp quản lý 2.1.4. Quy trình thông tin quản lý						thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.2 Tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp 2.2.1. Yêu cầu tổ chức bộ máy quản lý 2.2.2. Các kiểu cơ cấu tổ chức	3	1		4	8	
2.3 Cơ sở dữ liệu	1			1	2	
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	8	3		11	22	Đọc TLC (1). Trang: 45 – 67 TLC (2). Trang: 60 – 71. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1 Hệ thống và phân tích hệ thống	1			1	2	
3.2 Các nguyên tắc phân tích hệ thống thông tin	1			1	2	
3.3 Một số phương pháp thu thập thông tin	2	1		3	6	
3.4 Phương pháp tiếp cận thông tin	2	1		3	6	
3.5 Phương pháp phân tích hệ thống thông tin	2	1		3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG THÔNG TIN	8	3		11	22	Đọc TLC (2). Trang: 76 – 107. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1 Khái niệm thiết kế hệ thống thông tin quản lý	1			1	2	
4.2 Điều kiện thiết kế hệ thống thông tin quản lý	1			1	2	
4.3 Chuẩn bị lập kế hoạch thiết kế hệ thống thông tin	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.4 Lập kế hoạch hệ thống thông tin	2	1		3	6	
4.5 Phương pháp thiết kế hệ thống thông tin quản lý	2	1		3	6	
4.6 Kế hoạch ứng dụng hệ thống thông tin	1	1		2	4	
CHƯƠNG 5. HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	6			6	12	Đọc TLC (1). Trang: 80 – 155. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1 Hệ thống thông tin kế hoạch chiến lược	2			2	4	
5.2. Hệ thống thông tin về nhân sự	1			1	2	
5.3. Hệ thống thông tin sản xuất	1			1	2	
5.4. Hệ thống thông tin về tiêu thụ	1			1	2	
5.5. Hệ thống thông tin về kế toán	1			1	2	
CHƯƠNG 6. QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THÔNG TIN	4			4	8	Đọc TLC (2). Trang: 199 – 221. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.1 Phương pháp chu kỳ sống của hệ thống tự động	1			1	2	
6.2.Giai đoạn phân tích hệ thống	2			2	4	
6.3.Giai đoạn thiết kế, kiểm tra, vận hành	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

4.5.29. Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Hệ thống kiểm soát nội bộ**
- Tiếng Anh: **Internal control system**

- Mã học phần: KTKN2507
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Business Management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được bản chất, vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. Hiểu được nội dung các quy trình kiểm soát nội bộ chủ yếu trong doanh nghiệp.
- *Về kỹ năng:* Áp dụng được các kiến thức đã học để xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan chung về hệ thống kiểm soát nội bộ như khái niệm, vai trò và các yếu tố cấu thành nên hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Các dạng sai phạm thường xảy ra trong doanh nghiệp và biện pháp hạn chế.
- Mục tiêu và nội dung một số quy trình kiểm soát nội bộ chính trong các doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Viết Lợi, Đậu Ngọc Châu (2013), *Lý thuyết kiểm toán*, NXB Tài chính.
2. Nguyễn Quang Quỳnh (2014), *Kiểm toán tài chính*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
3. Leonard J (2012), *Business & Professional Ethics for Directors, Executives & Accountants*, South-Western.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Tài chính (2012), *Thông tư số 214/2012/TT-BTC về Thông tư ban hành Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam ban hành ngày 6/12/2012*
2. Khoa kế toán, kiểm toán, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Kiểm toán (tập 1)*, NXB Kinh Tế TP.HCM.
3. Khoa kế toán, kiểm toán, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Kiểm soát nội bộ*, NXB Phương Đông.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà.
- Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Vấn đáp ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,K T	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ	8			8	16	
1.1. Khái niệm và lịch sử hình thành hệ thống kiểm soát nội bộ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 3; Đọc TLĐT 1;
1.2.Sự cần thiết và lợi ích của hệ thống kiểm soát nội bộ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLĐT 3.
1.3.Các yếu tố cấu thành nên hệ thống kiểm soát nội bộ 1.3.1. Môi trường kiểm soát 1.3.2. Quy trình đánh giá rủi ro của đơn vị 1.3.3. Hệ thống thông tin liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính 1.3.4. Các hoạt động kiểm soát 1.3.5. Giám sát các kiểm soát	5			5	10	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLĐT 1; Đọc TLĐT 3.
1.4. Những hạn chế vốn có của hệ thống kiểm soát nội bộ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6.
Chương 2. GIAN LẬN VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA GIAN LẬN	4	1		5	10	
2.1. Khái niệm gian lận và nhầm lẫn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1; Đọc TLĐT 3.
2.2. Gian lận tính theo loại hình và quy mô tổ chức						
2.3. Những phương pháp gian lận phổ	2	1		3	6	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,K T	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
biến trên báo cáo tài chính 2.3.1. Gian lận tài sản 2.3.2. Gian lận trên báo cáo tài chính						chương 4; Đọc TLĐT 1; Đọc TLĐT 3.
2.4. Biện pháp ngăn ngừa và phát hiện gian lận	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1; Đọc TLĐT 3.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. MỘT SỐ QUY TRÌNH KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHỦ YẾU TẠI DOANH NGHIỆP	20	10		30	60	
3.1. Kiểm soát nội bộ đối với chu trình mua hàng - thanh toán 3.1.1. Đặc điểm chu trình mua hàng – thanh toán 3.1.2. Mục tiêu kiểm soát nội bộ đối với chu trình mua hàng – thanh toán 3.1.3 Các thủ tục kiểm soát nội bộ đối với chu trình mua hàng – thanh toán	4	2		6	12	Đọc TLC 2, chương 10; Đọc TLĐT 3.
3.2. Kiểm soát nội bộ đối với chu trình bán hàng – thu tiền 3.2.1. Đặc điểm chu trình bán hàng - thu tiền 3.2.2. Mục tiêu kiểm soát nội bộ đối với chu trình bán hàng - thu tiền 3.2.3. Nội dung kiểm soát nội bộ đối với chu trình bán hàng - thu tiền	4	2		6	12	Đọc TLC 2, chương 9; Đọc TLĐT 3.
3.3. Kiểm soát nội bộ đối với tiền lương và các khoản trích theo lương 3.3.1. Đặc điểm tiền lương và các khoản trích theo lương	4	2		6	12	Đọc TLC 1, chương 14; Đọc TLĐT 3.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,K T	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3.2. Mục tiêu kiểm soát nội bộ đối với tiền lương và các khoản trích theo lương 3.3.3. Nội dung kiểm soát nội bộ đối với tiền lương và các khoản trích theo lương						
3.4. Kiểm soát nội bộ đối với tài sản cố định 3.4.1. Đặc điểm tài sản cố định 3.4.2. Mục tiêu kiểm soát nội bộ đối với tài sản cố định 3.4.3. Nội dung kiểm soát nội bộ đối với tài sản cố định	4	2		6	12	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLĐT 3.
3.5. Kiểm soát nội bộ đối với hàng tồn kho 3.5.1. Đặc điểm hàng tồn kho 3.5.2. Mục tiêu kiểm soát nội bộ đối với hàng tồn kho 3.5.3. Nội dung kiểm soát nội bộ đối với hàng tồn kho	4	2		6	12	Đọc TLC 2, chương 11.
Kiểm tra			1			
Cộng	32	11	2	45	90	

4.5.30. Kỹ năng quản trị

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Kỹ năng quản trị**

Tiếng Anh: **Management skills**

Mã học phần: KTQU2589

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước: Không

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết

Bài tập: 07 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trình bày được các vấn đề căn bản về kỹ năng phát triển nghề nghiệp như: kỹ năng quản lý bản thân, xây dựng quan hệ với con người và các kỹ năng chuyên biệt cho lĩnh vực quản trị kinh doanh.
- *Về kỹ năng*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của các kỹ năng liên quan đến hoạt động nghề nghiệp cơ bản. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về kỹ năng quản trị, các nhóm kỹ năng cá nhân như kỹ năng tư duy, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, những kỹ năng quan hệ với con người cũng như các kỹ năng chuyên biệt cho nghề quản trị như phân tích báo cáo tài chính, xây dựng thương hiệu, lập kế hoạch, ra quyết định.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Ngô Kim Thanh (2012), *Giáo trình Kỹ năng quản trị*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
2. Trình Quốc Trung (2012), *Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh*, NXB Lao động xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Mark Cotta Vaz (2006), *Cẩm Nang Quản Lý Hiệu Quả - Phát Triển Nghề Nghiệp*, NXB Tổng hợp TP.HCM
2. Nguyễn Quốc Thịnh (2018), *Giáo trình Quản trị thương hiệu*, NXB Thống kê.
3. Roy J. Lewicki (2018), *Kỹ năng đàm phán cơ bản*, NXB Bách khoa Hà nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG QUẢN TRỊ	3	0	0	3	6	Đọc TLC (1) chương 1,2, TLC (2) chương 1
1.1 Khái niệm kỹ năng nghề	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.1 Kỹ năng 1.1.2 Kỹ năng nghề						Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.2. Kỹ năng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. 1.2.1. Kỹ năng của nhà quản trị 1.2.1. Các nhóm kỹ năng quản trị	2			2	4	
Chương 2. KỸ NĂNG CÁ NHÂN	6	3	1	10	20	
2.1 Kỹ năng quản lý bản thân 2.1.1. Một số kỹ năng quản lý bản thân 2.1.2. Rèn luyện kỹ năng quản lý bản thân	2	1		3	6	Đọc TLC (1) chương 3,4,6, TLC (2) chương 2 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Kỹ năng quản lý thời gian 2.2.1. Những yếu tố gây lãng phí thời gian 2.2.2. Quy trình, kỹ thuật quản lý thời gian có hiệu quả.	2	1		3	6	
2.3. Kỹ năng tư duy sáng tạo 2.3.1. Các hình thức tư duy sáng tạo 2.3.2. Các bước hình thành tư duy sáng tạo 2.3.3. Một số phương pháp và kỹ thuật tư duy sáng tạo	2	1		3	6	
Kiểm tra			1		2	
Chương 3. KỸ NĂNG QUAN HỆ CON NGƯỜI	6	3		9	18	Đọc TLC (1) chương 8,9,11,12, TLC (2) chương 1,2,3; Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1 Kỹ năng đàm phán thương lượng 3.1.1. Một số vấn đề cơ bản về đàm phán 3.1.2. Các nguyên tắc trong đàm phán kinh doanh	2	1		3	6	
3.2. Kỹ năng tạo động lực trong công việc 3.2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.2. Kỹ năng tạo động lực làm việc cho nhân viên						
3.3. Kỹ năng quản trị xung đột 3.3.1. Xung đột trong tổ chức 3.3.2. Các kỹ năng quản trị xung đột	2	1		3	6	
Chương 4. KỸ NĂNG CHUYÊN BIỆT TRONG QUẢN TRỊ KINH DOANH	6	3	1	10	20	
4.1. Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định 4.1.1. Một số vấn đề cơ bản về kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định 4.1.2. Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định trong quản trị doanh nghiệp	3			3	6	
4.2. Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh 4.2.1. Quan niệm về bản kế hoạch kinh doanh 4.2.2. Ý tưởng kinh doanh và nội dung bản kế hoạch kinh doanh	3	1		4	8	
Kiểm tra			1		2	
Cộng	21	7	2	30	60	

4.5.31. Kế toán tài chính

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Kế toán tài chính**

Tiếng Anh: **Financial Accounting**

Mã học phần: KTKE2523

Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Bachelor's degree, Business Management.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết

Bài tập: 13 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được những kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp sản xuất.

- *Về kỹ năng:* Hiểu những công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể. Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của môn học để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn về kế toán tài chính doanh nghiệp bao gồm lập chứng từ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; nội dung; phương pháp ghi chép trên các tài khoản kế toán; sổ sách kế toán tổng hợp và việc lập hệ thống báo cáo tài chính.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2016), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính.

2. Đặng Thị Loan (2013), *Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập và bài giải Kế toán tài chính*, NXB Lao động – xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư số 200/2014/TT-BTC Chế độ kế toán doanh nghiệp*, NXB Tài chính.

2. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, NXB Tài chính.

3. John J. Wild, Ken W. Shaw, Barbara Chiappetta, *Fundamental Accounting Principles*, 20th edition (2011), Mc Graw Hill Irwin Education publisher.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm.
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Thảo luận nhóm ☐	Bài tập lớn ☐	Thực hành ☐	Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Vấn đáp ☐	Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu đối với sinh
	Lên lớp (Tiết)	Tự	

	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng	học (Giờ)	viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	5	3		8	16	Đọc TLC 1, chương 4
1.1. Kế toán tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình 1.1.1. <i>Khái niệm và đặc điểm của tài sản cố định</i> 1.1.2. <i>Phân loại tài sản cố định</i> 1.1.3. <i>Đánh giá tài sản cố định</i> 1.1.4. <i>Kế toán tổng hợp tài sản cố định</i> 1.1.5. <i>Kế toán khấu hao tài sản cố định</i> 1.1.6. <i>Kế toán sửa chữa tài sản cố định</i>	2,5	2		4,5	9	Đọc TLC 1, chương 4
1.2. Kế toán thuê tài sản cố định 1.2.1. <i>Khái niệm tài sản cố định thuê tài chính</i> 1.2.2. <i>Kế toán tài sản cố định thuê tài chính</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4
1.3. Kế toán bất động sản đầu tư 1.3.1. <i>Khái niệm bất động sản đầu tư</i> 1.3.2. <i>Kế toán bất động sản đầu tư</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4
1.4. Kế toán các khoản đầu tư tài chính 1.4.1. <i>Khái niệm</i> 1.4.2. <i>Nội dung các khoản đầu tư tài chính</i> 1.4.3. <i>Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i> 1.4.4. <i>Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4.5. Kế toán các khoản đầu tư khác 1.4.6. Kế toán dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác						
Chương 2. KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ	4	2		6	12	Đọc TLC 1, chương 3
2.1. Khái niệm và nhiệm vụ kế toán 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Nhiệm vụ kế toán	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3
2.2. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ						
2.3. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 2.3.1. Tính giá vật tư nhập kho 2.3.2. Tính giá vật tư xuất kho	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3
2.4.Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 2.4.1. Phương pháp thẻ song song 2.4.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển 2.4.3. Phương pháp sổ số dư	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3
2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 2.5.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên 2.5.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
phương pháp kiểm kê định kỳ						
2.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho 2.6.1. Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 2.6.2. Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3
Chương 3. KẾ TOÁN LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG	4	2		6	12	Đọc TLC 1, chương 5
3.1. Khái niệm và nhiệm vụ kế toán	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5
3.2. Các hình thức tiền lương						
3.3. Phân loại tiền lương						
3.4. Phân loại lao động						
3.5. Kế toán tổng hợp tiền lương 3.5.1. Chứng từ kế toán 3.5.2. Tài khoản sử dụng 3.5.3. Phương pháp kế toán	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5
3.6. Kế toán Bảo hiểm xã hội, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp 3.6.1. Chứng từ kế toán 3.6.2. Tài khoản sử dụng 3.6.3. Phương pháp kế toán	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 5
Chương 4. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM – DỊCH VỤ	7	3	1	11	22	Đọc TLC 1, chương 6
4.1. Khái niệm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm- dịch vụ và	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nhiệm vụ kế toán 4.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm- dịch vụ 4.1.2. Nhiệm vụ kế toán						
4.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất - đối tượng tính giá thành 4.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất 4.2.2. Đối tượng tính giá thành						
4.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất						
4.4. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang trong xí nghiệp sản xuất côngnghiệp	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 6
4.5. Phương pháp tính giá thành						
4.6. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành bộ phậnsản xuất phụ						
4.7. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành của sản xuất chính trong sản xuất công nghiệp 4.7.1. Khái quát về hoạt động sản xuất công nghiệp 4.7.2. Xác định nội dung kinh tế và kết cấu giá thành sản phẩm công nghiệp 4.7.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công nghiệp	3	2		5	10	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. KẾ TOÁN TIÊU THỤ THÀNH PHẨM, XÁC ĐỊNH VÀ PHÂN PHỐI KẾT	6	2		8	16	Đọc TLC 1, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
QUẢ KINH DOANH						
5.1. Kế toán doanh thu, giá vốn hàng bán 5.1.1. Kế toán doanh thu 5.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 7
5.2. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp 5.2.1. Kế toán chi phí bán hàng 5.2.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7
5.3. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính 5.3.1. Nội dung chi phí, doanh thu hoạt động tài chính 5.3.2. Tài khoản sử dụng 5.3.3. Phương pháp kế toán	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7
5.4. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác 5.4.1. Nội dung chi phí và thu nhập khác 5.4.2. Tài khoản sử dụng 5.4.3. Phương pháp kế toán	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 7
5.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 5.5.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 5.5.2. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						
5.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 7
5.7. Kế toán phân phối kết quả						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
kinh doanh 5.7.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 5.7.2. Phương pháp kế toán						
Chương 6. LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4	1	1	6	12	Đọc TLC 1, chương 10
6.1. Tổng quan về hệ thống Báo cáo tài chính	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10
6.2. Hệ thống Báo cáo tài chính 6.2.1. Bảng cân đối kế toán 6.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6.2.4. Thuyết minh Báo cáo tài chính	3,5	1		4,5	9	Đọc TLC 1, chương 10
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	13	2	45	90	

4.5.32. Kiến tập

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Kiến tập**

Tiếng Anh: **Observation**

Mã học phần: KTQU2592

Số tín chỉ: 04

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn		

☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐

Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học, Marketing căn bản, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Tài chính-Tiền tệ

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 6 tuần (30 ngày)

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế TN&MT

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Quan sát mô hình cơ cấu tổ chức và quy trình quản trị của doanh nghiệp được kiến tập.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học về hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp được kiến tập. Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kiến tập lần 1 yêu cầu sinh viên phải thực hiện các nội dung sau:

- Tìm hiểu chung về đơn vị kiến tập.
 - + Giới thiệu chung về đơn vị kiến tập.
 - + Cơ cấu tổ chức của đơn vị kiến tập.
- Tìm hiểu các hoạt động quản trị cơ bản tại các đơn vị kiến tập
- Viết báo cáo sau quá trình đi kiến tập

4. Tài liệu tham khảo

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2013), *Quản trị học*, NXB Lao động.
2. Trần Minh Đạo (2012), *Marketing căn bản*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Hữu Tài (2012), *Lý thuyết tài chính tiền tệ*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đinh Phi Hổ (2013), *Kinh tế vi mô căn bản và nâng cao: Lý thuyết*, NXB Tài chính.

2. Nguyễn Văn Công (2008), *Nguyên lý kinh tế vi mô*, NXB Lao động.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☐	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ và đúng yêu cầu theo lịch trình kiến tập.
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó tiến hành kiến tập tại địa điểm kiến tập dựa theo hệ thống kiến thức đã được học.
- Viết báo cáo theo đúng hướng dẫn.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các nội dung kiến tập môn học theo trọng số, cụ thể:

Nội dung	Điểm đánh giá quá trình kiến tập	Điểm đánh giá báo cáo kiến tập
Trọng số	50%	50%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1	20	40	
Liên hệ và làm quen với đơn vị kiến tập về lĩnh vực quản trị kinh doanh	1	2	Nghiêm túc thực hiện theo chỉ đạo

1.1 Tìm hiểu chung về đơn vị kiến tập. + Giới thiệu chung về đơn vị kiến tập + Cơ cấu tổ chức của đơn vị kiến tập 1.2 Tìm hiểu các hoạt động điều hành cơ bản tại đơn vị kiến tập: + Hoạt động Tài chính – kế toán + Hoạt động kỹ thuật + Hoạt động marketing và bán hàng + Hoạt động nhân sự	18	36	của người hướng dẫn và nội quy kiến tập tại đơn vị
Tổng kết thực tập	1	2	
Nội dung 2	10	20	Thực hiện theo mẫu báo cáo kiến tập môn học.
Viết báo cáo			
Cộng	30	60	

4.5.33. Thực hành nghề nghiệp

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Thực hành nghề nghiệp**

Tiếng Anh: **Professional practice**

Mã học phần: KTQU2593

Số tín chỉ: 04

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Kiến tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị kinh doanh

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động kiến tập: 6 tuần (30 ngày)

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế TN&MT

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Quan sát mô hình cơ cấu tổ chức và các hoạt động quản trị của doanh nghiệp được kiến tập.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học về hoạt động quản trị và các hoạt động nghiệp vụ (nếu có) tại các doanh nghiệp được kiến tập. Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kiến tập lần 2 yêu cầu sinh viên phải thực hiện các nội dung sau:

- Tìm hiểu chung về đơn vị kiến tập.
 - + Giới thiệu chung về đơn vị kiến tập.
 - + Cơ cấu tổ chức của đơn vị kiến tập.
- Tìm hiểu các hoạt động quản trị tại các đơn vị kiến tập.
- Tìm hiểu các hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị kiến tập (nếu có).
- Viết báo cáo sau quá trình đi kiến tập.

4. Tài liệu tham khảo

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2013), *Quản trị học*, NXB Lao động.
2. Nguyễn Ngọc Huyền (2014), *Quản trị kinh doanh: Tập 1*, ĐH KT quốc dân.
3. Nguyễn Thành Độ (2012), *Quản trị kinh doanh*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thúc Minh (2007), *Quản trị kinh doanh*, NXB Tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☐	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ và đúng yêu cầu theo lịch trình kiến tập.
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó tiến hành kiến tập tại địa điểm kiến tập dựa theo hệ thống kiến thức đã được học.
- Viết báo cáo theo đúng hướng dẫn.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các nội dung kiến tập môn học theo trọng số, cụ thể:

Nội dung	Điểm đánh giá quá trình kiến tập	Điểm đánh giá báo cáo kiến tập
Trọng số	50%	50%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian kiến tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1	10	20	
1.1 Liên hệ và làm quen với đơn vị kiến tập về lĩnh vực quản trị kinh doanh tổng hợp	1	2	Nghiêm túc thực hiện theo chỉ đạo của người hướng dẫn và nội quy kiến tập tại đơn vị
1.2 Tìm hiểu hoạt động điều hành tại đơn vị kiến tập về lĩnh vực quản trị kinh doanh tổng hợp + Hoạt động quản trị nhân sự + Hoạt động quản trị tài chính + Hoạt động quản trị dự án + Hoạt động quản trị marketing và bán hàng (nếu có) + Hoạt động quản trị chất lượng	8	16	
Tổng kết kiến tập	1	2	
Nội dung 2	14	14	
2.1 Liên hệ và làm quen với đơn vị kiến tập về lĩnh vực kinh doanh bất động sản	1	2	
2.2 Tìm hiểu các hoạt động quản trị tại đơn vị kiến tập về lĩnh vực kinh doanh bất động sản: + Hoạt động Tài chính – kế toán + Hoạt động kỹ thuật + Hoạt động marketing và bán hàng + Hoạt động nhân sự	12	22	

Nội dung	Thời gian kiến tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
2.3 Tìm hiểu các hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị kiến tập về lĩnh vực kinh doanh bất động sản: + Hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản + Hoạt động môi giới bất động sản + Hoạt động định giá bất động sản + Hoạt động quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản			
- Tổng kết kiến tập	1	2	
Nội dung 3			Thực hiện theo mẫu báo cáo kiến tập môn học.
Viết báo cáo	6	12	
Cộng	30	60	

4.5.34. Thực tập tốt nghiệp

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Thực tập tốt nghiệp**

Tiếng Anh: **Internship For Graduation**

Mã học phần: KTQU2719

Số tín chỉ: 06

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☒
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 8 tuần (40 ngày)

Thời gian tự học: 80 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế TN&MT

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

+ *Về kiến thức*: Nắm được tình hình thực tế của công tác quản lý tại các đơn vị thực tập. Qua đó liên hệ với các học phần lý luận đã được học tại Nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện các công tác quản lý này, củng cố thêm nhận thức và nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ *Về kỹ năng*: Nắm vững công tác quản lý tại các đơn vị thực tập. Từ những nội dung cơ bản của đạo đức nghề nghiệp có thể giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định kinh doanh đúng đắn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tìm hiểu về tổ chức và hoạt động chung của đơn vị thực tập;
- Tìm hiểu về các hoạt động kinh doanh và quản lý;
- Thực tập các công việc, nhiệm vụ được đơn vị thực tập phân công.

4. Tài liệu tham khảo

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2013), *Quản trị học*, NXB Lao động.
2. Nguyễn Ngọc Huyền (2016), *Giáo trình Quản trị kinh doanh*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thanh Liêm (2007), *Quản trị tài chính*, NXB Thống kê.
2. Trương Đức Lực (2011), *Quản trị tác nghiệp*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☐	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒

Phân tích, xử lý số liệu ☒ Trình bày báo cáo khoa học ☒ Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Phải có thái độ nghiêm cứu, học tập nghiêm túc;
- Có tinh thần trách nhiệm khi nhận công việc được giao, làm đến nơi đến chốn, chính xác, kịp thời. Đảm bảo nguyên tắc bí mật của số liệu kinh tế tài chính;
- Chủ động chuẩn bị và tích lũy tài liệu, số liệu để viết báo cáo thực tập;
- Giữ mối quan hệ lành mạnh với tất cả cán bộ công nhân viên tại đơn vị thực tập;
- Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động và phong trào tại đơn vị thực tập;
- Hoàn thành báo cáo thực tập tốt nghiệp đúng thời hạn quy định;
- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- *Tiêu chí đánh giá:*

+ Về kết cấu chung: Báo cáo thực tập tốt nghiệp phải đảm bảo hoàn thiện đủ 3 nội dung đã nêu trong nội dung chi tiết học phần. Đảm bảo đủ các yếu tố cấu thành: Lời mở đầu, mục lục, danh mục bảng biểu, phần nội dung, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo;

+ Ngữ pháp: Cách viết rõ ràng trong sáng, không có sai sót lớn về lỗi ngữ pháp;

+ Số trang và định dạng phải đảm bảo đúng theo quy định hướng dẫn viết báo cáo thực tập tốt nghiệp của khoa.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá của Cơ sở hướng dẫn thực tập: Trọng số 40%

8.2. Điểm đánh giá của Khoa: Trọng số 60%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1: Tổng quan về đặc điểm kinh tế - kĩ thuật và tổ chức bộ máy	15	30	

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập			
1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị thực tập	3	6	Nêu các thông tin sơ lược về công ty, cơ sở hình thành và phát triển của công ty, các mốc lịch sử cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển, các thành tựu cơ bản của đơn vị thực tập...
1.2 Chức năng nhiệm vụ/ Đặc điểm hoạt động sản xuất - kinh doanh của đơn vị thực tập	3	6	Nêu các thông tin về chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của đơn vị thực tập
1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, hoạt động, sản xuất - kinh doanh của đơn vị thực tập	5	10	Xác định được mô hình tổ chức bộ máy, vẽ sơ đồ bộ máy và nêu chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban, bộ phận trong đơn vị thực tập
1.4 Kết quả thực hiện nhiệm vụ của	4	8	Thông tin cơ bản về

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
đơn vị thực tập/ Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị thực tập			doanh thu, chi phí, tài sản, nguồn vốn, các thông tin về cơ sở vật chất, lao động... của đơn vị thực tập trong ít nhất 03 năm gần năm thực tập nhất, đồng thời cần phân tích sơ lược ý nghĩa của các thông tin đó
Nội dung 2: Tìm hiểu về hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập	16	32	
2.1 Vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh			Trình bày về thực trạng của các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại đơn vị thực tập.
2.2 Vấn đề liên quan đến hoạt động marketing			Trình bày về thực trạng của các hoạt động marketing tại đơn vị thực tập.
2.3 Vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị nhân sự			Trình bày về thực trạng của các hoạt động quản trị nhân sự tại đơn vị thực tập.
2.4 Vấn đề liên quan đến hoạt động			Trình bày về thực

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
tài chính doanh nghiệp			trạng của các hoạt động tài chính tại đơn vị thực tập.
Nội dung 3: Đánh giá về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh tại đơn vị thực tập	9	18	
3.1 Đánh giá chung về các hoạt động sản xuất, kinh doanh; các hoạt động quản trị: marketing, nhân sự, tài chính trong doanh nghiệp	4	8	Nêu được các ưu điểm và nhược điểm, nguyên nhân của các hoạt động của đơn vị thực tập.
3.2 Kiến nghị, đề xuất.	5	10	Đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện công tác công tác quản lý các hoạt động tại đơn vị thực tập.
Cộng	40	80	

4.5.35. Khóa luận tốt nghiệp

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Khóa luận tốt nghiệp**

Tiếng Anh: **Dissertation**

Mã học phần: KTQU2820

Số tín chỉ: 06

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☒
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □		

Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học hết các môn trong chương trình đào tạo

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 8 tuần (40 ngày)

Thời gian tự học: 80 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế TN&MT

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Hệ thống hoá và củng cố những kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn ngành Quản trị kinh doanh đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để đưa ra được các quyết định quản trị phù hợp.

- *Về kỹ năng*: Rèn luyện kỹ năng, kiến thức nghề nghiệp, hình thành các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế. Tạo cho sinh viên có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan đề tài nghiên cứu.
- Cơ sở lý luận, hệ thống hóa lại những vấn đề lý luận về lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.
- Thực trạng về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập.

- Những giải pháp cho vấn đề nghiên cứu, đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm giải quyết những tồn tại, cải thiện hiện trạng để nâng cao hiệu quả lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.

4. Tài liệu tham khảo

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Ngọc Huyền (2016), *Quản trị kinh doanh: Tập 1*, ĐH Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thanh Liêm (2007), *Quản trị tài chính*, NXB Thống kê.

2. Trương Đức Lực (2011), *Quản trị tác nghiệp*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

3. Trương Đình Chiến (2011), *Quản trị marketing*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

5. Cách thức triển khai thực hiện khóa luận

Thuyết trình	☐	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện nghiêm túc và có chất lượng chương trình thực tập tốt nghiệp theo quy định của nhà trường, chấp hành đầy đủ các quy định và kỷ luật lao động của cơ sở nơi thực tập.

- Trong quá trình thực tập, sinh viên phải thu thập đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết để viết khóa luận tốt nghiệp.

- Sau khi chọn đề tài các sinh viên viết đề cương chi tiết và liên hệ với các giáo viên hướng dẫn được phân công hướng dẫn để được góp ý, sửa chữa cho đề cương hoàn chỉnh, tạo điều kiện khi viết khóa luận được thuận lợi.

- Trên cơ sở đề cương chi tiết được sửa, sinh viên tiến hành viết và hoàn thiện khóa luận.

- Kết thúc quá trình thực tập, mỗi sinh viên phải hoàn thành một khóa luận tốt nghiệp (có nhận xét của cơ quan thực tập và giáo viên hướng dẫn) nộp cho khoa đúng thời gian quy định.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập:

Thực hiện theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN ngày 10/01/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành quy định bảo vệ Đồ án tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy.

9. Nội dung chi tiết học phần

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
Ngày 1÷5	Đăng ký đề tài khóa luận tốt nghiệp	- Sinh viên liên hệ với đơn vị thực tập, giáo viên hướng dẫn được khoa phân công để lựa chọn đề tài viết khóa luận - Gửi bản đăng ký đề tài khóa luận theo lớp và nộp về khoa theo đúng thời gian quy định
Ngày 6÷10	Duyệt đề cương chi tiết của khóa luận tốt nghiệp	Viết đề cương chi tiết theo định hướng của giáo viên hướng dẫn
Ngày 11÷13	Đi thực tế thu thập số liệu	Liên hệ với đơn vị thực tập
Ngày 14÷18	Tổng hợp số liệu và viết tổng quan	
Ngày 19÷28	Xử lý số liệu, viết khóa luận sơ bộ thông qua giáo viên hướng dẫn	
Ngày 29÷31	Báo cáo tiến độ	Khi đã được giáo viên hướng dẫn chỉnh sửa, sinh viên sẽ nộp một bản để báo cáo tiến độ
Ngày 32÷36	Hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp	
Ngày 37÷38	Nộp khóa luận tốt nghiệp về khoa	Kết thúc thực tập, sinh viên hoàn thiện Khóa luận, gửi về Khoa kèm theo xác nhận của

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
		cơ sở thực tập và Nhận xét của GVHD đồng ý cho bảo vệ
Ngày 39÷40	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp	Chuẩn bị công tác để bảo vệ khóa luận tốt nghiệp

Chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp

4.5.36. Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Quản lý Nhà nước về đất đai và bất động sản**

Tiếng Anh: **State management of Land and real estate**

- Mã học phần: QĐQN2551

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Hệ Đại học, ngành Quản trị kinh doanh

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết

Bài tập: 03 tiết

Thảo luận, Kiểm tra: 12 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai và Bất động sản -Khoa

Quản lý đất đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được nguyên tắc tổ chức, hoạt động và trình bày được hệ thống bộ máy Nhà nước nói chung và bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Nắm được những vấn đề cơ bản của QLHCNN và QLNN về đất đai và bất động

sản. Nắm được chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống cơ quan chuyên môn ngành Tài nguyên và Môi trường. Hiểu và trình bày được 15 nội dung của Quản lý Nhà nước về đất đai, vai trò của Nhà nước trong việc quản lý bất động sản, thị trường bất động sản nhằm điều tiết mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường bất động sản.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng, phân tích và đánh giá Luật đất đai năm 2013 và Luật Kinh doanh bất động sản 2014 để giải quyết được một số tình huống trong quản lý nhà nước về đất đai, bất động sản và soạn thảo được 1 số loại văn bản QPPL, VB quản lý hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và bất động sản. Vận dụng những công cụ quản lý nhà nước để quản lý bất động sản phù hợp với điều kiện ở Việt Nam.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản lý Nhà nước về đất đai và bất động sản cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước và Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, Quản lý hành chính nhà nước, Nội dung Quản lý Nhà nước về đất đai và bất động sản giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện và có kỹ năng để nghiên cứu Quản lý Nhà nước về đất đai và bất động sản.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hữu Hải (2014), *Đại cương quản lý Nhà nước*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Đỗ Hậu (2015), *Quản lý đất đai và bất động sản đô thị*, NXB Xây dựng.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Tôn Gia Huyền, Nguyễn Đình Bồng (2006), *Quản lý đất đai và thị trường bất động sản*, NXB Bản đồ, Hà Nội.
2. Nguyễn Đình Bồng, (2012), *Quản lý đất đai và bất động sản đô thị*, NXB Bản đồ, Hà Nội.
3. Các văn bản hướng dẫn thi hành luật đất đai 2013.
4. Nghị định 21/2013/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp.
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập.
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHÀ NƯỚC VÀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM	6			6	12	
1.1. Nguồn gốc Nhà nước	1			1	2	Đọc mục 1.1 và 1.2, TL (1), Tài liệu chính.
1.2. Khái niệm, đặc điểm, bản chất và chức năng của Nhà nước	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3. Bộ máy và các nguyên tắc tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam 1.3.1. Nhà nước CHXHCN Việt Nam 1.3.2. Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam 1.3.3. Nguyên tắc tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam	3			3	6	Độc mục 1.3, TL (1), Tài liệu chính.
Chương 2. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	6	3	3	12	24	
2.1. Một số vấn đề cơ bản về Quản lý hành chính Nhà nước ở Việt Nam 2.1.1.Khái niệm quản lý, quản lý hành chính nhà nước 2.1.2. Đặc điểm, chức năng của quản lý hành chính nhà nước 2.1.3. Nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước Việt Nam 2.1.4. Nội dung quản lý hành chính nhà nước Việt Nam	3			3	6	Độc mục 2.1, TL (1), Tài liệu chính.
2.2 Văn bản quản lý Nhà nước	3	3	2	8	16	Độc mục 1.4, TL (1), Tài liệu chính.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.1. Khái niệm, chức năng, phân loại văn bản quản lý nhà nước						
2.2.2. Nguyên tắc, thể thức trình bày văn bản						
2.2.3. Thực hành soạn thảo một số loại văn bản QLHCNN trong lĩnh vực đất đai và bất động sản						
Kiểm tra chương 1 + 2			1	1	2	
Chương 3. NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI VÀ BẤT ĐỘNG SẢN	18		9	27	54	
3.1. Một số vấn đề cơ bản của Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản	5			5	10	Đọc mục 2.2, TL (1), Tài liệu chính.
3.1.1.Khái niệm quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản	1			1	2	
3.1.2.Mục đích, yêu cầu của hoạt động quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản						
3.1.3. Nguyên tắc của hoạt động quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản	2			2	4	
3.1.4. Đối tượng của quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản						
3.1.5. Phương pháp quản lý nhà nước						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
về đất đai và bất động sản						
3.1.6. Công cụ của quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản						
3.1.7 Khái quát về hệ thống tổ chức bộ máy ngành Tài nguyên và Môi trường	2			2	4	
3.2 Nội dung quản lý nhà nước về đất đai	10		6	16		
3.2.1 Ban hành văn bản quy phạm pháp Luật về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức thực hiện văn bản đó	1			1	2	Đọc mục 3.1, 3.2, TL (1), Tài liệu chính.
3.2.2 Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính						
3.2.3 Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá tài nguyên đất; điều tra xây dựng giá đất	1			1	2	Đọc mục 3.3, 3.4, TL (1), Tài liệu chính.
3.2.4 Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	1			1	2	
3.2.5 Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất	1		2	3	6	Đọc mục 3.5, 3.6, TL (1), Tài liệu chính.
3.2.6. Quản lý việc bồi thường, hỗ	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trợ, tái định cư khi thu hồi đất						
3.2.7. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	1		2	3	6	Đọc mục 3.7, 3.8, TL (1), Tài liệu chính.
3.2.8. Thống kê, kiểm kê đất đai	1			1	2	
3.2.9.Xây dựng hệ thống thông tin đất đai						
3.2.10.Quản lý tài chính về đất đai và giá đất	1			1	2	Đọc mục 3.10, 3.11, TL (1), Tài liệu chính.
3.2.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất						
3.2.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp Luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp Luật về đất đai	1			1	2	Đọc mục 3.12, 3.13, TL (1), Tài liệu chính.
3.2.13. Phổ biến, giáo dục pháp Luật về đất đai						
3.2.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai	1		2	3	6	Đọc mục 3.14, 3.15, TL (1), Tài liệu chính.
3.2.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3 Nội dung Quản lý nhà nước về bất động sản	3		2	5	10	Đọc tài liệu (3)
3.3.1 Khung pháp lý đối với bất động sản	1			1	2	
3.3.2 Vai trò của Nhà nước với thị trường bất động sản	1			1	2	
3.3.3 Nội dung và trách nhiệm QLNN đối với hoạt động kinhhh doanh bất động sản	1		2	3	6	
Kiểm tra chương 3			1	1	2	
Tổng	30	3	12	45	90	

4.5.37 Quy hoạch sử dụng đất

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Quy hoạch sử dụng đất**
- Tiếng Anh: **Land Use Planning**

Mã học phần: QĐKD2552

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học chính quy ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

Các học phần tiên quyết/học trước: **Quản lý Nhà nước về đất đai và bất động sản**

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

- Bài tập: 8 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về đất đai và sử dụng đất

+ Khái quát hóa được cơ sở lý luận, cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý về quy hoạch sử dụng đất, các nguyên tắc, quy luật phát triển của quy hoạch sử dụng đất, nội dung cơ bản về quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, huyện.

- *Về kỹ năng:* + Sinh viên có thể tính toán một số bài tập về chu chuyển đất đai, dự báo nhu cầu sử dụng đất.

+ Tham gia xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất tại một địa phương và xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

+ Có năng lực lập phối hợp để tham gia lập phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về quản lý đất đai.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quy hoạch sử dụng đất cung cấp cho người học kiến thức về một số vấn đề chung về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất ở Việt Nam, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, huyện, từ đó xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

(1) Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phạm Anh Tuấn (2016), *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất bền vững*, NXB Tài nguyên môi trường và Bản đồ Việt Nam.

(2) Đoàn Công Quỳ (2006), *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất*, NXBNông nghiệp.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

(1) Luật Đất đai năm 2013;

(2) Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật

đất đai;

(3) Thông tư số 29/2014/ TT-BTNMT ngày của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch-kế hoạch sử dụng đất.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	7			7	14	Đọc TLC (1)
1.1. Đất đai và sử dụng đất	2			2	4	
<i>1.1.1. Đất đai</i>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.2. Sử dụng đất						
1.2. Quy hoạch sử dụng đất đai	3,5			3,5	7	
1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của quy hoạch sử dụng đất						
1.2.2. Nhiệm vụ và nội dung của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai						
1.2.3. Quan hệ giữa quy hoạch sử dụng đất với các loại hình quy hoạch khác						
1.2.4. Quy hoạch sử dụng đất thế giới						
1.3. Các phương pháp áp dụng trong quy hoạch sử dụng đất	1,5			1,5	3	
Chương 2. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT Ở VIỆT NAM	5	5	3	13	26	Đọc TLC (1) ; TLĐT (3)
2.1. Lược sử hình thành và phát triển quy hoạch sử dụng đất ở Việt Nam	1			1	2	
2.2. Cơ sở pháp lý về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	1			1	2	
2.3. Giới thiệu về Quy hoạch sử dụng đất cấp Quốc gia đến năm 2020; định hướng sử dụng đất đến năm 2030	1			1	2	
2.4. Hệ thống biểu mẫu, bản đồ sử dụng trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	2			2	4	
Bài tập: Lập các biểu nhu cầu sử dụng đất, biểu mẫu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		5		5	10	
Kiểm tra			1	1	2	
Thảo luận			2	2	4	
Chương 3. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH, HUYỆN	6	3	1	10	20	Đọc TLC (2)
3.1. Vị trí, vai trò, sự cần thiết	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
phải lập QHSDD cấp tỉnh, huyện						
3.2. Nội dung chủ yếu của QH – KHSDD cấp tỉnh, huyện	5			5	10	
<i>3.2.1. Công tác chuẩn bị và điều tra cơ bản</i>						
<i>3.2.2. Đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng nghiên cứu</i>						
<i>3.2.3. Phân tích hiện trạng và biến động đất đai; đánh giá thích nghi đất đai</i>						
<i>3.2.4. Dự báo nhu cầu sử dụng đất</i>						
<i>3.2.5. Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất</i>						
Bài tập: - Dự báo dân số; dự báo nhu cầu sử dụng đất;		3		3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng	18	8	4	30	60	

4.5.38. Quản lý khu đô thị

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Quản lý khu đô thị**
- Tiếng Anh: **Management of urban areas**

Mã học phần: KTQĐ2503

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:	45	tiết
▪ Nghe giảng lý thuyết:	33	tiết
▪ Bài tập:	10	tiết
▪ Kiểm tra:	02	tiết
Thời gian tự học:	90	giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các vấn đề căn bản về quản lý các khu đô thị mới: Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị, cơ sở khoa học trong công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch khu đô thị mới và thực trạng phát triển các khu đô thị mới ở Việt Nam.
- *Về kỹ năng:* Hiểu được những vấn đề cơ bản về quy hoạch phát triển đô thị mới, nắm được cơ sở pháp lý xây dựng theo quy hoạch, các văn bản, quy chuẩn, tiêu chuẩn về quản lý xây dựng quy hoạch khu đô thị mới. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý đô thị bao gồm: Khái niệm, đặc điểm cơ bản về quản lý đô thị và quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị; Những nguyên tắc và phương pháp cơ bản trong quản lý đô thị, cơ sở pháp lý về quản lý xây dựng theo quy hoạch và thực trạng đô thị hóa, quản lý xây dựng theo quy hoạch khu đô thị mới.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Trọng Mạnh (2013), *Giáo trình quản lý đô thị*, NXB Xây dựng.
2. Nguyễn Tố Lăng, (2017), *Quản lý môi trường đô thị ở các nước đang phát triển*, NXB Xây dựng.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Đàm Ngọc Tú (2012), *Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị*, Trường đại học xây dựng Miền Trung.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp.
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ ĐÔ THỊ VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ	6	2		8	16	
1.1 Khái niệm về đô thị 1.1.1 Khái niệm đô thị 1.1.2 Khái niệm quản lý đô thị 1.1.3 Khái niệm đô thị mới	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2 Phân loại đô thị 1.2.1 Đô thị loại đặc biệt 1.2.2 Đô thị loại I 1.2.3 Đô thị loại II 1.2.4 Đô thị loại III 1.2.5 Đô thị loại IV 1.2.6 Đô thị loại V	3	1		4	8	
1.3 Cơ cấu hệ thống quản lý đô thị 1.4 Các mô hình quản lý đô thị 1.5 Mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản của công tác quy hoạch xây dựng đô thị	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2. CƠ SỞ KHOA HỌC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ XÂY DỰNG THEO QUY HOẠCH KHU ĐÔ THỊ MỚI	10	3		13	26	
2.1 Cơ sở lý thuyết về quản lý xây dựng theo quy hoạch 2.1.1 Cấu trúc và mô hình phát triển khu đô thị mới 2.1.2 Quản lý phát triển khu đô thị theo quy hoạch 2.1.3 Nội dung quản lý xây dựng theo quy hoạch 2.1.4 Các thành phần tham gia trong công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch 2.15 Các công cụ quản lý xây dựng theo quy hoạch	4	1		5	10	Đọc TLC 1,2; chương 5, 2
2.2 Cơ sở pháp lý về quản lý xây	4	1		5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
dựng theo quy hoạch <i>2.2.1 Các văn bản pháp lý về quản lý xây dựng theo quy hoạch</i> <i>2.2.2 Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quản lý xây dựng theo quy hoạch</i> <i>2.2.3 Hồ sơ quy hoạch có liênquan</i>						
2.3 Các yếu tố tác động đến công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch khu đô thị mới <i>2.3.1 Các yếu tố tự nhiên</i> <i>2.3.2 Yếu tố thể chế, chính sách Nhà nước</i> <i>2.3.3 Sự tham gia của cộng đồng</i>	2	1		3	6	
Chương 3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ XÂY DỰNG THEO QUY HOẠCH KHU ĐÔ THỊ MỚI	9	4		13	26	
3.1 Thực trạng chung của các khu đô thị mới	2			2	4	Đọc TLC 2 chương 1
3.2 Thực trạng quản lý xây dựng theo quy hoạch khu đô thị mới <i>3.2.1 Thực trạng về tình hình đầu tư thực hiện xây dựng theo quy hoạch</i> <i>3.2.2 Thực trang quản lý đất đai</i> <i>3.2.3 Thực trạng công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật</i>	3,5	2		5,5	11	
<i>3.2.4 Thực trạng công tác quản lý vệ sinh môi trường</i> <i>3.2.5 Thực trạng công tác quản lý hành chính đô thị</i>	3,5	2		5,5	11	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.26 Thực trạng công tác quản lý kiến trúc cảnh quan						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. QUẢN LÝ XÂY DỰNG THEO QUY HOẠCH KHU ĐÔ THỊ MỚI	8	1		9	18	
4.1 Quan điểm và mục tiêu quản lý xây dựng theo quy hoạch khu đô thị mới	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2
4.2 Nguyên tắc quản lý xây dựng theo quy hoạch khu đô thị mới Tây Nam Hà Nội 4.2.1 Quản lý xây dựng theo quy hoạch phải cân đối hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước, chủ đầu tư và người sử dụng 4.2.2 Quản lý xây dựng theo quy hoạch gắn liền với kiểm soát phát triển	3			3	6	
4.3 Quản lý xây dựng theo quy hoạch khu đô thị mới 4.3.1 Quản lý đất đai 4.3.2 Quản lý hạ tầng kỹ thuật 4.3.3 Quản lý vệ sinh môi trường 4.3.4 Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan	2			2	4	
4.4 Lập kế hoạch quản lý xây dựng theo quy hoạch 4.4.1 Mục tiêu quản lý 4.4.2 Đối tượng quản lý 4.4.3 Các kế hoạch thực hiện	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	33	10	2	45	90	

4.5.39. Kiến trúc đô thị và cảnh quan

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Kiến trúc đô thị và cảnh quan**
- Tiếng Anh: **Urban and landscapes architecture**

Mã học phần: KTQĐ2504

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh.

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết
- Bài tập: 0 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 5 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần sinh viên cần hiểu được những kiến thức cơ bản về quy hoạch cảnh quan, các nguyên tắc bố cục trong quy hoạch cảnh quan, các yếu tố tạo hình trong kiến trúc, hiểu được quy trình các bước trong thiết kế đô thị cảnh

quan như Lập sơ đồ phân tích hiện trạng khu đất, Thiết lập sơ đồ công năng, Thiết kế sơ phác, Thiết kế hoàn chỉnh.

- *Về kỹ năng*: Biết vận dụng các kiến thức cơ bản của kiến trúc đô thị cảnh quan để thiết kế kiến trúc đô thị. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần tập trung làm rõ các vấn đề như: Khái niệm cơ bản về kiến trúc cảnh quan, mối quan hệ giữa cảnh quan không gian trống với cảnh quan không gian xây dựng từ đó tìm ra các quy luật, quy tắc ứng dụng trong quy hoạch và thiết kế cảnh quan và ứng dụng nó vào việc quy hoạch, thiết kế cảnh quan nông thôn và đô thị.

Học phần cung cấp cho người học các nguyên tắc thiết kế, quy hoạch, các dạng bố cục, quy tắc sắp xếp và quy luật, quy trình trong thiết kế đô thị và cảnh quan để ứng dụng vào thực tế kiến trúc đô thị.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hàn Tất Ngạn (2014), *Kiến trúc cảnh quan*, NXB Xây dựng.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Hữu Thái (2003), *Xu hướng mới kiến trúc đô thị thế giới và Việt nam thời hội nhập*, NXB Xây dựng.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1: Tổng quan về kiến trúc đô thị và cảnh quan	4	2		6	12	Đọc TLC 1 chương 1
1.1. Tổng quan về quy hoạch cảnh quan	1			1	2	
1.1.1. Khái niệm quy hoạch cảnh quan vùng						
1.1.2. Khái niệm quy hoạch cảnh quan đô thị						
1.1.3. Khái niệm quy hoạch cảnh quan nông thôn đô thị Việt Nam.						
1.2. Tổng quan về đô thị	1			1	2	
1.2.1 Khái niệm đô thị.						
1.2.2 Đặc điểm của đô thị.						
1.2.3 Phân loại đô thị.						
1.2.4 Quá trình phát triển của						
1.3 Kiến trúc đô thị	1	1		2	4	
1.3.1 Khái niệm kiến trúc đô thị.						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3.2 Đặc trưng của kiến trúc đô thị. 1.3.3 Quản lý đô thị trong nền kinh tế thị trường.						
1.4. Quy hoạch cảnh quan ở việt nam và trên thế giới 1.4.1. Quy hoạch cảnh quan ở Việt Nam 1.4.2. Quy hoạch cảnh quan trên thế giới	1	1		2	4	
Chương 2: Quy hoạch cảnh quan	4	2		6	12	
2.1. Các nguyên tắc bố cục quy hoạch cảnh quan 2.1.1. Cơ sở của việc bố cục quy hoạch cảnh quan 2.1.2. Các quy luật bố cục trong quy hoạch cảnh quan	2	1		3	6	
2.2. Quy hoạch cảnh quan vùng nông thôn 2.2.1. Nhiệm vụ, mục tiêu quy hoạch cảnh quan vùng nông thôn 2.2.2. Nguyên tắc phân vùng cảnh quan nông thôn 2.2.3. Các loại hình cảnh quan vùng nông thôn 2.2.4. Nội dung quy hoạch cảnh quan vùng nông thôn	1	1		2	4	
2.3. Quy hoạch cảnh quan vùng đô thị 2.3.1. Nhiệm vụ, mục tiêu quy hoạch cảnh quan vùng đô thị 2.3.2. Nguyên tắc phân vùng cảnh quan đô thị	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.3. Các loại hình cảnh quan vùng đô thị 2.3.4. Nội dung quy hoạch cảnh quan vùng đô thị						
Chương 3. Các dạng bố cục, quy tắc sắp xếp và quy luật trong thiết kế đô thị và cảnh quan	5	1		6	12	Đọc TLC 1 chương 3 Đọc TLC 2 chương 2
3.1 Các loại hình sân vườn thường gặp trong thực tế thiết kế 3.1.1 Phân loại theo công năng 3.1.2 Phân loại theo tính chất 3.1.3 Phân loại theo bố cục 3.1.4 Phân loại theo phong cách vườn	2	1		3	6	
3.2 Những đối tượng cơ bản trong thiết kế cảnh quan 3.2.1 Các yếu tố thị giác 3.2.2 Các yếu tố phi thị giác	2			2	4	
3.3 Các nguyên tắc bố cục cảnh quan 3.3.1 Cơ sở của việc bố cục cảnh quan 3.3.2 Các quy luật bố cục chủ yếu 3.3.4 Các quy tắc sắp xếp	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. Các yếu tố tạo hình trong thiết kế kiến trúc đô thị và cảnh quan	5					Đọc TLC 1 chương 5 Đọc TLC 2 chương 4
4.1 Địa hình	1			1	2	
4.2 Mặt nước	1			1	2	
4.3 Cây xanh	1			1	2	
4.4 Kiến trúc công trình	1	1		2	4	
4.5 Các tác phẩm điêu khắc, hội họa trang trí	1			1	2	
Chương 5. Quy trình thiết kế kiến	5	1		6	12	Đọc TLC 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trúc đô thị và cảnh quan						chương 5
5.1 Lập sơ đồ phân tích hiện trạng khu đất <i>5.1.1 Phân tích hiện trạng khu đất</i> <i>5.1.2 Nắm bắt nhu cầu sử dụng của chủ đầu tư</i>	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 4,6
5.2 Thiết lập sơ đồ công năng <i>5.2.1 Tìm ý tưởng</i> <i>5.2.2 Lập sơ đồ công năng</i>	2	1		3	6	
5.3 Thiết kế sơ phác <i>5.3.1 Phát triển hình khối dạng hình học</i> <i>5.3.2 Sự hợp nhất của hình</i>	1			1	2	
5.4 Thiết kế hoàn chỉnh <i>5.4.1 Chọn lựa cây trồng</i> <i>5.4.2 Trang trí các yếu tố tạo cảnh</i> <i>5.4.3 Thể hiện bản vẽ mặt bằng</i>	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	23		7	30	60	

4.5.40. Đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản**

Tiếng Anh: **Registration, Statistic of Land and real estate**

Mã học phần: QĐQN2555

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Hệ Đại học, ngành Quản trị kinh doanh.

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒		
	Kiến thức cơ sở ngành ☐	Kiến thức ngành ☒	Thực tập và đồ án tốt

Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	nghiệp ☐

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết

Thực hành: 08 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai và Bất động sản, Khoa Quản lý đất đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất. Hiểu các quy định chung về đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các đối tượng; thống kê, kiểm kê đất đai.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng các nghiệp vụ chuyên môn đã học để thực hành được nhiệm vụ trong đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động về sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; thống kê các chỉ tiêu đất đai, bất động sản.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan về đăng ký đất đai, nhà ở, tài sản; trình tự thủ tục đăng ký đất đai và lập, chỉnh lý hồ sơ địa chính;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về đăng ký đất đai.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản. Sau khi học xong học phần này sinh viên nắm được các quy trình, thủ tục, quy định trong việc thống kê đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, xây dựng quy trình lập hồ sơ địa chính. Đồng thời sinh viên cũng nắm được cách thức giải quyết trong các trường hợp có sự biến động sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc chỉnh lý hồ sơ địa chính.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. T.S. Thái Thị Quỳnh Như, Th.S. Vũ Lệ Hà (2013), *Giáo trình đăng ký và thống kê đất đai*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. TS. Nguyễn Thị Hải Yến (2013), *Giáo trình Đăng ký đất đai*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

3. Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), *Luật đất đai năm 2013*, NXB Lao Động.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Trọng Đợi, 2009, *Giáo trình Hệ thống Hồ sơ địa chính*, Trường Đại học Quy Nhơn.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp.
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập.
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT	8	2			10	20	Đọc mục

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHUNG VỀ ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, BẤT ĐỘNG SẢN VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN							1.1, 1.2, 1.3, 1.4 TL (1), Tài liệu chính
1.1. Khái niệm, lịch sử đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	1					2	
1.2. Mục đích và đặc điểm đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	1					2	
1.3. Các trường hợp đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất 1.3.1. Đăng ký lần đầu 1.3.2. Đăng ký biến động	1					2	
1.4. Người chịu trách nhiệm đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	1					2	
1.5. Những trường hợp được và không được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất 1.5.1. Những trường hợp cấp giấy chứng nhận 1.5.2. Những trường hợp không được cấp GCN	2	1				6	Tìm hiểu để giải quyết các tình huống cho bài mới
1.6. Nguyên tắc và thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	2	1				6	Đọc mục 1.6, 1.7 TL (1), Tài liệu chính
CHƯƠNG 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, VÀ	6	3	1		10	20	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
BẤT ĐỘNG SẢN							
2.1. Những quy định chung <i>2.1.1. Nơi nộp hồ sơ và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai</i> <i>2.1.2. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai</i>	1					2	Làm hệ thống hồ sơ đăng ký theo tình huống cho trước
<i>2.1.3. Điều kiện để được cấp GCN</i>							
2.2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất và trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận	2	1				6	Xác nhận hệ thống hồ sơ đăng ký theo tình huống cho trước
2.3. Nội dung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi chung là giấy chứng nhận) <i>2.3.1. Mẫu giấy chứng nhận</i> <i>2.3.2. Thể hiện thông tin trang 1</i> <i>2.3.4. Thể hiện thông tin trang 3</i>	1	1				4	Viết GCN theo tình huống cho trước
2.4. Đăng ký biến động đất đai và bất động sản <i>2.4.1 Những quy định chung</i> <i>2.4.2. Trình tự, thủ tục</i>	2	1				6	Đọc mục 2.4.2 TL (1), Tài liệu chính
Kiểm tra chương 1+2			1			2	
CHƯƠNG 3. THỐNG KÊ, KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI VÀ BẤT ĐỘNG SẢN	6	3	1		10	20	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.1. Những quy định chung về thống kê, kiểm kê đất đai và bất động sản	1					2	Đọc giáo trình phần 3.1
3.1.1. Khái niệm, mục đích thống kê, kiểm kê đất đai							
3.1.2. Nguyên tắc thống kê, kiểm kê đất đai							
3.1.3. Thời điểm thực hiện và nộp báo cáo thống kê, kiểm kê đất đai							
3.1.4. Trách nhiệm thực hiện, thẩm quyền phê duyệt kết quả thống kê, kiểm kê đất đai							
3.2. Chỉ tiêu thống kê, kiểm kê đất đai và bất động sản	2	1				6	Xác định hệ thống chỉ tiêu theo tình huống
3.2.1. Chỉ tiêu loại đất							
3.2.2. Chỉ tiêu người sử dụng đất, người được Nhà nước giao quản lý đất							
3.3. Hệ thống biểu thống kê, kiểm kê	1	1				2	
3.4. Nội dung và phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai	1	1				2	Đọc giáo trình phần 3.4
3.4.1. Nội dung thống kê, kiểm kê đất đai							
3.4.2. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất							
3.4.3. Báo cáo thống kê, kiểm kê đất đai							
3.4.4. Phương pháp thực hiện thống							

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
kê, kiểm kê đất đai							
3.5. Trình tự thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai	1					2	Đọc giáo trình phần 3.5
3.5.1. Trình tự thực hiện thống kê đất đai							
3.5.2. Trình tự thực hiện kiểm kê đất đai							
Kiểm tra chương 3			1			2	
TỔNG SỐ	20	08	02		30	60	

4.5.41. Quản lý điều hành sàn giao dịch & môi giới bất động sản

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Quản lý điều hành sàn giao dịch và môi giới bất động sản**

Tiếng Anh: **Management of Real Estate Exchange**

Mã học phần: KTQU2521

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh.

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐		

Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết

Bài tập: 07 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm 0 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học:

90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản lý điều hành sàn giao dịch và hoạt động môi giới bất động sản

- *Về kỹ năng*: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về quản lý sàn giao dịch bất động sản và môi giới bất động sản, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động kinh doanh bất động sản của doanh nghiệp. Người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần trang bị những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản lý sàn giao dịch bất động sản và hoạt động môi giới bất động sản, bao gồm: tổng quan về quản lý điều hành sàn giao dịch & môi giới bất động sản, thị trường bất động sản, đầu tư kinh doanh bất động sản, các quy trình và kỹ năng môi giới bất động sản, các văn bản pháp luật trong kinh doanh bất động sản.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Thị Huyền (2011), *Giáo trình Luật kinh doanh bất động sản*, Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Thái Trí Dũng (2012), *Giáo trình tâm lý học quản trị kinh doanh*, NXB Lao động – Xã hội.

3. *Luật kinh doanh bất động sản*(2013), NXB Lao động.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Thế Phương (2011), *Giáo trình Thẩm định giá bất động sản*, NXB Phương Đông.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH SÀN GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN	3			3	6	Đọc TLC (1). Trang: 15 – 50. TLC (3). Trang: 40 – 70 Chuẩn
1.1 Khái niệm, chức năng, vai trò sàn giao dịch bất động sản 1.1.1 Khái niệm sàn giao	1			1	2	bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

dịch bất động sản 1.1.2 Chức năng sàn giao dịch bất động sản 1.1.3 Vai trò sàn giao dịch bất động sản						
1.2 Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của sàn giao dịch bất động sản 1.2.1 Điều kiện thành lập sàn giao dịch bất động sản 1.2.2 Quy chế hoạt động của sàn giao dịch bất động sản 1.2.3. Tổ chức các dịch vụ tại sàn giao dịch bất động sản	2			2	4	
CHƯƠNG 2. KHÁI QUÁT VỀ THỊ TRƯỜNG & MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN	5			5	10	Đọc TLC (1). Trang: 85 – 176. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1 Khái niệm động sản và thị trường bất động sản	0,5			0,5	1	
2.2 Phân loại thị trường bất động sản	1			1	2	
2.3 Các yếu tố của thị trường bất động sản	1			1	2	
2.4 Môi giới bất động sản 2.4.1 Khái niệm môi giới 2.4.2 Vai trò và vị thế của nghề môi giới 2.4.3 Nghiệp vụ môi giới và quy trình môi giới bất động sản 2.4.4. Tiêu chuẩn của nhà môi giới bất động sản	2			2	4	
2.5. Vai trò của Nhà nước đối với thị trường bất động	0,5			0,5	1	

sản						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. ĐẦU TƯ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	6	2		8	16	Đọc TLC (1). Trang: 221 – 280. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1 Những vấn đề chung về đầu tư kinh doanh bất động sản <i>3.1.1 Khái niệm đầu tư</i> <i>3.1.2 Trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư kinh doanh bất động sản</i>	2			2	4	
3.2 Nội dung trong đầu tư kinh doanh bất động sản <i>3.2.1 Hợp đồng trong hoạt động kinh doanh bất động sản</i> <i>3.2.2 Thông tin và hồ sơ bất động sản</i>	4	2		6	12	
CHƯƠNG 4. QUY TRÌNH VÀ KỸ NĂNG MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN	8	3		11	22	Đọc TLC (1). Trang: 295 – 332. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Khái niệm môi giới bất động sản	1			1	2	
4.2. Quy trình môi giới bất động sản <i>4.2.1. Thông thạo thông tin về cung cầu bất động sản</i> <i>4.2.2. Lập hồ sơ thương vụ môi giới</i> <i>4.2.3. Thời hạn và các bước thực hiện thương vụ môi giới</i>	3	1		4	8	
4.3. Kỹ năng môi giới bất động sản	4	2		6	12	

4.3.1. Kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong giao dịch bất động sản						
4.3.2. Kỹ năng thuyết trình trong bán hàng bất động sản						
CHƯƠNG 5. E-MARKETING TRONG MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN	8	2		10	20	
5.1 Lợi ích của công nghệ thông tin trong môi giới bất động sản	1			1	2	
5.2. Thông tin, cơ sở dữ liệu và các công cụ marketing trong môi giới bất động sản	2			2	4	
5.3 Chiến lược e-marketing bất động sản	3	1		4	8	
5.4 Ứng dụng thực hành mạng xã hội trong môi giới bất động sản	2	1		3	6	
CHƯƠNG 6. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT TRONG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	6			6	12	Độc TLC (2). Trang: 75 – 177. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.1. Pháp luật về kinh doanh & môi giới bất động sản	1			1	2	
6.2 Phí môi giới, hoa hồng và các vấn đề liên quan	1			1	2	
6.3. Pháp luật về đất đai	1			1	2	
6.4. Pháp luật về nhà ở	1			1	2	
6.5. Pháp luật về đầu tư, xây dựng	1			1	2	
6.6. Pháp luật về thương mại, doanh nghiệp	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	

Cộng	36	7	2	45	90	

4.5.42. Kinh doanh bất động sản

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Kinh doanh bất động sản**

Tiếng Anh: **Real estate business**

Mã học phần: KTQU2522

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết

Bài tập: 07 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm 0 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được kiến thức sâu rộng của ngành học. Tóm tắt, phân tích được quan hệ cung cầu bất động sản và hiểu được cơ chế hõnh thành giỏ cả bất động sản.

- *Về kỹ năng:* Có các kỹ năng thực tiến về nghề nghiệp và có thể phát triển được. kỹ năng phối hợp giải quyết công việc với người khác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh

nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kinh doanh bất động sản là một môn khoa học nhằm cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về bất động sản và thị trường bất động sản. Môn học đi sâu vào phân tích các vấn đề liên quan đến cầu bất động sản (cầu và lượng cầu, các nhân tố ảnh hưởng đến cầu, độ co giãn của cầu...), các vấn đề liên quan đến cung bất động sản (cung và lượng cung, các nhân tố ảnh hưởng đến cung, độ co giãn của cung...). Từ đó, môn học đánh giá về mối quan hệ giữa cung và cầu bất động sản, phân tích để hiểu rõ cơ chế hình thành giá cả bất động sản trên thị trường. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản trong việc lập và quản lý một dự án đầu tư bất động sản, tập trung phân tích các chỉ số tài chính trong đầu tư bất động sản...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Trịnh Hữu Liên (2013), *Thị trường bất động sản*, Trường đại học tài nguyên và môi trường Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Huyền,(2016), *Giáo trình quản trị kinh doanh, Tập 1*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
3. Ngô Kim Thanh (2012), *Quản trị chiến lược*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Phan Kim Chiến (2006), *Giáo trình lý thuyết quản trị kinh doanh*, NXB Khoa học kỹ thuật.
2. Phan Thị Cúc (2009), *Đầu tư kinh doanh bất động sản*, Nhà xuất bản đại học quốc gia TP.HCM
3. Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Huyền (2011), *Giáo trình quản trị kinh doanh*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	6			6	12	Đọc TLC 1 từ trang 1-32, 119-123. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1 Tổng quan về kinh doanh bất động sản <i>1.1.1 Khái niệm kinh doanh</i> <i>1.1.2 Khái niệm kinh doanh bất động sản</i>	2				4	
1.2 Đặc điểm kinh doanh bất động sản	2			2	4	
1.3 Một số quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản <i>1.3.1 Các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp bất động sản</i> <i>1.3.1 Nguyên tắc hoạt động kinh doanh</i>	2			2	4	
CHƯƠNG 2. QUAN HỆ CUNG – CẦU VÀ GIÁ CẢ BẤT ĐỘNG SẢN	8	3		11	22	Đọc TLC 1 từ trang 33-40, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận
2.1 Cầu và các nhân tố ảnh hưởng	3	1		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đến cầu bất động sản 2.1.1 Khái niệm cầu 2.1.2 Đường cầu về bất động sản						theo hướng dẫn của giảng viên
2.1.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu bất động sản						
2.1.4 Co giãn của cầu bất động sản						
2.2 Cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung bất động sản 2.2.1 Khái niệm cung 2.2.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến cung bất động sản 2.2.3 Co giãn của cung bất động sản	3	1		4	8	
2.3 Quan hệ cung – cầu và giá cả bất động sản 2.3.1 Sự hình thành giá bất động sản trên thị trường 2.3.2 Sự vận động của giá bất động sản trên thị trường 2.3.3 Đặc trưng của giá bất động sản	2	1		3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	8	2		9	18	Đọc TLC 2 từ trang 5-35, 51-155. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1 Chiến lược kinh doanh và hoạch định chiến lược kinh doanh	1			1	2	
3.1.1. Chiến lược kinh doanh						
3.1.2. Hoạch định chiến lược kinh doanh						
3.2. Phân tích môi trường kinh doanh bất động sản 3.1.1. Môi trường kinh doanh 3.2.2. Phân tích môi trường kinh doanh	3	1		4	8	
3.3. Một số chiến lược kinh doanh bất động sản cơ bản 3.3.1. Chiến lược tăng trưởng	4	1		5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3.2. Chiến lược ổn định 3.3.3. Chiến lược cắt giảm 3.3.4. Chiến lược cạnh tranh						
CHƯƠNG 4. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	6			6	12	Đọc TLC 1 từ trang 56-85, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Vai trò của nhà nước đối với kinh doanh bất động sản 4.1.1. Khái quát về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường 4.1.2. Vai trò của nhà nước đối với kinh doanh bất động sản	2			2	4	
4.2. Quản lý nhà nước đối với kinh doanh bất động sản ở nước ta hiện nay 4.2.1. Quá trình đổi mới cơ chế quản lý nhà nước đối với kinh doanh bất động sản ở nước ta 4.2.3. Tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với kinh doanh bất động sản	2			2	4	
4.3. Giới thiệu về luật kinh doanh bất động sản	2			2	4	
CHƯƠNG 5. ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN	8	2		10	20	Đọc TLC 1 từ trang 124-144, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Những vấn đề chung về đầu tư bất động sản	0,5			0,5	1	
5.1.1. Cơ cấu thị trường đầu tư và chất lượng của một hoạt động đầu tư						
5.1.2. Những đặc điểm của đầu tư bất động sản						
5.2. Các loại hình đầu tư và các nhà đầu tư trong kinh doanh bất động sản	0,5			0,5	1	
5.2.1. Các loại hình đầu tư chủ yếu						
5.2.2. Các nhà đầu tư chủ yếu						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3. Phương pháp đánh giá hiệu quả của hoạt động đầu tư bất động sản	3	1		4	8	
5.3.1. Phương pháp đánh giá truyền thống						
5.3.2. Phương pháp chiết khấu dòng tiền						
5.4. Xử lý rủi ro trong đầu tư bất động sản	2	1		3	6	
5.4.1. Các loại rủi ro trong đầu tư bất động sản						
5.4.2. Đánh giá rủi ro						
5.4.3. Xử lý rủi ro						
5.5. Lựa chọn danh mục đầu tư trong kinh doanh bất động sản	2			2	4	
5.5.1. Lý thuyết về danh mục đầu tư						
5.5.2. Nguyên lý lựa chọn danh mục đầu tư						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

4.5.43. Thị trường bất động sản

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Thị trường bất động sản**
- Tiếng Anh: **Real estate market**

Mã học phần: KTQU2523

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh.

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐		

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
- Bài tập: 07 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Người học có thể hiểu được các vấn đề căn bản về thị trường bất động sản như: Khung pháp lý về thị trường bất động sản, định giá bất động sản, phương pháp định giá bất động sản.
- *Về kỹ năng*: Hiểu được những vấn đề cơ bản về thị trường bất động sản, các khung pháp lý về thị trường bất động sản. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống pháp luật về thị trường bất động sản, hệ thống thông tin trong thị trường bất động sản, cách xác định giá thành, giá trị bất động sản và thống kê, hồ sơ đăng ký bất động sản.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trịnh Hữu Liên (2013), *Giáo trình thị trường bất động sản*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. TS. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình tài chính doanh nghiệp*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒ Phát vấn ☐ Đàm thoại ☐

Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp.
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ BẤT ĐỘNG SẢN VÀ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN	2			2	4	
1.1 Tổng quan về bất động sản 1.1.1 Khái niệm bất động sản 1.1.2 Đặc điểm của bất động sản 1.1.3 Phân loại bất động sản	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 1
1.2 Tổng quan về thị trường bất động sản 1.2.1 Khái niệm thị trường bất động	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
sản 1.2.2 Đặc điểm của thị trường bất động sản 1.2.3 Phân loại thị trường bất động sản 1.2.4 Vai trò của thị trường bất động sản						
Chương 2. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN	8			8	16	
2.1 Khái quát chung về quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản 2.1.1 Khái niệm quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản 2.1.2 Các hình thức quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản 2.1.3 Vai trò của quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4
2.2 Các nguyên tắc trong quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản 2.2.1 Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa 2.2.2 Nguyên tắc tập chung dân chủ 2.2.3 Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo vùng lãnh thổ	3			3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.4 Nguyên tắc kết hợp hài hòa các loại lợi ích 2.2.5 Nguyên tắc công khai minh bạch						
2.3 Các chức năng quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản 2.3.1 Chức năng hoạch định 2.3.2 Chức năng tổ chức điều hành 2.3.3 Chức năng kiểm soát	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4
2.4 Quản lý và phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam 2.4.1 Kinh nghiệm quản lý và phát triển thị trường bất động sản 2.4.2 Quan điểm, định hướng, mục tiêu quản lý và phát triển thị trường bất động sản Việt Nam 2.4.3 Quản lý và phát triển thị trường bất động sản Việt Nam	3			3	6	
Chương 3. QUAN HỆ CUNG – CẦU VÀ GIÁ CẢ BẤT ĐỘNG SẢN	10	5		15	30	
3.1 Cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu bất động sản 3.1.1 Khái niệm cầu về bất động sản 3.1.2 Đường cầu về bất động sản 3.1.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu về bất động sản 3.1.4 Phân biệt sự di chuyển và sự dịch	3	2		4	8	Đọc TLC 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
chuyển của đường cầu 2.1.5 Co giãn của cầu bất động sản						
3.2 Cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung bất động sản 3.2.1 Khái niệm cung về bất động sản 3.2.2 Đường cung về bất động sản 3.2.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến cung bất động sản 3.2.4 Phân biệt sự di chuyển và sự dịch chuyển của đường cung 3.2.5 Co giãn của cung bất động sản	3	2		4	8	
3.3 Quan hệ cung cầu trên thị trường bất động sản 3.3.1 Sự hình thành giá cả trên thị trường bất động sản 3.3.2 Đặc trưng của sự vận động cung cầu trên thị trường bất động sản 3.3.3 Quan hệ cung cầu bất động sản trong những hình thái thị trường đặc biệt	3	1		4	8	
3.4 Sự hình thành và phát triển thị trường bất động sản Việt Nam 3.4.1 Cơ sở pháp lý cho việc hình thành và phát triển thị trường bất động sản Việt Nam 3.4.2 Tính chu kỳ trong hoạt động của thị trường bất động sản 3.4.3 Khái quát diễn biến của thị	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trường bất động sản Việt Nam từ năm 1993 đến nay						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. HOẠT ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN	5			5	10	
4.1 Các chủ thể tham gia thị trường bất động sản 4.1.1 Cá nhân 4.1.2 Doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh bất động sản 4.1.3 Nhà nước 4.1.4 Nhà thầu xây dựng 4.1.5 Các tổ chức, cá nhân môi giới, tư vấn bất động sản 4.1.6 Các tổ chức tài chính	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 3
4.2 Hàng hóa trên thị trường bất động sản 4.2.1 Đất đai 4.2.2 Công trình xây dựng	1			1	2	
4.3 Hệ thống thông tin trên thị trường bất động sản 4.3.1 Vai trò của hệ thống thông tin trên thị trường bất động sản 4.3.2 Cung cấp thông tin trên thị trường bất động sản 4.3.3 Xây dựng hệ thống thông tin bất động sản	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 5. ĐĂNG KÝ BẤT ĐỘNG SẢN	4			4	8	
5.1 Khái quát về đăng ký bất động sản <i>5.1.1 Khái niệm về đăng ký bất động sản</i> <i>5.1.2 Chức năng đăng ký bất động sản</i> <i>5.1.3 Đối tượng đăng ký bất động sản</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5
5.2 Thống kê đăng ký bất động sản <i>5.2.1 Hồ sơ bất động sản</i> <i>5.2.2 Nguyên tắc đăng ký bất động sản</i> <i>5.2.3 Đơn vị đăng ký bất động sản</i> <i>5.2.4 Đăng ký pháp lý</i>	2			2	4	
Chương 6. ĐỊNH GIÁ BẤT ĐỘNG SẢN	6	3		9	18	
6.1 Khái niệm chung <i>6.1.1 Mục đích của việc định giá bất động sản</i> <i>6.1.2 Đặc trưng chủ yếu của giá bất động sản</i> <i>6.1.3 Giá thành bất động sản</i> <i>6.1.4 Mục tiêu và trình tự định giá</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4
6.2 Các phương pháp định giá bất động sản <i>6.2.1 Khái niệm chung về định giá bất động sản</i> <i>6.2.2 Một số phương pháp định giá bất động sản</i>	4	3		7	14	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2.3 Định giá đất cụ thể tại địa phương						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	35	08	02	45	90	

4.5.44. Tổ chức thi công xây dựng công trình

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Tổ chức thi công xây dựng**
- Tiếng Anh: **Organizing construction**

Mã học phần: KTQU2594

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh.

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
- Bài tập: 1 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 06 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên

Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu những kiến thức và kỹ năng trong việc tổ chức thi công xây dựng các công trình như công tác thiết kế tổ chức thi công, lập kế hoạch tiến độ thi công các công trình

- *Về kỹ năng*: Vận dụng kiến thức đã học vào việc tổ chức các nghiệp vụ hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất trên công trường xây dựng như kho bãi, giao thông, tổ chức quản lý lao động trên công trường với mục tiêu an toàn, văn minh, chất lượng. Từ đó phân tích, tổng hợp, đánh giá vào thực tế tổ chức thi công xây dựng các doanh nghiệp bất động sản.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng trong việc tổ chức thi công xây dựng các công trình như công tác thiết kế tổ chức thi công, lập kế hoạch tiến độ thi công các công trình, tổ chức các nghiệp vụ hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất trên công trường xây dựng như kho bãi, giao thông, tổ chức quản lý lao động trên công trường với mục tiêu an toàn, văn minh, chất lượng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Xây Dựng (2012), *Giáo trình tổ chức thi công xây dựng*, NXB Xây dựng.
2. Lê Hồng Thái (2016), *Tổ chức thi công xây dựng*, NXB Xây Dựng.
3. Phạm Quang Hạnh (2016), *Công tác trắc địa cơ bản trong thi công nhà cao tầng*, NXB Đại học Tài nguyên môi trường.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Xây Dựng (2008), *Giáo trình tổ chức thi công xây dựng*, NXB Xây dựng.
2. Ngô Quang Tường (2010), *Hỏi và đáp các vấn đề Tổ chức thi công xây dựng*, Nxb. Đại học quốc gia TP HCM.

3. Lê Văn Kiêm (2011), *Thiết kế tổ chức thi công*, NXB Xây Dựng.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ TỔ CHỨC XÂY DỰNG CÔNG	7			7	14	Đọc TLC 1 chương 1; TLC 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TRÌNH						chương 1,2.
1.1. Đặc điểm sản phẩm xây dựng và sản xuất xây dựng	2			2	4	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.2. Thi công xây dựng, công tác chuẩn bị thi công	2			2	4	
1.3. Văn bản thiết kế tổ chức thi công công trình	1			1	2	
1.4. Tổ chức hoạt động xây lắp công trình	2			2	4	
Chương 2. THIẾT KẾ TỔ CHỨC THI CÔNG VÀ LẬP KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THI CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH	8		2	10	20	Đọc TLC 1 chương 6,7; TLC 3 chương 3,4,5. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Khái quát về thiết kế tổ chức thi công công trình đơn vị, công trình nhiều hạng mục	2			2	4	
2.2. Lập kế hoạch tiến độ thi công công trình đơn vị, công trình nhiều hạng mục	3		1	4	8	
2.3. Tổ chức thi công và đánh giá về các biện pháp tổ chức thi công đã lập	3		1	4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. THIẾT KẾ TỔNG MẶT BẰNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	7	1	2	10	20	Đọc TLC 1 chương 9, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Khái quát tổng mặt bằng thi công xây dựng công trình	2	1		3	6	
3.2. Thiết kế mặt bằng thi công hạng mục công trình	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3. Thiết kế tổng mặt bằng toàn công trường thi công nhiều hạng mục	3		1	4	8	
Chương 4. TỔ CHỨC CÁC NGHIỆP VỤ HẠ TẦNG KỸ THUẬT PHỤC VỤ SẢN XUẤT TRÊN CÔNG TRƯỜNG XÂY DỰNG	7		1	8	16	Đọc TLC 1 chương 8; Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Ý nghĩa của tổ chức các nghiệp vụ hạ tầng kỹ thuật	2			2	4	
4.2. Tổ chức nghiệp vụ giao thông vận chuyển	2		1	2	4	
4.3. Tổ chức nghiệp vụ kho bãi, nhà tạm	2			2	4	
4.4. Tổ chức một số nghiệp vụ khác	1			1	2	
Chương 5. TỔ CHỨC LAO ĐỘNG, VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY LẮP TRÊN CÔNG TRƯỜNG	7		1	8	16	Đọc TLC 1 Chương 10, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Tổ chức lao động trên công trường	2			3	6	
5.2. Quản lý chất lượng thi công và chất lượng công trình trong giai đoạn xây lắp	3		1	4	8	
5.3. An toàn thi công và văn minh thi công	3			3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	1	8	45	90	

4.5.45. Khởi sự và tái lập doanh nghiệp

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Khởi sự và tái lập doanh nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Start up and business restructure**
- Mã học phần: KTQU2525
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khởi sự, tái lập và phát triển một doanh nghiệp mới và các vấn đề cơ bản trong khởi sự kinh doanh.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về khởi sự và tái lập kinh doanh, từ đó có thể vận dụng các kỹ năng để xây dựng mô hình kinh doanh.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông

thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần khởi sự & tái lập doanh nghiệp cung cấp những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về khởi tạo doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp và các thủ tục pháp lý có liên quan, tổ chức doanh nghiệp và xây dựng kế hoạch kinh doanh, đồng thời người học triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

- 1. Nguyễn Ngọc Huyền (2012), *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
- 2. Lưu Đan Thọ (2016), *Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm

- 1. Nguyễn Hữu Viện (2001), *Luật Kinh tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP	5	1		6	12	Đọc TLC (1). Trang: 10 – 54. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1 Những vấn đề cơ bản về ý tưởng kinh doanh <i>1.1.1. Khái niệm</i> <i>1.1.2. Đánh giá điểm mạnh, yếu của bản thân</i>	1			1	2	
1.2 Một số khái niệm <i>1.2.1. Doanh nghiệp</i> <i>1.2.2. Người sáng lập doanh nghiệp.</i> <i>1.2.3. Chủ sở hữu</i> <i>1.2.4. Giám đốc điều hành - CEO</i>	1			1	2	
1.3. Các loại hình doanh nghiệp <i>1.3.1. Doanh nghiệp tư nhân.</i> <i>1.3.2. Công ty TNHH một thành viên</i> <i>1.3.3. Công ty TNHH hai thành viên trở lên.</i> <i>1.3.4. Công ty cổ phần.</i> <i>1.3.5. Công ty hợp danh.</i> <i>1.3.6. Hộ kinh doanh cá thể</i>	2	1		3	6	
1.4. Xác định và lựa chọn ý tưởng kinh doanh	1			1	2	
CHƯƠNG 2. THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP VÀ CÁC THỦ TỤC LIÊN QUAN	8	1		9	18	Đọc TLC (2). Trang: 05 – 90. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn
2.1.Lựa chọn tên doanh nghiệp.	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.1. Yêu cầu của việc đặt tên doanh nghiệp. 2.1.2. Các bước tiến hành lựa chọn tên doanh nghiệp.						của giảng viên
2.2. Hình thành công ty. 2.2.1. Thành lập doanh nghiệp hoàn toàn mới. 2.2.2. Mua lại doanh nghiệp. 2.2.3. Nhượng quyền thương mại	1			1	2	
2.3. Đăng ký kinh doanh và đăng ký mã số thuế. 2.3.1. Cơ quan đăng ký kinh doanh. 2.3.2. Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký mã số thuế. 2.3.3. Các giấy tờ cần thiết.	2			2	4	
2.4. Một số thủ tục pháp luật khác. 2.4.1. Quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp. 2.4.2. Quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá. 2.4.3. Quyền sở hữu tên thương mại	4	1		5	10	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. KẾ HOẠCH KINH DOANH	8	2		10	20	Đọc TLC (1). Trang: 50 – 78. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Phân tích tác động môi trường. 3.1.1. Điều kiện môi trường	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
bên ngoài. 3.1.2. Điều kiện môi trường bên trong.						
3.2. Cụ thể hóa ý tưởng kinh doanh. 3.2.1. Thị trường mục tiêu. 3.2.3. Sản phẩm. 3.2.4. Dịch vụ khách hàng.	2	1		3	6	
3.3. Các bước viết kế hoạch kinh doanh. 3.3.1. Mục lục. 3.3.2. Tóm tắt tổng quát. 3.3.3. giới thiệu công ty. 3.3.4. Sản phẩm và dịch vụ. 3.3.5. Phân tích ngành. 3.3.6. Phân tích thị trường. 3.3.7. Thị trường mục tiêu. 3.3.8. Kế hoạch Marketing. 3.3.9. Phân tích cạnh tranh. 3.3.10. Tổ chức bộ máy. 3.3.11. Dự báo tài chính. 3.3.12. Báo cáo tài chính. 3.3.13. Chiến lược rút khỏi thị trường.	5	1		6	12	
Chương 4. TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4	2		6	12	
4.1 Tạo lập doanh nghiệp 4.1.1 Lập kế hoạch hành động tạo lập doanh nghiệp	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC (1), chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
41.2 Lựa chọn hình thức tạo lập doanh nghiệp 4.1.3 Tạo lập doanh nghiệp theo hình thức lựa chọn 4.1.4 Mua lại công ty đang hoạt động 4.1.5 Nhượng quyền kinh doanh						
4.2 Triển khai hoạt động kinh doanh 4.2.1 Tổ chức bộ máy quản trị và nhân sự 4.2.2 Thiết kế trụ sở và mua sắm trang thiết bị văn phòng 4.2.3 Thiết lập các mối quan hệ bán hàng 4.2.4 Quản trị hoạt động kế toán và chi phí	2,5	1		3,5	7	
Chương 5. SỰ THAY ĐỔI VÀ PHÁT TRIỂN: CƠ SỞ CHO ĐỔI MỚI VÀ TÁI LẬP DOANH NGHIỆP	5			5	10	Đọc TLC (1), chương 5
5.1 Khái lược về thay đổi và phát triển 5.1.1. Thay đổi và phát triển 5.1.2. Tính tất yếu phải thay đổi và phát triển bền vững	2			2	4	
5.2. Các phương thức thay đổi và phát triển 5.2.1. Phương thức thay đổi và phát triển về lượng 5.2.2. Phương thức thay đổi và phát triển về chất	3			3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 6. TÁI LẬP – CON ĐƯỜNG THAY ĐỔI ĐỂ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP	6	1		7	14	
6.1 Nguyên nhân của tái lập doanh nghiệp	0,5			0,5	1	ĐọcTLC (1), chương 5
6.2 Từ thay đổi từng phần đến tái lập doanh nghiệp 6.2.1 Thay đổi từng phần hoạt động ở các doanh nghiệp 6.2.2 Tái lập doanh nghiệp	0,5			0,5	1	
6.3. Các đặc trưng cơ bản của tái lập doanh nghiệp 6.3.1. Tái lập không phải là sự đổi tên 6.3.2. Tái lập không phải là sự thay đổi vụn vặt 6.3.3. Để tái lập cần tái tạo quá trình	2			2	4	
6.4. Các kỹ năng tái lập doanh nghiệp 6.4.1. Xác định trường hợp tái lập doanh nghiệp 6.4.2. Biết tránh sai lầm để đưa tái lập đến thành công 6.4.3. Xác định, lựa chọn những người có trách nhiệm tái lập	3	1		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

4.5.46. Quản trị chất lượng

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Quản trị chất lượng**
- Tiếng Anh: **Quality management**
- Mã học phần: KTQU2526
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và đồ án tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị chất lượng và vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học có thể rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác trong công việc.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức tổng quát về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm; Các phương pháp quản lý chất lượng; Các kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng; Các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn; Phương pháp quản lý chất lượng toàn diện – TQM; Quản lý chất lượng trong một số loại hình doanh nghiệp. Từ đó người học có thể vận dụng kiến thức về quản lý chất lượng vào công việc thực tế, nâng cao chất lượng, uy tín cho doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Đình Phan (2012), *Giáo trình Quản trị chất lượng*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Văn Chiên (2014), *Quản lý chất lượng sản xuất ở Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ Thuật

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Kim Định (2008), *Quản trị chất lượng*, NXB Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.
2. Tạ Thị Kiều An (2004), *Quản trị chất lượng trong các tổ chức*, NXB Thống kê

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒Trắc nghiệm ☐Vấn đáp ☐Thực hành ☐**9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	7			7	14	Đọc TLC (1). Trang: 10 – 45. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Sản phẩm 1.1.1. Khái niệm sản phẩm 1.1.2. Sản phẩm mới 1.1.3. Tính hữu dụng của sản phẩm 1.1.4. Các thuộc tính của sản phẩm	2			2	4	
1.2. Chất lượng sản phẩm 1.2.1. Khái niệm chất lượng sản phẩm 1.2.2. Đặc điểm cơ bản của chất lượng sản phẩm 1.2.3. Một số yếu tố tổng quát về chất lượng sản phẩm 1.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm 1.2.5. Vai trò, ý nghĩa của việc nâng cao chất lượng sản phẩm 1.2.6. Một số chỉ tiêu chất lượng đặc trưng	2			2	4	
1.3. Quản lý chất lượng sản phẩm 1.3.1 Khái niệm 1.3.2. Các chức năng cơ bản của Quản lý chất lượng sản phẩm 1.3.3. Các nguyên tắc Quản lý chất lượng sản phẩm 1.3.4. Đặc điểm của Quản lý chất lượng sản phẩm	3			3	6	
CHƯƠNG 2. CÁC KỸ THUẬT VÀ CÔNG CỤ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	7	3		10	20	Đọc TLC (1). Trang: 50 – 93. Chuẩn bị bài,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Các bước giải quyết vấn đề chất lượng	1			1	2	tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Nhóm chất lượng 2.2.1 Nhóm chất lượng là gì? 2.2.2 Nền tảng, mục tiêu và bí quyết thành công của nhóm chất lượng 2.2.3 Tổ chức nhóm chất lượng 2.2.4 Hoạt động của nhóm chất lượng	3	1		4	8	
2.3. Các công cụ thống kê trong quản lý chất lượng 2.3.1 Mẫu thu thập dữ liệu 2.3.2 So sánh theo chuẩn mức 2.3.3 Biểu đồ quan hệ 2.3.4 Biểu đồ cây 2.3.5 Biểu đồ nhân quả 2.3.6 Biểu đồ kiểm soát 2.3.7 Biểu đồ cột 2.3.8 Biểu đồ PARETO	3	2		5	10	
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	8	2		10	20	
3.1. Đảm bảo chất lượng	2			2	4	Đọc TLC (2). Trang: 65 – 97. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2 Một số phương pháp quản lý chất lượng sản phẩm 3.2.1. Kiểm tra chất lượng – sự phù hợp 3.2.2. Phương pháp kiểm tra chất lượng toàn diện 3.2.3. Phương pháp quản lý chất lượng tổng thể (TQM) 3.2.4 Một số phương pháp khác	3	1		4	8	
3.3. Chương trình 5S	3	1		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 4. TIÊU CHUẨN HOÁ VÀ TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	8	2		10	20	Đọc TLC (2). Trang: 120 – 175. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Tiêu chuẩn hoá 4.1.1. Khái quát về tiêu chuẩn hoá 4.1.2. Tác dụng của tiêu chuẩn hoá	2			2	4	
4.2. Bộ tiêu chuẩn Quốc tế về quản lý chất lượng ISO 9000 4.2.1. Giới thiệu chung về bộ tiêu chuẩn ISO 9000 4.2.2. Nội dung cơ bản của hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9000 4.2.3. Tầm quan trọng của hệ thống ISO 9000 4.2.4. Lựa chọn tiêu chuẩn ISO 9000 4.2.5. Thực hiện hệ thống ISO 9000 4.2.6. Các thủ tục và hướng dẫn làm việc của ISO 9000 4.2.7. Tiến hành cải tiến hệ thống	4	2		6	12	
4.3. Một số hệ thống quản lý chất lượng khác	2			2	4	
CHƯƠNG 5. VĂN HÓA CHẤT LƯỢNG TRONG DOANH NGHIỆP	6			6	12	Đọc TLC (1). Trang: 115 – 150. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Khái niệm văn hóa chất lượng	2			2	4	
5.2. Mô hình văn hóa chất lượng	2			2	4	
5.3. Tạo lập và phát triển văn hóa chất lượng trong doanh nghiệp	2			2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

4.5.47. Phân tích kinh doanh

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Phân tích kinh doanh**
 - Tiếng Anh: **Corporate Government**
- Mã học phần: KTQU2527
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị kinh doanh
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán; Quản trị kinh doanh
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 34 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng những kiến thức cơ bản và nâng cao để đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của doanh nghiệp.
- Về kỹ năng:* Vận dụng các kiến thức đã học đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, cung cấp những thông tin hữu hiệu phục vụ cho việc ra quyết định của các nhà quản lý. Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp cụ thể.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có

năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phương pháp phân tích tình hình hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Các phương pháp phân tích này được áp dụng trực tiếp vào các loại doanh nghiệp để phân tích tìm ra nguyên nhân tác động đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm giúp cho nhà quản trị, chủ sở hữu công ty và chủ nợ lường trước những khó khăn và thuận lợi của công ty, để từ đó đưa ra quyết định đúng đắn đối với công ty.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Công (2013), *Giáo trình phân tích kinh doanh*, NXB đại học kinh tế quốc dân
2. Phạm Văn Dược (2013), *Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh
3. Nguyễn Năng Phúc (2011), *Giáo trình phân tích Báo cáo tài chính*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Trương Bá Thanh (2011), *Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh 1,2*, NXB Đại học Đà Nẵng

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, là bài kiểm tra. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÂN TÍCH KINH DOANH	4	1		5	10	Đọc TLC 1,2 - Chương 1 và TLĐT (1) - Chương 1
1.1. Mục tiêu của phân tích kinh doanh 1.1.1. Ý nghĩa của phân tích kinh doanh 1.1.2. Đối tượng của phân tích kinh doanh 1.1.3. Mục tiêu của phân tích kinh doanh	1			1	2	
1.2. Phương pháp phân tích kinh doanh	2	1		3	6	
1.3. Tổ chức và công tác phân tích 1.3.1. Phân loại công tác phân tích 1.3.2. Tổ chức công tác phân tích	1			1	2	
CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ SẢN XUẤT	7	2		9	18	
2.1. Ý nghĩa phân tích	1			1	2	
2.2. Phân tích kết quả sản xuất về mặt khối lượng 2.2.1. Phân tích quy mô sản xuất và sự thích ứng với thị trường 2.2.2. Phân tích kết quả sản xuất theo mặt hàng	4 1 1	1 1		5 1 2	10	
2.2.3. Phân tích tính chất đồng bộ	1			1		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trong sản xuất 2.2.4. Phân tích tính đều đặn trong sản xuất	1			1		
2.3. Phân tích kết quả sản xuất về mặt chất lượng sản phẩm	2	1		3	6	
2.3.1. Đối với sản phẩm có phân chia thứ hạng về chất lượng	1	1		2		
2.3.2. Đối với sản phẩm không phân chia thứ hạng về chất lượng	1			1		
CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM	8	3	1	12	24	Đọc TLC 1,2 - Chương 2,3 và TLĐT (1) - Chương 3
3.1. Ý nghĩa	1			1	2	
3.2. Phân tích chung tình hình giá thành 3.2.1. Phân tích tình hình biến động giá thành đơn vị 3.2.2. Phân tích tình hình biến động tổng giá thành	2	1		3	6	
3.3. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành sản phẩm so sánh được 3.3.1. Phân tích chung tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành sản phẩm so sánh được 3.3.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành sản phẩm so sánh được	2			2	4	
3.4. Phân tích chi phí sản xuất trên 1.000 đồng giá trị sản phẩm	2	1		3	6	
3.5. Phân tích các khoản mục giá	1	1		2	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thành 3.5.1. Phân tích khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp 3.5.2. Phân tích khoản mục chi phí nhân công trực tiếp						
3.5.3. Phân tích khoản mục chi phí sản sản xuất chung						
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4. PHÂN TÍCH TIÊU THỤ VÀ LỢI NHUẬN	8	2		10	20	Đọc TLC 1,2 - Chương 4 và TLĐT (1) - Chương 4
4.1. Ý nghĩa	1			1	2	
4.2. Phân tích tình hình tiêu thụ 4.2.1. Phân tích chung tình hình tiêu thụ 4.2.2. Phân tích tình hình tiêu thụ về mặt hàng chủ yếu 4.2.3. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ	4	1		5	10	
4.3. Phân tích tình hình lợi nhuận 4.3.1. Phân tích chung tình hình lợi nhuận của doanh nghiệp 4.3.2. Phân tích tình hình lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh 4.3.3. Phân tích lợi nhuận khác	3	1		4	8	
CHƯƠNG 5. PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7	1	1	9	18	Đọc TLC 3 - Chương 1, 3, 4, 5 và TLĐT (1) - Chương 5
5.1. Ý nghĩa phân tích báo cáo tài chính	1			1	2	
5.2. Nguồn tài liệu và phương pháp phân tích 5.2.1. Nguồn tài liệu 5.2.2. Phương pháp phân tích	1			1	2	
5.3. Phân tích báo cáo tài chính	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3.1. Phân tích bảng cân đối kế toán 5.3.2. Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 5.3.3. Phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ						
5.4. Phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hợp đồng kinh doanh của doanh nghiệp	1			1	2	
5.5. Phân tích các tỷ số tài chính chủ yếu 5.5.1. Phân tích tỷ số khả năng thanh toán 5.5.2. Phân tích tỷ số cơ cấu tài chính	1			1	6	
5.5.3. Phân tích tỷ số hiệu quả hoạt động	1					
Kiểm tra			1	1		
Cộng	34	9	2	45	90	

4.5.48. Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh**
 - Tiếng Anh: **Economic contracts in business**
- Mã học phần: KTQU2303
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học, ngành Kế toán
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và đồ án tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản Trị Kinh Doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Có hiểu biết rõ ràng về những đặc trưng pháp lý và các quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế, nắm rõ các nội dung cơ bản của một số hợp đồng kinh tế trong kinh doanh.
- *Về kỹ năng*: Biết vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quá trình soạn thảo và ra quyết định các loại hợp đồng kinh tế như: hợp đồng mua bán, hợp đồng vận chuyển, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng liên doanh.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Một số vấn đề chung về hợp đồng kinh tế trong kinh doanh trên phương diện lý luận và thực tiễn; Nghiên cứu và dự thảo mẫu một số loại hợp đồng kinh tế trong kinh doanh như hợp đồng mua bán hàng hoá, hợp đồng kinh tế dịch vụ, hợp đồng thành lập công ty, hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh tế, hợp đồng hợp tác và liên doanh với nước ngoài.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Ngô Huy Cương (2013), *Giáo trình luật hợp đồng – Phần chung*, NXB ĐH Quốc Gia.

2. Lương Đức Cường (2013), *Các mẫu hợp đồng thông dụng mới nhất dùng trong doanh nghiệp*, NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bùi Thị Khuyên, Phạm Văn Phần, Phạm Thị Thùy Dương (2009), *Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh*, NXB Tài chính.

2. Quốc Cường (2011), *207 Mẫu hợp đồng kinh tế mới nhất trong kinh doanh*, NXB Lao động.

3. Quốc Cường, Thanh Thảo (2009), *Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh thương mại và đầu tư, các mẫu hợp đồng thông dụng*, NXB Thống kê.

4. *Luật Thương mại 2005*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG KINH TẾ TRONG KINH DOANH	5			5	10	
1.1 Khái niệm và phân loại hợp	1			1	2	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đồng kinh tế 1.1.1 Khái niệm hợp đồng kinh tế 1.1.2 Phân loại hợp đồng kinh tế						chương 1; Đọc TLC 3, chương 4, 6
1.2 Ký kết hợp đồng kinh tế 1.2.1 Nguyên tắc ký kết hợp đồng kinh tế 1.2.2 Căn cứ ký kết hợp đồng kinh tế 1.2.3 Chủ thể hợp đồng kinh tế 1.2.4 Thủ tục, trình tự ký kết hợp đồng kinh tế						
1.3 Cơ cấu của văn bản hợp đồng kinh tế 1.3.1 Khái niệm và phân loại văn bản hợp đồng kinh tế 1.3.2 Cơ cấu chung của một văn bản hợp đồng kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 6
1.4 Thực hiện hợp đồng kinh tế trong nền kinh tế thị trường 1.4.1 Các nguyên tắc thực hiện hợp đồng kinh tế 1.4.2 Các biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng kinh tế 1.4.3 Những yêu cầu cơ bản trong quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 7
1.5 Một số vấn đề về thay đổi, đình chỉ, thanh lý và hợp đồng kinh tế vô hiệu 1.5.1 Thay đổi hợp đồng kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5.2 Đình chỉ hợp đồng kinh tế 1.5.3 Thanh lý hợp đồng kinh tế 1.5.4 Hợp đồng kinh tế vô hiệu						
1.6 Trách nhiệm tài sản do vi phạm hợp đồng kinh tế 1.6.1 Khái niệm trách nhiệm tài sản 1.6.2 Các hình thức trách nhiệm tài sản	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.7 Ngôn ngữ và văn phạm trong hợp đồng kinh tế 1.7.1 Yêu cầu khi sử dụng ngôn ngữ trong văn bản hợp đồng kinh tế 1.7.2 Yêu cầu về văn phạm trong soạn thảo hợp đồng kinh tế						Đọc TLC 1, chương 1
CHƯƠNG 2: HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA	3	1		4	8	
2.1 Khái quát về hợp đồng mua bán hàng hóa 2.1.1 Khái niệm hợp đồng mua bán hàng hóa 2.1.2 Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ mua bán hàng hóa	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 5
2.2 Nội dung cơ bản của hợp đồng mua bán hàng hóa 2.2.1 Điều khoản về đối tượng của hợp đồng 2.2.2 Điều khoản về số	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>lượng hàng hóa</i> <i>2.2.3 Điều khoản về chất lượng, quy cách hàng hóa</i> <i>2.2.4 Điều khoản về bao bì và ký mã hiệu</i> <i>2.2.5 Điều khoản về giao nhận hàng</i> <i>2.2.6 Điều khoản về bảo hành hàng hóa và giấy hướng dẫn sử dụng</i> <i>2.2.7 Điều khoản về giá cả</i> <i>2.2.8 Điều khoản về thanh toán</i> <i>2.2.9 Điều khoản về trách nhiệm vật chất</i> <i>2.2.10 Điều khoản về các thỏa thuận khác (nếu cần)</i> <i>2.2.11 Điều khoản về hiệu lực của hợp đồng</i> <i>2.2.12 Ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa</i> <i>2.2.13 Sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa</i>						
2.3 Dự thảo mẫu hợp đồng mua bán hàng hóa	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 5
CHƯƠNG 3: HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA	3	2		5	10	
3.1 Khái quát về hợp đồng vận chuyển hàng hóa <i>3.1.1 Khái niệm về hợp đồng vận chuyển hàng hóa</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.2 Đặc điểm của hợp đồng vận chuyển hàng hóa 3.1.3 Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ hợp đồng vận chuyển hàng hóa						
3.2 Nội dung cơ bản của hợp đồng vận chuyển hàng hóa 3.2.1 Nguyên tắc thuê chở, nhận chở 3.2.2 Nguyên tắc giao nhận hàng vận chuyển 3.2.3 Nguyên tắc xếp dỡ hàng hóa 3.2.4 Cước phí vận tải và cách thanh toán 3.2.5 Nguyên tắc bồi thường và vi phạm hợp đồng 3.2.6 Các trường hợp miễn bồi thường, miễn cước phí 3.2.7 Hiệu lực hợp đồng vận chuyển hành hóa	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4
3.3 Dự thảo mẫu hợp đồng vận chuyển hàng hóa	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4: HỢP ĐỒNG KINH TẾ DỊCH VỤ	3	2		5	10	
4.1 Khái quát về hợp đồng kinh tế dịch vụ 4.1.1 Khái niệm về hoạt động kinh tế dịch vụ 4.1.2 Khái quát về hợp đồng kinh tế dịch vụ 4.1.3 Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ kinh	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tế dịch vụ						
4.2 Nội dung cơ bản của hợp đồng kinh tế dịch vụ 4.2.1 Điều khoản về công việc giao dịch 4.2.2 Điều khoản về vật tư 4.2.3 Điều khoản về giá cả 4.2.4 Điều khoản về nghiệm thu 4.2.5 Điều khoản về bảo hành 4.2.6 Điều khoản về thanh toán 4.2.7 Điều khoản về thời gian có hiệu lực của hợp đồng 4.2.8 Điều khoản về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng 4.2.9 Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng kinh tế	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
4.3 Dự thảo mẫu hợp đồng kinh tế dịch vụ	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
CHƯƠNG 5: HỢP ĐỒNG KINH TẾ TRONG LIÊN KẾT KINH TẾ	3	1		4	8	
5.1 Khái quát về liên kết kinh tế 5.1.1 Khái niệm về liên kết kinh tế 5.1.2 Các yếu tố phát sinh liên kết kinh tế 5.1.3 Mục tiêu và ý nghĩa	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>của liên kết kinh tế</i> 5.1.4 Các hình thức liên kết kinh tế 5.1.5 Các nguyên tắc trong liên kết kinh tế						
5.2 Tổ chức quản lý liên kết kinh tế 5.2.1 Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị đối với hình thức liên kết kinh tế hợp tác sản xuất kinh doanh 5.2.2 Tổ chức và hoạt động của xí nghiệp, công ty liên doanh	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7
5.3 Nội dung cơ bản của hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh tế 5.3.1 Cơ sở pháp lý hình thành hợp đồng 5.3.2 Chủ thể của hợp đồng và thủ tục ký kết 5.3.3 Nội dung các điều khoản của hợp đồng 5.3.4 Giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh tế	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7
5.4 Dự thảo mẫu hợp đồng hợp kinh tế trong liên kết kinh tế						
CHƯƠNG 6: HỢP ĐỒNG HỢP TÁC VÀ LIÊN DOANH VỚI NƯỚC NGOÀI	3	3		5	10	
6.1 Hợp đồng hợp tác kinh doanh 6.1.1 Khái niệm về hợp	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đồng hợp tác kinh doanh 6.1.2 Những yêu cầu và nội dung chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh 6.1.3 Dự thảo mẫu hợp đồng hợp tác kinh doanh						
6.2 Hợp đồng liên doanh với nước ngoài 6.2.1 Khái quát chung về hợp đồng liên doanh với nước ngoài 6.2.2 Những yêu cầu và nội dung chính của hợp đồng liên doanh với nước ngoài 6.2.3 Dự thảo mẫu hợp đồng liên doanh với nước ngoài	1,5	2		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 7
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20	09	01	30	60	

4.5.49. Quản trị sự thay đổi

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị sự thay đổi**
 - Tiếng Anh: **Innovation management**
- Mã học phần: KTQU2595
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học chính quy, chuyên ngành Quản trị kinh doanh
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 31 tiết
 - Bài tập: 12 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn quản trị kinh doanh, Khoa kinh tế tài nguyên và môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học hiểu được những kiến thức cơ bản nhất về thay đổi và sự thay đổi; cơ sở hình thành sự thay đổi từ bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, hiểu được các mô hình đổi mới tĩnh và động.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng quản trị vào trong hoạt động sự thay đổi tại các tổ chức, doanh nghiệp. Người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về sự thay đổi như: khái niệm thay đổi, những áp lực khiến cho tổ chức phải thay đổi... Người học cũng được cung cấp các kiến thức về những mô hình quản trị sự thay đổi, quy trình quản trị sự thay đổi, những phản ứng của các cá nhân trong tổ chức trước những thay đổi. Từ đó, người học sẽ có thể vận dụng các kiến thức về quản trị sự thay đổi để lập được kế hoạch cho sự thay đổi, theo dõi, kiểm soát quá trình thay đổi, đưa ra những chiến lược ứng phó với thay đổi trong tổ chức để đảm bảo hiệu quả cho tổ chức trong quá trình thay đổi.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Allan afuah (2012), *Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo*, NXB. Đại học kinh tế quốc dân.
2. Ngô Kim Thanh (2013), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB. Đại học kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Lao động.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Phúc Nguyên (2014), *Quản lý sự thay đổi*, Đại học kinh tế Đà Nẵng.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)	Tự	

	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng	học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1 Tổng quan về đổi mới	5	1		6	12	Đọc TLC 1, chương 2, TLC 3 chương 1 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1 Một số khái niệm cơ bản về đổi mới <i>1.1.1 khái niệm đổi mới</i> <i>1.1.2 Một số đặc điểm của đổi mới</i> <i>1.1.3 Khái niệm sáng tạo</i>	2			2	4	
1.2 Các loại hình đổi mới	1			1	2	
1.3 Mục đích của đổi mới	1			1	2	
1.4 Quá trình đổi mới <i>1.4.1 Phân tích cơ hội</i> <i>1.4.2 Đánh giá ý tưởng đổi mới</i> <i>1.4.3 Phát triển ý tưởng đổi mới</i> <i>1.4.4 Thương mại hóa sản phẩm</i>	1	1		2	4	
Chương 2: Nguồn gốc của đổi mới	7	3		10	20	Đọc TLC 3 chương 3, Đọc TLC 1 chương 1, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1 Tổng quan về nguồn gốc của đổi mới	2	1		3	6	
2.2 Nguồn gốc bên trong <i>2.2.1 Nghiên cứu và phát triển</i> <i>2.2.2 Sản xuất</i> <i>2.2.3 Marketing</i> <i>2.2.4 Các yếu tố khác</i>	3	1		4	8	
2.3 Nguồn gốc bên ngoài <i>2.3.1 Nhà cung cấp, khách hàng</i> <i>2.3.2 Đối thủ cạnh tranh</i> <i>2.3.3 Trường đại học, chính phủ, cơ quan nghiên cứu</i>	2	1		3	6	
Chương 3 Các mô hình đổi mới	5	3		8	16	
3.1 Mô hình đổi mới tĩnh <i>3.1.1 Mô hình của Shumpeter</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.2 Mô hình lưỡng phân đổi mới tuần tự và đổi mới đột phá 3.1.3 Mô hình Abernathy – clark						chương 1, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2 Mô hình đổi mới động 3.2.1 Mô hình đổi mới Ulterback 3.2.2 Mô hình vòng đời công nghệ của Tushman 3.2.3 Mô hình đường cong chữ S của Foster	3	2		5	10	
Chương 4 Các yếu tố hình thành lợi nhuận từ sự đổi mới	7	2		9	18	
4.1 Lợi nhuận dựa trên sự khác biệt sản phẩm và giá 4.1.1 Lợi nhuận và các công cụ cạnh tranh 4.1.2 Lợi nhuận từ khác biệt hóa sản phẩm 4.1.3 Lợi thế giá	3	1		4	8	
4.2 Mô hình tạo lập và tăng cường giá trị của tổ chức 4.2.1 Chuỗi giá trị 4.2.2 Mạng giá trị 4.2.3 Trung tâm giá trị 4.2.4 Vận dụng vào các mô hình nhằm tạo ra giá trị	2	1		3	6	
4.3 Tài sản, khả năng và lợi nhuận của tổ chức 4.3.1 Tài sản của tổ chức 4.3.2 Khả năng của tổ chức	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3.3 Mối quan hệ giữa tài sản, khả năng và lợi nhuận của tổ chức						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5 Chuyển giao sự đổi mới	6	3		9	18	Đọc TLC 1 chương 4, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1 Tổng quan về chuyển giao sự đổi mới	2	1		3	6	
5.1.1 Khái niệm chuyển giao sự đổi mới						
5.1.2 Nội dung chuyển giao sự đổi mới						
5.1.3 Đặc điểm chuyển giao sự đổi mới						
5.1.4 Mục đích của chuyển giao sự đổi mới						
5.2 Chuyển giao bên trong và giữa các tổ chức	3	1		4	8	
5.2.1 Khái niệm chuyển giao bên trong và giữa các tổ chức						
5.2.2 Các yếu tố ảnh hưởng chuyển giao bên trong và giữa các tổ chức						
5.3 Chuyển giao bên ngoài biên giới quốc gia	1	1		2	4	
5.3.1 Khái niệm chuyển giao bên ngoài biên giới quốc gia						
5.3.2 Các yếu tố ảnh hưởng chuyển giao bên ngoài biên giới quốc gia						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	31	12	2	45	90	

4.5.50. Quản trị công nghệ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị công nghệ**
 - Tiếng anh: Management of Technology
- Mã học phần: KTQU2529
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
Giáo dục đại cương		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 06 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị công nghệ như: Một số khái niệm cơ bản về công nghệ, quản trị công nghệ, các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường công nghệ, quá trình đánh giá, lựa chọn, chuyển giao công nghệ, vai trò của nhà nước đối với hoạt động đổi mới công nghệ tại Việt Nam

- *Về kỹ năng:* Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị công nghệ. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích

ngghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng trong việc đánh giá, công nghệ cũng như phân tích năng lực công nghệ dưới góc độ của nhà quản trị, đồng thời đưa ra các phương án, hướng dẫn cách thức chuyển giao hoặc đổi mới công nghệ một cách khoa học phù hợp với điều kiện của tổ chức và sự phát triển của xu thế trên thế giới.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Quản lý công nghệ (2013), *Quản lý công nghệ*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Lao động

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Quế Hương (2001), *Quản lý đổi mới và phát triển sản phẩm mới*, NXB Khoa học Kỹ thuật.
2. Hoàng Đình Phú (1997), *Lịch sử kỹ thuật và cách mạng công nghệ đương đại*, NXB Khoa học Kỹ Thuật.
3. Đặng Minh Trang (1998), *Tính toán dự án đầu tư*, NXB Giáo dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG NGHỆ	3			3	6	Đọc TLC 1 chương 1,2 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Công nghệ <i>1.1.1. Khái niệm công nghệ</i> <i>1.1.2. Các đặc trưng của công nghệ.</i>	1			1	2	
1.2. Quản trị công nghệ <i>1.2.1. Khái niệm quản trị công nghệ</i> <i>1.2.2. Vai trò của quản trị công nghệ trong sản xuất kinh doanh</i> <i>1.2.3. Mục tiêu của quản trị công nghệ.</i>	1			1	2	
1.3. Môi trường công nghệ <i>1.3.1. Khái niệm về môi trường công nghệ</i> <i>1.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường công nghệ của các nước đang phát triển</i> <i>1.3.3. Phân tích môi trường công nghệ quốc gia</i>	1			1	2	
Chương 2. ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ VÀ NĂNG LỰC	4			4	8	Đọc TLC 1 chương 3,6 Chuẩn bị bài, tự

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CÔNG NGHỆ						học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Đánh giá công nghệ 2.1.1. Khái niệm đánh giá công nghệ 2.1.2. Nội dung đánh giá công nghệ 2.1.3. Các công cụ kỹ thuật sử dụng trong đánh giá công nghệ.	2			2	4	
2.2. Năng lực công nghệ 2.2.1. Khái niệm năng lực công nghệ 2.2.2. Phân tích năng lực công nghệ 2.2.3. Các biện pháp nâng cao năng lực công nghệ	2			2	4	
Chương 3. LỰA CHỌN VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ	5		2	7	14	
3.1. Lựa chọn công nghệ 3.1.1. Khái niệm công nghệ thích hợp 3.1.2. Một số phương pháp lựa chọn công nghệ	2		1	3	6	Đọc TLC chương 4,5 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Đổi mới công nghệ 3.2.1. Khái niệm đổi mới công nghệ 3.2.2. Quá trình đổi mới công nghệ 3.2.3. Hiệu quả đổi mới công nghệ 3.2.4. Quản lý đổi mới công nghệ	3		1	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ	6		2	7	14	
4.1. Khái quát về chuyển giao công nghệ 4.1.1. Khái niệm chuyển giao công nghệ. 4.1.2. Nguyên nhân chuyển giao công nghệ 4.1.3. Thực hiện nghiệp vụ tiếp nhận công nghệ.	2		1	3	6	Đọc TLC 1 chương 7 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.2. Phân loại chuyển giao công nghệ và các kênh chuyển giao công nghệ 4.2.1. Phân loại chuyển giao công nghệ. 4.2.2. Các kênh chuyển giao công nghệ.	2		1	3	6	
4.3. Kinh nghiệm chuyển giao công nghệ ở các nước đang phát triển 4.3.1. Những thuận lợi khó khăn trong chuyển giao công nghệ ở các nước đang phát triển 4.3.2. Điều kiện để chuyển giao công nghệ thành công	2		1	3	6	
Chương 5. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG NGHỆ	4		2	7	14	Chuẩn bị bài, tự học và Đọc TLC 1 chương 8thảo luận theo hướng dẫn của
5.1. Khái niệm chung 5.1.1. Vai trò chức năng của	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Nhà nước trong quản lý khoa học công nghệ 5.1.2. Các đặc trưng của quản lý khoa học công nghệ						giảng viên
5.2. Quản lý nhà nước về công nghệ ở Việt Nam 5.2.1. Quyền hạn, nhiệm vụ của bộ Khoa học công nghệ 5.2.2. Tổ chức bộ máy quản lý khoa học công nghệ 5.2.3. Nội dung quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ	2		1	3	6	
5.3. Đổi mới quản lý nhà nước về công nghệ ở Việt Nam	1		1	2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng cộng	22		8	30	60	

4.5.51. Quản trị văn phòng

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị văn phòng**
 - Tiếng Anh: **Office management**
- Mã học phần: KTQU2530
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và đồ án tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
- Bài tập: 07 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm 0 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị văn phòng và các nghiệp vụ cơ bản trong công tác văn phòng.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về quản trị văn phòng, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động văn phòng của các doanh nghiệp. Người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản trị văn phòng cung cấp những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị văn phòng, các hoạt động quản trị văn phòng, soạn thảo và lưu trữ văn bản, một số nghiệp vụ cơ bản của văn bản, công tác lưu trữ hồ sơ giúp người học triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Thành Độ (2012), *Giáo trình Quản trị văn phòng*, NXB Lao động – Xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Vũ Đình Quyền (2006), *Nghệ thuật hành chính văn phòng*, NXB Thống kê Hà Nội.
2. Nguyễn Hữu Thân (2012), *Quản trị hành chính văn phòng*, NXB Lao động – Xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐

Phân tích, xử lý số liệu ☐ Trình bày báo cáo khoa học ☐ Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG	5			5	10	Đọc TLC (1). Trang: 05 – 20. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1 Khái niệm, chức năng và nhiệm vụ văn phòng 1.1.1 Khái niệm văn phòng 1.1.2 Chức năng văn phòng 1.1.3 Nhiệm vụ văn phòng	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2 Quản trị hành chính văn phòng 1.2.1 Khái niệm quản trị văn phòng 1.2.2 Chức năng của Quản trị hành chính văn phòng	2			2	4	
1.3 Tổ chức bộ máy văn phòng 1.3.1 Hình thức, cơ cấu tổ chức bộ máy văn phòng 1.3.2 Bố trí văn phòng 1.3.3 Trang thiết bị và hiện đại hóa công tác văn phòng	2			2	4	
CHƯƠNG 2. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG	6	1		7	14	Đọc TLC (2). Trang: 40 – 55. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1 Quản trị thời gian 2.1.1 Sự cần thiết của việc quản trị thời gian 2.1.2 Các biện pháp quản trị thời gian	1			1	2	
2.2 Quản trị thông tin 2.2.1 Những vấn đề chung về thông tin 2.2.2 Xử lý công văn đến 2.2.3. Xử lý công văn đi	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.4. Văn thư nội bộ 2.2.5. Văn thư điện tử						
2.3 Quản trị hồ sơ 2.3.1 Khái niệm 2.3.2 Tiến trình quản trị hồ sơ	3			3	6	
2.3.3. Công cụ và hệ thống lưu trữ hồ sơ						
2.3.4. Thủ tục lưu trữ hồ sơ						
2.3.5. Lưu trữ hồ sơ qua hệ thống máy tính						
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ NGHIỆP VỤ CƠ BẢN CỦA VĂN PHÒNG	7	1		8	16	Đọc TLC (1). Trang: 71 – 87. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1 Hoạch định, tổ chức các cuộc họp 3.1.1 Các cuộc họp không nghị thức 3.1.2 Các cuộc họp theo nghị thức 3.1.3 Các hội nghị từ xa	3			3	6	
3.2 Hoạch định, sắp xếp các chuyến đi công tác 3.2.1 Sắp xếp, chuẩn bị công tác 3.2.2 Trách nhiệm trong thời gian thủ trưởng đi	4	1		5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>công tác</i> 3.2.3. Trách nhiệm trong thời gian thủ trưởng trở về						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. SOẠN THẢO VÀ QUẢN LÝ VĂN BẢN	6	2		8	16	Đọc TLC (1). Trang: 178 – 199. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Tổ chức công tác văn thư 4.1.1. Phân loại văn bản 4.1.2. Phân cấp phát văn bản 4.1.3. Tổ chức công tác văn thư tại một đơn vị	1			1	2	
4.2. Nguyên tắc soạn thảo văn bản 4.2.1. Hình thức của văn bản 4.2.2. Tính chất của văn bản 4.2.3. Một số điểm lưu ý khi soạn thảo văn bản	1			1	2	
4.3. Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính 4.3.1. Các loại đơn từ 4.3.2. Công văn 4.3.3. Thông báo	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3.4. Báo cáo 4.3.5. Quyết định 4.3.6. Tờ trình 4.3.7. Biên bản						
4.4. Giải quyết và quản lý văn bản 4.4.1. Nguyên tắc giải quyết và quản lý văn bản 4.4.2. Tổ chức văn bản đến 4.4.3. Tổ chức văn bản mật 4.4.4. Công tác lập hồ sơ	2	1		3	6	
CHƯƠNG 5. TỔ CHỨC CÔNG TÁC LỄ TÂN	6	2		8	16	
5.1 Lễ tân và vai trò của công tác lễ tân 5.1.1 Khái niệm của lễ tân 5.1.2 Vai trò của lễ tân	1			1	2	
5.2 Nguyên tắc cơ bản của hoạt động lễ tân 5.2.1 Các nguyên tắc của lễ tân 5.2.2 Phương thức giao tiếp của lễ tân	2			2	4	
5.3 Hoạt động đón tiếp khách	3	2		5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3.1 Đón tiếp khách tại cơ quan 5.3.2 Tiếp khách qua điện thoại 5.3.3 Hội nghị và tiệc chiêu đãi						
CHƯƠNG 6. CÔNG TÁC LƯU TRỮ HỒ SƠ	6	1		7	14	Đọc TLC (1). Trang: 214 – 240. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.1 Khái niệm, chức năng, nguyên tắc công tác lưu trữ hồ sơ 6.1.1 Khái niệm công tác lưu trữ hồ sơ 6.1.2 Chức năng công tác lưu trữ 6.1.3 Nguyên tắc lưu trữ hồ sơ	2			2	4	
6.2 Tổ chức tài liệu lưu trữ và công tác lưu trữ 6.2.1. Công tác thu thập tài liệu lưu trữ 6.2.3. Phân loại tài liệu lưu trữ 6.2.3. Công tác bổ sung tài liệu lưu trữ 6.2.4. Thống kê và kiểm tra tài liệu 6.2.5. Tổ chức, bảo quản và sử dụng tài liệu lưu trữ	4	1		5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra	36	7	2	45	90	
Cộng						

4.5.52. Quản trị chuỗi cung ứng

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị chuỗi cung ứng**
 - Tiếng anh: **Supply chain management**
- Mã học phần: KTQU2531
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh bất động sản
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
Giáo dục đại cương		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp, và các kỹ thuật, công nghệ thiết kế và xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung

ứng... Ngoài ra còn cung cấp các kiến thức tổ chức quản lý chuỗi cung ứng nhằm đảm bảo hiệu quả trong kinh doanh cũng như trong hoạt động quản lý của doanh nghiệp.

- *Về kỹ năng*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị chuỗi cung ứng. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng về quản trị chuỗi cung ứng. Thông qua học phần giúp sinh viên nắm được cách thức thiết kế, tổ chức chuỗi cung ứng hàng hóa, tổ chức hoạt động dự trữ hàng hóa, kho bãi, vận chuyển, đóng gói xếp dỡ hàng hóa đồng thời đo lường hiệu quả mang lại từ chuỗi cung ứng.

Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thành Hiếu (2015), *Quản trị chuỗi cung ứng*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. Lê Công Hoa (2012), *Giáo trình quản trị hậu cần*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Công Bình (2008), *Quản lý chuỗi cung ứng*, NXB Thống kê.
2. Michael Hugos (2014), *Tinh hoa quản trị chuỗi cung ứng*, NXB Tổng hợp TPHCM

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG	5			5	10	TLC 1 chương 1, 9; TLC 2 chương 1 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Khái quát về chuỗi cung ứng 1.1.1. Quá trình phát triển chuỗi cung ứng 1.1.2. Tổng quan mô hình chuỗi cung ứng 1.1.3. Chuỗi cung ứng toàn cầu	1			1	2	
1.2. Quản trị chuỗi cung ứng 1.2.1. Toàn cầu hóa và quản trị chuỗi cung ứng 1.2.2. Sự phản hồi 1.2.3. Sự phức tạp về tài chính	2			2	4	
1.3. Quản trị tích hợp và quy trình chuỗi cung ứng	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2. LẬP KẾ HOẠCH, THIẾT KẾ MẠNG LƯỚI CHUỖI CUNG ỨNG.	8		3	11	22	TLC 1 chương 3,10,11 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Lập kế hoạch mạng lưới chuỗi cung ứng tổng hợp. 2.1.1. Lập kế hoạch chuỗi cung ứng 2.1.2. Ứng dụng lập kế hoạch chuỗi cung ứng 2.1.3. Lập kế hoạch tác nghiệp và bán hàng 2.1.4. Kết hợp lập kế hoạch, dự báo và cung cấp bổ sung.	3		1	4	8	
2.2. Thiết kế chuỗi cung ứng 2.2.1. Mạng lưới nguồn lực của doanh nghiệp. 2.2.2. Những yêu cầu về kho bãi. 2.2.3. Hệ thống và phân tích hệ thống. 2.2.4. Tích hợp chi phí hệ thống 2.2.5. Xây dựng chiến lược kho vận.	5		2	7	14	
Chương 3. QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ VÀ KHO BÃI TRONG CHUỖI CUNG ỨNG	8		3	11	22	TLC 1 chương 4,7 Chuẩn bị bài tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Quản trị dự trữ trong chuỗi cung ứng 3.1.1. Khái niệm, chức năng	4		2	6	14	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.2. Chi phí dự trữ 3.1.3. Lập kế hoạch dự trữ 3.1.4. Chính sách dự trữ						
3.2. Quản trị kho bãi 3.2.1. Khái niệm. 3.2.1. Nghiệp vụ nhà kho 3.2.2. Tổ chức kho hàng theo sở hữu 3.2.3. Các quyết định kho hàng	4		1	5	10	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN ĐÓNG GÓI VÀ XẾP DỠ HÀNG HÓA TRONG CHUỖI CUNG ỨNG.	8		2	10	20	
4.1. Quản trị hoạt động vận chuyển trong chuỗi cung ứng 4.1.1. Khái quát về vận chuyển 4.1.2. Quản lý vận tải 4.1.3. Chứng từ, giá cả trong vận tải.	4		1	5	10	
4.2. Đóng gói xếp dỡ hàng hóa trong chuỗi cung ứng 4.2.1. Khái quát về đóng gói xếp dỡ hàng hóa 4.2.2. Xử lý hàng bị trả lại 4.2.3. Các vấn đề về môi trường.	4		1	5	10	TLC 1 chương 5,6,8, TLC 2 chương 5 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 5. ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	6			6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHUỖI CUNG ỨNG.						12 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Mục tiêu của hệ thống đo lường.	2			2	4	
5.2. Đánh giá hoạt động.	2			2	4	
5.3. Đánh giá tài chính.	2			2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng cộng	35	8	2	45	90	

4.5.53. Quản trị rủi ro

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị rủi ro**
 - Tiếng anh: **Risk Management**
- Mã học phần: KTQU2532
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh bất động sản
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức Giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 06 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các loại rủi ro trong môi trường kinh doanh, nhận dạng các rủi ro có thể xảy ra với một tổ chức, sử dụng các phương pháp đo lường rủi ro trên cơ sở đó đánh giá mức độ tác động của rủi ro đến hoạt động của tổ chức, xây dựng chương trình kiểm soát rủi ro sau khi đã nhận dạng được và những kế hoạch tài trợ cho những rủi ro khi tổn thất xảy ra.

- *Về kỹ năng*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị rủi ro. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về quản trị rủi ro. Thông qua học phần sinh viên có cái nhìn khái quát về các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp có thể gặp phải và cách thức quản trị các loại rủi ro. Mặt khác học phần này còn trang bị cho sinh viên cách thức đo lường, chuyển đổi các rủi ro nhằm mục tiêu giúp doanh nghiệp có khả năng thích ứng, không chế hoặc biến rủi ro thành cơ hội trong hoạt động kinh doanh của mình.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Minh Kiều (2014), *Quản trị rủi ro tài chính*, NXB Tài chính.
2. Phan Thị Thu Hà (2019), *Quản trị rủi ro*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Hoài Lê (2015), *Nguyên lý quản trị rủi ro*, NXB Tài chính
2. Nguyễn Quang Thu (2008), *Quản trị rủi ro và Bảo hiểm trong doanh nghiệp*, NXB Thống kê
3. Dương Hữu Hạnh (2009), *Quản trị rủi ro xí nghiệp trong nền kinh tế toàn cầu – nguyên tắc và thực hành*, NXB Tài chính

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO	5			5	10	TLC 1 chương 1, TLC 2 chương 1 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Rủi ro và phân loại rủi ro <i>1.1.1. Khái niệm về rủi ro</i> <i>1.1.2. Phân loại rủi ro</i>	2.5			2.5	5	
1.2. Quản trị rủi ro <i>1.2.1. Khái niệm và nguyên</i>	2.5			2.5	5	

<i>tất quản trị rủi ro</i>						
<i>1.2.2. Nội dung quản trị rủi ro</i>						
1.3. Quản trị rủi ro trong thực tế						
<i>1.3.1. Rủi ro trong kinh doanh xuất nhập khẩu</i>						
<i>1.3.2. Rủi ro tài chính</i>						
Chương 2. QUẢN TRỊ RỦI RO CHIẾN LƯỢC	5		2	7	14	TLC 1 chương 2, TLC 2 chương 2
2.1. Khái quát về quản trị rủi ro chiến lược	2.5		1	3.5	7	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
<i>2.1.1. Khái niệm về quản trị chiến lược, hoạch định chiến lược và kế hoạch kinh doanh</i>						
<i>2.1.2. Quản trị rủi ro chiến lược</i>						
2.2. Các loại quản trị rủi ro chiến lược	2.5		1	3.5	7	
<i>2.2.1. Rủi ro dự án</i>						
<i>2.2.2. Rủi ro khách hàng</i>						
<i>2.2.3. Rủi ro ngành</i>						
<i>2.2.4. rủi ro thương hiệu</i>						
<i>2.2.5. Rủi ro đình trệ</i>						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. QUẢN TRỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP	6		2	8	16	TLC 1 chương 3, TLC 3 chương 5.
3.1. Các loại rủi ro chủ yếu trong hoạt động của doanh nghiệp	3		1	4	8	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
<i>3.1.1. Nhóm rủi ro từ môi trường kinh doanh</i>						
<i>3.1.2. Nhóm rủi ro từ nội bộ doanh nghiệp</i>						
3.2. Nội dung và quy trình	3		1	4	8	

quản trị rủi ro doanh nghiệp 3.2.1. Nhận diện và phân tích rủi ro 3.2.2. Đo lường và phân tích rủi ro 3.2.3. Kiểm soát rủi ro 3.2.4. Tài trợ rủi ro 3.2.5. Giám sát và tổng kết						
Chương 4. ĐO LƯỜNG VÀ CHUYỂN ĐỔI RỦI RO	6		2	8	16	TLC 1 chương 4,5, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Đo lường rủi ro 3.1.1. Khái quát về đo lường rủi ro 3.1.2. Các phương pháp đo lường rủi ro	3		1	4	8	
3.2. Các công cụ chuyển đổi rủi ro 3.2.1. Sản phẩm ngân hàng 3.2.2. Chứng khoán phái sinh 4.2.3. Chứng khoán hóa 3.2.4. Bảo hiểm	3		1	4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng cộng	22		8	30	60	

4.4.54 Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh**

Tiếng Anh: **Research Methods in Management and Business**

Mã học phần: KTPT2302

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒

giáo dục đại cương ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế, Kinh tế vĩ mô

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 24,5 tiết

Bài tập: 2,5 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 1 tiết

Kiểm tra: 2 tiết

Thời gian tự học: 78 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: nắm được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh.

- *Về kỹ năng*: Rèn luyện kỹ năng xác định ý tưởng, thiết kế nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thực hiện quá trình nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, cũng như trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh. Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic trong thực hiện các đề tài nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong nghiên cứu phục vụ phát triển, mở rộng quy mô doanh nghiệp, có khả năng cải tiến và cập nhật kiến thức mới trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong công việc, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khả năng hoạch định, điều phối và tổ chức thực hiện; có năng lực đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương giới thiệu những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh như: (1) Tổng quan về nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu về khái niệm, vai trò, phân

loại và qui trình nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh. (2). Xác định vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu chung về khái niệm và phân loại vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh; tầm quan trọng và phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu. (3). Thiết kế nghiên cứu: giới thiệu chung về khái niệm thiết kế nghiên cứu, quy trình thiết kế nghiên cứu. Trong đó nhấn mạnh các nội dung: Đặt tên đề tài nghiên cứu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, xác định phương pháp luận nghiên cứu, xây dựng khung logic, xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu. Đồng thời giới thiệu phương pháp thiết kế công cụ thu thập dữ liệu. (4). Chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu những kiến thức về chọn mẫu và các phương pháp sử dụng để thu thập và xử lý các số liệu thứ cấp và sơ cấp. (5). Xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu: giới thiệu các kiến thức về các phương pháp xử lý dữ liệu, phân tích số liệu định tính và định lượng và phương pháp trình bày kết quả phân tích. (6). Trình bày báo cáo nghiên cứu: giới thiệu các dạng báo cáo nghiên cứu, cấu trúc cũng như cách trình bày đề cương nghiên cứu, báo cáo khoa học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vũ Cao Đàm (2014), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
2. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*, NXB Tài chính.
3. Nguyễn Văn Thắng (2014), *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Huy Bá (2007), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục
2. Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An (2010), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB Lao động – xã hội
3. Nguyễn Văn Song (2012), *Phương pháp kinh tế nghiên cứu tài nguyên môi trường*, NXB Đại học Nông nghiệp
4. Ethridge (2004), *Research Methodology in Applied Economics*, 2nd edition, Blackwell Publishing.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU TRONG QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH	4,5			4,5	10	
1.1 Nghiên cứu khoa học 1.1.1 Định nghĩa nghiên cứu khoa học 1.1.2 Các nhân tố cấu thành hoạt động nghiên cứu khoa học 1.1.3 Mức độ nghiên cứu khoa học 1.1.4 Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học 1.1.5 Các loại hình nghiên cứu khoa học	2,5			2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2; 3 Đọc TLC2, chương1 Đọc TLC3, chương1 Đọc TLĐT2, chương1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2 Nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 1. 2.1 Định nghĩa nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 1. 2.2 Phân loại nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 1. 2.3 Vai trò của nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 1. 2.4 Qui trình nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	2			2	5	Đọc TLC2, chương 2 Đọc TLĐT 2, chương 2 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
CHƯƠNG 2 XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU TRONG QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH	2,5	0,5		3	9	
2.1 Khái niệm vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 2.1.1 Định nghĩa vấn đề nghiên cứu 2.1.2 Một số vấn đề nghiên cứu thường gặp trong quản lý và kinh doanh	1			1	3	Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLĐT 2, chương 2 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.2 Xác định vấn đề nghiên cứu 2.2.1 Phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu 2.2.2 Xây dựng cây vấn đề và cây mục tiêu 2.2.3 Xác định vấn đề nghiên cứu ưu tiên	1,5	0,5		2	6	Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLĐT 2, chương 2 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
CHƯƠNG 3 THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU	5	1	0,5	6,5	19	
3.1 Khái niệm về thiết kế nghiên cứu 3.1.1 Định nghĩa thiết kế nghiên cứu	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.2 Phân loại thiết kế nghiên cứu						Đọc TLC 2, chương 3; 4
3.2 Quy trình thiết kế nghiên cứu 3.2.1 Đặt tên đề tài nghiên cứu 3.2.2 Tổng quan vấn đề nghiên cứu 3.2.3 Xác định phương pháp luận nghiên cứu 3.2.4 Xây dựng khung logic nghiên cứu 3.2.5 Xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu	3	0,5		3,5	10	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 3; 4 Đọc TLC3, chương 2; 3; 4; 9 Đọc TLĐT 2, chương 3
3.3 Thiết kế công cụ thu thập dữ liệu 3.3.1 Phát triển khái niệm nghiên cứu và xây dựng thang đo 3.3.3 Xây dựng bảng hỏi	1	0,5	0,5	2	6	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC3, chương 2; 3; 4; 9 Đọc TLĐT 2, chương 3
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4 CHỌN MẪU VÀ TỔ CHỨC THU THẬP DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU	2,5	0,5		3	8	
4.1 Chọn mẫu nghiên cứu 4.1.1 Lý do phải chọn mẫu với nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 4.1.2 Phương pháp chọn mẫu xác suất 4.1.3 Phương pháp chọn mẫu phi xác suất 4.1.4 Hạn chế của điều tra chọn mẫu	1,5			1,5	4	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 5 Đọc TLC3, chương 7 Đọc TLĐT 2, chương 4
4.2 Tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu	1	0,5		1,5	4	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.1 Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp 4.2.2 Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp						chương 4 Độc TLC 2, chương 5
CHƯƠNG 5 XỬ LÝ, PHÂN TÍCH VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU	7	1		8	23	
5.1 Phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu 5.1.1 Khái niệm về xử lý dữ liệu 5.1.2 Quy trình xử lý dữ liệu 5.1.3 Một số phần mềm xử lý dữ liệu thông dụng trong quản lý và kinh doanh	2	1		3	9	Độc TLC 1, chương 4 Độc TLC 2, chương 6 Độc TLĐT 2, chương 5
5.2 Phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu 5.2.1 Khái niệm về phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu 5.2.2 Phương pháp phân tích định tính 5.2.3 Phương pháp phân tích định lượng	2,5			2,5	7	Độc TLC 1, chương 4 Độc TLC 2, chương 6 Độc TLĐT 2, chương 5
5.4 Phương pháp trình bày kết quả nghiên cứu 5.4.1 Trình bày dạng văn viết 5.4.2 Trình bày bảng 5.4.3 Trình bày hình	2,5			2,5	7	Độc TLC 1, chương 4 Độc TLC 2, chương 6 Độc TLĐT 2, chương 5
CHƯƠNG 6 TRÌNH BÀY BÁO CÁO NGHIÊN CỨU	3			3	9	
6.1 Báo cáo nghiên cứu 6.1.1 Khái niệm báo cáo nghiên cứu 6.1.2 Nguyên tắc trình bày báo cáo	1			1	3	Độc TLC 1, chương 5 Độc TLĐT 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>ngiên cứu</i>						chương 6
6.2 Đề cương nghiên cứu <i>6.2.1 Khái niệm về đề cương nghiên cứu</i> <i>6.2.2 Cấu trúc của đề cương nghiên cứu</i>	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLĐT 2, chương 6
6.3 Báo cáo khoa học <i>6.3.1 Cấu trúc của báo cáo khoa học</i> <i>6.3.2 Định dạng báo cáo khoa học</i>	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 3, chương 10
Kiểm tra			1	1		
Tổng cộng	24,5	2,5	3	30	78	

4.5.55. Tiếng anh ngành Quản trị kinh doanh

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Tiếng anh ngành Quản trị kinh doanh**
- Tiếng Anh: **English for Business Management**

Mã học phần: KTQU2633

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh.

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☑	Bắt buộc □	Tự chọn □	

Các học phần tiên quyết/học trước: Tiếng anh 1, 2.

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết:	08	tiết
▪ Bài tập:	21	tiết
▪ Kiểm tra:	01	tiết
▪ Thời gian tự học:	60	giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Học phần Tiếng Anh ngành quản trị kinh doanh cung cấp vốn từ phong phú và đa dạng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Bên cạnh đó, sinh viên có cơ hội thảo luận, tóm tắt, dịch và phân tích các tài liệu chuyên ngành quản trị kinh doanh, giúp cho sinh viên rèn luyện tư duy phê phán.
- *Về kỹ năng*: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nâng cao được các kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng dịch các tài liệu chuyên ngành quản trị kinh doanh từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại. Ngoài ra sinh viên có thể rèn luyện kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận trên lớp.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh bao gồm các nội dung liên quan đến các lĩnh vực quản trị kinh doanh hiện đại như: cấu trúc của tổ chức, lãnh đạo, sự cạnh tranh, sự nhận biết các nền văn hóa phục vụ cho hoạt động quản trị kinh doanh, đạo đức kinh doanh, và sự đổi mới cần thiết trong kinh doanh

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. John Rogers (2012), *Pre - intermediate Market leader*, Ft publishing.
2. Ian MacKenzie (2010), *English for Business Studies*, Cambridge University Press.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. David Cotton, David Falvey và Simon Kent (2011), *New edition Market leader*, NXB Văn hóa - Thông tin.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 1. Leadership	1,5	3,5		5	10	Đọc TLC 1, Unit 12
1.1 Discussion: Discuss the qualities of good leadership	0,5	0,5		1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2 Reading: Profile of a leading Chief Executive-Financial Times	0,5	0,5		1	2	
1.3 Listening: An interview with an expert in leadership training		1		1	2	
1.4 Writing: Persuasive Email	0,5	0,5		1	2	
1.5 Case study: Orbit record – Discuss ideas to save a failing music retailer		1		1	2	
Unit 2. Organization	1,5	3,5		5	10	
2.1 Discussion: Rank status symbols in order of importance	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, Unit 3
2.2 Reading: Flexibility in the workplace-Fast company	0,5	0,5		1	2	
2.3 Listening: An interview with the partner of a management consultancy		1		1	2	
2.4 Case study: Auric bank- Choose the best way to reorganize customer services		1		1	2	
2.5 Writing: Report	0,5	0,5		1	2	
Unit 3. Competition	1,5	3,5		5	10	Đọc TLC 1, Unit 14
3.1 Discussion: Do a quiz on how competitive you are	0,5	0,5		1	2	
3.2 Reading: Losing competitive edge- Financial Times	0,5	0,5		1	2	
3.3 An interview with the Marketing Manager of a credit card business		1		1	2	
3.4 Case study: Beverly Watches: Choose the best supplier		1		1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.5 Writing: Email of negotiation	0,5	0,5		1	2	
Unit 4. Cultures	1,5	3,5		5	10	Đọc TLC 1, Unit 7
4.1 Discussion: Discuss the important of culture awareness in business	0,5	0,5		1	2	
4.2 Reading: Advice for doing business across cultures	0,5	0,5		1	2	
4.3 Listening: An interview with a trainer in cultural awareness		1		1	2	
4.4 Case study: Visitor from China-Plan a visit by a Chinese manufacturer		1		1	2	
4.5 Writing: Email of business visiting plan	0,5	0,5		1	2	
Unit 5. Ethics	1,5	3,5		5	10	Đọc TLC 1, Unit 11
5.1 Discussion: Discuss questions of ethics at work; Rank a list of unethical activities	0,5	0,5		1	2	
5.2 Reading: Business ethics-Financial Times	0,5	0,5		1	2	
5.3 Listening: An interview with a bank executive		1		1	2	
5.4 Case study: Profit or principle? Decide if a manager has acted unethically and what action to take		1		1	2	
5.5 Writing: Letter	0,5	0,5		1	2	
Unit 6. Innovation	0,5	3,5		4	8	Đọc TLC 1, Unit 13
6.1 Discussion: Talk about innovations in your daily life and		0,5		0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
in the twentieth century						
6.2 Reading: In company innovation- Fortune magazine		0,5		1	2	
6.3 Listening: An interview with an expert on presentation		1		1	2	
6.4 Case study: Style is everything-Prepare a product presentation for a competition		1		1	1	
6.5 Writing: Short article or press release	0,5	0,5		1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng	8	21	1	30	60	

4.5.56. Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh**
- Tiếng Anh: **Business Communication and Negotiation**

Mã học phần: KTQU2634

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh bất động sản.

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
	☐	☐	☒	☐	☐	

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
- Bài tập: 0 tiết

▪ Thảo luận, hoạt động nhóm:	6	tiết
▪ Kiểm tra:	02	tiết
Thời gian tự học:	60	giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Sau khi kết thúc học phần người học hiểu những kiến thức khoa học trong giao dịch và đàm phán kinh doanh, gồm các vấn đề cụ thể: Những vấn đề chung về giao dịch và đàm phán kinh doanh; các hình thức giao dịch, chiến thuật của cuộc đàm phán kinh doanh; tâm lý và văn hóa ảnh hưởng như thế nào đến giao dịch và đàm phán kinh doanh; các giai đoạn tiến hành đàm phán và cơ sở pháp lý của đàm phán kinh doanh.

- *Về kỹ năng*: Sinh viên nắm bắt được những kiến thức cần thiết về tổ chức giao dịch, đàm phán kinh doanh, nắm vững các nguyên tắc và vận dụng các kỹ thuật trong các giai đoạn của giao dịch và đàm phán kinh doanh.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng khái quát nhất về giao dịch và đàm phán trong kinh doanh cụ thể sinh viên nắm được các nguyên tắc trong giao dịch đàm phán, các kiểu đàm phán trong kinh doanh. Sự ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý, văn hóa, xã hội trong quá trình giao dịch đàm phán với đối tác. Các kỹ năng cần thiết để thực hiện giao dịch đàm phán đồng thời xây dựng tiến trình đàm phán và kỹ thuật đột phá thế găng trong quá trình đàm phán hay gặp phải.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Thái Trí Dũng (2012), *Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh*, NXB Lao động xã hội.

2. Nguyễn Văn Đồng (2012), *Giáo trình Tâm lý học giao tiếp*, NXB Chính trị-Hành chính.

3. Nguyễn Hữu Thân (2012), *Truyền thông giao tiếp trong kinh doanh*, NXB Tổng hợp TP.HCM.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề giáo dục Kỹ năng sống*, Trường Đại học Sư Phạm.

2. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề giáo dục Kỹ năng sống*, Trường Đại học Sư Phạm.

3. Hà Nam Khánh Giao (2011), *Giáo trình giao tiếp kinh doanh*, NXB Lao động-Xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ GIAO DỊCH VÀ ĐÀM PHÁN KINH DOANH	3			3	6	Đọc TLC 1 chương 1,2,6; TLC 2 chương 1,2. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Khái quát chung về giao dịch và đàm phán trong kinh doanh <i>1.1.1. Bản chất của giao dịch, đàm phán trong kinh doanh</i> <i>1.1.2. Đặc tính của giao dịch, đàm phán trong kinh doanh</i>	1			1	2	
1.2. Các nguyên tắc giao dịch, đàm phán trong kinh doanh	1			1	2	
1.3. Các kiểu đàm phán trong kinh doanh 1.3.1. Đàm phán kiểu mềm 1.3.2. Đàm phán kiểu cứng 1.3.3. Đàm phán kiểu nguyên tắc (TLNT)	1			1	2	
Chương 2. CƠ SỞ TÂM LÝ XÃ HỘI TRONG GIAO DỊCH ĐÀM PHÁN KINH DOANH	4		1	5	10	
2.1. Các yếu tố tâm lý <i>2.1.1. Động cơ hành động, các cơ chế tự vệ</i> <i>2.1.2. Thái giới quan, cảm xúc tình cảm</i> <i>2.1.3. Tính cách, khí chất</i>	1			1	2	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Các yếu tố văn hóa <i>2.2.1. Nền văn hóa</i> <i>2.2.2. Nhánh văn hóa</i>	1		1	2	4	
2.3. Các yếu tố xã hội <i>2.3.1. Vai trò vị trí xã hội</i> <i>2.3.2. Gia đình</i> <i>2.3.3. Hệ giá trị chuẩn mực</i>	1			1	2	
2.4. Một số nét văn hóa trên thế giới ảnh hưởng đến giao dịch và đàm phán trong	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
kinh doanh.						
Chương 3. MỘT SỐ KỸ NĂNG CẦN THIẾT TRONG GIAO DỊCH, ĐÀM PHÁN KINH DOANH	5		3	8	16	Đọc TLC 1 chương 4; TLC 2 chương 3,4,5.
3.1. Kỹ năng lắng nghe 3.1.1. <i>Hiệu quả của lắng nghe</i> 3.1.2. <i>Những yếu tố cản trở việc lắng nghe</i> 3.1.3. <i>Kỹ năng lắng nghe có hiệu quả.</i>	1		1	2	4	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 3.2.1. <i>Dùng câu hỏi để thu thập thông tin</i> 3.2.2. <i>Dùng câu hỏi nhằm những mục đích khác.</i>	1			1	2	
3.3. Kỹ năng diễn thuyết và báo cáo miệng 3.3.1. <i>Kỹ năng diễn thuyết</i> 3.3.2. <i>Kỹ năng báo cáo miệng và phát biểu tùy hứng</i>	1		1	2	4	
3.4. Kỹ năng giao dịch bằng thư tín 3.4.1. <i>Nguyên tắc giao dịch bằng thư tín</i> 3.4.2. <i>Các loại thư từ giao dịch và kết cấu thư.</i>	1		1	2	4	
3.5. Các kỹ năng xã giao thông thường 3.5.1. <i>Các phép xã giao thông thường</i> 3.5.2. <i>Kỹ năng gây thiện cảm trong giao dịch, đàm phán</i>	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. TỔ CHỨC ĐÀM PHÁN KINH DOANH	6		2	8	16	Đọc TLC 1 Chương 7,8
4.1. Chuẩn bị đàm phán 4.1.1. <i>Tìm hiểu bản thân, đối tác</i> 4.1.2. <i>Tổ chức đội ngũ đàm phán</i> 4.1.3. <i>Lập mục tiêu, sách lược, kế hoạch đàm phán</i>	2			1	2	TLC 2 Chương 5 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.4. Đàm phán thử						viên
4.2. Giai đoạn tiếp xúc 4.2.1. Tạo không khí tiếp xúc 4.2.2. Thăm dò đối tác 4.2.3. Sửa đổi kế hoạch đàm phán	2		1	3	6	
4.3. Giai đoạn thực chất 4.3.1. Đưa ra yêu cầu chính xác 4.3.2. Điều chỉnh yêu cầu 4.3.3. Thỏa thuận và ký hợp đồng.	1			1	2	
4.4.Ứng dụng đàm phán giá cả trong kinh doanh	1		1	2	4	
Chương 5. KỸ THUẬT ĐỘT PHÁ THỂ GĂNG TRONG ĐÀM PHÁN	4			4	8	Độc TLC 1 Chương 9 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Nguyên nhân hình thành thể găng. 5.1.1. Tranh chấp lập trường 5.1.2. Dùng sức mạnh áp đảo 5.1.3. Tổ chức nhân viên đàm phán 5.1.4. Khoảng cách về lợi ích	2			2	4	
5.2. Kỹ thuật đột phá thể găng. 5.2.1. Tập trung vào lợi ích 5.2.2. Tạo ra các phương án để cùng đạt được mục đích 5.2.3. Thay thế nhân viên đàm phán 5.2.4. Một số kỹ thuật khác.	4			2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22		8	30	60	

4.5.57. Kinh tế tài nguyên biển

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên biển**
Tiếng Anh: **Marine resource economics**
- Mã học phần: KTKB2402

- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor's degree, business management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
 - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - ☐ Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết
 - ☐ Bài tập: 04 tiết
 - ☐ Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - ☐ Kiểm tra: 02 tiết
 - Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*
 - + Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm, phân loại tài nguyên biển; Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay; Các mô hình lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên biển có khả năng tái sinh và tài nguyên biển không có khả năng tái sinh; Sự cần thiết của quản lý tài nguyên biển, và những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển; Ý nghĩa của việc đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển và các phương pháp đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển.
 - + Phân tích và đánh giá được tiềm năng và thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Hình thành nhận thức đúng đắn, khoa học về các vấn đề liên quan đến khai thác và quản lý hiệu quả tài nguyên biển.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các lý thuyết cơ bản về khai thác và quản lý tài nguyên biển vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận, các bài tập nhóm rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm.
 - + *Kỹ năng tư duy:* Thông qua vận dụng lý thuyết vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay rèn luyện kỹ năng tư duy các vấn đề thực tiễn dựa trên nền tảng lý thuyết khoa học, khách quan.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Học phần Kinh tế Tài nguyên Biển nghiên cứu tài nguyên biển theo cách tiếp cận kinh tế tài nguyên. Theo đó, học phần tập trung làm rõ những vấn đề như: Khái niệm, phân loại tài nguyên biển; Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, đặc điểm của kinh tế tài nguyên biển và tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay.

Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về một số mô hình lý thuyết trong khai thác tài nguyên biển; Những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển; Các phương pháp cơ bản đánh giá giá trị tài nguyên biển.

Ngoài ra, học phần còn làm rõ những vấn đề thực tiễn về khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, (2017), *Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường*, Nhà xuất bản tài chính
2. Nguyễn Văn Song (2009), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên*, NXB Tài chính.
3. Lê Đức Tổ, Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục, Nguyễn Quang Vinh (2005), *Quản lý biển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Hồng Thao (2003), *Bảo vệ Môi trường biển - Vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2013), *100 câu hỏi- đáp về biển đảo*, NXB Thông tin và Truyền thông.
3. Trần Thọ Đạt, Vũ Thị Hoài Thu (2012), *Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển*, Diễn đàn Phát triển Việt Nam.
4. Nguyễn Chu Hồi, Trần Thị Hoa, Vũ Thị Thảo, Nguyễn Văn Công (2012), *Cẩm nang Quy hoạch không gian biển và vùng bờ cấp địa phương*.
5. Nguyễn Lâm Anh, Trần Văn Phước, Nguyễn Trọng Lương (2011), *Quản lý tổng hợp vùng ven biển*, Đại học Nha Trang.
6. Tổng cục Thủy sản (2012), *Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*.

7. Tổng công ty dầu khí Việt Nam (2005), *Địa chất và tài nguyên dầu khí Việt Nam*.

8. Viện nghiên cứu phát triển du lịch (2013), *Đề án Phát triển du lịch biển, đảo và vùng ven biển đến năm 2020*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	X	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động trên lớp, bao gồm: nghe giảng, phát biểu, làm bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, ...
- Tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các yêu cầu của giảng viên giao, bao gồm: tự đọc tài liệu, làm bài tập ở nhà, ...
- Thực hiện đầy đủ 2 bài kiểm tra hệ số 1 theo quy định.
- Chấp hành quy định về thời gian lên lớp, nội quy trong giờ học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác ☐
☐	☒	☐	☐	☐	

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN BIỂN	4			4	8	
1.1. Tài nguyên biển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2;
1.1.1. Khái niệm, phân loại	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tài nguyên biển 1.1.2. Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân	0,5			0,5	1	2.
1.2. Kinh tế tài nguyên biển 1.2.1. Khái niệm, tầm quan trọng của Kinh tế tài nguyên biển 1.2.2. Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay	2,5 1 1,5			2,5 1 1,5	5 2 3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 1, chương 1,3; Đọc TLĐT 2, phần 1, 3; Đọc TLĐT 3, chương 1, 2.
1.3. Đối tượng, nội dung và mục tiêu nghiên cứu của học phần Kinh tế tài nguyên biển	0,5			0,5	1	
CHƯƠNG 2. CÁC MÔ HÌNH LÝ THUYẾT CƠ BẢN TRONG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN BIỂN	10			10	20	
2.1. Các mô hình lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên biển có khả năng tái sinh 2.1.1. Mô hình tăng trưởng theo thời gian 2.1.2. Mô hình cân bằng sinh học 2.1.3. Mô hình khai thác trong điều kiện tự do tiếp cận và điều kiện sở hữu tư nhân 2.1.4. Đường cung của ngành	6 0,5 1,5 2 2			6 0,5 1,5 2 2	12 1 3 4 4	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 5;
2.2. Các mô lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên biển không có khả năng tái sinh 2.2.1. Mô hình khai thác tài nguyên không có khả năng tái sinh trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo 2.2.2. Mô hình khai thác tài	4 2 2			4 2 2	8 4 4	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 6;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nguyên không có khả năng tái sinh trong thị trường độc quyền</i>						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN BIỂN	6			6	12	
3.1. Sự cần thiết của quản lý tài nguyên biển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 4.
3.2. Một số biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển	5			5	10	Đọc TLC 1, chương 3, 4, 5, 6; Đọc TLC 3, chương 4; Đọc TLC 2, chương 5, 6; Đọc TLĐT 4; Đọc TLĐT 5.
3.2.1. Quản lý tài nguyên biển thông qua công cụ thuế	1			1	2	
3.2.2. Quản lý tài nguyên biển thông qua công cụ hạn ngạch, can thiệp giá.	1			1	2	
3.2.3. Thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên biển	1			1	2	
3.2.4. Quy hoạch không gian biển	1			1	2	
3.2.5. Quản lý tổng hợp vùng ven biển	1			1	2	
CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ KINH TẾ CỦA TÀI NGUYÊN BIỂN	4			4	8	
4.1. Giá trị kinh tế tài nguyên và ý nghĩa của việc đánh giá giá trị tài nguyên biển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 8.
4.2. Một số phương pháp đánh giá giá giá trị kinh tế tài nguyên biển	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 8;
4.2.1. Phương pháp chi phí lợi ích	0,5			0,5	1	
4.2.2. Phương pháp giá trị thị trường	0,5			0,5	1	
4.2.3. Phương pháp sử dụng các hàng hoá liên quan, thay thế	0,5			0,5	1	
4.2.4. Phương pháp chi phí du lịch	0,5			0,5	1	
4.2.5. Phương pháp tạo dựng thị trường	0,5			0,5	1	
4.2.6. Phương pháp chuyển	0,5			0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đổi lợi ích						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. KINH TẾ TÀI NGUYÊN BIỂN VIỆT NAM	3		1	4	8	
5.1. Tài nguyên biển Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 3, chương 3; Đọc TLĐT 2, phần 1, 3; Đọc TLĐT 6; Đọc TLĐT 7; Đọc TLĐT 8.
5.2. Khai thác và quản lý tài nguyên biển Việt Nam	2		1	3	6	
Cộng	27		3	30	60	

4.5.58. Kinh tế tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên và môi trường**

Tiếng Anh: **Natural Resources and Environmental Economics**

Mã học phần: KTTM2301

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	Bắt buộc □	Tự chọn □		

Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết

Bài tập: 05 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; Trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; trình bày được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên, xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu.

- *Về kỹ năng*:

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp đã học để xác định mức ô nhiễm tối ưu cho hoạt động kinh tế và xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu cho hoạt động khai thác tài nguyên trong thực tế.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, đưa ra được giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sinh viên có khả năng độc lập tính toán các tình huống về các bài toán cung cầu hàng hóa môi trường, ngoại ứng, và xác định các cách tính của công cụ kinh tế trong kiểm soát ô nhiễm môi trường. Có ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Kinh tế tài nguyên và môi trường nghiên cứu các vấn đề tài nguyên, môi trường dưới góc độ phân tích của kinh tế học.

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về kinh tế tài nguyên môi trường như ngoại ứng, thuế ô nhiễm tối ưu, thị trường Quota ô nhiễm, đường cong tăng trưởng của tài nguyên, khả năng khai thác tài nguyên bền vững...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Nguyễn Hoàn, ThS. Phạm Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Tân Huyền, (2017), *Kinh tế tài nguyên và môi trường*, Nhà xuất bản Tài chính.

2. Nguyễn Thế Chinh (2011), *Kinh tế và Quản lý môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.

3. Nguyễn Mậu Dũng (2010), *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Hoàng Xuân Cơ (2005), *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Giáo dục.
2. Robert N. Stavins (2012), *Economics of the environment*, W. W. Norton & Company, Inc.
3. Ola Flaaten (2011), *Fisheries Economics and Management*, Norwegian College of Fishery Science University of Tromsø, N-9037 Tromsø, Norway.
4. Roger Perman, Yue Ma, James McGilvray, Michael Common (2003), *Natural Resource and Environmental Economics*, Ashford Colour Press Ltd., Gosport

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp. Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.

- Trong quá trình học giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao...Sinh viên cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu này của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác ☐
☐	☒	☐	☐	☐	

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)	Tự	

	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng	học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	2			2	4	
1.1. Sự ra đời của Khoc học kinh tế tài nguyên và môi trường 1.2. Giới thiệu học phần Kinh tế tài nguyên và môi trường	0,5			0,5	1	Độc TLC 1, chương 1.
1.3. Tài nguyên, môi trường và hệ thống kinh tế	1,5			1,5	3	Độc TLC 1, chương 2. Độc TLC 2, chương 1.
Chương 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	6	1		7	14	
2.1. Cung - cầu và cân bằng thị trường 2.1.1. Cầu 2.1.2. Cung 2.1.3. Cân bằng thị trường 2.2. Lợi ích rông xã hội	1			1	2	Độc TLC 1, chương 3. Độc TLC 2, chương 2.
2.3. Một số dạng thị trường 2.3.1. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo 2.3.2. Thị trường độc quyền	1			1	2	Độc TLC 1, chương 3. Độc TLC 2, chương 2.
2.4. Thất bại thị trường 2.2.1. Khái quát về thất bại thị trường 2.2.2. Các nguyên nhân dẫn đến thất bại thị trường 2.4.3. Ngoại ứng	4	1		5	10	Độc TLC 1, chương 3. Độc TLC 2, chương 2.
Chương 3. KINH TẾ TÀI NGUYÊN	7	2		9	18	
3.1. Kinh tế tài nguyên có khả năng tái sinh 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm tài	3	1		4	8	Độc TLC 1, chương 7. Độc TLĐT 3, chương 2,3,5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nguyên có khả năng tái sinh</i> 3.1.2. Một số mô hình kinh tế khai thác tài nguyên có khả năng tái sinh						Đọc TLĐT 4, chương 17.
3.2. Kinh tế tài nguyên không có khả năng tái sinh 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm tài nguyên không có khả năng tái sinh 3.2.2. Một số mô hình kinh tế khai thác tài nguyên không có khả năng tái sinh	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 8. Đọc TLĐT 4, chương 15.
3.3. Một số công cụ trong quản lý tài nguyên 3.3.1. Thuế 3.3.2. Giá trần - Giá sàn 3.3.3. Hạn ngạch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 7,8. Đọc TLĐT 3, chương 3.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. KINH TẾ Ô NHIỄM	7	3		10	20	
4.1. Ô nhiễm tối ưu 4.1.1. Khái niệm ô nhiễm tối ưu 4.1.2. Xác định mức ô nhiễm tối ưu	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4. Đọc TLĐT 4, chương 6.
4.2. Định lý Ronald Coase	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4.
4.3. Một số công cụ kiểm soát ô nhiễm 4.3.1. Thuế Pigou 4.3.2. Trợ cấp giảm thải 4.3.3. Phí xả thải và chuẩn thải 4.3.4. Giấy phép xả thải có thể	4	3		7	14	Đọc TLC 1, chương 4. Đọc TLĐT 4, chương 7.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
chuyên nhượng						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

4.5.59. Kinh tế đầu tư

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kinh tế đầu tư**
Tiếng Anh: **Investment Economics**
- Mã học phần: KTKH2403
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học, ngành quản trị kinh doanh
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển. Cụ thể, trình bày được khái niệm đầu tư phát triển, phân biệt được đầu tư phát triển với các loại đầu tư khác, phân tích được tác động của đầu tư phát triển đối với tăng trưởng và phát triển, các nguồn vốn đầu tư. Thêm vào đó, người học cần biết được trình tự các bước cũng như phương pháp đề lập, thẩm định và thực hiện đầu tư.

các dự án đầu tư; các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển, áp dụng làm được bài tập và lựa chọn các phương án đầu tư phù hợp.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu và nắm bắt và phân tích được khái niệm đầu tư phát triển, vai trò của đầu tư, trình tự lập dự án một dự án đầu tư, trình tự đấu thầu và các nội dung của thẩm định dự án và biết phân tích đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học một cách linh hoạt để thực hiện đấu thầu các công trình, thẩm định các dự án hay thiết lập một dự án, đánh giá kết quả và hiệu quả của các dự án đầu tư và quản lý các dự án đầu tư

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác. Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng về các vấn đề kinh tế.

+ *Kỹ năng tư duy:* Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để đưa ra được các giải pháp huy động nguồn vốn đầu tư ở Việt Nam hiện nay và đề xuất những dự án; thẩm định dự án, thực hiện đấu thầu và quản lý hiệu quả trong điều kiện hiện nay.

- *Về năng lực tự chủ trách nhiệm:* sinh viên có năng lực tự học và tìm hiểu tài liệu liên quan đến các vấn đề về tài chính đầu tư, dự án đầu tư. Sử dụng thành thạo các chỉ tiêu để phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển như bản chất đầu tư phát triển, các nguồn hình thành vốn đầu tư, quản lý đầu tư. Bên cạnh đó, học phần còn làm rõ cơ sở khoa học và nội dung cơ bản của lập, thẩm định dự án đầu tư cũng như đấu thầu trong các dự án đầu tư và quản lý đầu tư. Đặc biệt, học phần cung cấp hệ thống các chỉ tiêu để phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển.

- Môn học cung cấp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để phân biệt đầu tư phát triển với những loại hình đầu tư khác trong thực tế, từ đây sinh viên có những cách thức đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội của những dự án khác nhau.

- Môn học giúp sinh viên nắm được những cách thức lập dự án và thẩm định các dự án đầu tư trong thực tế.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt, PGS.TS Từ Quang Phương (2010), *Giáo trình Kinh đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. TS. Đỗ Phú Trần Tình (2009), *Giáo trình Lập và Thẩm định dự án đầu tư*, NXB Giao thông vận tải.
3. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), *Giáo trình Lập dự án đầu tư*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2006), *Giáo trình Lập dự án đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. TS. Phạm Xuân Giang (2010), *Giáo trình Lập thẩm định & Quản trị dự án đầu tư*, NXB Tài Chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ ĐẦU TƯ VÀ KINH TẾ ĐẦU TƯ	3			3	6	
1.1. Đầu tư và phân loại đầu tư 1.1.1. Khái niệm và phân loại đầu tư	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.2. Vốn đầu tư						
1.2. Đầu tư phát triển 1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của đầu tư phát triển 1.2.2. Phân loại đầu tư phát triển 1.2.3. Tác động của đầu tư phát triển đối với tăng trưởng và phát triển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2
1.3. Kinh tế đầu tư 1.3.1. Khái niệm về kinh tế đầu tư 1.3.2. Đối tượng, nội dung và phương pháp luận của môn học	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2.QUẢN LÝ ĐẦU TƯ	3			3	6	
2.1. Khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc quản lý đầu tư 2.1.1. Khái niệm quản lý đầu tư 2.1.2. Mục tiêu của quản lý đầu tư 2.1.3. Nguyên tắc quản lý đầu tư	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4
2.2. Nội dung, phương pháp và công cụ quản lý đầu tư 2.2.1. Nội dung quản lý đầu tư 2.2.2. Phương pháp quản lý hoạt động đầu tư 2.2.3. Công cụ quản lý hoạt	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
động đầu tư						
Chương 3. CHI PHÍ VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	4	4	1	9	18	
3.1. Chi phí của hoạt động đầu tư phát triển 3.1.1. Khái niệm khối lượng vốn đầu tư thực hiện 3.1.2. Phương pháp tính khối lượng vốn đầu tư thực hiện	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 5; Làm bài tập chương 3
3.2. Hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển 3.2.1. Khái niệm, phân loại và nguyên tắc đánh giá hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển 3.2.2. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư 3.2.3. Hiệu quả đầu tư trong doanh nghiệp	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 5; Đọc TLC 3, chương 7 Làm bài tập chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ	5	2		7	14	
4.1. Dự án đầu tư 4.1.1. Khái niệm và yêu cầu của một dự án đầu tư 4.1.2. Sự cần thiết phải thiết lập dự án đầu tư 4.1.3. Chu kỳ của dự án đầu tư	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 1
4.2. Lập dự án đầu tư	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.1. Khái niệm lập dự án 4.2.2. Nguyên tắc lập dự án 4.2.3. Nội dung của dự án đầu tư 4.2.4. Phân tích đánh giá về môi trường đầu tư, thị trường, kỹ thuật và tài chính của dự án 4.2.5. Phân tích độ nhạy của dự án						6; Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 4 Làm bài tập chương 4
4.3. Thẩm định dự án đầu tư 4.3.1. Một số vấn đề chung về thẩm định dự án đầu tư 4.3.2. Căn cứ tiến hành thẩm định dự án đầu tư 4.3.3. Nội dung thẩm định dự án đầu tư 4.3.4. Phương pháp thẩm định dự án đầu tư 4.3.5. Tổ chức thẩm định dự án	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC2, chương 8; Đọc TLC3, chương 2
Chương 5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẦU THẦU TRONG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	3			3	6	
5.1 Khái niệm, vai trò và nguyên tắc của đấu thầu 5.1.1. Một số khái niệm 5.1.2. Vai trò của đấu thầu 5.1.3. Nguyên tắc của đấu thầu	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
5.2. Các hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thầu. 5.2.1.Các hình thức lựa chọn nhà thầu 5.2.2. Phương thức đấu thầu						
5.3. Trình tự thực hiện đấu thầu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8
5.4. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu 5.4.1. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu tư vấn 5.4.2. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu xây lắp 5.4.3. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8
Chương 6. QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG ĐẦU TƯ	4		1	5	10	
6.1. Một số vấn đề chung về đầu tư quốc tế 6.1.1. Sự cần thiết của đầu tư quốc tế 6.1.2. Bản chất của đầu tư quốc tế 6.1.3. Vai trò của đầu tư quốc tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9
6.2. Các hình thức đầu tư quốc tế 6.2.1. Đầu tư quốc tế trực tiếp 6.2.2. Đầu tư quốc tế gián tiếp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9
6.3. Chuyển giao công nghệ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trong đầu tư quốc tế <i>6.3.1. Khái niệm công nghệ và chuyển giao công nghệ</i> <i>6.3.2. Vai trò của chuyển giao công nghệ trong đầu tư quốc tế</i> <i>6.3.3. Nội dung chuyển giao công nghệ</i> <i>6.3.4. Các bước tiến hành chuyển giao công nghệ trong các dự án FDI</i>						
6.4. Quan hệ quốc tế trong đầu tư của Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

4.5.60. Kinh tế phát triển

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Kinh tế phát triển**

Tiếng Anh: **Development Economics**

Mã học phần: KTKH2404

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	Bắt buộc □	Tự chọn □	

Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết

Bài tập: 0 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi học nghiên cứu học phần học phần giúp sinh viên hiểu được những lý thuyết cơ bản cũng như những kiến thức thực tế (kinh nghiệm của các nước và các nghiên cứu thực nghiệm) về quá trình tăng trưởng và phát triển ở các nước này. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể phân tích và đánh giá được thực trạng nền kinh tế và quá trình phát triển của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế Việt Nam một cách bền vững.

- *Về kỹ năng:* Hiểu và nắm bắt và phân tích được khái niệm tăng trưởng, phát triển kinh tế, phát triển bền vững; các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế; các nguồn lực với phát triển kinh tế và vai trò của ngoại thương với phát triển kinh tế. Vận dụng kiến thức đã học để hiểu được các yếu tố nguồn lực sử dụng trong quá trình phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển hiện nay; đánh giá được các khía cạnh của phát triển kinh tế thông qua một số mô hình kinh tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tăng trưởng kinh tế, cải thiện các vấn đề xã hội cũng như các vấn đề về môi trường ở các nước đang phát triển.... Học phần giúp sinh viên nắm bắt được những lý thuyết cơ bản cũng như những kiến thức thực tế (kinh nghiệm của các nước và các nghiên cứu thực nghiệm) về quá trình tăng trưởng và phát triển ở các nước này. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể

phân tích và đánh giá được thực trạng nền kinh tế và quá trình phát triển của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế Việt Nam một cách bền vững.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Ngọc Linh (2013), *Kinh tế phát triển*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. Đinh Văn Hải (2014), *Kinh tế phát triển*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. ThS. Đồng Thị Vân Hồng (2010), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, NXB Lao động.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận trên lớp
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

▪ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)	Tự	

	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng	học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN VÀ SỰ LỰA CHỌN CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN	2			2	4	
1.1. Sự phân chia các nước theo trình độ phát triển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
1.2. Những đặc trưng cơ bản của các nước đang phát triển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLC 3, chương 2
Chương 2. TỔNG QUAN VỀ SỰ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	3			3	6	
2.1. Bản chất của tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế - xã hội	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 2
2.2. Nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 4
2.3. Các vấn đề cơ bản trong phát triển kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 3. CƠ CẤU KINH TẾ VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ	2			2	4	
3.1. Khái niệm và các loại cơ cấu kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 4
3.2. Cơ cấu ngành kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành.	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. LAO ĐỘNG VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	3		1	4	8	
4.1. Lao động và vai trò của	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lao động trong tăng trưởng và phát triển kinh tế						
4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cung cầu lao động	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5
4.3. Phân chia thị trường lao động ở các nước đang phát triển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5
Chương 5. TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	3		1	4	8	
5.1. Đặc điểm và phân loại tài nguyên thiên nhiên	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
5.2. Vai trò của tài nguyên thiên nhiên với phát triển kinh tế	0,5		0,5	1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
5.3. Địa tô và giá trị thị trường của tài nguyên	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
5.4. Thị trường một số tài nguyên thiên nhiên	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
5.5. Phát triển bền vững	0,5		0,5	1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
Chương 6. VỐN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	4		1	5	10	
6.1. Vốn sản xuất và vốn đầu tư	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 5
6.2. Vai trò của vốn sản xuất và vốn đầu tư với tăng trưởng và phát triển kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 5
6.3. Các yếu tố tác động đến cầu vốn đầu tư	1		0,5	1,5	3	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 5
6.4. Các nguồn hình thành	1		0,5	1,5	3	Đọc TLC 1, chương 7;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
vốn đầu tư						Đọc TLC 2, chương 5
Chương 7. KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	3			3	6	
7.1. Khoa học và công nghệ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 5
7.2. Đổi mới công nghệ với phát triển kinh tế	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 5
Chương 8. NGOẠI THƯƠNG VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ	4		1	5	10	
8.1. Lợi thế của hoạt động ngoại thương	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLC 2, chương 7; Đọc TLC 3, chương 7
8.2. Chiến lược thay thế sản phẩm nhập khẩu	1		0,5	1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLC 2, chương 7; Đọc TLC 3, chương 7
8.3. Chiến lược xuất khẩu sản phẩm thô	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLC 2, chương 7; Đọc TLC 3, chương 7
8.4. Chiến lược hướng ra thị trường quốc tế	1		0,5	1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLC 2, chương 7; Đọc TLC 3, chương 7
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	24	0	6	30	60	

4.5.61. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp**

Tiếng Anh: **Business ethics and corporate culture**

Mã học phần: KTQU2616

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh.

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết

Bài tập: 06 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm 0 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trình bày được các kiến thức về đạo đức kinh doanh (các chuẩn mực, triết lý đạo đức kinh doanh, các khía cạnh thể hiện đạo đức kinh doanh và vấn đề xây dựng đạo đức kinh doanh. Ngoài ra, còn phải trình bày được các kiến thức xoay quanh vấn đề văn hóa trong môi trường doanh nghiệp và nội dung của xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động của các doanh nghiệp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của môn học để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp nghiên cứu các vấn đề đạo đức trong kinh doanh và văn hóa trong môi trường doanh nghiệp. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu nguyên nhân và cách thức con người ứng xử, xác lập các quan điểm, quy tắc ứng xử, các hành vi, nghĩa vụ, giải quyết các mâu thuẫn; từ đó đề ra những qui định, những chính sách nhằm tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp, xây dựng phong cách quản lý, định hướng đạo đức để quản lý doanh nghiệp có hiệu quả hơn.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

- 1. Nguyễn Mạnh Quân (2015), *Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
- 2. Dương Thị Liễu (2013), *Văn hóa kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm

- 1. Đỗ Thị Phi Hoài (2009), *Văn hóa doanh nghiệp*, NXB Tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐẠO ĐỨC KINH DOANH	3	1		4	8	Đọc TLC (1). Trang: 10 – 37.
1.1 Khái niệm, vai trò của đạo đức kinh doanh 1.1.1. Khái niệm đạo đức kinh doanh, vai trò của đạo đức kinh doanh 1.1.2 .Vai trò của đạo đức kinh doanh	0,5			0,5	1	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.2 Vấn đề đạo đức trong kinh doanh 1.2.1 Nguồn gốc của vấn đề đạo đức trong kinh doanh 1.2.2 Nhận diện các vấn đề đạo đức trong kinh doanh	1	1		2	4	
1.3. Các chuẩn mực của đạo đức kinh doanh	0,5			0,5	1	
1.4 Các triết lý đạo đức trong kinh doanh 1.4.1 Khái niệm triết lý đạo đức 1.4.2 Các triết lý đạo đức chủ yếu	0,5			0,5	1	
1.5 Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội 1.5.1 Khái niệm trách nhiệm xã hội 1.5.2 Các khía cạnh của trách nhiệm xã hội 1.5.3 Đạo đức kinh doanh và	0,5			0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trách nhiệm xã hội						
CHƯƠNG 2. XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC KINH DOANH	4	1		5	10	Đọc TLC (1). Trang: 45 – 78. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1 Phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh 2.1.1 Ra quyết định về các vấn đề liên quan tới đạo đức trong kinh doanh 2.1.2 Các tác nhân của đạo đức 2.2.2 Phân tích hành vi: Algorithm đạo đức và phương pháp phân tích vấn đề - giải pháp	1			1	2	
2.2 Đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế toàn cầu	1			1	2	
2.3 Các tình huống điển hình về đạo đức kinh doanh 2.3.1 Quan hệ với người lao động 2.3.3 Quan hệ với đối tượng bên ngoài	2	1		3	6	
CHƯƠNG 3. ĐẠO ĐỨC ĐA VĂN HÓA	3			3	6	Đọc TLC (2). Trang: 391 – 443. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của
3.1. Khái niệm, đặc điểm đạo đức đa văn hóa 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Đặc điểm	1			1	2	
3.2. Đạo đức đa văn hóa	1			1	2	
3.3. Một số lời khuyên kinh doanh	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trong môi trường đa văn hóa						giảng viên
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP	4	1		5	10	Đọc TLC (2). Trang: 301 – 361. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1 Khái niệm, vai trò của văn hoá doanh nghiệp	0,5			0,5	1	
4.2 Biểu hiện của văn hoá doanh nghiệp <i>4.2.1 Các biểu trưng trực quan của văn hoá doanh nghiệp</i> <i>4.2.2 Các biểu trưng phi trực quan của văn hoá doanh nghiệp</i>	0,5			0,5	1	
4.3 Các dạng văn hoá doanh nghiệp <i>4.3.1 Các dạng văn hoá doanh nghiệp của Harrison/Hand</i> <i>4.3.2 Các dạng văn hoá doanh nghiệp của Deal và Kennedy</i> <i>4.3.3 Các dạng văn hoá doanh nghiệp của Quinn và McGrath</i> <i>4.3.4 Các mô hình văn hoá doanh nghiệp của Scholz</i> <i>4.3.5 Các dạng văn hoá doanh nghiệp của Daft</i> <i>4.3.6 Các dạng văn hoá doanh nghiệp của Sethia và Klinow</i>	2			2	4	
4.4 Nhân tố tạo lập văn hoá doanh nghiệp <i>4.4.1 Phong cách lãnh đạo mang triết lý văn hoá</i> <i>4.4.2 Quản lý hình tượng</i>	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.4.3 Các hệ thống trong tổ chức						
CHƯƠNG 5. XÂY DỰNG VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP	4	2		6	12	Đọc TLC (2). Trang: 71 – 300. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Xây dựng bản sắc văn hóa doanh nghiệp 5.1.1. Khái niệm bản sắc văn hóa doanh nghiệp 5.1.2. Tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp	1	1		2	4	
5.2. Xây dựng phong cách quản lý định hướng đạo đức 5.2.1. Các quan điểm về vai trò của quản lý 5.2.2. Định hình phong cách quản lý mang triết lý đạo đức	1			1	2	
5.3. Xây dựng hệ thống tổ chức 5.3.1. Các quan điểm tổ chức định hướng môi trường 5.3.2. Các quan điểm tổ chức định hướng con người	1			1	2	
5.4 Xây dựng hệ thống triển khai đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp 5.4.1 Hệ thống các chuẩn mực hành vi đạo đức 5.4.2 Hệ thống các tiêu chuẩn giao ước về đạo đức 5.4.3 Các chương trình đạo đức trong văn hóa doanh nghiệp 5.4.4 Hệ thống thanh tra đạo	1	1		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đức						
CHƯƠNG 6. MỘT SỐ KHÍA CẠNH VĂN HOÁ TRONG DOANH NGHIỆP	4	1		5	10	Đọc TLC (2). Trang: 483 – 533. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.1 Văn hoá ứng xử trong nội bộ doanh nghiệp <i>6.1.1 Vai trò và biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nội bộ doanh nghiệp</i> <i>6.1.2 Tác động của văn hoá ứng xử trong nội bộ</i> <i>6.1.3 Những điều cần tránh về văn hoá ứng xử trong nội bộ doanh nghiệp</i>	1			1	2	
6.2 Văn hoá ứng xử trong đàm phán và thương lượng <i>6.2.1 Biểu hiện của văn hoá ứng xử trong đàm phán và thương lượng</i> <i>6.2.2 Tác động của văn hoá ứng xử trong đàm phán và thương lượng</i> <i>6.2.3 Những điều cần tránh về văn hóa ứng xử trong đàm phán và thương lượng</i>	2	1		3	6	
6.3 Văn hoá trong hoạt động marketing <i>6.3.1 Văn hoá trong lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.3.2 Văn hoá trong quyết định về sản phẩm 6.3.3. Văn hóa trong xây dựng và phát triển thương hiệu 6.3.4 Văn hoá trong định hướng với khách hàng 6.3.5 Văn hoá trong hoạt động truyền thông marketing						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

4.5.62. Thương mại điện tử

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Thương mại điện tử**

Tiếng Anh: **Electronic commerce**

Mã học phần: KTQU2506

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và đồ án tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương, Marketing căn bản.

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết:	24 tiết
Bài tập:	04 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản như: lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn trong phát triển hoạt động thương mại điện tử áp dụng với các mô hình giao dịch điện tử B2B, B2C, C2C, G2G, G2B, G2C.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và hệ thống thanh toán trong thương mại internet; vấn đề an ninh, bảo mật trong thương mại điện tử và các mô hình giao dịch trong thương mại điện tử hiện nay.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Văn Hòe (2015), *Thương mại điện tử căn bản*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Văn Hồng (2012), *Thương mại điện tử căn bản*, NXB Hồng Đức.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Thương mại – trung tâm Thông tin Thương mại (2006), *Thương mại điện tử giành cho doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

2. Minh Quang (2009), *Những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử*, NXB Lao động xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp.
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	5			5	10	
1.1. Khái niệm về thương mại điện tử <i>1.1.1. Định nghĩa thương mại điện tử</i> <i>1.1.2. Đặc trưng của thương mại</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
điện tử						
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của thương mại điện tử 1.2.1. <i>Giai đoạn sơ khai của thương mại điện tử</i> 1.2.2. <i>Giai đoạn thương mại thông tin</i> 1.2.3. <i>Giai đoạn thương mại giao dịch</i> 1.2.4. <i>Giai đoạn thương mại tích hợp</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.3. Lợi ích của thương mại điện tử 1.3.1. <i>Lợi ích đối với các tổ chức</i> 1.3.2. <i>Lợi ích đối với người tiêu dùng</i> 1.3.3. <i>Lợi ích đối với xã hội</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.4. Hạn chế của thương mại điện tử 1.4.1. <i>Hạn chế về kỹ thuật</i> 1.4.2. <i>Hạn chế về thương mại</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.5. Những lĩnh vực ứng dụng của thương mại điện tử 1.5.1. <i>Thương mại hàng hóa dịch vụ điện tử</i> 1.5.2. <i>Ngân hàng, tài chính điện tử</i> 1.5.3. <i>Đào tạo trực tuyến</i> 1.5.4. <i>Xuất bản trực tuyến</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5.5. Giải trí trực tuyến 1.5.6. Dịch vụ việc làm trực tuyến 1.5.7. Dịch vụ công trực tuyến						
1.6. Một số vấn đề pháp lý trong thương mại điện tử 1.6.1. Vấn đề riêng tư 1.6.2. Quyền sở hữu trí tuệ 1.6.3. Quảng cáo điện tử không mong đợi 1.6.4. Đánh thuế kinh doanh trên internet	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ CÔNG NGHỆ CỦA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	4	0,5		4,5	9	
2.1. Thị trường thương mại điện tử 2.1.1. Khái niệm thị trường thương mại điện tử 2.1.2. Bản chất của thị trường thương mại điện tử 2.1.3. Phân loại thị trường thương mại điện tử 2.1.4. Tương lai phát triển của thị trường thương mại điện tử	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 1
2.2. Trao đổi dữ liệu điện tử 2.2.1. Định nghĩa về trao đổi dữ liệu điện tử 2.2.2. Lợi ích của EDI 2.2.3. Tương lai phát triển của EDI	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3. Thương mại internet 2.3.1. Khái niệm về thương mại internet 2.3.2. Chuỗi giá trị trong thương mại internet 2.3.3. Hệ thống thanh toán trong thương mại internet	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 3
CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ AN NINH, BẢO MẬT TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	6	0,5		6,5	13	
3.1. An ninh trong thương mại Internet 3.1.1. Các nguy cơ và hình thức tấn công đe dọa an toàn thương mại điện tử 3.1.2. Các yếu tố đảm bảo an toàn trong thương mại điện tử	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương4
3.2. Kỹ thuật mã hóa thông tin 3.2.1. Mã hóa khóa bí mật 3.2.2. Mã hóa khóa công cộng 3.2.3. Chữ ký điện tử	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương4
3.3.Chứng thực điện tử	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương4
3.4. Các giao thức an toàn 3.4.1. Cơ chế bảo mật SSL 3.4.2. Cơ chế bảo mật SET	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương4
3.5. Công nghệ an toàn mạng 3.5.1. Các kiểm soát của hệ điều	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
hành 3.5.2. Phần mềm chống virus						Đọc TLC 2, chương4
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. CÁC MÔ HÌNH GIAO DỊCH TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	5	2		7	14	
4.1. Tổng quan về mô hình giao dịch điện tử 4.1.1. Khái niệm về mô hình giao dịch điện tử 4.1.2. Một số hệ thống giao dịch trong thương mại điện tử 4.1.3. Các chủ thể tham gia giao dịch trong thương mại điện tử 4.1.4. Các mô hình giao dịch trong thương mại điện tử	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 2,3
4.2. Mô hình giao dịch điện tử B2C 4.2.1. Khái niệm về mô hình giao dịch điện tử B2C 4.2.2. Các phương thức thương mại điện tử B2C 4.2.3. Các công cụ hỗ trợ khách hàng trong giao dịch điện tử B2C	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 2,3
4.3. Mô hình giao dịch điện tử B2B 4.3.1. Khái niệm về giao dịch điện tử B2B 4.3.2. Các phương thức thương mại điện tử B2B	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 2,3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.4. Mô hình giao dịch của Chính phủ điện tử 4.4.1. Khái niệm về Chính phủ điện tử 4.4.2. Vai trò và chức năng của Chính phủ điện tử 4.4.3. Lợi ích của chính phủ điện tử 4.4.4. Các mô hình giao dịch của Chính phủ điện tử	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 2,3
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	4	1		5	10	
5.1. Chiến lược thương mại điện tử 5.1.1. Khái niệm về chiến lược thương mại điện tử 5.1.2. Một số chiến lược thương mại điện tử	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 5
5.2. Quản trị chiến lược thương mại điện tử 5.2.1. Khái niệm về quản trị chiến lược thương mại điện tử 5.2.2. Quy trình quản trị chiến lược thương mại điện tử	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 5
5.3. Hoạch định chiến lược thương mại điện tử 5.3.1. Nghiên cứu thị trường 5.3.2. Phân tích môi trường cạnh tranh 5.3.3. Xác định, lựa chọn chiến	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>lược thích nghi</i>						
5.4. Tổ chức, triển khai chiến lược thương mại điện tử <i>5.4.1. Lập kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử</i> <i>5.4.2. Xây dựng, duy trì và phát triển website</i> <i>5.4.3. Đề ra chính sách marketing trực tuyến</i> <i>5.4.4. Lựa chọn phương án thanh toán điện tử</i> <i>5.4.5. Lựa chọn phương án an toàn và bảo mật trên mạng</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 5
5.5. Kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược thương mại điện tử <i>5.5.1. Kiểm tra lại các nhân tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp</i> <i>5.5.2. Đo lường đánh giá các kết quả kinh doanh</i> <i>5.5.3. Điều chỉnh chiến lược thương mại điện tử</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	24	4	2	30	60	

4.5.63. Tin học ứng dụng

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Tin học ứng dụng**
- Tiếng Anh: **Applied Informatics**

Mã học phần: KTPT2404

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghê giảng lý thuyết: 13 tiết

Bài tập, thực hành: 15 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

Kiểm tra: 2 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

1. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

+ *Về kiến thức:* Sau khi nghiên cứu học phần tin học ứng dụng, người học phải trình bày được những kiến thức ứng dụng phần mềm Excel cơ bản trong tổng hợp, xử lý và phân tích các số liệu điều tra.

+ *Về kỹ năng:* vận dụng các tiện ích của phần mềm Excel để phân tích các số liệu thống kê và làm các công việc trong công tác quản lý.

+ *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo việc sử dụng công nghệ trong công việc, mở rộng quy mô doanh nghiệp, có khả năng cải tiến và cập nhật kiến thức liên quan đến công nghệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong công việc, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khả năng hoạch định, điều phối và tổ chức thực hiện; có năng lực đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần Tin học ứng dụng giới thiệu những vấn đề cơ bản về ứng dụng phần mềm Excel trong công tác tổng hợp, xử lý và phân tích số liệu điều tra. Và

một số hàm tài chính được ứng dụng để tính khấu hao tài sản cố định, phân tích hiệu quả của vốn đầu tư và đầu tư chứng khoán.

Nội dung kiến thức của học phần được phân bổ thành 5 chương:

Chương 1. Mở đầu: Giới thiệu mục đích, ý nghĩa, khả năng đáp ứng của Tin học đối với ngành quản trị kinh doanh, cũng như đối tượng và nhu cầu sử dụng tin học ứng dụng trong ngành.

Chương 2. Chương trình Excel ứng dụng trong chuyên ngành: giới thiệu chung về chương trình Excel, một số lệnh cơ bản trong Excel như cách nhập, xóa, sửa số liệu, các lệnh sắp xếp, phân tổ, phân tích tài liệu, cách vào các công thức và hàm trong Excel ứng dụng trong quản lý nói chung và ngành quản trị kinh doanh nói riêng.

Chương 3. Quản lý tài chính: các hàm sử dụng trong tính khấu hao tài sản cố định, phân tích hiệu quả đầu tư và đầu tư chứng khoán.

Chương 4. Các phương pháp dự báo- lập kế hoạch kinh doanh và bảo toán điểm hòa vốn: giới thiệu những kiến thức về phân tích tương quan, hồi qui, phương sai và các phân tích khác trên Excel cũng như bài toán điểm hòa vốn trong quản lý.

Chương 5. Phân tích rủi ro trong kinh doanh bằng Crystal ball: giới thiệu các kiến thức về crystal Ball và ứng dụng trong quản lý.

Chương 6. Giải bài toán quy hoạch tuyến tính: Giới thiệu về bài toán tối ưu và giải bằng Solver.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS Ngô Thị Thuận (2010), *Giáo trình tin học ứng dụng*, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội
- 2 PGS.TS Hàn Viết Thuận (2009), *Giáo trình tin học ứng dụng*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Trần Công Nghiệp (2011), *Giáo trình tin học ứng dụng*, Trường Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, *Bài giảng Tin học ứng dụng*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
- 2 Phan Hiếu Hiền (2001), *Phương pháp bố trí thí nghiệm và xử lý số liệu*, Nhà xuất bản nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

3Website: Hossein Arsham, *Statistical Data Analysis, Prove it with Data*, <http://ubmail.ubalt.edu/harsham/stat-data/ope330.htm>

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒ Phát vấn ☐ Đàm thoại ☐

Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 1. MỞ ĐẦU	2				2	4	
1.1 Mục đích, ý nghĩa của tin học chuyên ngành 1.1.1 Một số khái niệm cơ bản về tin học 1.1.2 Ý nghĩa của tin học chuyên ngành	0,75				0,75	1,5	Đọc TLC 1 chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.2 Khả năng ứng dụng của tin học chuyên ngành <i>1.2.1 Nhu cầu ứng dụng tin học chuyên ngành</i> <i>1.2.2 Các chương trình ứng dụng</i>	0,75				0,75	1,5	Đọc TLC 1 chương 1
1.3 Đối tượng và phạm vi của tin học chuyên ngành <i>1.3.1 Đối tượng</i> <i>1.3.2 Phạm vi ứng dụng</i>	0,5				0,5	1	Đọc TLC 1 chương 1
Chương 2. CHƯƠNG TRÌNH EXCEL ỨNG DỤNG TRONG CHUYÊN NGÀNH	2			2	4,0	8,0	
2.1 Giới thiệu chung về chương trình Excel <i>2.1.1 Cấu tạo</i> <i>2.1.2 Tác dụng</i>	0,25				0,25	0,5	Đọc TLC 1 chương 1 Đọc TLC 2 chương 2
2.2 Cách nhập, xoá, sửa số liệu <i>2. 2.1 Cách nhập thông tin</i> <i>2.2.2 Cách xoá và sửa chữa</i>	0,5				0,5	1	Đọc TLC 1 chương 2 Đọc TLĐT 1 chương 2
2.3 Sử dụng các lệnh trong Excel <i>2.3.1 Các lệnh sắp xếp tài liệu</i> <i>2.3.2 Các lệnh phân tổ tài liệu</i> <i>2.3.3 Các lệnh phân tích tài liệu</i>	0,5			0,5	1,0	2	Đọc TLC 1 chương 2 Đọc TLĐT 1 chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.4 Cách vào các công thức và hàm trong Excel 2.4.1 Các hàm thống kê 2.4.2 Các hàm tài chính 2.4.3 Các hàm phân tích khác	0,5			0,5	1,0	2	Đọc TLC 1 chương 2 Đọc TLC 2 chương 2 Đọc TLC 3 chương 2
2.5 Đồ thị và biểu đồ trong Excel	0,25			0,5	0,75	1,5	
Chương 3.QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	2			3	5	10	
3.1 Khấu hao tài sản cố định	1,0			1,0	2,0	4,0	Đọc TLC 1 chương 3 Đọc TLC 2 chương 3
3.2 Phân tích hiệu quả vốn đầu tư	0,5			1,0	1,5	3,0	Đọc TLC 1 chương 3 Đọc TLC 3 chương 3
3.3 Đầu tư chứng khoán	0,5			1,0	1,5	3,0	Đọc TLC 1 chương 3 Đọc TLC 2 chương 3
Chương 4 . CÁC PHƯƠNG PHÁP DỰ BÁO - LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ BÀI TOÁN ĐIỂM HÒA VỐN	3	0		4	7	14	
4.1 Dự báo kinh tế 4.1.1 Ý nghĩa của dự báo kinh tế	1,0			1,0	2,0	4,0	Đọc TLC 1 chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
trường Excel							chương 5 Mục 5.1 Đọc TLC 2 chương 6
5.2 Khai báo biến giả thiết, biến kết quả							Đọc TLC 1 chương 5 Mục 5.2 Đọc TLC 2 chương 2
5.3 Chạy mô phỏng	0.5			1,0	1,5	3,0	Đọc TLC 1 chương 5 Đọc TLC 2 chương 2
5.4 Xem kết quả chạy được							Đọc TLC 1 chương 5
5.5 Lập báo cáo và phân tích	0,5			0,5	1,0	2,0	Đọc TLC 1 chương 5 Đọc TLC 2 chương 6 Đọc TLC 3 chương 6
5.6 Chạy lại bài toán với các biến giả thiết và biến kết quả mới	0.5			0,5	1,0	2,0	Đọc TLC 1 chương 5
Chương 6. GIẢI BÀI TOÁN QUY HOẠCH TUYẾN TÍNH	2			3	5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6.1 Cách lập bài toán tối ưu 6.1.1 Những bài toán tối ưu trong kinh tế 6.1.2 Mô hình tổng quát	1,0			1,5	2,5	5,0	Đọc TLC 1 chương 6 Đọc TLC 3 chương 5 Đọc TLĐT 1 chương 5
6.2 Giải bài toán bằng Solver 6.2.1 Cách nhập số liệu 6.2.2 Cách xoá, sửa số liệu 6.2.3 Chạy mô hình 6.2.4 Đọc và phân tích lời giải	1,0			1,5	2,5	5,0	Đọc TLC 1 chương 6 Đọc TLC 3 chương 5 Đọc TLĐT 1 chương 5
Kiểm tra			1,0		1,0	2,0	
Cộng	13	0	2	15	30	60	

4.5.64. Phân tích định lượng

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Phân tích định lượng**

Tiếng Anh: **Quantitative Analysis**

Mã học phần: KTPT2405

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒		
	Kiến thức cơ sở ngành ☒	Kiến thức ngành ☐	Thực tập và khóa luận

Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	tốt nghiệp ☐

Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 17 tiết

Bài tập: 10 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học phải trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về bản chất của phân tích định lượng, cách xây dựng mô hình kinh tế, tìm ra những phương án tối ưu hoá trong sản xuất và kinh doanh cũng như trong tiêu dùng. Đồng thời người học trình bày được kiến thức cơ bản về lý thuyết, phương pháp và các mô hình hồi quy tuyến tính đơn biến, hồi quy tuyến tính đa biến.

- *Về kỹ năng:* Xây dựng được các mô hình, phân tích mô hình và nâng cao tư duy để đánh giá và dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội qua mô hình kinh tế. Vận dụng toán kinh tế, mô hình kinh tế và dự báo để áp dụng vào trong thực tiễn kinh tế và cụ thể là hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm đưa ra các chiến lược, chính sách và dự báo được các hiện tượng kinh tế xã hội.

Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic... nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Nhận thức được tầm quan trọng của tính trung thực trong quá trình thu thập, trình bày và phân tích số liệu; cũng như những kết luận, dự báo mang tính khoa học, khách quan.

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức ; có khả năng lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Chương 1. Giới thiệu về phân tích định lượng: Bao gồm những khái niệm cơ bản nhất về phân tích định lượng như quy trình, phương pháp phân tích và các phần mềm ứng dụng phổ biến.

Chương 2. Mô hình toán kinh tế và phương pháp tối ưu: Trong chương này sẽ trình bày các ứng dụng của phép đạo hàm và vi phân trong phân tích kinh tế; giới thiệu các mô hình toán kinh tế để giải các bài toán tối ưu trong thực tiễn.

Chương 3. Phân tích hồi quy: Giới thiệu về mô hình hồi quy bao gồm mô hình hồi quy đơn, hồi quy bội; ước lượng khoảng tin cậy, kiểm định các giả thuyết về các tham số trong mô hình; từ đó có thể lựa chọn mô hình hồi quy phù hợp với vấn đề thực tiễn.

Chương 4. Phương pháp dự báo định lượng: Chương này giới thiệu 2 nhóm phương pháp dự báo định lượng được sử dụng phổ biến, bao gồm dự báo dựa trên dữ liệu chuỗi thời gian và dự báo bằng phương pháp dự báo nhân quả. Các phương pháp này có ý nghĩa vận dụng trong việc lập kế hoạch cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS Phạm Đình Phùng (2012), *Giáo trình Mô hình toán kinh tế*, NXB Tài chính.
2. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2012), *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
3. Lê Đình Thúy (2010), *Toán cao cấp cho các nhà kinh tế*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2010), *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Giao thông vận tải.
2. TS Trần Đình Phụng (2013), *Ứng dụng các phương pháp định lượng trong kế toán quản trị*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☐	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Quá trình học tập và tham khảo mở rộng: Học tập nghiên cứu ở nhà, thư viện, nghe giảng trên lớp và nghe hướng dẫn bài tập...theo những nội dung được hướng dẫn, yêu cầu.
- Tham gia các hoạt động: Chuẩn bị bài, làm bài tập, bài kiểm tra, bài thảo luận, bài thi hết học phần.
- Ý thức tổ chức kỷ luật: Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU VỀ PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG	3			3	6	
1.1. Khái niệm phân tích định lượng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1.
1.2. Mục tiêu của nghiên cứu định lượng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1.
1.3. Phương pháp và các bước tiến hành <i>1.3.1. Các phương pháp toán ứng dụng trong phân tích định lượng</i> <i>1.3.2. Các bước tiến hành phân tích định lượng</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1.
1.4. Các phần mềm ứng dụng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 1.
Chương 2. MÔ HÌNH TOÁN KINH TẾ VÀ PHƯƠNG PHÁP TỐI ƯU	5	4	1	10	20	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Khái niệm về mô hình kinh tế và mô hình toán kinh tế <i>2.1.1. Mô hình kinh tế</i> <i>2.1.2. Mô hình toán kinh tế</i> <i>2.1.3. Ứng dụng mô hình toán kinh tế trong nghiên cứu lựa chọn giải pháp tối ưu</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2, 3.
2.2. Toán cao cấp và một số ứng dụng <i>2.2.1. Cực trị của một hàm số</i> <i>2.2.2. Đạo hàm riêng và tối ưu hóa nhiều biến</i> <i>2.2.3. Tối ưu hóa bị ràng buộc</i>	2	2		4	8	Đọc TLC 3, chương 2, 3.
2.3. Mô hình quy hoạch tuyến tính <i>2.3.1. Giới thiệu quy hoạch tuyến tính</i> <i>2.3.2. Các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính</i> <i>2.3.3. Phân tích độ nhạy cho bài toán quy hoạch tuyến tính và ứng dụng Solver</i>	2	2	1	5	10	Đọc TLC 1, chương 3.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. PHÂN TÍCH HỒI QUY	6	5		11	22	
3.1. Một số vấn đề cơ bản về phân tích hồi quy <i>3.1.1. Khái niệm phân tích hồi quy</i> <i>3.1.2. Hồi quy tổng thể và hồi quy mẫu</i> <i>3.1.3. Một số dạng hàm cơ bản trong phân tích hồi quy</i>	1			1	3	Đọc TLC 2, chương 2, 3.
3.2. Mô hình hồi quy đơn biến	3	2		5	10	Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.1.Giới thiệu về mô hình hồi quy đơn biến 3.2.3.Phương pháp bình phương nhỏ nhất - OLS 3.2.3. Phương sai và độ lệch chuẩn của các hệ số hồi quy ước lượng 3.2.4.Ước lượng khoảng tin cậy và kiểm định các giả thuyết thống kê cho các hệ số hồi quy 3.2.5. Kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy 3.2.6.Dự báo bằng mô hình hồi quy tuyến tính dạng đơn						chương 2, 3.
3.3. Mô hình hồi quy đa biến 3.3.1.Giới thiệu về mô hình hồi quy đa biến 3.3.3.Ước lượng các tham số của mô hình hồi quy đa biến 3.3.3.Ước lượng khoảng tin cậy và kiểm định cho các hệ số hồi quy 3.3.4. Hệ số xác định bội R^2 và hệ số xác định bội đã hiệu chỉnh 3.3.5. Kiểm định ý nghĩa của hàm hồi quy	2	3		5	10	Đọc TLC 2, chương 3. Đọc TLC 3, chương 2.
Chương 4. PHƯƠNG PHÁP DỰ BÁO ĐỊNH LƯỢNG	3	1		4	8	
4.1. Giới thiệu về phương pháp dự báo định lượng 4.1.1.Khái niệm dự báo định lượng 4.1.2. Quy trình dự báo định lượng 4.1.3. Các phương pháp dự báo	0,5			0,5	1	Đọc TLĐT 2, chương 4,5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>định lượng</i>						
4.2. Dự báo dựa trên dữ liệu chuỗi thời gian <i>42.1.Khái quát về dữ liệu chuỗi thời gian</i> <i>4.2.2. Các phương pháp dự báo dựa trên dữ liệu chuỗi thời gian</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLĐT 2, chương 4.
4.3. Dự báo bằng phương pháp dự báo nhân quả <i>4.3.1.Khái niệm về phương pháp dự báo nhân quả</i> <i>4.3.2. Các phương pháp dự báo nhân quả</i>	1,5	0,5		2	4	
Kiểm tra			1	1	2	Đọc TLĐT 2, chương 5. Đọc TLĐT 3, chương 2.
Cộng	17	10	3	30	60	

4.5.65. Đầu tư và tài chính bất động sản

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Đầu tư và tài chính bất động sản**
- Tiếng Anh: Real Estate Finance and Investment

Mã học phần: KTQU2835

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: Đại học chính quy, chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☒	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn		

☐	☐	☐	☐	☐	☐	

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết: 34 tiết

▪ Bài tập: 09 tiết

▪ Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: người học hiểu được những kiến thức về đầu tư và tài chính bất động sản, các phương pháp trong bất động sản, nguyên tắc và phương pháp định giá bất động sản.

- *Về kỹ năng*: Hiểu được những vấn đề cơ bản về đầu tư, tài chính bất động sản, thẩm định tài chính bất động sản. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tổng quan về đầu tư và tài chính bất động sản và quy trình nghiệp vụ về đầu tư bất động sản.

Các kiến thức cơ bản liên quan đến các phương pháp và nguyên tắc đầu tư, tài chính bất động sản: Sử dụng các phương pháp so sánh, phương pháp thu nhập, phương pháp chi phí và đưa ra các quyết định đầu tư bất động sản.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trịnh Hữu Liên (2013), *Giáo trình định giá bất động sản*, NXB Nông nghiệp.

2. Nguyễn Ngọc Vinh, Nguyễn Quỳnh Hoa (2014), *Giáo trình thẩm định giá trị bất động sản*, NXB Lao động xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. TS. Nguyễn Thị Hoài Lê (2013), *Giáo trình đầu tư tài chính*, NXB Tài chính.
2. TS. Bùi Văn Vẩn (2013), *Giáo trình tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp.
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐ Bài tập lớn ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH BẤT ĐỘNG SẢN	3			3	6	Đọc TLC 1, 2 chương 1
1.1. Đầu tư bất động sản <i>1.1.1 Khái niệm trong đầu tư bất động sản</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.2 Đặc điểm cơ bản của đầu tư bất động sản						
1.1.3 Phân loại đầu tư bất động sản						
1.2 Tài chính bất động sản	2			2	4	
1.2.1 Khái niệm và đặc điểm của tài chính bất động sản						
1.2.2 Mối quan hệ của các hoạt động tài chính trong đầu tư bất động sản						
CHƯƠNG 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP TÀI CHÍNH TRONG BẤT ĐỘNG SẢN	7	4		11	22	Đọc TLC 2 chương 3
2.1 Giá trị thời gian của bất động sản	5	3		8	16	
2.1.1 Giá trị của một khoản tiền						
2.1.1.1 Giá trị tương lai của khoản tiền						
2.1.1.2 Giá trị hiện tại của khoản tiền						
2.1.2 Giá trị thời gian của một chuỗi tiền						
2.1.2.1 Giá trị của một chuỗi tiền trong tương lai						
2.1.2.2 Giá trị của một chuỗi tiền ở hiện tại						
2.2 Giá trị hiện tại ròng và tỷ suất nội hoàn	2	1		3	6	
2.2.1 Giá trị hiện tại ròng						
2.2.2 Tỷ suất nội hoàn						
2.3 Mô hình định giá tài sản vốn và tỷ						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
suất sử dụng vốn bình quân						
Chương 3. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ BẤT ĐỘNG SẢN	4	1		5	10	
3.1 Các nguyên tắc định giá bất động sản 3.2 Các phương pháp định giá bất động sản 3.2.1 Phương pháp so sánh trực tiếp	1			1	2	Đọc TLC 1,2, chương 3,2
3.2.2 Phương pháp thu nhập 3.2.3 Phương pháp chi phí 3.2.4 Phương pháp thặng dư	3	1		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN	6			4	12	
4.1 Quá trình ra quyết định đầu tư bất động sản 4.1.1 Các biến số đầu tư bất động sản 4.1.2 Các bước ra quyết định đầu tư bất động sản	2			2	4	Đọc TLC 1, 2 chương 3
4.2 Một số ứng dụng 4.2.1 Các bước phân tích một bất động sản đầu tư xây dựng 4.2.2 Các bước phân tích lựa chọn thay thế cho bất động sản chưa đầu tư xây dựng	4			4	8	
Chương 5. KÊNH HUY ĐỘNG VỐN	6	2		8	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHO ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN						
5.1 Khái niệm và phân loại các kênh huy động cho đầu tư bất động sản 5.1.1 Khái niệm 5.1.2 Phân loại	1			1	2	Đọc TLC 1, 2 chương 4
5.2 Nội dung các kênh huy động vốn đầu tư cho bất động sản 5.2.1 Thị trường thế chấp và huy động vốn đầu tư cho bất động sản 5.2.2 Quỹ tín thác đầu tư bất động sản 5.2.3 Huy động vốn trực tiếp vào các dự án bất động sản	5	2		7	14	
Chương 6. PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH BẤT ĐỘNG SẢN	8			8	16	
6.1 Phân tích đầu tư trong bất động sản 6.1.1 Quy trình phân tích và quyết định đầu tư 6.1.2 Các chỉ tiêu phân tích đánh giá đầu tư	4			4	8	Đọc TLC 3, chương 4
6.2 Phân tích tài chính trong bất động sản 6.2.1 Các tài liệu sử dụng để phân tích 6.2.2 Các tỷ số phân tích tài chính	4			4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	34	9	2	45	90	

4.5.66. Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản**

Tiếng Anh: **Business administration of real estate business**

Mã học phần: KTQU2836

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị kinh doanh.

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☒	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn		
☐	☐	☐		☐	☐		

Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết

Bài tập: 07 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm 0 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản và các nghiệp vụ cơ bản trong lĩnh vực bất động sản.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, các vấn đề về tạo lập doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, hoạch định chiến lược kinh doanh bất động sản, quản trị nhân lực, quản trị tài chính, quản trị marketing trong doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, giúp người học triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

- 1. Nguyễn Thành Độ (2012), *Quản trị kinh doanh: Nguyên lý chung cho các loại hình kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

- 2. *Luật Kinh doanh bất động sản*, (2013), NXB Lao động

4.2. Tài liệu đọc thêm

- 1. Trần Quang Huy (2009), *Pháp luật về kinh doanh bất động sản*, Hà Nội: Tư pháp.
- 2. Nguyễn Thế Phụng (2011), *Giáo trình Thẩm định giá bất động sản*, NXB Phương Đông.

- 3. Ngô Kim Thanh (2010), *Giáo trình Quản trị Doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐ Bài tập lớn ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. SƠ LƯỢC VỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH BẤT	5			5	10	Đọc TL (2) Trang:1 – 125,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ĐỘNG SẢN						Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1 Những vấn đề cơ bản về doanh nghiệp bất động sản <i>1.1.1. Khái niệm</i> <i>1.1.2. Đặc điểm doanh nghiệp bất động sản</i>	1			1	2	
1.2 Môi trường kinh doanh bất động sản	2			2	4	
1.3 Quản lý của nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản	2			2	4	
CHƯƠNG 2. TẠO LẬP DOANH NGHIỆP KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	6	2		8	16	Đọc TL (3) Trang:47 – 132, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Nghiên cứu cơ hội và điều kiện kinh doanh bất động sản <i>2.1.1. Nghiên cứu phát hiện cầu</i> <i>2.1.2. Nghiên cứu phát triển cung</i>	2	1		3	9	
2.2. Các hình thức pháp lý của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản <i>2.2.1. Lựa chọn hình thức pháp lý cho doanh nghiệp kinh danh bất động sản</i> <i>2.2.2. Nhân tố ảnh hưởng tới lựa chọn hình thức pháp lý</i>	2			2	4	
2.3. Xây dựng bộ máy quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản <i>2.3.1. Sơ lược về bộ máy quản trị</i> <i>2.3.2. Các hệ thống tổ chức doanh</i>	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nghiệp 2.3.3. Xây dựng bộ máy quản trị						
CHƯƠNG 3. HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	5	2		7	14	Đọc TL (1) Trang:31 –58, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1 Khái niệm, vai trò của hoạch định chiến lược kinh doanh bất động sản 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Vai trò	2			2	4	
2.2 Quy trình hoạch định chiến lược kinh doanh bất động sản	1	1		2	4	
2.3 Một số chiến lược kinh doanh bất động sản 2.3.1. Chiến lược tăng trưởng 2.3.2. Chiến lược ổn định 2.3.3. Chiến lược cắt giảm	2	1		3	6	
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ NHÂN LỰC TRONG DOANH NGHIỆP BẤT ĐỘNG SẢN	4	2		6	12	Đọc TL (1) Trang:65-116, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1 Những vấn đề chung về quản trị nhân lực bất động sản 4.1.1Khái niệm quản trị nhân lực bất động sản 4.1.2 Vai trò của quản trị nhân lực trong doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	2			2	4	
4.2 Nội dung quản trị nhân lực	2	2		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
doanh nghiệp kinh doanh bất động sản <i>4.2.1 Tổ chức công tác quản trị nhân lực</i> <i>4.2.2 Thực trạng công tác quản trị nhân lực tại Việt Nam</i>						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP BẤT ĐỘNG SẢN	7	2		9	18	Đọc TL (1) Trang:117 – 258, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Nguồn tài trợ của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản <i>5.1.1. Nguồn tài trợ dài hạn</i> <i>5.1.2. Nguồn tài trợ ngắn hạn</i>	2			2	4	
5.2. Chi phí sử dụng vốn	1			1	2	
5.3. Dự báo nhu cầu tài chính của doanh nghiệp <i>5.3.1. Phương pháp tỷ lệ phần trăm trên doanh thu</i> <i>5.3.2. Phương pháp dựa vào chu kỳ vận động của tiền</i> <i>5.3.3. Dự báo nhu cầu vốn tiền mặt</i>	3	2		5	10	
CHƯƠNG 6. QUẢN TRỊ MARKETING TRONG DOANH NGHIỆP BẤT ĐỘNG SẢN	8	2		10	20	Đọc TL (1) Trang:278 – 319, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của
5.1. Marketing trong kinh doanh bất động sản <i>5.2.1 Nghiên cứu thị trường bất</i>	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>động sản</i> <i>5.1.2 Phân loại thị trường bất động sản</i>						giảng viên
5.2. Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường trong kinh doanh bất động sản <i>5.2.1 Phân đoạn thị trường</i> <i>5.2.2 Lựa chọn thị trường mục tiêu</i> <i>5.2.3 Định vị thị trường</i>	3	1		4	8	
5.3. Các quyết định marketing cơ bản trong kinh doanh bất động sản <i>5.3.1. Quyết định về sản phẩm</i> <i>5.3.2. Quyết định về giá</i> <i>5.3.3. Quyết định về phân phối</i> <i>5.3.4. Quyết định về xúc tiến hỗn hợp</i>	3	1		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	35	8	2	45	90	

4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của ngành, đảm bảo đủ theo danh mục trang thiết bị tối thiểu phục vụ công tác đào tạo của ngành Kế toán.

a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng	Số	Diện	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy

		lượng	tích (m ²)	Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học	154	13.854	Máy chiếu Màn chiếu Bảng chống loá Bàn giáo viên Bàn học sinh	104 107 154 154 3.650	Tất cả các học phần/ môn học
2	Phòng máy tính	28	1.988	- Máy tính - Máy chủ - Máy chủ phiên	1.200 02 12	Tin học; Tiếng Anh

b. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm thực hành

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
1	Phòng máy 701	1	103	Máy vi tính DELL	54	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
2	Phòng máy 702	1	103	Máy vi tính DELL	49	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
3	Phòng máy 703	1	103	Máy vi tính DELL	47	2016	Các môn tin học, kế	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy					
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m²)	
				Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ			toán máy		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016			
4	Phòng máy 704	1	103	Máy vi tính DELL	66	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103	
				Máy chủ Server Dell™ Rack	1	2016			
				Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ					
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016			
5	Phòng máy 705	1	103	Máy vi tính DELL	40	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103	
				Máy chủ Server Dell™ Rack	1	2016			
				Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ					
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016			
6	Phòng máy 706	1	103	Máy vi tính DELL	40	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103	
				Máy chủ Server Dell™ Rack	1	2016			
				Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ					

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
7	Phòng máy 708	1	103	Máy vi tính DELL	49	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
8	Phòng máy 710	1	103	Máy vi tính DELL	50	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
9	Phòng máy 806	1	103	Máy vi tính DELL	39	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
10	Phòng máy 808	1	103	Máy vi tính DELL	48	2016	Các môn tin học, kế	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
				Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ			toán máy	
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
11	Phòng máy 810	1	103	Máy vi tính DELL	50	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		

c. Thư viện

Tổng diện tích thư viện: 890 m² trong đó diện tích các phòng đọc: 440 m²

Số lượng máy tính phục vụ tra cứu (tài liệu giấy và số): 100

Số chỗ ngồi đọc: 200

Phần mềm Thư viện (tích hợp quản lý thư viện truyền thống và thư viện điện tử): iLibme

Thư viện điện tử: Đã kết nối với thư viện Đại học TNMT Thành phố Hồ Chí Minh các chương trình Fulbright, Cranfield University, Ohidink DRC Bowling Green State University, Đại học An Giang, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, nhóm trường Kiến trúc, nhóm trường Quản trị kinh doanh, nhóm trường Sư phạm, nhóm trường Y dược.

Thư viện trường có đủ số lượng sách, giáo trình của trường: 9.915 sách, giáo trình, tài liệu tham khảo.

d. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

Thư viện trường có đủ số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu đào tạo sinh viên ngành Quản trị kinh doanh. Danh mục sách, giáo trình, tài liệu tham khảo trong bảng sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1	Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn (2011), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2	Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn (2011), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo (2013), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, HN.
5	Kỹ năng mềm	1. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014), Giáo trình kỹ năng mềm - Tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh. 2. Lại Thế Luyện (2014), Kỹ năng tìm việc làm, NXB Thời đại. 3. Dương Thị Liễu (2013), Kỹ năng thuyết trình, NXB Kinh tế quốc dân.
6	Pháp luật đại cương	1. TS. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2010), Pháp luật đại cương, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật; NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội Vũ Quang (2014), Giáo trình Pháp luật đại cương, NXB. Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.
7	Tiếng Anh 1	Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). New Cutting Edge, Elementary. Harlow: Pearson Longman.
8	Tiếng Anh 2	New cutting Edge (Pre- Intermediate)
9	Tiếng Anh 3	1, Sarah Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr (2010), New cutting Edge (Pre- Intermediate), Pearson Longman
10	Tin học đại cương	1. Đỗ Thị Mơ – Dương Xuân Thành, Giáo trình nhập môn tin học, NXB Nông nghiệp. 2. Tự học Microsoft Excel 2010, Tự học PowerPoint 2010 (2012), NXB Văn hóa Thông tin. 3. Tự học Word 2010 (2011), NXB Hồng Bàng.
11	Toán cao cấp	1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, (2012) Toán học cao cấp (Tập 1,2,3), Nhà xuất bản Giáo Dục. 2. Lê Xuân Hùng- Lê Thị Hương- Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn, (2019), Bài tập Toán cao cấp, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
12	Kinh tế vi mô	1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), GT Kinh tế vi mô, Nhà xuất bản xây dựng.
		2. PGS.TS Vũ Kim Dũng (2012), GT Nguyên lý kinh tế học vi mô, NXB Lao động – Xã hội.
		3. PGS.TS Phí Mạnh Hồng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô</i> , NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
		4. PGS.TS Cao Thúy Xiêm (2010), <i>Kinh tế học vi mô</i> , NXB Đại học KTQD.
13	Kinh tế vĩ mô	1. Đỗ Thị Dinh, Nguyễn Gia Thọ, Ngô Thị Duyên, Tống Thị Thu Hòa (2018), GT Kinh tế vĩ mô, NXB Tài chính.
		2. Nguyễn Văn Công (2012), Giáo trình Nguyên lý Kinh tế vĩ mô, Nhà xuất bản Giáo dục
		3. Nguyễn Văn Ngọc (2013), <i>Bài giảng Kinh tế vĩ mô</i> , NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
14	Nguyên lý thống kê kinh tế	(1) Phan Công Nghĩa, Bùi Đức Triệu (2014), Giáo Trình thống kê Kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
		(2) Khoa Thống kê, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Giáo trình Lý thuyết thống kê (2014), NXB ĐH Kinh tế Quốc dân
		(3) Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, NXB Hồng Đức
15	Nguyên lý kế toán	1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên, (2018), Giáo trình Nguyên lý kế toán, NXB Lao động xã hội
		2. Bộ Tài chính (2015), 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam, NXB Tài chính
		3. Phan Đức Dũng (2014), 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực, NXB Thống kê.
16	Quản trị học	Nguyễn Hoàn (2019), Giáo trình Quản trị học, NXB Khoa học và kỹ thuật.
		2. Nguyễn Thị Liên Diệp (2012), Quản trị học, NXB Văn hóa - Nghệ thuật.
17	Marketing căn bản	1. Trần Minh Đạo (2012), Marketing căn bản, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
		2. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Marketing căn bản, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
18	Tài chính – Tiền tệ	1. Phạm Ngọc Dũng (2014), Tài chính – Tiền tệ, NXB Tài chính.
		2. Lê Thị Mận (2014), Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ, NXB Lao động Xã hội.
		3. Nguyễn Hữu Tài (2012), Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
19	Định giá bất động sản	1. Nguyễn Ngọc Vinh (2014), Thẩm định giá trị bất động sản, NXB Lao Động – Xã Hội

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		2. Trịnh Hữu Liên (2013), Định giá bất động sản, NXB Nông Nghiệp.
		3. Hay Sinh (2012), Nguyên lý thẩm định giá, NXB tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
20	Quản trị chiến lược	1. Ngô Kim Thanh (2015), Giáo trình Quản trị chiến lược, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
		2. Fredr. David (2012), Khái luận về Quản trị chiến lược, NXB thống kê.
		3. Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi (2011), Quản trị chiến lược bài tập và nghiên cứu tình huống, NXB Phương Đông.
21	Quản trị kinh doanh	1. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Marketing căn bản, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
		2. Nguyễn Ngọc Huyền (2016), Giáo trình quản trị kinh doanh, Tập 1, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
22	Quản trị marketing	1. Trần Minh Đạo (2012), Marketing căn bản, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
		2. Nguyễn Hoàn (2013), Marketing căn bản, NXB Lao động.
		3. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Quản trị học, NXB Lao động.
23	Quản trị tác nghiệp	1. Ngô Kim Thanh (2013), Giáo trình quản trị doanh nghiệp, NXB Kinh tế Quốc dân.
		2. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Quản trị học, NXB Lao động.
		3. Trương Đức Lực (2011), Giáo trình quản trị tác nghiệp, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.
24	Quản trị nguồn nhân lực	1. Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Minh Nhân (2016), Giáo trình quản trị nhân lực căn bản, NXB Thống kê.
		2. Nguyễn Ngọc Quân (2012), Quản trị nhân lực, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
		3. Trần Kim Dung (2016), Quản trị nguồn nhân lực, NXB kinh tế TPHCM.
25	Quản trị tài chính	1. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Tài chính doanh nghiệp, NXB Lao động.
		2. Vũ Văn Ninh, Bùi Văn Vân (2015), Giáo trình Tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính.
		3. Nguyễn Trung Trực (2015), Quản trị tài chính, NXB Kinh Tế TP HCM .
26	Quản trị dự án đầu tư	1. Từ Quang Phương (2014), Quản lý dự án, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
		2. Nguyễn Bạch Nguyệt (2013), Lập dự án đầu tư, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân
27	Kinh doanh quốc tế	1. Phạm Thị Hồng Yến (2012), Giáo trình kinh doanh quốc tế, NXB Thống kê.
		2. Ngô Kim Thanh (2015), Quản trị chiến lược, NXB Đại

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		học Kinh tế quốc dân.
		3. Phạm Duy Liên (2012), Giáo trình giáo dịch thương mại quốc tế, NXB Thống kê.
28	Hệ thống thông tin quản lý	Trần Thị Song Minh (2012), Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
29	Hệ thống kiểm soát nội bộ	1. Nguyễn Viết Lợi, Đậu Ngọc Châu (2013), Lý thuyết kiểm toán, NXB Tài chính.
		2. Nguyễn Quang Quynh (2014), Kiểm toán tài chính, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
		3. Leonard J (2012), Business & Professional Ethics for Directors, Execcutives & Accountants, South-Western.
30	Kỹ năng quản trị	1. Ngô Kim Thanh (2012), Giáo trình Kỹ năng quản trị, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
		2. Trình Quốc Trung (2012), Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, NXB Lao động xã hội.
31	Kế toán tài chính	1. Nguyễn Hoàn (2016), Giáo trình Kế toán tài chính, NXB Tài chính.
		2. Đặng Thị Loan (2013), Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
		3. Phan Đức Dũng (2014), Bài tập và bài giải Kế toán tài chính, NXB lao động – xã hội.
33	Kiến tập	1. Nguyễn Hoàn (2013), Quản trị học, NXB Lao động.
		2. Trần Minh Đạo (2012), Marketing căn bản, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
		3. Nguyễn Hữu Tài (2012), Lý thuyết tài chính tiền tệ, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
34	Thực hành nghề nghiệp,	Nguyễn Hoàn (2013), Quản trị học, NXB Lao động.
		2. Nguyễn Ngọc Huyền (2014), Quản trị kinh doanh: Tập 1, ĐH KT quốc dân.
		3. Nguyễn Thành Độ (2012), <i>Quản trị kinh doanh</i> , NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
35	Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp	1. Nguyễn Ngọc Huyền (2016), Quản trị kinh doanh: Tập 1, ĐH KT quốc dân.
36	Quản lý Nhà nước về đất đai và bất động sản	1. Nguyễn Hữu Hải (2014), Đại cương quản lý Nhà nước, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
		2. Đỗ Hậu (2015), Quản lý đất đai và bất động sản đô thị, NXB Xây dựng.
37	Quy hoạch sử dụng đất	(1) Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phạm Anh Tuấn (2016), Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất bền vững, NXB Tài nguyên môi trường và Bản đồ Việt Nam.
		(2) Đoàn Công Quý (2006), Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất, NXB Nông nghiệp.
38	Quản lý khu đô thị	1. Phạm Trọng Mạnh (2013), Giáo trình quản lý đô thị, NXB Xây dựng.
		2. Nguyễn Tổ Lãng, (2017), Quản lý môi trường đô thị ở

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		các nước đang phát triển, NXB Xây dựng.
39	Kiến trúc đô thị và cảnh quan	1. Hàn Tất Ngạn (2014), Kiến trúc cảnh quan, NXB Xây dựng.
40	Đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản	1. T.S. Thái Thị Quỳnh Như, Th.S. Vũ Lệ Hà (2013), Giáo trình đăng ký và thống kê đất đai, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. 2. TS. Nguyễn Thị Hải Yến (2013), Giáo trình Đăng ký đất đai, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. 3. Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), Luật đất đai năm 2013, NXB Lao Động.
41	Quản lý điều hành sản giao dịch và môi giới bất động sản	1. Nguyễn Thị Huyền (2011), Giáo trình Luật kinh doanh bất động sản, Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. 2. Thái Trí Dũng (2012), Giáo trình tâm lý học quản trị kinh doanh, NXB Lao động – Xã hội.
42	Kinh doanh bất động sản	1. Trịnh Hữu Liên (2013), Thị trường bất động sản, Trường đại học tài nguyên và môi trường Hà Nội. 2. Nguyễn Ngọc Huyền,(2016), Giáo trình quản trị kinh doanh, Tập 1, NXB Đại học kinh tế quốc dân. 3. Ngô Kim Thanh (2012), Quản trị chiến lược, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
43	Thị trường bất động sản	1. Trịnh Hữu Liên (2013), Giáo trình thị trường bất động sản, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
44	Tổ chức thi công xây dựng	1. Bộ Xây Dựng (2012), Giáo trình tổ chức thi công xây dựng, NXB Xây dựng. 2. Lê Hồng Thái (2016), Tổ chức thi công xây dựng, NXB Xây Dựng. 3. Phạm Quang Hạnh (2016), Công tác trắc địa cơ bản trong thi công nhà cao tầng, NXB Đại học Tài nguyên môi trường.
45	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp	1. Nguyễn Ngọc Huyền (2012), Giáo trình Khởi sự kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Lưu Đan Thọ (2016), Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh, NXB Tài chính.
46	Quản trị chất lượng	1. Nguyễn Đình Phan (2012), Giáo trình Quản trị chất lượng, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Nguyễn Văn Chiên (2014), Quản lý chất lượng sản xuất ở Việt Nam, NXB Khoa học và Kỹ Thuật
47	Phân tích kinh doanh	1. Nguyễn Văn Công (2013), Giáo trình phân tích kinh doanh, NXB đại học kinh tế quốc dân 2. Phạm Văn Dược (2013), Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh 3. Nguyễn Năng Phúc (2011), Giáo trình phân tích Báo cáo tài chính, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
48	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	1. Ngô Huy Cương (2013), Giáo trình luật hợp đồng – Phần chung, NXB ĐH Quốc Gia.
		2. Lương Đức Cường (2013), Các mẫu hợp đồng thông dụng mới nhất dùng trong doanh nghiệp, NXB Kinh tế quốc dân.
49	Quản trị sự thay đổi	1. Allan afuah (2012), Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo, NXB. Đại học kinh tế quốc dân.
		2. Ngô Kim Thanh (2013), Giáo trình Quản trị chiến lược, NXB. Đại học kinh tế quốc dân.
		3. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Quản trị học, NXB Lao động.
50	Quản trị công nghệ	1. Bộ môn Quản lý công nghệ (2013), Quản lý công nghệ, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
		2. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Quản trị học, NXB Lao động
51	Quản trị văn phòng	1. Nguyễn Thành Độ (2012), Giáo trình Quản trị văn phòng, NXB Lao động – Xã hội.
52	Quản trị chuỗi cung ứng	1. Nguyễn Thành Hiếu (2015), Quản trị chuỗi cung ứng, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
		2. Lê Công Hoa (2012), Giáo trình quản trị hậu cần, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
53	Quản trị rủi ro	1. Nguyễn Minh Kiều (2014), Quản trị rủi ro tài chính, NXB Tài chính.
		2. Phan Thị Thu Hà (2019), Quản trị rủi ro, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
54	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	1. Vũ Cao Đàm (2014), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Khoa học và kỹ thuật.
		2. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, NXB Tài chính.
		3. Nguyễn Văn Thắng (2014), Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
55	Tiếng anh ngành Quản trị kinh doanh	1. John Rogers (2012), Pre - intermediate Market leader, Ft publishing.
		2. Ian MacKenzie (2010), English for Business Studies, Cambridge University Press.
56	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh	1. Thái Trí Dũng (2012), Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh, NXB Lao động xã hội.
		2. Nguyễn Văn Đồng (2012), Giáo trình Tâm lý học giao tiếp, NXB Chính trị- Hành chính.
		3. Nguyễn Hữu Thân (2012), Truyền thông giao tiếp trong kinh doanh, NXB Tổng hợp TP.HCM.
57	Kinh tế tài nguyên biển	1. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, (2017), <i>Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường</i> , Nhà xuất bản tài chính
		2. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài</i>

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		nguyên, NXB Tài chính.
		3. Lê Đức Tố, Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục, Nguyễn Quang Vinh (2005), Quản lý biển, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
58	Kinh tế tài nguyên và môi trường	1. TS. Nguyễn Hoàn, ThS. Phạm Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Tân Huyền, (2017), Kinh tế tài nguyên và môi trường, Nhà xuất bản Tài chính. 2. Nguyễn Thế Chinh (2011), Kinh tế và Quản lý môi trường, Nhà xuất bản Thống kê. 3. Nguyễn Mậu Dũng (2010), Kinh tế môi trường, Nhà xuất bản Tài chính.
59	Kinh tế đầu tư	1. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt, PGS.TS Từ Quang Phương (2010), <i>Giáo trình Kinh đầu tư</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 2. TS. Đỗ Phú Trần Tình (2009), <i>Giáo trình Lập và Thẩm định dự án đầu tư</i> , NXB Giao thông vận tải. 3. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), <i>Giáo trình Lập dự án đầu tư</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân.
60	Kinh tế phát triển	1. Phạm Ngọc Linh (2013), Kinh tế phát triển, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 2. Đinh Văn Hải (2014), Kinh tế phát triển, NXB Tài chính.
61	Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp	1. Nguyễn Mạnh Quân (2015), Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Dương Thị Liễu (2013), Văn hóa kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
62	Thương mại điện tử	1. Trần Văn Hòe (2015), <i>Thương mại điện tử căn bản</i> , Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Nguyễn Văn Hồng (2012), <i>Thương mại điện tử căn bản</i> , NXB Hồng Đức.
63	Tin học ứng dụng	1. PGS.TS Ngô Thị Thuận (2010), <i>Giáo trình tin học ứng dụng</i> , Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội 2 PGS.TS Hàn Viết Thuận (2009), <i>Giáo trình tin học ứng dụng</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
64	Phân tích định lượng	1. PGS.TS Phạm Đình Phùng (2012), <i>Giáo trình Mô hình toán kinh tế</i> , NXB Tài chính. 2. PGS.TS Nguyễn Quang Dong (2012), <i>Giáo trình Kinh tế lượng</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân. 3. Lê Đình Thúy (2010), <i>Toán cao cấp cho các nhà kinh tế</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân.
65	Đầu tư và tài chính bất động sản	1. Trịnh Hữu Liên (2013), <i>Giáo trình định giá bất động sản</i> , NXB Nông nghiệp.

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		2. Nguyễn Ngọc Vinh, Nguyễn Quỳnh Hoa (2014), Giáo trình thẩm định giá trị bất động sản, NXB Lao động xã hội.
66	Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	1. Nguyễn Thành Độ (2012), Quản trị kinh doanh: Nguyên lý chung cho các loại hình kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Luật Kinh doanh bất động sản, (2013), NXB Lao động

4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN	
1	Nguyễn Hoàn	Tiến sĩ	Kế toán	Trưởng khoa Kinh tế TN&MT, trưởng bộ môn kế toán
2	Hoàng Đình Hương	Tiến sĩ	Kế toán, Quản trị kinh doanh	Phó trưởng khoa Kinh tế TN&MT
3	Nguyễn Ngọc Thanh	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Kinh tế học	Giảng viên
4	Phan Thị Minh Lý	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Khoa học quản lý, Kế toán	Giảng viên
5	Vũ Thị Ánh Tuyết	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Giảng viên
6	Đào Thị Thương	Thạc sĩ	Thương mại	Giảng viên
7	Phạm Thị Ngoan	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Giảng viên
8	Ngô Thị Duyên	Thạc sĩ	Thương mại	Giảng viên
9	Trần Minh Nguyệt	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực Kinh tế	Phó trưởng khoa Kinh tế TN&MT
10	Tạ Thị Bẩy	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Giảng viên
11	Hà Thị Thanh Thủy	Tiến sĩ	Kinh tế	Trưởng bộ môn Kinh tế TNTN
12	Nguyễn Kiều Hoa	Thạc sĩ	Kế toán	Giảng viên

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN	
13	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sĩ	Kế toán	Giảng viên
14	Đào Thị Thanh Thúy	Thạc sĩ	Kế toán	Giảng viên
15	Nguyễn Thị Diệu Linh	Thạc sĩ	Kế toán	Giảng viên
16	Nguyễn Quỳnh Châm	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Giảng viên
17	Vũ Thị Thảo	Thạc sĩ	Quản trị nhân lực	Giảng viên
18	Đỗ Thị Dinh	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Trưởng bộ môn kinh tế học
19	Bùi Thị Thu	Tiến sĩ	Marketing	Trưởng bộ môn Quản trị kinh doanh
20	Nguyễn Danh Nam	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Giảng viên
21	Vũ Thúy Hà	Tiến sĩ	Kinh tế	Giảng viên
22	Giáp Minh Nguyệt Ánh	Thạc sĩ	Kế toán	Giảng viên
23	Trần Thị Dung	Thạc sĩ	Kế toán	Giảng viên
24	Đỗ Thị Phương	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Giảng viên
25	Nguyễn Thị Thanh Mai	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	P. Trưởng bộ môn quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
26	Nguyễn Thị Thu Hường	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Giảng viên
27	Nguyễn Vân Dung	Thạc sĩ	Kinh tế	Giảng viên
28	Phan Thị YẾN	Thạc sĩ	Kinh tế	Giảng viên
29	Chu Lâm Sơn	Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	Giảng viên
30	Bùi Phương Nhung	Thạc sĩ	Kinh tế	Giảng viên
31	Lê Thị Thùy Dung	Tiến sĩ	Triết học	Phó trưởng khoa

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN	
32	Trần Lệ Thu	Tiến sĩ	Luật	Phó trưởng khoa
33	Vũ Thị Mạc Dung	Tiến sĩ	Lịch sử	Trưởng bộ môn
34	Lê Ngọc Anh	Tiến sĩ	Hóa học	Trưởng bộ môn
35	Nguyễn Gia Thọ	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	Giảng viên
36	Khuất Thị Nga	Thạc sỹ	Triết học	Giảng viên
37	Nguyễn Thị Quý	Thạc sỹ	Lịch sử	Giảng viên
38	Mai Ngọc Diệu	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên
39	Nguyễn Ngọc Linh	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên
40	Nguyễn Thị Na	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Giảng viên
41	Phạm Thị Hồng Quế	Thạc sỹ	Ngôn ngữ Anh	Giảng viên
42	Lê Thị Hương	Thạc sỹ	Toán tin	Giảng viên
43	Đoàn Thị Thanh Huyền	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên
44	Hoàng Diệu Thảo	Thạc sỹ	Chính trị học	Giảng viên
45	Nguyễn Tiến Dũng	Cử nhân	Sư phạm Toán	Giảng viên
46	Nguyễn Tài Hoa	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên
47	Nguyễn Thị Bích	Thạc sỹ	Luật kinh tế	Giảng viên
48	Đỗ Thị Ngân	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Giảng viên
49	Đinh Thị Như Trang	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Giảng viên
50	Nguyễn Thị Huyền Thư	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên
51	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sỹ	Dạy Tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác	Giảng viên
52	Đặng Thị Khánh Linh	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
53	Hoàng Thị Ngọc Minh	Thạc sỹ	Hồ Chí Minh học	Giảng viên
54	Đàm Thanh Tuấn	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên
55	Lê Thị Vui	Thạc sỹ	Khoa học máy tính	Giảng viên
56	Lê Xuân Tú	Thạc sỹ	Lịch sử	Giảng viên

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN	
57	Nguyễn Thị Liên	Thạc sỹ	Lịch sử	Giảng viên
58	Nguyễn Thị Nguyệt	Thạc sỹ	Lịch sử	Giảng viên
59	Phùng Thị Bích Hằng	Thạc sỹ	Sử học	Giảng viên
60	Đỗ Minh Anh	Thạc sỹ	Triết học	Giảng viên
61	Lê Thanh Thủy	Thạc sỹ	Triết học	Giảng viên
62	Ngô Quang Duy	Thạc sỹ	Triết học	Giảng viên
63	Trần Thị Hương	Thạc sỹ	Hệ thống thông tin	Giảng viên
64	Vũ Thị Kim Oanh	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Giảng viên
65	Nguyễn Thị Hồng Loan	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	Phó trưởng bộ môn
66	Hoàng Thị Tuyết Nhung	Thạc sỹ	Giảng dạy tiếng anh cho người nước ngoài	Giảng viên
67	Phùng Thị Kim Yến	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên
68	Bùi Thị Thu Hường	Thạc sỹ	Luật kinh tế	Giảng viên
69	Nguyễn Đình Tuấn Lê	Thạc sỹ	Hồ Chí Minh học	Giảng viên
70	Nguyễn Thị Hiền	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Giảng viên
71	Nguyễn Thị Trang	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên
72	Phạm Thị Hương	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
73	Phạm Thị Linh	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Giảng viên
74	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan	Thạc sỹ	Luật học	Giảng viên
75	Trương Thị Hường	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên
76	Vũ Thị Thanh Thủy	Thạc sỹ	Hồ Chí Minh học	Giảng viên
77	Ngô Thị Kiều Trang	Tiến sỹ	Kiểm toán	Trưởng bộ môn kiểm toán
78	Nguyễn Thị Mai Anh	Tiến sỹ	Kế toán	Giảng viên
79	Phạm Huy Hùng	Thạc sỹ	Kiểm toán	Giảng viên
80	Nguyễn Khánh Ly	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN	
81	Trần Thị Thu Trang	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
82	Nguyễn Thị Hiền	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
83	Đỗ Thị Ngọc Thúy	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
84	Đào Hồng Vân	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
85	Đặng Thị Hiền	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
86	Đỗ Diệu Linh	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
87	Đỗ Đức Dương	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
88	Phạm Thị Ngoan	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	Giảng viên
89	Tổng Thị Thu Hòa	Thạc sỹ	TCDN	Giảng viên
90	Nguyễn Thị Thu Hà	Tiến sỹ	Kinh tế	Giảng viên
91	Nhữ Thị Hà Giang	Thạc sỹ	TCNH	Giảng viên
92	Vũ Thị Nhung	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
93	Lê Thị Bích Lan	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
94	Trần Thu Hằng	Thạc sỹ	TCDN	Giảng viên
95	Vũ Thị Hoàng Yến	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
96	Phạm Thị Lam	Thạc sỹ	TCNH	Giảng viên

4.7.Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập, tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực

bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.

- Lưu ý khi sắp xếp lịch học thực hành, thực tập giữa các học phần trong cùng một học kỳ phải so le nhau, tránh chồng chéo./.
